

# *Trái tim cô đơn*



Nguồn: [vanhocxitrum.net](http://vanhocxitrum.net)

Tuyển tập truyện ngắn nước ngoài đặc sắc

# Table of Contents

|                                    |                     |
|------------------------------------|---------------------|
| Cái thùng con                      | Guy de Maupassant   |
| Đi ngựa                            | Guy de Maupassant   |
| Bà Hermet                          | Guy de Maupassant   |
| Con quỳ                            | Guy de Maupassant   |
| Huyết thù                          | Guy de Maupassant   |
| Tai nạn kinh hoàng                 | Graham Greene       |
| Tội ác của Huân tước Arthur Savile | Oskar Wilde         |
| Móng vuốt của những con rồng       | Michael Hartmann    |
| Ở nơi đất khách                    | Boris Ekimov        |
| Chim tuyết nhỏ                     | Kate Douglas Wiggin |
| Nụ cười của cáo                    | Anatoly Kim         |
| Anh ra đòn và huyệt                | Nelson Algren       |
| Tay đạo chích hào hiệp             | Ryunosuke Akutagawa |
| Sau ngày tận thế                   | Alberto Banasco     |

Trường hợp trùng tên  
Eduar Dverkin  
Vai kịch thành công  
Alexander Vampilov  
Đó là đêm trước Noel  
Mary Maredante  
Đồng bạc năm hào  
Huangau Zhengshu (Nhật Bản)  
Đổi quà  
Diane Rayner  
Giấc mộng đàn bà  
Khuyết danh  
Hai người đàn ông và một người đàn bà  
Khuyết danh  
Trái tim cô đơn  
Rubem Fonseca  
Tơ nhện  
Ryunosuke Akutagawa  
Tiếng nói trong đêm  
William Hope Hodgson  
Tiếng gọi đời thường  
Knut Hamson  
Thời gian chết  
Daniel de Ronlet  
Thịt  
Pinera Virgilio  
Buổi sáng chủ nhật  
Yevgenia Kononenko  
Tiếng gọi đời thường  
Knut Hamson

Thông Tin

**TRÁI TIM CÔ ĐƠN**

*Tuyển Truyện Ngắn Nước Ngoài Đặc Sắc*

*Tập hợp, làm Ebook: **Cuibap***

*Cover: **derby***

*Nguồn: **vanhocxitrum.net***

*Guy de Maupassant*

Chủ quán Si-cô, bán hàng ăn ở Ê - prơ - vin, dừng xe trước trại của mục Magloarơ. Đó là một gã cao lớn trạc bốn mươi tuổi, đỏ đần, bụng phệ, nghe đồn là ranh ma. Gã buộc ngựa vào cọc hàng rào, rồi vào trong sân. Gã có chút tài sản giáp với mảnh đất của bà lão, mà gã thèm muốn từ lâu. Có đến hai chục lần gã dạm mua, nhưng mục Magloarơ khăng khăng từ chối. Mục bảo:

- Tôi sinh ra ở đây, tôi chết ở đây.

Gã thấy mục đang gọt khoai trước cửa nhà. Bảy mươi tuổi, mục khô đét, răn reo, lưng còng, nhưng làm lưng dẻo dai như con gái. Si-cô thân thiện vỗ vào lưng mục, rồi ngồi xuống chiếc ghế đẩu cạnh mục.

- Thế nào? Bà lão, vẫn khỏe chứ?

- Không đến nỗi, còn bác, bác Prô - xpê?

- Ấy! Ấy! Đau nhì nhằng, không thì cũng khá.

- À, tốt đấy!

Rồi mục chẳng nói gì nữa. Si-cô nhìn mục làm. Những ngón tay khoằm khoằm, khăng khiu, cứng tựa càng cua, nhạt như quắp lấy các củ màu xám nhờ trong gió, và xoay xoay rất nhanh, gọt ra từng khoanh vỏ dài bằng con dao cũ mục cầm trong bàn tay kia. Rồi khi khoai đã vàng nõn, mục liền ném vào xô nước. Ba con gà mái dạn người, từng con xán vào tận bên váy mục nhạt vỏ, rồi cun cút chạy đi, mỏ ngậm mồi. Si-cô ra vẻ bứt rứt, ngần ngại, lo lắng, có cái gì ở cửa miệng mà không thốt ra được. Cuối cùng, gã quyết định:

- Này, mục Magloarơ...

- Bác cần gì hử?

- Cái trại này ấy mà, mục vẫn không muốn bán cho tôi hả?

- Chuyện ấy thì không. Không được đâu. Dứt khoát rồi, dứt khoát, bác đừng nói lại nữa.

- Chả là tôi tìm được cách thu xếp ổn thỏa cho cả hai đảng.

- Gì vậy?

- Thế này nhé. Mụ bán nó cho tôi, ấy rồi mà mụ vẫn cứ giữ lấy nó. Mụ không hiểu à? Mụ nghe tôi bảo đây.

Bà lão ngừng gọt khoai, cặp mắt tinh nhanh dưới đôi mi nhăn nheo nhìn gã chủ quán chăm chăm. Gã tiếp:

- Tôi nói rõ nhé. Tôi cho mụ, mỗi tháng trăm rưỡi quan. Mụ nghe rành chứ? Mỗi tháng tôi đi xe ngựa, đem đến đây cho mụ ba chục đồng ê - quy loại năm quan. Và rồi chẳng có gì khác cả, chẳng có gì hết. Mụ vẫn ở nhà mụ, mụ không bận tâm gì về tôi, mụ chả nợ nần gì tôi sất. Mụ chỉ có việc lấy tiền của tôi thôi. Mụ thấy thế được không?

Gã nhìn mụ với bộ dạng tươi cười, với bộ dạng vui vẻ. Bà lão ngấm gã một cách nghi ngại, tìm xem cái bẫy ở chỗ nào. Mụ hỏi:

- Thế món ấy, là phần tôi; nhưng phần bác, cái trại này, món ấy không đem trại cho bác chứ?

Gã tiếp:

- Mụ đừng lo chuyện ấy. Trời cho mụ sống được chừng nào thì mụ vẫn ở đây. Đây là nhà mụ. Có điều mụ làm cho tôi cái giấy ở chỗ ông công chứng để rồi sau này tôi được hưởng. Mụ không con cái, chỉ có cháu họ mà mụ chả thiết mấy. Mụ thấy thế được không? Mụ còn sống thì mụ cứ giữ gìn lấy tài sản của mụ, còn tôi cho mụ mỗi tháng ba chục đồng năm quan. Phần mụ rất có lợi thôi.

Bà lão vẫn ngạc nhiên, lo ngại, nhưng bị hấp dẫn. Mụ đáp:

- Tôi chả bảo là không. Có điều, tôi muốn ngẫm xem thế nào đã. Tuần sau bác đến bàn lại. Ý tôi muốn sao tôi sẽ bảo bác.

Thế là chủ quan Si-cô ra về, hài lòng như ông vua vừa chinh phục được một vương quốc. Mụ Magloarơ đắm nghĩ ngợi. Đêm sau mụ không ngủ. Bốn ngày trời mụ như bị sốt vì băn khoăn do dự. Mụ cảm thấy rõ trong ấy có cái gì không hay cho mình, nhưng nghĩ đến ba chục ê - quy hàng tháng, đến những đồng bạc thật cứ dốc vào tạp dề của mình, từ trên trời rơi xuống cho mình như thế, chẳng phải làm gì, mụ bồn chồn thèm muốn.

Mụ bèn đến gặp ông công chứng và kể lại câu chuyện. Ông ta khuyên mụ nhận lời Si-cô, nhưng đòi năm mươi đồng ê - quy chứ không phải ba mươi, vì trại của mụ rẻ ra cũng đáng sáu ngàn quan. Viên công chứng bảo:

- Nếu bà sống mười lăm năm nữa, thì như thế gã cũng chỉ phải trả có bốn mươi lăm ngàn quan.

Bà lão run lên khi nghĩ đến năm chục đồng ê - quy hàng tháng, nhưng vẫn còn nghi ngại, sợ trăm ngàn điều bất ngờ, sợ những mưu ngầm, và mục ngồi lại hỏi han đến tối, không dứt ra về được. Cuối cùng, mục bảo viên công chứng thảo giấy tờ, rồi ra về bồi hồi rối loạn như thể vừa uống bốn bình rượu táo mới.

Khi Si-cô đến xem mục trả lời ra sao, mục để cho gã nài nỉ thật lâu, tuyên bố mình không ưng, song rất sợ gã không thuận đưa năm chục ê - quy. Cuối cùng, thấy gã năn nỉ, mục nói ra ý mục. Gã giật nảy mình vì thất vọng và gã không chịu. Thế là, để thuyết phục gã, mục bèn bàn luận về tuổi thọ của mình:

- Chắc là tôi chỉ dăm sáu năm nữa là cùng. Bảy mươi ba rồi, mà có khỏe khoản gì cho cam. Tối hôm nọ, tôi đã tưởng mình đứt. Người cứ như rỗng rạ, họ phải khiêng tôi vào giường đấy.

Nhưng Si-cô không mắc mưu.

- Thôi, thôi, bà lão, bà vững như gác chuông nhà thờ ấy. Xoàng ra bà cũng sống đến trăm linh mười tuổi. Bà sẽ đưa ma tôi, dám chắc như thế.

Mất cả một ngày bàn cãi. Song vì bà lão không nhượng bộ, gã chủ quán, cuối cùng thuận đưa năm mươi ê - quy.

Hôm sau họ lý giấy. Và mục Magloarơ đòi mười ê - quy lót tay.

Ba năm trôi qua. Bà cụ khỏe mạnh như có bùa phép. Dường như mục không già đi lấy một ngày, và Si-cô tuyệt vọng. Gã tưởng chừng gã đã trả món phụ cấp ấy từ nửa thế kỷ nay, gã đã bị lừa, bị bịp, bị phá sản. Thỉnh thoảng gã lại đến thăm mục chủ trại, như người ta thăm đồng vào tháng bảy, xem lúa đã chín hay chưa cho lười hái. Mục tiếp gã với cái nhìn ranh mãnh. Cứ như thế mục khoái chí vì đã chơi cho gã một vở, và gã leo ngay lên xe, mồm lẩm bẫm:

- Thế là mà chẳng nghèo đâu, của nợ!

Gã không biết làm thế nào. Nhìn mục, gã những muốn bóp chết mục. Gã ghét mục với niềm căm ghét dữ tợn, nham hiểm, niềm căm ghét của anh nông dân bị mất cắp. Gã bèn tìm kế.

Thế rồi, một hôm, gã đến thăm mẹ, xoa xoa hai bàn tay như cái lần đầu tiên, khi gã ướm chuyện mua bán với mẹ. Và sau khi gã đã trò chuyện vài phút:

- Này, bà già, sao mẹ không đến nhà tôi dùng bữa, khi mẹ đi qua Ê - pro - vin? Họ bàn tán đấy, họ bảo thế là mình không bạn bè với nhau, chuyện ấy làm tôi buồn lắm. Mẹ biết đấy, ở nhà tôi, mẹ không phải trả tiền đâu. Tôi chẳng so sèn gì một bữa ăn. Mẹ ưng thì mẹ cứ đến tự nhiên, cho tôi vui lòng.

Mẹ Magloar chẳng để phải được mời lại, và ngày hôm sau nữa, nhân đi chợ bằng xe ngựa do anh đầy tớ Xê - lê - xtanh cầm cương, mẹ không nề hà gì, cho luôn ngựa vào chuồng nhà Si-cô, và đòi bữa ăn gã hứa. Tay chủ quán tươi roi rói, tiếp đãi mẹ như bà lớn, thết mẹ gà giò, đùi cừ quay, thịt mỡ nấu bắp cải. Nhưng mẹ hầu như chẳng ăn gì, quen thanh đạm từ thuở bé, suốt đời chỉ dùng ít súp với một mẫu bánh mì phết bơ.

Si-cô nài nỉ, thất vọng. Mẹ cũng chẳng uống gì. Mẹ từ chối cà phê. Gã bảo:

- Thế bà dùng tí rượu nhé!

- À! Cái ấy thì được.

Thế là gã gọi váng lên, từ đầu này đến đầu kia quán:

- Rô - da - li, đem rượu đây, loại cực ngon, thượng hảo hạng ấy.

Và chị hầu gái bước ra, tay cầm cái chai thon dài có trang trí một lá nho bằng giấy. Gã rót đầy hai cốc.

- Bà lão, nếm thử này, loại trừ danh đấy.

Bà già uống từ từ, nhắm nháp, kéo dài niềm thích thú. Khi cốc đã cạn, mẹ dốc cho hết rồi tuyên bố:

- Ủ phải, rượu ngon thật!

Mẹ chưa nói xong, Si-cô đã rót luôn cho mẹ đợt nữa. Mẹ toan từ chối, nhưng không kịp, và mẹ lại nếm nấp rất lâu, như cốc trước. Thế là gã muốn mời cốc thứ ba, nhưng mẹ không chịu. Gã nài nỉ:

- Cái này, như sữa ấy mà, mẹ thấy đấy, tôi à, tôi uống mười, mười hai cốc êm ru. Nó trôi tuột đi như đường. Bụng chả sao hết, đầu chả sao hết, như thế vào đến lười là bốc hơi luôn. Lợi cho sức khỏe nhất hạng đấy!



Bởi muốn uống quá nên mụ nhận lời, nhưng chỉ nửa cốc thôi. Thế là Si-cô, trong cơn hào hiệp, reo lên:

- Nay, vì mụ thích, tôi sẽ cho mụ một thùng con để mụ thấy rằng chúng ta bao giờ cũng là bạn bè với nhau.

Bà lão không từ chối và ra về, hơi chệnh choáng.

Hôm sau, gã chủ quán vào sân nhà mụ Magloar rồi lôi trong đáy xe ra một cái thùng con có đai sắt. Rồi gã muốn mụ ném thử để chứng tỏ là đúng thứ rượu ấy, và sau khi mỗi người đã uống ba cốc, gã tuyên bố lúc ra về:

- Mụ biết đấy, khi nào không còn, thì lại có nữa. Mụ đừng ngại, tôi không so sèn đâu. Càng hết mau tôi càng vui bụng.

Rồi gã trèo lên xe.

Bốn ngày sau gã trở lại. Bà già ngồi trước cửa đang cắt bánh để nấu súp. Gã đến gần, chào mụ, nói sát vào mặt mụ cốt để ngửi hơi thở mụ. Và gã thoáng thấy mùi rượu. Thế là mặt gã rạng lên. Gã bảo:

- Mụ mời tôi một cốc chứ?

Và họ chạm cốc hai ba lượt.

Nhưng chẳng bao lâu sau trong vùng có tiếng đồn là mụ Magloar nghiện ngập say sưa một mình. Người ta nhặt được mụ khi ở trong bếp, khi trong sân, khi trên những nẻo đường quanh đấy, và phải khiêng mụ về, sống sượng như xác chết.

Si-cô không đến nhà mụ nữa, và khi người ta nói với gã về bà già, thì gã khẽ bảo với bộ mặt buồn rầu:

- Vào tuổi mụ mà mắc chứng ấy thì cũng gay đấy nhỉ? Già rồi thì vô phương cứu chữa. Rồi ra chẳng hay cho mụ đâu!

Quả là chẳng hay cho mụ thật. Mùa đông năm sau mụ chết, quãng gần lễ Nô - en, vì quá say, ngã trong tuyết

Còn Si-cô thừa hưởng trại, và bảo rằng:

- Cái nhà mụ này mà không rượu chè ấy à, còn là đậu được chục năm nữa.

***Lê Hồng Sâm dịch***

## *Guy de Maupassant*

Nhà nghèo sống chật vật nhờ vào đồng lương ít ỏi của người chồng. Từ khi họ lấy nhau đến giờ, hai đứa con ra đời, và sự túng bấn ban đầu đã trở thành một nỗi nghèo hèn âm thầm, che đậy, tủi hổ, một nỗi nghèo hèn của gia đình quý phái dù sao vẫn muốn giữ địa vị của mình.

Hécđơ Gribơlanh đợc nuôi dạy ở tỉnh nhỏ, tại trang viên bên nội, do một vị mục sư già làm gia sư. Nhà chàng không giàu nhưng vẫn sống lành hoi và gìn giữ mẽ ngoai. Rồi năm chàng hai mươi tuổi, gia đình tìm công ăn việc làm cho chàng, và chàng vào làm nhân viên hưởng lương một ngàn năm trăm quan ở Bộ Hàng Hải. Chàng đã dạt vào tầng đá ngầm ấy như hết thảy những kẻ không sớm đợc chuẩn bị cho sự chiến đấu gay go với cuộc sống, tất cả những kẻ nhìn đời qua một áng mây mờ, không biết phương sách và lực đề kháng, những kẻ không đợc phát triển từ nhỏ những năng khiếu đặc thù, những khả năng riêng, một nghị lực gặt gao để đấu tranh, tất cả những kẻ không đợc giao cho một vũ khí hay một dụng cụ trong tay.

Ba năm đầu chàng làm việc ở sở thật kinh khủng. Chàng đã gặp lại đợc dăm người bạn của gia đình, những người già nua lặn độn và cũng không giàu có gì, họ ở những khu phố quý phái, những khu phố buồn tẻ tại ngoai ô Xanh Giecmanh, và chàng đã tạo cho mình một nhóm giao du thân cận. Xa lạ với cuộc sống tân tiến, hèn mọn và kiêu hãnh, các vị quý tộc quần bách này ở những tầng nhà cao trong các ngôi nhà thiếp chủ. Người ở các tòa nhà đó từ trên chí dưới đều có chức tước, nhưng tiền nong dường như khan hiếm, ở tầng một cũng như ở tầng sáu. Những thành kiến cố hữu muôn đời, những bản khoán về địa vị, mỗi lo toan làm sao cho khỏi lụn bại luôn ám ảnh những gia đình xưa kia hào hoa rực rỡ và sa sút đi vì sự ăn không ngồi rồi của nam giới. Hécđơ Gribơlanh gặp gỡ trong giới này một thiếu nữ quý phái mà nghèo giống chàng, và lấy nàng làm vợ.

Trong bốn năm trời họ sinh hai đứa con. Ròng rã bốn năm sau nữa, cái gia đình luôn túng thiếu nheo nhóc này không đợc hưởng niềm vui giải trí

nào khác ngoài buổi dạo chơi ngày chủ nhật ở Săng Êlido và đêm tối xem hát, mỗi mùa đông được một, hai lần, nhờ có một bạn đồng nghiệp tặng vé mời. Nhưng vào mùa xuân năm nay, anh nhân viên được ông sếp giao cho việc làm thêm và được lĩnh món tiền thưởng kỳ lạ là ba trăm quan. Dem số tiền đó về, chàng bảo vợ:

- Em Henriette thân yêu, chúng ta phải hưởng một cái gì đó, một cuộc vui cho con chẳng hạn.

Và sau khi bàn cãi rất lâu, họ quyết định sẽ về dạo chơi và ăn trưa ở vùng quê.

- Thục đấy! – Hecto kêu lên – một lần chẳng thành lệ quen được, chúng ta sẽ thuê một cỗ xe cho các con, cho em và chị vú, anh sẽ lấy một con ngựa ở nơi tập ngựa. Đi như vậy có lợi cho anh.

Và suốt tuần, họ chỉ nói về cuộc du ngoạn sắp tới. Mỗi tối, ở sở về, Hecto lại ôm lấy đứa con lớn, đặt nó cười lên chân mình, vừa dùng hết sức lực nhún cho nó nhảy lên nhảy xuống, vừa bảo nó:

- Chủ nhật tới, đi dạo chơi, bố sẽ phi ngựa như thế này này.

Và thằng bé, suốt ngày, cười lên ghế, lôi ghế vòng quanh phòng mà kêu: “Đây là bố đi ngựa đấy! ”.

Và cả chị vú cũng nhìn ông chủ bằng cặp mắt thán phục, mà nghĩ rằng ông sẽ cưỡi ngựa đi kèm bên xe, và trong bữa ăn, chị nghe ông nói về thuật cưỡi ngựa, nghe ông kể lại các thành tích xưa kia, khi còn ở nhà bố. Ô! Ông đã được tập luyện chu đáo, và một khi đã cưỡi lên con vật, ông chẳng sợ gì hết.

Hecto vừa xoa xoa hai bàn tay vừa lặp lại với vợ:

- Nếu họ cho anh được một con hơi khó nết thì anh sẽ thấy rất thú vị. Rồi em xem anh cưỡi như thế nào, và nếu em muốn, khi ở rừng về, ta sẽ về lối Săng Êlido. Vì trông chúng mình tươi tắn, anh sẽ lấy làm hài lòng nếu gặp ai đó ở Bộ. Muốn cấp trên nể mình, chỉ cần có vậy thôi.

Vào ngày đã định, xe và ngựa tới trước cửa cùng một lúc. Chàng xuống nhà ngay để xem xét con vật mình cưỡi. Chàng đã cho dính những miếng đệm vào quần, và sử dụng chiếc roi ngựa vừa, mua hôm trước. Chàng nhấc lên và sờ từng chân một, đủ cả bốn cẳng chân con vật, nắn cổ, sườn, kheo, lấy tay gõ thử dưới lưng, mở mồm xem răng, công bố tuổi của con vật, rồi

thấy cả nhà đã xuống, chàng diễn giải một bài lý thuyết và thực hành nhỏ về ngựa nói chung và đặc biệt con này mà chàng công nhận là hảo hạng. Khi hết thầy mọi người đã yên vị trong xe, chàng kiểm tra lại đai yên rồi nhún bồng một bên bàn đạp, chàng rơi xuống mình ngựa, con vật nhảy lên dưới sức nặng và suýt hất người cười. Hecto xúc động, cố vỗ về nó.

- Nào, ngoan nào, anh bạn, ngoan nào.

Rồi, khi kẻ bị cười đã bình tĩnh lại được, và kẻ cười đã vững chãi lại được, anh này nói: “Xong cả chưa? ”. Ai nấy đều trả lời: “Rồi ạ”. Chàng bèn ra lệnh: “Lên đường! ”. Và đoàn người ngựa ra đi.

Ai nấy đều nhìn chàng chăm chú. Chàng phi nước kiệu theo kiểu Anh, cường điệu những lúc nảy lên nảy xuống. Vừa rơi mình xuống yên, chàng đã bật dậy như muốn vút lên không trung. Chốc chốc chàng lại như sắp rạp xuống mình ngựa, và chàng nhìn đăm đăm về phía trước, mặt tái đi, co rúm lại. Vợ chàng bế một đứa trẻ trên lòng, và chị vú bế đứa kia, cứ luôn mồm nhắc đi nhắc lại: “Nhìn bố kia, nhìn bố kia! ”.

Và hai thằng bé say sữa vì sự vận động, vì vui thích, vì khí trời tươi mát, kêu lên the thé. Con ngựa, hoảng sợ vì những tiếng hò la ấy, cuối cùng, phi nước đại và trong khi chàng ky mã cố kìm nó dừng lại thì cái mũ lăn xuống đất. Anh đánh xe phải nhảy xuống nhật và khi Hecto nhận mũ anh ta đưa cho, chàng nói với lại từ xa bảo vợ:

- Đừng cho lũ trẻ kêu lên như thế, em làm anh bị cuốn đi đấy!

Họ ăn bữa trưa trên bãi cỏ, trong rừng Vêxinê, dùng lương thực mang theo trong hòm. Mặc dù anh lái xe đã chăm sóc ba con ngựa, Hecto cứ chốc chốc lại đứng dậy ra xem con của mình có đầy đủ mọi thứ không, và chàng vuốt ve cổ nó, cho nó ăn bánh mì, bánh ngọt, đường. Chàng tuyên bố:

- Con này phi khá lắm. Lúc đầu nó còn hơi lắc làm anh bị sóc nảy lên, nhưng em thấy anh tinh trí trở lại rất nhanh, nó đã nhận ra chủ nó rồi, bây giờ nó không cựa quậy nữa đâu.

Như đã quy định trước, họ trở về theo lối Săng Êlido. Đại lộ thênh thang nghìn nghịt những xe cộ. Và hai bên đường, người đi dạo đông đến nỗi tưởng như hai dải băng đen dài buông từ Khai Hoàn Môn đến tận quảng trường Côngcooc. Năng dội xuống tất cả đám người đó, làm ánh ngời lên làn véc ni sơn đen, nước thép của yên cương, những quả nằm ở cửa xe. Một

cơ mê cuồng vận động, một nỗi say đời dường như khuấy đảo đám đông người, vật, xe này. Và đằng kia, tháp Ôbêlix cơ vươn lên trong một áng sương vàng.

Con ngựa của Hecto, vừa vượt qua Khải Hoàn Môn, đột nhiên lại hăng lên, và nó phóng nước kiệu lớn qua các phố, về phía chuồng ngựa, mặc dù người cưỡi cố tìm cách làm nó dịu lại. Bây giờ cỗ xe đã ở xa, xa mãi đằng sau, và đến trước Nhà triển lãm công nghiệp, con vật thấy địa thế rộng, bèn rẽ sang phải và phi nước đại. Một bà già khoác tạp dề bình thân đi ngang qua đường, bà ta ở đúng vào lối Hecto đang vùn vụt tới. Bất lực không kìm nổi ngựa, chàng lấy hết hơi sức thét lên: “Này! Ấy! Này! Đằng kia này! ”.

Hình như bà lão điếc, vì bà cứ thân nhiên đi tiếp cho đến lúc va vào ngực con ngựa đang lao đi như một đầu máy xe lửa, bà ngã lăn ra cách đó mười bước, váy tốc lên, sau khi đã lăn ba vòng lộn nhào đầu xuống đất. Có tiếng kêu: “Bắt lấy hần! ”. Hecto, bàng hoàng hoảng hốt, bám chặt lấy bờm ngựa mà hét:

- Cứu tôi với!

Một cái sốc nảy lên kinh hoàng hất chàng bắn tung như quả bóng qua tai con tuấn mã của chàng và rơi vào tay một viên cảnh sát vừa lao đến đón đường. Chỉ trong giây phút, một đám người giận dữ, hoa chân múa tay, gào thét om sòm, đã tụ tập quanh chàng. Nhất là một vị già cả, một vị già cả mang huy chương lớn hình tròn và bộ ria lớn bạc trắng, có vẻ rất phần nộ. Ông ta nhắc đi nhắc lại:

- Quái quỷ, đã vụng dại như thế thì ở nhà cho xong! Không biết điều khiến một con ngựa thì đừng có ra phố mà giết người!

Nhưng bốn người đàn ông đã khiêng bà già đến. Bà ta trông như chết rồi, với bộ mặt vàng ệch và chiếc mũ trùm xộc xệch, lấm bụi bê bết.

- Đem người đàn bà này đến nhà một dược sĩ – vị già cả ra lệnh – còn ta đến sở cảnh sát.

Hecto lên đường, có hai cảnh binh đi kèm. Một cảnh binh thứ ba dắt con ngựa của chàng. Một đám đông theo sau, và bỗng nhiên, cỗ xe xuất hiện. Vợ chàng lao tới, chị vú mất tinh thần, lũ trẻ rú lên. Chàng giải thích rằng chàng sẽ về ngay, rằng chàng làm ngã một người đàn bà, rằng không sao cả. Và gia đình chàng ra về, hoảng hốt. Tại sở cảnh sát, sự trình bày cũng ngắn

gọn. Chàng khai tên mình, Hécto đơ Gribolanh, nhân viên Bộ Hàng hải, và họ chờ tin tức của người bị thương. Một cảnh binh được cử đi xem tình hình quay về. Bà đã tỉnh, nhưng đau ghê gớm ở bên trong, bà bảo thế. Đó là một bà già làm công, sáu mươi năm tuổi, tên là Ximông.

Khi biết bà ta không chết, Hecto lại hy vọng, và hứa sẽ chịu tiền phí tổn chữa chạy. Rồi chàng chạy đến nhà ông dược sĩ. Một đám đông nhón nháo đứng đầy trước cửa, bà lão nằm lả trong ghế bành, rên rĩ, hai tay bất đồng, mặt ngây ra. Hai thầy thuốc vẫn đang khám nghiệm. Không chân tay nào bị gãy, nhưng họ ngại có sự tổn thương bên trong. Hecto nói với bà:

- Bà có đau lắm không?

- Ôi! Có!

- Ở đâu?

- Như thế trong bụng tôi có lửa đốt.

Một thầy thuốc tiến lại gần:

- Thưa ông, ông là người gây ra tai nạn phải không?

- Thưa ông, vâng.

- Phải gửi người đàn bà này đến nhà an dưỡng, tôi biết một nơi sẽ nhận bà ta với giá sáu quan một ngày. Ông có muốn tôi thu xếp dùm không?

Hecto phấn khởi cảm ơn và trở về nhà. Vợ chàng khóc lóc đợi chàng. Chàng an ủi vợ:

- Không sao cả. Cái nhà bà Ximông ấy dỡ rồi, chỉ vài ba ngày nữa là khỏi hẳn, anh đã gửi bà ta đến một nhà an dưỡng, không sao cả!

Không sao cả!

Ngày hôm sau, tan sở, chàng đến hỏi thăm bà Ximông. Chàng thấy bà đang ăn món cháo thịt một cách rất thỏa mãn

- Thế nào? – chàng hỏi.

Bà ta trả lời:

- Ôi, khốn khổ thưa ông, chả khác gì hết. Tôi gần như bại hoại. Không thấy đỡ.

Thầy thuốc tuyên bố là phải chờ đợi, e có thể xảy ra biến chứng. Chàng đợi ba ngày, rồi chàng trở lại. Bà già, khí sắc sáng sủa, mắt trong leo lẻo, vừa nhìn thấy chàng là rên rĩ:

- Khốn khổ thưa ông, tôi không cự quây được nữa. Tôi bị thế này đến hết đời thôi.

Hecto rùng mình thấu xương. Chàng hỏi thầy thuốc. Thầy thuốc giơ tay lên trời:

- Làm thế nào được, thưa ông, về phần tôi, tôi không biết. Bà ấy cứ hét lên khi người ta định nâng dậy. Ngay như xô dịch cái ghế bành bà ấy ngồi, bà ấy cũng kêu la thê thảm. Tôi đành phải tin điều bà ấy nói với tôi, thưa ông, tôi không ở bên trong. Chưa trông thấy bà ấy đi lại thì tôi không có quyền cho là bà ấy nói dối.

Bà lão im lặng nghe, mắt nhìn thâm hiểm.

Tám ngày trôi qua, rồi mười lăm ngày, rồi một tháng. Bà Ximông không rời cái ghế bành của bà. Bà ăn từ sáng đến tối, béo ra, trò chuyện vui vẻ với các bệnh nhân khác, có vẻ quen với sự im lìm bất động, dường như đó là sự nghỉ ngơi xứng đáng cho năm mươi năm trời lên thang xuống thang, lật đật, rũ dệm, vác than từ tầng gác này đến tầng gác khác, dọn dẹp quét tước.

Hecto bàng hoàng, ngày nào cũng đến, ngày nào cũng nhìn thấy bà bình tĩnh thanh thản và tuyên bố:

- Tôi không cự quây được, khốn khổ thưa ông, không được nữa.

Tối nào bà Gribơlanh cũng hỏi, đầy lo âu khắc khoải:

- Thế bà Ximông rao sao?

Và lần nào chàng cũng trả lời với nỗi rầu rĩ tuyệt vọng:

- Chẳng có thay đổi gì, chẳng có gì hết!

Họ cho chị vú thôi việc, vì tiền công của chị nay thành gánh nặng. Họ lại tằn tiện hơn nữa, toàn bộ món tiền thưởng hết sạch vào đó.

Hecto bèn mời bốn thầy thuốc lớn tập hợp xung quanh bà lão. Bà để cho họ khám xét, sờ nắn, rờ rẫm, và nhìn họ bằng con mắt láu lỉnh. Một thầy thuốc nói:

- Phải làm cho bà ta đi lại.

Bà ta kêu to:

- Tôi không đi được, các ngài ơi, không đi được!

Họ bèn tóm lấy bà, xô bà lên, kéo bà đi vài bước, nhưng bà tuột ra khỏi tay họ và ngã lưng xuống sàn mà gào thét kinh khủng đến nỗi họ khiêng trả bà lại ghế ngồi một cách gượng nhẹ cực kỳ. Họ phát biểu một ý kiến dè dặt,

tuy nhiên vẫn kết luận là mất khả năng lao động. Và, khi Hecto báo tin này cho vợ biết, nàng để rơi mình xuống ghế, lắp bắp:

- Mang bà ấy về đây còn hơn, đỡ tốn kém cho ta.

Chàng nhảy lên:

- Về đây, về nhà chúng ta ư em?

Nhưng nàng, giờ đây đành nhẫn nhục chịu đựng hết thảy, trả lời, nước mắt lưng tròng:

- Làm thế nào được hả anh, có phải lỗi tại em đâu!...

***Lê Hồng Sâm dịch***



*Guy de Maupassant*

Những người điên thường hấp dẫn tôi. Những kẻ do sống trong thế giới bí ẩn của những giấc mơ kỳ quặc, trong áng mây mù dày đặc của sự rồ dại, tại nơi đây, mọi thứ họ đã thấy trên đời, mọi cái họ đã yêu quý, họ đã làm tái diễn trong một cuộc sống tưởng tượng, vượt ra ngoài mọi quy luật điều khiển sự vật và chi phối tư duy con người.

Đối với họ, cái không thể có không tồn tại nữa, cái huyền hoặc khó tin biến mất, cái thần tiên huyền ảo trở thành thường xuyên và cái dị thường thành thân thuộc. Logic, tấm rào chắn cũ kỹ, lý trí, bức tường lương tri, hàng lan can cũ kỹ của tư tưởng đều tan tành, ngã gục, đổ sụp dưới trí tưởng tượng được buông thả phóng khoáng, thoát vào xứ sở vô cùng tận của sự tùy hứng, nhảy nhót những bước kỳ ảo chẳng có gì ngăn trở. Đối với họ, tất cả mọi điều đều xảy ra và có thể xảy ra. Họ chẳng hề gặng gỏi để chiến thắng các biến cố, để chế ngự những kháng cự, để san bằng các trở ngại. Chỉ cần một thích thú bất thường của ý chí gây ảo giác, là họ thành vua chúa hoặc thánh thần, là họ có mọi của cải trên thế gian, có mọi điều ngon ngọt trên đời, là họ được hưởng mọi thú vui, là họ mãi mãi khỏe, đẹp, trẻ, mãi mãi được yêu dấu! Chỉ riêng họ mới hạnh phúc được trên trái đất, vì đối với họ hiện thực không tồn tại nữa. Tôi ưa nghiêng mình xuống tâm trí lang thang vớ vẩn của họ, như người ta nghiêng mình xuống một vực thẳm, tận đáy vực sục sôi một dòng thác lạ, ở đâu đều không ai biết và chảy đi đâu không ai hay.

Nhưng nghiêng mình xuống những khe sâu ấy nào có ích gì, vì chẳng bao giờ ta biết được nước ấy ở đâu đến, nước ấy chảy đi đâu. Cho đến cùng, đó cũng chỉ là nước giống như nước chảy giữa thanh thiên bạch nhật, và nhìn nó cũng chẳng giúp cho ta hiểu thêm được mấy điều.

Nghiêng mình xuống tâm trí người điên cũng chẳng ích gì, vì những ý nghĩ kỳ quặc nhất của họ chẳng qua cũng là những ý nghĩ bình thường, chỉ lạ lùng bởi chúng không bị ràng buộc bởi lý trí. Cái ngọn nguồn khó hiểu

bất thường của chúng khiến ta sững sờ kinh ngạc, bởi ta không nhìn thấy nó phun ra. Có lẽ chỉ cần một hòn đá nhỏ rơi vào dòng nước đang chảy của nó là đủ gây nên những xúc động sôi sục. Tuy nhiên, những người điên vẫn luôn hấp dẫn tôi, và tôi luôn quay về với họ, bị thu hút ngoài ý muốn của mình vì sự bí ẩn tằm thường của chúng rờ dai. Vậy, một hôm, khi tôi đến thăm một bệnh xá của người điên, viên thầy thuốc hướng dẫn tôi, bảo rằng:

- À, tôi sẽ đưa ông đi xem một trường hợp lý thú.

Và ông ta mở một ngăn, trong đó một người đàn bà trạc bốn mươi tuổi, hãy còn đẹp, ngồi trên ghế bành, cứ soi mãi mặt vào một tấm gương nhỏ cầm tay. Vừa nhìn thấy chúng tôi, bà đứng phắt dậy, chạy đến cuối phòng, tìm một tấm mạng vắt trên ghế, bịt mặt hết sức cẩn thận, rồi trở lại, gật đầu đáp lễ chúng tôi. Bác sĩ nói:

- Thế nào, sáng nay bà thấy trong người ra sao?

Bà ta thở dài nã ruột:

- Ôi, khó chịu, khó chịu lắm, thưa ông, ngày nào các vết sẹo cũng tăng lên.

Bác sĩ trả lời một cách tin tưởng:

- Không, không! Tôi cam đoan với bà là bà lầm đấy.

Bà ta xích lại gần ông, thì thào:

- Không, tôi chắc chắn như vậy. Tôi đã đếm thêm được chín vết, ba vết ở má bên phải, bốn vết ở má bên trái và ba vết ở trên trán. Thật gớm ghiếc! Gớm ghiếc! Tôi không dám để ai nhìn thấy nữa, cả cho đến con tôi, không, cả đến con tôi nữa! Tôi bị nguy mất rồi, mặt mày tôi bị xấu xí suốt đời rồi!

Bà ta lại để mình rơi xuống ghế và khóc nức nở. Người thầy thuốc kéo ghế, ngồi cạnh bà ta, và bằng một giọng dịu dàng, an ủi:

- Nào, bà cho tôi xem nào, tôi cam đoan với bà là chẳng sao đâu. Chỉ xoa cứu chút ít là tôi làm biến đi tất cả.

Bà ta lắc đầu, không nói một lời. Người thầy thuốc muốn sờ vào tấm mạng, nhưng bà ta tay nắm lấy nó chặt đến mức ngón tay xuyên cả vào trong mạng. Ông lại khuyến khích và dỗ dành cho bà yên lòng:

- Bà biết rõ là lần nào tôi cũng làm cho những vết sẹo xấu xí ấy biến đi mất hộ bà, và khi tôi điều trị chúng xong thì người ta không hề nhìn thấy

chúng nữa. Nếu bà không cho tôi xem, thì tôi không thể chữa cho bà khỏi được.

Bà ta thì thào:

- Với ông thì còn được, nhưng tôi không quen ông khách đi cùng ông.

- Đây cũng là một thầy thuốc, ông ấy sẽ điều trị cho bà còn tốt hơn tôi nhiều.

Bấy giờ bà ta mới cho hở mặt ra, nhưng sự hoảng sợ, nỗi xúc động, niềm hổ thẹn vì bị mọi người nhìn thấy khiến cả da thịt ở cổ bà ta, nơi lút sâu trong áo, cũng đỏ ửng lên. Bà nhìn xuống, quay mặt đi, lúc sang phải, lúc sang trái, để tránh những cái nhìn của chúng tôi và ấp úng:

- Ôi! Để thấy mặt mình như thế này là tôi đau đớn ghê gớm. Kinh khủng lắm, phải không các ông? Kinh khủng lắm phải không?

Tôi hết sức kinh ngạc ngắm nhìn bà ta, bởi vì bà chẳng có cái gì trên mặt hết, không có một vết, không có một điểm, không có một dấu, cũng không có một cái sẹo nào. Bà ta quay sang tôi, mắt vẫn nhìn xuống và bảo tôi:

- Thưa ông, đó là do chăm nom con mà tôi bị lây cái bệnh ghê gớm này. Tôi đã cứu được cháu, nhưng mặt mày tôi bị xấu xí. Tôi đã cho cháu nhan sắc của tôi, cho đứa con tội nghiệp của tôi. Rốt cuộc, tôi đã làm phận sự của tôi, lương tâm tôi được yên ổn. Nếu tôi đau khổ, chỉ có Chúa biết.

Bác sĩ đã rút trong túi ra một cây bút vẽ nhỏ. Ông nói:

- Bà để tôi làm, tôi sẽ sửa cho bà tất cả những cái đó.

Bà ta chìa má bên phải ra, và ông bắt đầu lướt nhẹ vào má, như thể ông điểm những chấm màu nho nhỏ trên đó. Ông cũng làm như vậy bên má trái, rồi trên trán, rồi ông reo:

- Bà nhìn xem, không còn gì, không còn gì nữa nhé!

Bà ta cầm gương, ngắm bóng mình rất lâu, hết sức chăm chú, một sự chăm chú gay go căng thẳng, gắng gỏi cực kỳ toàn tâm trí để tìm ra một vết gì, rồi bà thở dài:

- Không, không nhìn thấy rõ nữa. Đa tạ ông vô cùng.

Người thầy thuốc đứng dậy. Ông chào bà ta, dẫn tôi ra rồi đi theo tôi, và, khi cánh cửa vừa đóng lại, ông nói:

- Đây là câu chuyện khốc liệt của người đàn bà bất hạnh ấy.

Bà ta tên là Hermet. Bà rất đẹp, rất làm dáng, rất được yêu chiều và lấy làm sung sướng được sống. Đó là một trong những người đàn bà mà trên đời chỉ có nhan sắc và niềm ham muốn làm duyên cho người ưa là nguồn nâng đỡ, chi phối hoặc an ủi trong cuộc sống. Mỗi quan tâm thường xuyên đến vẻ tươi tắn của mình, sự chăm sóc cho bộ mặt, cho bàn tay, cho hàm răng, cho hết thảy các bộ phận nhỏ của cơ thể mà bà có thể phô bày ra thu hút toàn bộ thì giờ và toàn bộ sự chú ý của bà.

Bà góa chồng, có một con trai. Bà ta có nhìn thấy trước khung hoàng định mệnh đang đến hay chẳng, tôi không hề biết. Chẳng hiểu bà có như bao người đàn bà khác, mỗi sáng lại nhìn ngắm hàng giờ làn da xưa kia hết sức mịn màng, trong suốt và tươi sáng, giờ đây hơi nheo lại dưới đuôi mắt, hơi nhăn đi vì hàng ngàn vết hằn còn lờ mờ khó thấy, nhưng cứ sâu dần xuống, từng ngày, từng tháng? Chẳng hiểu bà có thấy lớn lên không ngừng, một cách chậm rãi và chắc chắn, những vết nhăn dài trên trán, những con răn mỏng mảnh không gì ngăn lại được? Chẳng hiểu bà có bị giày vò day dứt, nỗi giày vò day dứt tác hại của tấm gương, tấm gương nhỏ có tay cầm bằng bạc mà người ta không thể quyết tâm đặt lên bàn, rồi người ta giận dữ hất đi và người ta lại cầm ngay lấy, để nhìn lại, thật gần hơn nữa, cái sự tàn phá khả ố và bình thản của tuổi già đang xich lại? Chẳng hiểu bà có náu mình ngày mười, hai mươi lần, vô duyên cố rời phòng khách nơi bạn bè đang trò chuyện, để lên phòng riêng và nhờ cửa đóng then cài che chở, lại ngắm nhìn công trình phá hoại của da thịt hết xuân đang tàn úa, để kiểm chứng một cách tuyệt vọng bước tiến triển nhẹ nhàng của căn bệnh dường như chưa ai nhìn thấy, nhưng bà thì hiểu rất rõ? Bà biết, đâu là chỗ bệnh tấn công mạnh nhất, đâu là những vết cắn xé sâu nhất của tuổi tác. Và tấm gương tròn nhỏ xoay trong cái khung bạc chạm, bảo với bà những điều tệ hại, bởi vì nó nói, nó như cười cợt, nó nhạo báng và báo cho bà tất cả những gì sắp đến, tất cả những nỗi khốn khổ của cơ thể, và cực hình tàn khốc của tư tưởng cho đến ngày bà chết đi, đó là ngày bà được giải thoát.

Chẳng hiểu bà có bàng hoàng, khóc lóc, quỳ gối, đập đầu xuống đất, và cầu nguyện, cầu nguyện, cầu nguyện Đấng đã giết người ta như vậy và chỉ cho người ta sự trẻ trung để làm cho tuổi già thêm cay cực, và chỉ cho người ta mượn sắc đẹp để rồi lấy lại ngay tức khắc, bà có cầu xin, van nài Người

hãy làm cho bà ta điều mà Người không bao giờ làm cho ai hết, hãy để lại cho bà, đến mãi ngày tận số, vẻ hấp dẫn, sự tươi thắm và duyên sắc mỹ lệ? Rồi hiểu là mình đã khẩn cầu vô hiệu Đấng vô danh khắc nghiệt cứ đẩy năm tháng qua, năm này kế tiếp năm khác, chẳng hiểu bà có vạm tay, lăn mình trên thảm trải phòng, có đập đầu vào đồ đạc và ghìm trong họng những tiếng la hét tuyệt vọng khủng khiếp?

Chắc hẳn bà đã chịu đựng những sự giày vò hành hạ ấy. Bởi vì đây là chuyện đã xảy ra.

Một hôm, bảy giờ bà ta ba mươi năm tuổi, cậu con trai mười lăm tuổi của bà bị ốm. Em nằm trên giường bệnh mà chưa xác định được em đau chứng gì. Một linh mục là gia sư của em, trông nom em và không mấy khi rời em, trong khi bà Hermet sớm, tối đến hỏi thăm tin tức.

Buổi sáng, bà vào, mặc áo choàng đen, tươi cười, người đã thơm phưng phức, và vừa đến cửa đã hỏi ngay:

- Thế nào, George, có đỡ không con?

Đứa trẻ đã lớn, mặt đỏ, sưng mọng và hao mòn vì sốt, trả lời:

- Có, thưa mẹ, hơi đỡ.

Bà ở lại trong phòng chốc lát, nhìn các chai thuốc, chum môi kêu khẽ: “Khiếp!”, rồi đột nhiên kêu lên: “À! Quên mất một việc rất cần” và bà chạy ra ngoài, để lại sau mùi phấn hương trang điểm thơm tho.

Buổi tối, bà xuất hiện, mặc áo dài hở cổ hở ngực, còn vôi vãi hơn nữa, vì bao giờ bà cũng bị muộn, và bà chỉ vừa kịp đủ thì giờ để hỏi:

- Thế nào, thấy thuốc bảo sao?

Linh mục trả lời:

- Thưa bà, ông ấy còn chưa chắc là bệnh gì.

Thế rồi, một buổi tối, linh mục trả lời: “Thưa bà, cậu nhà mắc bệnh đậu mùa”.

Bà hét lên hoảng sợ và bỏ chạy. Sáng hôm sau, khi cô hầu phòng vào buồng bà, thoát tiên cô người thấy mùi đường cháy khét lẹt, và cô thấy bà chủ nằm trong giường, mắt mở, mặt xanh xao vì mất ngủ và run lẩy bẩy vì lo âu hoảng hốt. Khi các cánh cửa đã mở, bà Hermet hỏi:

- George ra sao?

- Ồ, thưa bà, hôm nay sức khỏe cậu không khá tí nào.

Mãi tới trưa bà mới dậy, ăn hai quả trứng, uống một cốc nước chè, như thể chính bà bị ốm, rồi bà ra đi, đến một dược sĩ hỏi các biện pháp phòng lây bệnh đậu mùa. Mãi đến giờ ăn chiều bà mới về, mang theo nào chai nào lọ, và đóng cửa ở luôn trong phòng, tấm đầy người các chất sát trùng tẩy uế.

Linh mục đợi bà ở phòng ăn. Vừa thấy ông, bà ta kêu lên, giọng rất xúc động: “Thế nào? ”. Bà khóc, và không ăn uống được gì hết, vì bản khoản dẫn vặt. Ngày hôm sau, trời vừa rạng, bà đã cho hỏi tin tức, những tin tức này không hay gì hơn, và suốt ngày bà ở trong phòng riêng nghi ngút những lò than nhỏ tỏa mùi khét. Ngoài ra, cô gái ở còn quả quyết là nghe thấy bà rên rĩ suốt buổi tối. Cả một tuần trôi qua như vậy, bà không làm việc gì khác ngoài việc đi dạo một hoặc hai tiếng đồng hồ cho thoáng khí, vào khoảng giữa buổi chiều. Bây giờ thì bà cho hỏi tin tức từng giờ một, và khóc nức nở khi tin xấu đi.

Buổi sáng ngày thứ mười một, linh mục xin gặp, vào phòng bà, mặt nghiêm trang và xanh tái, ông nói mà không ngồi xuống chiếc ghế bà đưa mời:

- Thưa bà, cậu nhà mệt nặng, và cậu muốn gặp bà.

Bà ta quỳ sụp xuống mà kêu:

- Ôi! Lạy Chúa! Ôi! Lạy Chúa! Tôi không bao giờ dám đâu! Lạy Chúa!  
Hãy cứu vớt lấy con!

Ông linh mục nhắc lại:

- Thưa bà, bác sĩ còn tí hy vọng. George đang đợi bà.

Và ông bước ra. Hai giờ đồng hồ sau, cậu thiếu niên cảm thấy mình sắp chết, lại hỏi mẹ, linh mục bèn trở vào phòng bà ta và thấy bà vẫn quỳ, vẫn khóc và lặp đi lặp lại:

- Tôi không muốn...tôi không muốn...tôi sợ quá lắm...tôi không muốn...

Linh mục cố khuyên bà quyết định, động viên bà, lôi kéo bà. Ông chỉ làm cho bà lên một cơn thần kinh kéo dài và khiến bà la hét.

Buổi chiều, viên thầy thuốc trở lại, được biết sự hèn nhát đó, và tuyên bố rằng ông sẽ dẫn bà tới, hoặc tự ý, hoặc cưỡng ép. Nhưng sau khi đã dùng thử mọi lập luận, ông bèn nhắc bà ta lên để đem đến gần con, thì bà nắm lấy cánh cửa và bám chắc đến mức không sao lôi ra được. Rồi khi người ta

buông bà ra, bà sụp xuống chân ông thầy thuốc mà xin lỗi, mà tự buộc tội mình là kẻ khốn nạn. Và bà kêu lên: “Ôi! Cháu không chết đâu, ông hãy bảo với cháu là tôi yêu cháu, tôi quý cháu...”

Cậu thiếu niên hấp hối. Biết mình sắp đến lúc lâm chung, cậu khẩn khoản xin mọi người khuyên mẹ quyết định đến vĩnh biệt mình. Với thứ linh tính đôi khi có ở những người sắp qua đời, cậu đã hiểu, đoán được hết, và cậu nói: “Nếu mẹ tôi không dám vào, hãy xin mẹ tôi chỉ đi ngoài bao lơn đến cửa sổ phòng tôi để ít ra tôi được trông thấy mẹ, để tôi nhìn và vĩnh biệt mẹ vì không được ôm hôn mẹ”.

Viên thầy thuốc và vị linh mục lại trở vào gặp người đàn bà đó lần nữa. Họ cả quyết: “Bà không cần ngại điều gì cả vì có một tấm kính giữa bà và cậu ấy”. Bà ta nhận lời, choàng kín đầu, cầm một lọ thuốc ngủ, bước ba bước trên bao lơn, rồi đột nhiên ôm mặt, rên rĩ: “Không...không... tôi hổ thẹn quá... tôi sợ quá lắm... không... tôi không thể...”. Người ta muốn kéo bà đi, nhưng bà túm chặt lấy lan can và than vãn rên la đến nỗi khách đi đường bên dưới phải ngẩng lên xem.

Và người sắp chết vẫn chờ đợi, mắt hướng về khung cửa sổ ấy, chờ đợi, để chết đi còn được trông thấy lần cuối cùng khuôn mặt dịu hiền yêu dấu, khuôn mặt thiêng liêng của mẹ.

Cậu chờ đợi rất lâu, và đêm xuống. Cậu bèn quay mặt vào tường và không nói một lời nào nữa.

Khi trời sáng, cậu đã chết. Ngày hôm sau, bà ta phát điên.

*Guy de Maupassant*

Gã nông dân đứng đối diện viên thầy thuốc, trước giường người hấp hối. Bà lão, lặng lẽ, nhẫn nhục, minh mẫn, nhìn hai người đàn ông và nghe họ trò chuyện. Bà sắp chết; bà không cưỡng lại, đời bà hết rồi, bà đã chín mươi hai tuổi.

Qua cửa sổ và cửa ra vào để ngỏ, mặt trời tháng bảy tràn vào, rọi ánh nắng nóng nực lên nền đất nâu, mấp mô, đã nện lèn dưới gót guộc của bốn thế hệ dân quê. Cả mùi vị đồng ruộng cũng thoảng vào, do cơn gió oi bức thổi tới, mùi cỏ, mùi lúa mì, mùi lá khô nở dưới sức nóng ban trưa. Châu chấu kêu ran ran, khiến đồng quê vang lên tiếng lách tách lao xao, giống tiếng những con cào cào gõ bán cho trẻ em chơi trong hội chợ.

Thầy thuốc cất cao giọng, nói:

- Bác Honore, bác không thể để bà cụ bác trợ trợ một mình trong tình trạng này được. Bà cụ sẽ tắt thở bất kỳ lúc nào!

Và gã nông dân, phiền muộn, nhắc lại:

- Tôi phải gặt lúa cho xong chứ. Lúa chín rũ xuống lâu quá rồi. Vừa may tốt trời. Này, mẹ bảo sao, hử?

Và bà lão hấp hối, hãy còn bị day dứt vì thói keo kiệt của gã Norman, “ừ” bằng mắt và trán, ý bảo con đi gặt lúa và cứ để bà chết một thân một mình.

Nhưng viên thầy thuốc nổi giận và giậm chân:

- Bác chỉ là đồ súc vật thôi bác biết chưa và tôi không cho phép bác làm như thế bác biết chưa. Và nếu bác buộc phải gặt lúa về ngay ngày hôm nay, thì đi mà tìm mụ Rapet, chứ sao! Và bảo mụ ấy trông nom bà lão. Tôi muốn thế, bác biết chưa? Và nếu bác không nghe lời tôi thì khi nào đến lượt bác ốm, tôi sẽ để mặc bác chết như con chó ấy, bác biết chưa?

Gã nông dân người cao gầy, cử chỉ chậm chạp, bị dẫn dắt vì do dự, vì sợ thầy thuốc và vì lòng ham chặt bóp dữ dội, ngần ngại, toan tính, ập úng:

- Thế nhà mụ Rapet, mụ ấy lấy ngần nào, để coi sóc?



Viên thầy thuốc hét lên:

- Tôi biết đâu đấy? Đó là tùy theo thời gian bác nhờ mụ ấy. Bác đi mà thu xếp với mụ ấy chứ. Rõ thật! Nhưng tôi muốn một giờ đồng hồ sau, mụ ấy phải có ở đây, bác biết chưa?

Gã đàn ông quyết định:

- Tôi đi đây, tôi đi đây, ông thầy thuốc, ông đừng có bực.

Và bác sĩ ra đi, còn dặn:

- Bác phải biết, phải biết, liệu đấy, vì tôi ấy, tôi mà bực lên thì tôi không đùa đâu!

Còn lại một mình, gã nông dân quay nhìn mẹ, và bằng một giọng nhần nhục:

- Tôi đi tìm mụ Rapet vậy, vì cái nhà ông ấy muốn thế. Tôi chưa về, mẹ đừng có lo.

Và gã cũng ra đi.

Mụ Rapet, một mụ thợ giặt già, thường trông nom người chết, người ốm ở làng và ở các vùng lân cận. Rồi bỏ xong khách hàng vào tấm vải mà họ không bao giờ ra khỏi nữa, mụ lại quay ra cầm bàn là, là quần áo cho người sống. Rắn reo như quả táo khô từ năm ngoái còn lại, tàn nhẫn, ganh ghét, keo kiệt, một sự keo kiệt đến mức kỳ quái, người cúi gập xuống như thể bị gãy xương hông vì động tác triền miên đưa bàn là trên vải, dường như mụ có một mối tình quái đản và trắng trợn với sự hấp hối. Mụ chỉ nói đến những kẻ mụ đã nhìn thấy họ chết, đến đủ loại chết khác nhau mà mụ đã tham dự; và mụ kể lại hết sức tỉ mỉ những chi tiết bao giờ cũng giống nhau, hết như một tay săn bắn thuật lại các phát súng của y.

Khi Honore Bontemps đến nhà mụ, gã thấy mụ đang pha nước lợ để hồ cổ áo cho các bà người làng.

Gã nói:

- Chào mụ, mụ Rapet, công việc có khá không?

Mụ quay đầu về phía gã:

- Vậ thôi, vậ thôi. Còn nhà bác thế nào?

- Ồ, phần tôi thì được. Nhưng bà cụ nhà tôi không ổn.

- Bà cụ bác hử?

- Ừ bà cụ!

- Bà cụ sao hử?

- Bà cụ sắp chết!

Mụ già rút tay khỏi nước, những giọt nước xanh xanh trong suốt chảy đến tận đầu ngón tay mụ rồi lại rơi xuống chậu.

Mụ hỏi, đột nhiên có thiện cảm:

- Bà lão nặng thế kia hử?

- Thầy thuốc bảo chả qua khỏi chiều nay.

- Thế thì nặng lắm rồi!

Honore ngần ngại. Cần rào đón ít nhiều trước khi bàn với mụ điều gã đã chuẩn bị. Nhưng chẳng biết nói năng thế nào, gã bỗng quyết định phắt:

- Nay, trông nom bà lão cho đến xong thì mụ lấy bao nhiêu? Mụ biết là tôi chả giàu có gì đâu. Mượn một người ở cũng chả đủ. Rõ khổ bà cụ nhà tôi, chính vì thế mà bà cụ đến nước này đây, lo lắng nhiều quá, vất vả nhiều quá. Một mình làm bằng mười người ấy, mà chín mươi hai tuổi đầu rồi.

Mụ Rapet nghiêm trang đáp:

- Có hai giá: người giàu thì bốn mươi xu ban ngày, ba quan ban đêm. Người khác thì hai mươi xu ban ngày, bốn mươi xu ban đêm. Bác trả tôi hai mươi, bốn mươi.

Nhưng gã nông dân còn nghĩ ngợi. Gã biết rõ bà mẹ gã lắm. Gã biết bà lão bền bỉ, tráng kiện và dai sức đến như thế nào. Mặc dù thầy thuốc nói thế chứ dễ phải kéo đến tám ngày mới xong.

Gã cả quyết nói:

- Không, tôi muốn mụ định cho tôi một giá, thế, một giá để trông cho đến xong. Tôi cũng liều may rủi xem sao. Thầy thuốc bảo là bà sắp đi ngay. Nếu thế thì hay cho mụ, thiệt cho tôi. Nhưng nếu bà lão còn đến mai hay lâu nữa thì hay cho tôi, thiệt cho mụ!

Mụ coi người ốm ngạc nhiên, nhìn gã đàn ông. Mụ chưa từng nhận khoán một cái chết nào. Mụ ngần ngại, cũng muốn thử cầu may xem sao. Rồi mụ nghi người định bịp mình.

- Chưa nhìn thấy bà lão nhà bác thì tôi chưa nói năng gì được. – Mụ trả lời.

- Thế thì đi, đi xem.

Mụ chùi tay rồi theo gã đi luôn.

Dọc đường họ chẳng nói năng gì. Mụ đi tất tưởi, trong khi gã sỏi đôi cẳng chân dài như thể mỗi bước đều phải bước qua một con suối.

Những con bò nằm trong đồng, mệt mỏi vì nóng bức, nặng nề ngừng đầu lên và rống khe khẽ, hướng về phía hai người đi qua, để xin họ ít cỏ tươi.

Gần về đến nhà, Honore Bontemps lẩm bẩm:

- Ngộ xong rồi thì sao?

Và niềm ao ước bất tự giác của gã bộc lộ ra trong giọng nói.

Nhưng bà lão không hề chết. Bà nằm ngửa, trên chiếc giường nát, hai bàn tay đặt lên cái chăn vải tím, những bàn tay gầy một cách kinh khủng: gân guốc xù xì, giống như những con vật lạ lung, như những con cua, và quắp lại vì bệnh tê thấp, vì những nỗi nhọc nhằn, vì những công việc chúng đã làm gầy suốt một thế kỷ.

Mụ Rapet lại bên giường, ngắm người hấp hối. Mụ xem mạch sờ ngực, nghe bà lão thở, hỏi han để nghe bà nói, rồi sau khi đã ngắm nghía bà lão thêm một hồi lâu, mụ đi ra. Honore theo đằng sau. Ý mụ đã định. Bà lão không còn được đến tối. Honore hỏi:

- Thế nào?

Mụ trả lời:

- Thế này, phải kéo đến hai ngày, có khi ba. Bác cho tôi sáu quan tất cả.

Gã kêu lên:

- Sáu quan! Sáu quan! Mụ lẩn rồi à? Tôi bảo cho mụ biết là bà lão còn năm, sáu giờ đồng hồ nữa thôi, không hơn đâu!

Và họ mặc cả rất lâu, cả hai đều ráo riết hăm hờ. Thấy mụ gác định ra về, thấy thời gian trôi qua, thấy lúa mì của mình không tự gặt về được, cuối cùng gã đồng ý:

- Thôi được, thế là ngã ngũ, sáu quan, tất cả, đến lúc đem đi chôn.

- Thế là ngã ngũ, sáu quan.

Và gã ra đi, bước ngẩn bước dài, đến với lúa mì của gã đang rạp xuống đất, dưới mặt trời nặng nề hun chín mùa màng.

Mụ Rapet quay vào trong nhà.

Mụ đã đem đồ khâu vá đến, vì bên người hấp hối và người chết, mụ vẫn làm việc không ngừng, khi thì làm cho mụ, khi thì cho gia đình thuê mụ làm cả hai việc một lúc, trả thêm tiền công.

Thốt nhiên, mụ hỏi:

- Mụ Bontemps này thế đã làm lễ xức dầu cho mụ chưa?

Bà lão nông dân lắc đầu ra ý “không”, và mụ Rapet vốn người sùng đạo, hấp tấp đứng dậy:

- Lạy Chúa, ai lại thế bao giờ? Để tôi đi tìm cha xứ.

Và mụ tất tả đến nhà xứ, vội vã đến mức bọn trẻ con trông thấy mụ chạy long tong như thế, cứ tưởng có chuyện rủi ro gì xảy ra.

Linh mục đến ngay, mặc áo lễ trắng, đưa bé hầu lễ đi trước lúc lắc cái chuông con để báo hiệu có Chúa Trời đi qua đồng quê oi bức và yên tĩnh. Những người đàn ông làm lụng ở đằng xa, ngả mũ và đứng đợi cho tà áo trắng khuất sau một trang trại; những người đàn bà đang lượm lúa đứng thẳng lên để làm dấu thánh giá; những con gà mái đen, hoảng sợ, chạy trốn dọc theo đường hào, đứng đưa hai chân, cho đến tận cái hố rất quen thuộc với chúng, và lón ngay vào đó; một con ngựa non buộc ở cánh đồng cỏ, nhìn thấy tà áo lễ đâm hoảng chạy vòng quanh đầu sợi dây, vừa chạy vừa lồng lên. Chú bé hầu lễ mặc áo đỏ, rảo bước; và linh mục, đầu ngả về một bên vai, đội mũ vương. Vừa theo sau vừa cầu kinh còn mụ Rapet đi sau cùng cúi rạp người xuống, gập mình làm đôi như thế vừa đi vừa lạy, hai tay chấp lại như ở nhà thờ.

Từ xa, Honore nhìn thấy họ. Gã hỏi:

- Cha xứ đi đâu ấy nhỉ?

Người làm của gã tinh tế hơn, trả lời:

- Cha mang mình Chúa đến cho bà cụ nhà bác chứ còn gì nữa!

Gã nông dân không ngạc nhiên:

- Ừ, cũng có khi như vậy?

Và gã lại tiếp tục làm.

Mụ Bontemps xưng tội, được rửa tội, chịu lễ; và linh mục ra về, để lại hai người đàn bà với nhau trong túp nhà tranh ngột ngạt.

Thế là mụ Rapet ngấm nhìn người hấp hối, và tự hỏi xem liệu có lâu không.

Trời ngả về chiều. Gió đã mát lùa vào mạnh hơn, làm một bức tranh Epinal cài bằng hai chiếc đinh ghim phát phớt đập vào tường. Những tấm

rèm che cửa sổ, xưa kia trắng, nay vàng và đầy vết ruồi bâu, có vẻ như bay lên, như giã giụa, như muốn ra đi, cũng như linh hồn bà lão.

Bà lão, yên lặng, hai mắt mở, dường như thần nhiên chờ đợi cái chết cực gần mà chậm đến. Hơi thở ngắn của bà hơi rít trong cổ họng bị se lại. Lát nữa đây, hơi thở ấy sẽ ngưng, và trên đời sẽ bớt đi một người đàn bà chẳng ai thương tiếc.

Sấm tối, Honore về. Gã lại gần giường, thấy mẹ còn sống, và gã hỏi:

- Thế nào mẹ?

Giống như trước kia vẫn hỏi khi bà lão khó ở.

Rồi gã cho mụ Rapet về, và dặn:

- Sáng mai, năm giờ, không sai nhé.

Mụ trả lời:

- Sáng mai, năm giờ.

Quả thật, trời vừa sáng là mụ đến.

Honore, trước khi ra đồng, ăn món xúp gã tự nấu lấy

Mụ Rapet hỏi:

- Thế nào, bà cụ nhà bác đi chưa?

Gã trả lời, đuôi mắt nheo lại láu lỉnh:

- Bà lão lại khá hơn thì phải.

Và gã ra đi.

Mụ Rapet, lo lắng, lại gần người hấp hối. Bà lão vẫn ở trong tình trạng cũ, khò khè tức thở và thờ ơ bình thản mắt mở, tay co quắp trên chân.

Và mụ gác hiểu rằng có thể kéo dài hai ngày, bốn ngày, tám ngày như thế này; và một nỗi kinh hoàng co thắt trái tim keo kiệt của mụ, trong khi một cơn tức tối giận dữ bùng bùng nổi lên với cái tay láu cá đã bịp mụ và với cái mụ đàn bà không chết đi này.

Tuy vậy mụ vẫn làm việc, mắt đăm đăm nhìn vào bộ mặt răn reo của mụ Bontemps.

Honore trở về ăn bữa trưa. Gã có vẻ hài lòng, hầu như giấu cợt rồi gã lại đi. Chắc hẳn gã gạt lúa trong những điều kiện thật mỹ mãn.

Mụ Rapet nổi xung; mỗi phút trôi qua giờ đây mụ tưởng như thời gian bị ăn cắp, như tiền bạc bị ăn cắp. Mụ muốn, muốn một cách điên cuồng muốn tóm cổ cái con lừa cái già kia, cái mụ già ương ngạnh kia. Cái mụ già ngoan

cổ kia, và bóp lại một tị, làm ngưng cái hơi thở gấp gáp nhỏ nhỏ kia, nó ăn cắp thời gian và tiền bạc của mẹ.

Rồi mẹ nghĩ tới sự nguy hiểm, và trong đầu nảy ra những ý khác, mẹ lại gần giường.

Mẹ hỏi:

- Mẹ đã trông thấy quý bao giờ chưa?

Mẹ Bontemps thì thào:

- Không.

Thế là mẹ gác bèn nói chuyện, bèn kể cho bà lão nghe các câu chuyện để khùng bố cái linh hồn suy nhược của kẻ sắp chết.

Mẹ bảo là vài phút trước khi tắt thở, quý thường hiện ra với tất cả những người hấp hối. Tay nó cầm cái chổi, đầu nó đội cái nồi, và nó hét rất to. Khi đã nhìn thấy nó, là xong đời đấy, chỉ còn chốc lát nữa thôi. Và mẹ liệt kê tất cả những ai đã thấy quý hiện hình: trước mặt mẹ, trong năm nay: Josephine Loisel này, Eulalie Ratier này, Sophie Padaknau này, Seraphine Gros pied này.

Mẹ Bontemps rớt cuộc bị xúc động, bồn chồn cựa quậy, động đậy tay, thử ngoái đầu để nhìn vào góc buồng trong cùng.

Đột nhiên mẹ Rapet biến mất ở chân giường. Mẹ lấy trong tủ một tấm vải trải giường, quấn vào người; mẹ đội cái nồi, ba chân nồi ngắn và cong dựng lên như ba cái sừng, tay phải mẹ với cái chổi, tay trái với cái xô sắt tay mà mẹ bỗng tung mạnh lên để nó rơi xuống loảng xoảng.

Đụng phải mặt đất, nó khua âm âm dữ dội, thế là mẹ trèo lên ghế vén tấm màn treo ở đầu giường và xuất hiện, tay chân vung vẩy, hét lên những tiếng the thé từ đáy chậu sắt che kín mặt và giơ chổi ra dọa dẫm bà già nông dân sắp tắt thở.

Hốt hoảng, mắt nhìn đờ dại, bà lão hấp hối gắng gỏi một cách phi thường để nhóm dậy chạy trốn, bà đưa được cả vai và ngực ra khỏi chăn; rồi ngã xuống, thở hắt rất dài. Thế là xong.

Và mẹ Rapet bình thản, xếp tất cả đồ đạc vào chỗ cũ, cái chổi vào góc tủ, vải trải giường vào trong tủ nồi đặt lên bếp lò, xô để trên tấm ván, ghé dựa vào tường. Rồi với những cử chỉ chuyên nghiệp, mẹ vuốt đôi mắt to trừng trừng của người chết, đặt lên giường một cái đĩa rót nước thánh, lấy

nhành dương treo trên tủ nhúng vào và quỳ xuống, nhiệt thành đọc những bài nguyện cho người qua đời mà mẹ thuộc lòng, do nghề nghiệp.

Và đến tối khi Honore trở về gã thấy mẹ đang cầu kinh, và gã tính ngay ra rằng mẹ còn được lợi của gã ba mươi xu, vì mẹ chỉ mất có ba ngày một đêm, tất cả là đi năm quan, chứ không phải sáu quan như gã đã phải trả mẹ.

***Lê Hồng Sâm dịch***

*Guy de Maupassant*

Góa phụ Paolo Saverini sống một mình với đứa con trai trong một ngôi nhà nhỏ nghèo nàn trên vành đai của Bonifacio. Một thị trấn hình thành trên đỉnh những ngọn núi, nơi những mỏm đá nhô ra biển, trông ngang qua một con kênh tua tủa những đá ngầm, đến bờ biển Sardinia ở phía dưới. Dưới chân núi, phía bên kia và gần như bao quanh thị trấn ấy là dòng kênh có vai trò như một bến cảng, cắt vào trong đá như một hành lang khổng lồ. Xuyên một vòng giữa những bức vách đá dựng đứng trong nước, con kênh mang những chiếc thuyền đánh cá của người Italia hoặc của người Sardinia, đến tận thềm của những ngôi nhà đầu tiên và cứ mỗi hai tuần, những chiếc thuyền cũ kỹ chạy bằng hơi nước đến và đi từ Ajaccio.

Bên trên vùng núi trọc ấy là cụm nhà tạo nên những mảng vá màu trắng, trông giống như những tổ chim hoang, bám trên tảng đá nổi bật trên dòng kênh nguy hiểm mà hiếm có chiếc tàu nào liều lĩnh đi qua. Những luồng gió không bao giờ ngơi nghỉ luôn khuấy động mặt biển và ăn mòn bờ biển đến trơ trụi chỉ còn những đám cỏ lơ thơ bao phủ, gió còn thổi vào khe núi và tàn phá hai bên vách núi. Đám bọt trắng xóa dạt dờ bám quanh vô số mũi đá đen nằm khắp mọi nơi chọc thủng những cơn sóng, giống những chiếc lều rách nổi bênh bồng nhấp nhô trên mặt nước

Căn nhà của bà góa phụ Saverini cheo leo trên một rìa đá; ba cửa sổ của căn nhà đều hướng ra khung cảnh hoang vu và heo hút này. Bà sống thui thủi ở đó với con trai là Antoine và con chó cái Semillante, một con chó to và ốm với bộ lông dài bờm xờm của một giống chó chăn cừu. Người thanh niên trẻ dùng nó để đi săn.

Buổi chiều nọ, sau một trận cãi vã, Antoine Saverini đã bị giết chết một cách thảm khốc bằng một nhát dao của tên phản phúc Nicolas Ravolati, hắn đã trốn đi Sardinia ngay đêm đó.

Khi nhận thi thể con mình và nhờ người ta mang về, bà mẹ già của anh đã không khóc, nhưng bà đã ngồi bất động rất lâu, nhìn vào xác con, vòng



cánh tay nhăn nheo qua xác con mình, bà thề sẽ trả mối thù này cho con. Bà không muốn có ai bên cạnh, bà nhốt mình trong nhà cùng với xác chết và với con chó buồn thảm. Con chó cứ tru lên mãi, nó đứng ở chân giường, đầu sục vào xác chủ, đuôi cụp xuống. Nó không buồn nhúc nhích, cả bà mẹ cũng thế, bà cúi xuống và nhìn sững vào xác con lặng lẽ chùi nước mắt.

Xác người thanh niên nằm ngửa, trong chiếc áo choàng dày bằng vải séc với một lỗ thủng ở phía trước, trông như đang ngủ; nhưng khắp nơi đều đầy máu; máu trên áo sơ mi bị xé phăng bởi lần cấp cứu vội vàng; trên áo choàng, trên chiếc quần chần, trên mặt anh, trên đôi tay. Máu bết dính đông cứng lại trên râu và tóc anh.

Bà mẹ già bắt đầu nói với anh. Con chó lặng yên trong lúc bà nói.

“Rồi đây, con sẽ được báo thù, đưa con bé bỏng của mẹ, con của mẹ, đưa con đáng thương của mẹ. Hãy ngủ yên, ngủ đi, con sẽ được báo thù, con nghe đấy chứ! Mẹ của con đã thề như thế! Và mẹ của con sẽ luôn giữ lời thề; con biết như vậy mà”

Bà chậm chạp cúi xuống thi thể của anh, đặt đôi môi giá lạnh của mình lên môi của xác chết.

Khi đó Semillante bắt đầu tru lên một lần nữa. Nó tru từng hồi dài, đều đều, những tiếng kêu náo nùng thảm thiết.

Người đàn bà và con chó, vẫn cùng nhau ngồi đó cho đến sáng.

Antoine Saverini được chôn vào ngày hôm sau, và không bao lâu ở Bonifacio chẳng còn ai nói về anh nữa.

Anh chẳng có anh em hay bà con nào gần gũi. Không có một người đàn ông nào ở đó để báo thù. Chỉ có duy nhất mẹ anh, một bà già, đang nghiên ngẫm suy tính.

\*\*\*

Từ phía bên kia của con kênh bà đã quan sát từ sáng đến tối, một đốm nhỏ trên bờ biển. Đó là một làng nhỏ của người Sardinia, Longosardo, nơi những tên cướp người Corse trốn chạy và trú ẩn khi bị truy lùng gặt gao. Bọn họ trở thành toàn bộ cư dân cho cái làng nhỏ hướng ra bãi biển phía trước quê nhà của họ; và ở đó họ chờ đợi thời cơ thích hợp để trở về, về lại vùng cây bụi rậm ở Corsia. Bà biết rằng Nicolas Ravolati đã trốn tránh ở chính cái làng đó.

Đơn độc một mình, suốt ngày dài ngồi bên cửa sổ, bà nhìn xa xăm nơi đó và hoạch định chuyện trả thù. Làm thế nào bà có thể thực hiện mà không có sự giúp đỡ của người khác, huống hồ là bà đã quá gầy yếu và đã gần đất xa trời? Nhưng bà đã hứa, đã thề trước xác con. Bà không thể quên, mà bà cũng không thể chờ đợi nữa. Bà sẽ làm gì đây? Ban đêm bà không thể ngủ được, bà không còn ngủ được cũng như không còn thấy thanh thản; bà miên man tìm kiếm cách giải quyết. Con chó nằm ngủ dưới chân bà thỉnh thoảng ngóc đầu dậy và tru lên. Từ khi chủ nó qua đời, nó vẫn thường tru lên như thế, như thể nó gọi anh, như thể cái tâm hồn của con vật, không nguôi thương nhớ, vẫn cứ giữ mãi những hồi ức không phai của người chủ.

Một đêm nọ, khi Semillante lại đang bắt đầu rên rỉ, bà mẹ bỗng nảy ra một ý tưởng, một ý tưởng hoàn toàn hợp lẽ với lòng hận thù sâu sắc và tàn bạo. Bà trầm tư cho đến sáng, thế rồi khi mặt trời ló dạng, bà đến nhà thờ. Bà cầu nguyện, quỳ gối trên nền đá, phủ phục trước Chúa, bà van xin Ngài giúp đỡ bà, cứu rỗi bà, ban cho cái thân hình suy sụp của bà một sức mạnh cần thiết để trả thù cho con trai.

Rồi bà trở về nhà. Trong sân có một thùng rượu cũ dùng để hứng nước mưa, bà úp lại, đổ nước đi, gắn chặt xuống đất bằng chiếc cọc và những hòn đá; kế đến bà xích Semillante vào chiếc cũi đó, rồi vào nhà.

Sau đó bà bắt đầu bước tới bước lui trong phòng, không nghỉ ngơi, mắt bà vẫn hướng ra vùng biển Sardinia. Hẳn ở đó, tên sát nhân.

Suốt một ngày và đêm dài con chó cứ tru. Vào buổi sáng bà già cho nó một chút nước đựng trong chén, và không cho thêm gì nữa, không súp, không bánh mì.

Một ngày nữa trôi qua. Semillante kiệt sức, lơ mơ ngủ. Ngày hôm sau hai mắt nó sáng lên, lông dựng ngược và nó liều lĩnh giật sợi xích.

Một lần nữa, bà già không cho nó ăn gì. Con vật điên cuồng vì đói, sủa khàn cả giọng. Một đêm nữa trôi qua.

Lúc rạng sáng, bà mẹ Saverini đi sang hàng xóm để xin hai bó rơm. Bà lấy chiếc áo cũ đã hư của chồng nhồi rơm vào bên trong giống như một hình nhân.

Trồng một cái trụ trên sân trước chiếc cũi của Semillante, bà cột vào đó cái hình nộm mà giờ đây trông giống như một người đang đứng. Rồi bà

trang trí cái đầu hình nộm với một sợi dây vải đã cũ. Con chó, ngạc nhiên nhìn người đàn ông bằng rơm, yên lặng, mặc dù bị cơn đói hành hạ.

Bà già đến nhà người bán thịt lợn và mua một miếng dồi thật dài. Khi trở về nhà, bà đốt một bếp lửa nhỏ ở sân sau, đóng chiếc cũi chó lại và nướng miếng dồi lợn. Semillante, điên cuồng, lồng lộn và nước bọt sủi đầy mép, mắt nó như gắn vào món ăn, mùi thơm phức đã cào cấu bao tử nó.

Với miếng dồi bốc khói bà mẹ làm thành một chiếc cổ áo cho hình nộm rơm. Phải rất lâu bà mới có thể buộc miếng dồi vòng quanh cổ sao cho nó ngập vào bên trong hình nộm. Khi công việc xong xuôi, bà thả con chó ra.

Với một cú nhảy vọt, con vật lao lên cổ họng hình nộm, móng chân nó bấu trên vai hình nộm và bắt đầu cắn xé. Con vật rơi xuống với một miếng dồi trong miệng, nó lao lên lần nữa, cắn ngập răng chiếc cổ áo làm bằng dồi ấy và xé thành những miếng vụn, nó lại rơi xuống lần nữa, rồi lại lao lên, ngấu nghiến một cách bạo tàn.

Với những miếng ngoạm lớn, nó bứt khuôn mặt và xé toàn bộ phần cổ ra manh mún. Bà già theo dõi, lặng lẽ và bất động, một niềm hy vọng loé trong tâm tưởng của bà. Thế rồi bà xích con chó lại lần nữa, bỏ đói nó hai ngày nữa, và lặp lại cuộc diễn tập khác thường đó.

Ròng rã ba tháng trời bà huấn luyện cho con chó chiến đấu theo kiểu ấy, đoạt lấy bữa ăn bằng những chiếc nanh nhọn. Bà đã không còn xích con chó nữa mà chỉ cần ra dấu là nó tấn công hình nộm.

Bà đã dạy cho con chó cắn nát và nhai ngấu nghiến cái hình nộm không có thức ăn giấu bên trong cổ họng. Sau đó bà thưởng cho nó miếng dồi lợn mà bà đã làm sẵn.

Ngay khi thấy hình người, Semillante run lên, nó hướng mắt về phía bà chủ - người sẽ ra lệnh cho nó: "Đi" trong tiếng huýt sáo kèm cái phẩy tay.

\*\*\*

Khi cảm thấy giờ phán quyết đã điểm, một sáng chủ nhật bà mẹ Saverini đi xưng tội và rước lễ với một vẻ vô cùng thành kính; thế rồi bà khoác vào người bộ trang phục đàn ông giống như một người ăn xin. Bà mặc cả với một ngư dân Sardinia, để ông ta đưa bà cùng con chó sang bên kia eo biển.

Trong chiếc túi vải bà đựng một miếng dồi lợn thật lớn. Semillante đã không được ăn uống gì hai ngày nay. Cứ mỗi phút, bà già lại cho nó người

thấy mùi thức ăn thơm phức, kích thích cơn đói của nó.

Họ đến Longosardo. Người đàn bà đảo Corse bước đi bằng những bước khập khiễng. Bà đến nhà một người làm bánh và hỏi thăm nhà của Nicolas Ravolati. Hãn đã trở về lại nghề cũ, làm thợ mộc. Hãn đang làm việc một mình phía sau xưởng.

Bà già đẩy cửa và gọi hãn:

“Ê! Nicolas!”

Người đàn ông quay lại; thế là, bà thả ngay con chó và la lên:

“Đi đi, cắn nó đi, cắn nó!”

Con thú điên cuồng lao tới và tấp lấy cổ họng của hãn ta.

Người đàn ông chìa tay ra, túm chặt lấy con chó và lăn lộn trên nền đất. Hãn quẩn quại vài phút, đập chân trên nền đất, thế rồi hãn nằm im bất động trong khi Semillante sục mõm vào cổ họng hãn và xé tươi tả.

Hai người láng giềng, ngồi trên bậu cửa thản nhiên kể lại rằng đã thấy một lão ăn mày đi ra với một con chó gầy còm vừa đi vừa ăn một thứ gì đó màu nâu mà chủ của nó cho.

Chiều hôm ấy, bà già trở về nhà. Đêm đó bà ngủ rất ngon.

***Nhị Tường dịch***

Graham Greene

Jerome bị gọi vào phòng giáo viên chủ nhiệm vào thời gian nghỉ giữa giờ học thứ hai và thứ ba trong buổi sáng thứ năm.

Jerome không sợ sẽ gặp rắc rối bởi cậu là người đứng đầu lớp, là một cái tên mà giám đốc và hiệu trưởng của ngôi trường tiểu học có học phí rất cao này thường đưa ra để làm gương cho những cậu bé lớp dưới (một lớp trường tiêu biểu mà khi rời trường sẽ trở nên thành viên của những trường cao giá cỡ như Marlborough và Rugby).

Thầy chủ nhiệm Wordsworth ngồi phía sau bàn với dáng vẻ lúng túng và e sợ. Khi bước vào, Jerome có cảm giác kỳ quặc rằng cậu là nguyên nhân của sự sợ hãi ấy.

- Ngồi xuống đi Jerome - ông Wordsworth nói - Môn lượng giác học ổn cả chứ?

- Thưa thầy, vâng.

- Tôi vừa nhận được một cú điện thoại, Jerome. Cô của em gọi. Tôi sợ rằng phải báo tin xấu cho em.

- Thưa thầy...?

- Cha của em gặp tai nạn.

- Ồ...

Ông Wordsworth nhìn cậu, hơi ngạc nhiên:

- Một tai nạn nghiêm trọng.

- Chuyện gì vậy, thưa thầy?

Jerome tôn thờ cha. Đúng là như vậy. Như con người lặp lại hành động của Chúa Trời, Jerome lặp lại cha cậu - từ một tác giả góa vợ rất năng động cho đến một nhà du hành bí ẩn từng đi đến nhiều nơi xa xôi: Nice, Beirut, Majorca, thậm chí cả quần đảo Canary ở tây bắc châu Phi. Vào thời điểm sinh nhật lên tám, Jerome bắt đầu tin rằng cha cậu hoặc buôn lậu súng hoặc là nhân viên của Sở Giám điệp Anh. Bây giờ thì xảy ra việc cha cậu sẽ có thể bị thương vì một tràng đạn súng máy!

Ông Wordsworth vân vê cây thước trên bàn, dường như không biết phải tiếp tục bằng cách nào. Ông nói:

- Em có biết cha em đang ở Naples?
- Thưa thầy, vâng.
- Cô của em nghe được tin từ bệnh viện hôm nay.
- Ồ...

Ông Wordsworth nói với sự tuyệt vọng:

- Đó là một tai nạn giao thông.
- Vâng, thưa thầy? - Với Jerome, dường như người ta hoàn toàn có thể gọi đó là một tai nạn giao thông. Đương nhiên là cảnh sát sẽ bắn trước, cha cậu sẽ không giết người trừ phi đó là phương sách cuối cùng.

- Tôi sợ rằng cha em thật sự bị thương rất nặng.
- Ồ...
- Jerome, thật ra ông ấy đã chết ngày hôm qua. Hoàn toàn không đau đớn.

- Có phải họ đã bắn vào ngực cha em?
- Xin lỗi, em nói gì, Jerome?
- Có phải họ đã bắn vào ngực ông?
- Không ai bắn ông cả, Jerome. Một con heo rơi trúng ông!

Một sự rối loạn không thể giải thích được lấn áp toàn bộ nghị lực trên khuôn mặt ông Wordsworth. Trong một khoảnh khắc, trông ông gần như sắp bật cười. Ông nhắm mắt lại, kiểm chế bản thân và nói thật nhanh như thể hết sức cần thiết phải tống câu chuyện ra càng nhanh càng tốt:

- Cha em đang đi bộ dọc theo một con phố ở Naples thì một con heo rơi trúng ông. Một tai nạn khủng khiếp. Hình như ở những khu phố nghèo ở Naples, người ta nuôi heo trên ban công. Con heo này ở tầng thứ năm, nó đã được nuôi vỗ quá béo. Ban công bị sụp. Con heo rơi trúng cha em.

Ông Wordsworth mau lẹ rời bàn giấy và đi về phía cửa sổ, quay lưng lại phía Jerome. Ông hơi run vì xúc động.

Jerome hỏi:

- Con heo có sao không ạ?

Về phía Jerome, đó không phải là sự nhẩn tâm, như lời ông Wordsworth đã giải thích với các đồng nghiệp của ông (ông thậm chí tranh cãi với họ,

liệu rằng có thể Jerome lúc ấy đã bị đóng khung vào vai trò một lớp trưởng). Jerome chỉ cố gắng hình dung ra cái cảnh tượng kỳ lạ ấy để có những chi tiết xác thực. Jerome cũng chẳng phải là một cậu trai ưa khóc lóc, đó là một học sinh hay suy tư nghiền ngẫm và một tình cảnh khôi hài như cái chết của cha cậu chưa bao giờ xảy ra trong ngôi trường tiểu học này.

Đó cũng là một phần trong sự bí mật của cuộc đời. Và sau đó, trong học kỳ thứ nhất của trường trung học công lập, khi cậu kể câu chuyện này cho người bạn thân nhất, cậu mới bắt đầu nhận ra rằng nó đã tác động đến người khác ra sao. Và đương nhiên, sau sự giải bày tâm sự này, cậu được gọi một cách khá vô lý là “Heo”.

Không may là bà cô của cậu lại không có tính hài hước chút nào. Có một tấm ảnh chụp vội của cha cậu được phóng lớn đặt trên chiếc đàn dương cầm - một người đàn ông to lớn, buồn bã mặc một bộ quần áo màu sậm không phù hợp, chụp ở Capri, che dù (để tránh cho ông khỏi bị say nắng) với những tảng đá faraglioni làm nền phía sau.

Vào tuổi 16, Jerome mới nhận thức rõ là tấm ảnh chân dung ấy trông giống tác giả của các cuốn sách Ánh nắng và bóng mát và Ngao du trong Balearics hơn là một nhân viên mật vụ. Cùng lúc với việc yêu quý những kỷ niệm về người cha của mình, cậu còn sở hữu một cuốn album đầy những tấm bưu ảnh (những con tem đã bị gỡ đi từ lâu cho một bộ sưu tập khác của cậu), và nó làm cậu đau đớn khi bà cô thuật lại cho người lạ nghe câu chuyện về cái chết của cha cậu.

“Một tai nạn kinh hoàng”, bà sẽ bắt đầu như vậy, và người lạ ấy sẽ thêm thắt những cảm nhận của riêng họ vào nội dung thực tế nhằm bày tỏ sự xót thương hay thú vị. Cả ai phản ứng ấy đương nhiên đều sai, nhưng thật là kinh khủng với Jerome khi thấy bài thuyết trình tràng giang đại hải ấy của bà cô thành linh ngất ngàng, sự quan tâm trở nên xác thực: “Tôi không hiểu sao một chuyện như thế có thể được cho phép trong một đất nước văn minh”.

Bà cô sẽ nói: “Tôi cho rằng có thể xem nước Ý là một nước văn minh. Người ta được chuẩn bị cho mọi thứ ngoài trời. Đương nhiên anh tôi là một dân du lịch ngoại hạng. Anh ấy luôn mang theo một bình nước lọc. Bạn biết đó, như thế rẻ hơn nhiều so với việc mua các chai nước khoáng. Anh tôi

luôn nói cái bình lọc nước của anh đã trả tiền rượu cho bữa ăn tối. Bạn thấy đó, anh ấy cẩn thận biết bao, nhưng ai mà có thể nghĩ rằng khi anh ấy đi bộ dọc theo phố Via Dottore Manuelle Panucci để đến Bảo tàng Thủy văn học, một con heo có thể rơi trúng anh?”. Đó là lúc mà sự hứng thú trở nên vô cùng chân thực.

Cha của Jerome vốn không phải là một nhà văn xuất sắc, nhưng dường như cái thời thường tới sau cái chết của nhà văn, khi có một người nào đó nghĩ rằng ông thật xứng đáng và viết một lá thư cho phụ trang Thời Báo Văn Học để thông báo về việc chuẩn bị viết tiểu sử ông và yêu cầu bạn bè của người quá cố, ai có thư từ, tư liệu hoặc giai thoại gì hãy gửi về. Và hầu hết các tiểu sử, tất nhiên chẳng bao giờ được in ra.

Còn Jerome, giờ đã là một nhân viên kế toán được đào tạo bài bản, sống xa cách thế giới văn chương. Anh không nhận ra mối đe dọa ấy thật sự nhỏ bé biết bao, hoặc giả sự thiếu tên tuổi của cha anh đã qua rất lâu. Đôi khi, anh nhầm lại cách thức kể lại chi tiết về cái chết của cha để giảm đến tối đa yếu tố hài hước. Sẽ không có tác dụng gì khi chối bỏ các thông tin, bởi trong trường hợp này người tìm hiểu tiểu sử chắc chắn sẽ đến gặp cô của anh, một người sống rất thọ và không hề có dấu hiệu gì là sẽ suy yếu đi.

Dường như đối với Jerome, có hai phương án khả thi - thứ nhất là cách từ từ dẫn đến tai nạn, để theo thời gian nó sẽ được diễn tả với một người nghe đã được chuẩn bị kỹ rằng cái chết của cha anh thật ra không có cao trào gì cả. Nguy cơ chủ yếu gây cười trong một câu chuyện kiểu như vậy luôn luôn đột ngột. Khi anh nhầm lại phương án này, Jerome bắt đầu chán ngán.

“Bạn có biết Naples và những tòa nhà chung cư này không? Có người nói với tôi rằng cư dân Naples luôn cảm thấy thân thuộc khi sống ở New York, cũng như một người ở Turin cảm thấy London giống như nhà mình bởi vì ở hai thành phố này sông chảy theo cùng một kiểu như nhau. Tôi ở đâu ư?Ồ! Đương nhiên là Naples. Bạn sẽ cảm thấy ngạc nhiên, không biết họ chứa những gì trên những cái bancông của những căn nhà chọc trời tại các khu phố nghèo này. Bạn biết đấy, những thứ như thú nuôi, gà và thậm chí cả heo nữa không hề tắm rửa hoặc nghỉ ngơi gì cả. Đương nhiên những con heo chẳng được đi lại gì cả và mau chóng trở nên mập ú”.



Lúc này anh có thể tưởng tượng được đôi mắt của những thính giả của anh mờ đi ra sao. “Tôi chẳng có ý kiến gì, bạn nghĩ sao về chuyện một con heo nặng tới bao nhiêu? Nhưng những tòa nhà cũ kỹ này đã quá cần phải sửa chữa. Một cái bancông trên tầng năm đã sụp xuống dưới sức nặng của một trong những con heo ấy. Trên đường rơi xuống nó đã đập vào bancông của tầng ba và nảy lên trước khi rớt xuống mặt đường. Cha tôi đang đi đến Viện bảo tàng Thủy văn học thì bị con heo rơi trúng. Với độ cao và góc rơi ấy, ông bị gãy cổ”. Đó quả là một nỗ lực bậc thầy để làm cho một đề tài hấp dẫn như vậy trở nên buồn chán.

Phương án còn lại của Jerome có ưu điểm là ngắn gọn.

- Cha tôi qua đời bởi một con heo.

- Thật không? Ở Ấn Độ à?

- Không, ở Ý.

- Lại nhỉ, tôi chưa bao giờ tưởng tượng ra rằng ở Ý có chuyện đi săn heo rừng. Cha của anh chắc là thích chơi polo lắm?

\*\*\*

Thời gian trôi đi, chẳng quá sớm cũng chẳng quá muộn, dù vậy với khả năng của một nhân viên kế toán được đào tạo bài bản, Jerome đã học được môn thống kê và tính toán đã đến lúc anh đính hôn và cưới vợ: một cô gái 25 tuổi, khuôn mặt tươi tắn dễ thương, có cha là một bác sĩ ở Pinner. Tên cô là Sally, tác giả được cô ưa thích vẫn là Hugh Walpole, và suốt từ lúc lên năm tuổi khi được tặng một con búp bê biết nhắm mắt và khóc cho đến bây giờ cô luôn yêu thích các em bé. Quan hệ giữa họ không nồng cháy lắm nhưng êm đẹp, bởi chuyện tình của một nhân viên kế toán được đào tạo bài bản sẽ không bao giờ thành nếu bị những con số ngăn trở.

Tuy nhiên có một ý nghĩ vẫn làm Jerome lo lắng. Trong vòng một năm nữa anh có thể sẽ trở thành một người cha, tình yêu thương của anh với người cha quá cố trở lại; anh nhận ra cái tình cảm đã thấm vào những tấm bưu ảnh. Anh cảm thấy ao ước được bảo vệ ký ức của mình và bản khoản tự hỏi tình yêu thầm lặng ấy của anh có còn tồn tại không nếu Sally vì quá vô tâm mà cười âm lên khi nghe được câu chuyện về cái chết của cha anh. Chắc chắn là nàng sẽ nghe được câu chuyện ấy nếu Jerome đưa nàng đến

dùng bữa với bà cô anh. Nhiều lần anh cố gắng tự kể cho nàng nghe, bởi nàng hồn nhiên tha thiết muốn biết tất cả những gì liên quan đến anh.

- Chắc khi cha chết anh còn bé lắm nhỉ?
- Mới chín tuổi.
- Tội nghiệp anh.
- Anh đang ở trường. Họ báo tin cho anh.
- Anh có đau khổ lắm không?
- Anh không nhớ nữa.
- Anh chưa bao giờ kể với em chuyện xảy ra như thế nào.
- Rất đột ngột. Một tai nạn trên đường phố.
- Anh sẽ không bao giờ lái xe nhanh, phải không Jemmy? (Nàng đã bắt đầu gọi anh là Jemmy).

Đã quá trễ để áp dụng phương pháp thứ hai, phương pháp về chuyện săn heo rừng.

Họ sẽ tiến hành hôn lễ một cách êm ả tại một văn phòng đăng ký hôn nhân và hưởng tuần trăng mật tại Torquay. Anh tránh đưa nàng đến gặp bà cô anh cho đến một tuần trước đám cưới, nhưng khi đêm đến anh không thể không tự vấn rằng liệu sự e sợ của anh đối với kỷ niệm về người cha nhiều hơn hay sự an toàn cho tình yêu của anh nhiều hơn.

Thời khắc ấy đến quá nhanh. “Có phải đó là cha của Jemmy không hả cô?” - Sally hỏi, cầm tấm hình người đàn ông che dù lên.

- Đúng rồi, cháu cưng. Làm sao con biết?
- Ông có đôi mắt và lông mày giống Jemmy, phải không cô?
- Jerome có cho con mượn sách của ông không?
- Không.
- Cô sẽ cho con một bộ để mừng đám cưới. Ông ấy viết rất tinh tế về các chuyến du lịch.

Cuốn sách cô thích nhất là Những góc ngách và vết nứt. Lẽ ra ông sẽ có một tương lai rạng rỡ. Cái tai nạn khủng khiếp ấy thật quá tồi tệ.

- Sao hả cô?

Jerome ao ước được rời khỏi căn phòng và không trông thấy khuôn mặt đáng yêu ấy nhăn lại vì sự hào hứng không cưỡng lại được.

- Cô có rất nhiều thư độc giả của ông gửi đến sau khi con heo rơi trúng ông - cô của Jerome chưa bao giờ hấp tấp đến như vậy.

Và rồi phép lạ hiện ra. Sally không cười. Sally ngồi với đôi mắt mở to hoảng sợ trong khi bà cô anh kể chuyện, và cuối cùng nàng nói: “Khùng khiếp quá! Chuyện xảy ra như vậy thật không thể tin là có được trên đời này”.

Trái tim Jerome từng bừng niềm vui, như thế nàng đã làm nguôi đi nỗi sợ của anh mãi mãi. Trên taxi đi về nhà, anh hôn nàng, say sưa hơn bao giờ hết và nàng đã đáp trả. Tựa như có những em bé ở trong đồng tử mắt màu xanh nhạt của nàng, những em bé chớp mắt lia lịa và biết khóc.

- Một ngày tuyệt vời - Jerome nói, và nàng siết chặt tay anh - Em đang nghĩ gì vậy, cưng?

- Em đang tự hỏi con heo tội nghiệp đó có sao không?

- Chắc chắn là họ sẽ xơi nó thôi! - Jerome đáp thật hạnh phúc và hôn cô bé đáng yêu của mình lần nữa.

***Bích Giang dịch***

## Tội ác của Huân tước Arthur Savile

*Oskar Wilde*

- Tôi muốn anh gặp người xem tay của tôi - Phu nhân Windermere nói.

- Người xem tay là cái gì ? - Huân tước Arthur hỏi lại.

- Người xem tay là người có thể đọc ra các điều qua bàn tay người ta - Phu nhân Windermere giải thích. Ông ta có thể nói ra hậu vận của anh qua việc xem bàn tay anh. Việc đó rất quan trọng đối với một quý ông trẻ tuổi để biết được hậu vận của mình sẽ ra sao.

-Ồ, ra phu nhân nói về một tay thầy bói phải không? - Huân tước Arthur nói.

- Không, không đâu- Phu nhân Windermere vội nói- Ông ta không phải là thầy bói. Người xem tướng tay tinh tường hơn thầy bói nhiều, ngoài ra xem tướng tay tốt hơn xem bói. Mọi người ở London đều muốn gặp nhà xem tướng tay. Người xem tướng tay của tôi tuần nào cũng xem cho tôi đấy.

-Ông ta là người ngoại quốc à?- Huân tước trẻ tuổi hỏi.

- Không, ông ta là người Anh - phu nhân đáp lời - Tên ông ta là Podgers.

- Vâng, xin phu nhân giới thiệu tôi với ông ta - Huân tước nói - Nhưng tôi không muốn biết hậu vận của mình. Tôi đang thấy sung sướng với cuộc đời hiện tại.

Hai người đi ngang qua đám đông khách khứa. Căn phòng chật đầy các quý bà, quý ông mặc những bộ y phục tốt và đắt giá nhất. Họ đều là khách của phu nhân Windermere. Đây là buổi tiếp tân mùa xuân của chủ nhân. Các cuộc tiếp tân của Phu nhân Windermere thường được coi là những dạ yến hợp thời trang và nổi tiếng nhất của thủ đô London.

Có một số nhà quý tộc ở dạ tiệc, sáu vị Bộ trưởng của Chính phủ đang trò chuyện với Hoàng tử nước Đức, các ngài bộ trưởng đều chào Phu nhân khi bà ta đi qua.

Các nhà ngoại giao của nhiều quốc gia, các nghệ sĩ, bác sĩ và mấy nhà soạn nhạc nổi tiếng. Có cả các nhà báo thời thượng để luận bàn về chính trị

và kinh tế. Ở bữa tiệc có một tay vô chính phủ người Nga, đang nói chuyện về các loại bom. Và có ông Podgers - nhà xem tướng tay

- Ông ấy đấy - Phu nhân Windermere nói - ông ta đang nói với Nữ công tước Paisley.

Huân tước Arthur nhìn Podgers. Người này đang xem bàn tay của Nữ công tước Paisley. Đó là một người đàn ông lùn, béo với nụ cười ít gây thiện cảm. Đôi mắt của người xem tướng tay nhỏ, lấp lánh dưới cặp kính gọng vàng. Ông ta giữ bàn tay phải của Nữ công tước và xem rất cẩn thận..

- Tay của Phu nhân thật là đẹp, thưa Phu nhân-Podgers nói. Ông ta cười một cách khó chịu, khom lưng về phía Nữ công tước.

Huân tước Arthur nhìn bàn tay của vị nữ khách. Nó nhỏ và chẳng đẹp đẽ gì.

Nữ công tước đứng đưa bàn tay trái và cười với Podgers.

- Phu nhân rất giỏi trong công việc kinh doanh - Nhà xem tướng tay nói.

- Khi tôi lấy Công tước Paisley, tôi còn là một phụ nữ trẻ - công tước có mười một lâu đài mà chẳng có ngôi nhà nào. Tôi làm cho ông ấy bán đi các tòa lâu đài. Hiện giờ tôi có mười một ngôi nhà, nhưng chẳng còn lâu đài nào.

Mọi người cười to với câu nói đó. Podgers cười to hơn tất cả. Sau đó từng người đều đề nghị Podgers xem tay cho mình, nhưng Huân tước Arthur chỉ chờ và đứng xem.

Ngài Thomas, nhà thám hiểm nổi danh là người tiếp theo. Ông ta đưa tay ra và Podgers mỉm cười:

- Ngài đã có rất nhiều cuộc phiêu lưu, đã trải các cuộc hành trình dài trên biển, hai lần ngài bị đắm tàu. Ngài đang dự định một hành trình mới, tới vòng Nam cực. Ngài đã có trận ốm nặng năm ngài mười bảy tuổi. Ngài sẽ trở nên giàu có vào năm ba mươi tuổi. Ngài không thích loài mèo.

- Lạ thật đấy!- Thomas thốt lên - Mọi điều đều đúng, thật là kì lạ.

- Ông ta xem báo cũng giỏi như xem bàn tay - Phu nhân Windermere nói với Huân tước Arthur - Nói về hậu vận của một người nổi tiếng không phải là khó, khi anh chịu khó đọc báo.

- Thế là Phu nhân không tin vào việc đoán hậu vận - Arthur nói - Vậy sao phu nhân mời người xem tướng tay đến buổi tiếp tân?

- Tôi thấy ông ta khôi hài - Phu nhân trả lời - Ông ta đang là một và có thể gây vui vẻ cho khách khứa.

Sáu, bảy, tám vị khách đưa tay cho Podgers xem. Người này xem và nói tương lai cho từng vị khách. Ai cũng ngạc nhiên và quan khách đều cười lớn, nói to:

- Tuyệt vời!

- Đúng cực kì!

- Kì thật đấy.

- Ông Podgers thật là kì diệu!

Nhà xem tướng tay đọc số mệnh cho tất cả những người xung quanh. Ông ta cười và tiên đoán những số phận tốt đẹp. Chỉ có ngài Đại sứ Nga không đưa tay ra và Huân tước Arthur cứ đứng chờ xem biểu diễn.

- Nào, Huân tước Arthur, giờ đến lượt anh đấy - Phu nhân Windermere nói - Tôi muốn biết tương lai của anh ta ra sao.

- Tại sao vậy? - Arthur quay sang hỏi bà.

- Vì rằng chị Sybil, vợ chưa cưới của anh sẽ đến thăm tôi vào ngày mai. Hai người sẽ cưới nhau vào tháng tới. Tôi muốn biết về hạnh phúc của anh chị. Tôi sẽ nói cho Sybil những tin tốt đẹp.

Phu nhân nói với Podgers:

-Ông Podgers này, đây là Huân tước Arthur Savile. Huân tước là một trong những chàng trai mà tôi quý mến, Huân tước sẽ kết hôn vào tháng sau. Anh hãy nói tương lai cho anh ấy biết. Hãy nói ra điều gì tốt lành xem nào!

Podgers cười với Phu nhân Windermere:

- Tôi sẽ rất vui lòng khi được nói ra những lời ấy, thưa Phu nhân.

Podgers cầm tay trái của huân tước. Ông ta xem rất kĩ, cặp kính gọng vàng gần như chạm vào bàn tay. Mặt của ông ta biểu lộ rằng đã đọc thấy điều gì khủng khiếp, nhưng rồi ông ta nhanh nhẩu ngược lên và cười nụ cười rất khó nhìn.

- Đây là bàn tay của một quý ông trẻ tuổi, khả ái và hấp dẫn.

- Tất nhiên là thế rồi.- Phu nhân Windermere nổi cáu - Nhưng ông ấy có phải là một người chồng trẻ hấp dẫn hay không? Đây mới là điều tôi cần biết.

- Mọi người đàn ông trẻ tuổi đáng mến đều là những ông chồng đáng mến, thưa phu nhân - Podgers nói.

- Ta biết điều ấy - Phu nhân nói to - Nói tương lai của Huân tước cho ta nghe. Điều gì sẽ xảy ra trong cuộc đời của Arthur?

- Không có điều gì đáng nói, thưa Phu nhân - nhà xem tướng đáp lời - Huân tước sẽ có một cuộc hành trình..

- Tất nhiên là ông ấy sẽ có chuyến đi - Phu nhân Windermere nói - tháng sau Huân tước sẽ kết hôn. Hai vợ chồng ông ấy sẽ đi hưởng tuần trăng mật. Ông định nói thế chứ gì? Có phải ông muốn nói tới chuyến đi trăng mật của Huân tước?

- Tôi không rõ, còn điều nữa là một trong những họ hàng của ông ta sắp mất nay mai.

- Ai? - Phu nhân yêu cầu - Có phải em gái của ông ấy?

- Không, không, không phải là thành viên gần gũi trong gia đình. Một người họ hàng, có lẽ là anh em họ xa - Nhà xem tướng tay vội đáp, sau đó ông ta im lặng, không nói gì thêm nữa.

Phu nhân Windermere tức giận. Đó là một kết thúc không hay cho một buổi tối tuyệt vời.

- Vào đi thôi, đến giờ ăn đêm rồi - Nữ chủ nhân mời các vị khách - Các món ăn đã sẵn sàng, thưa quý vị.

Phu nhân ra khỏi phòng. Mọi người đi theo tới bàn ăn, ngoại trừ Huân tước Arthur và Podgers.

Huân tước nhìn nhà xem tướng tay một cách tức tối. Tay này đậm hoảng.

- Hãy nói cho ta thấy, người nhìn thấy gì qua bàn tay - Arthur nói - Ta không phải trẻ con, ta cần biết sự thực. Nói ngay bây giờ đi. Ta sẽ trả cho người một trăm bảng.

Mắt Podgers lóe sáng. Một trăm bảng là số tiền khá lớn.

- Được thôi ạ - Podgers nói - Đây là thiệp ghi địa chỉ của tôi, xin ngài gửi một trăm bảng tới văn phòng tôi vào ngày mai. Giờ đây tôi sẽ nói cho ngài điều tôi nhìn thấy, nhưng ngài sẽ không thích điều đó đâu.

Huân tước Arthur cầm tờ danh thiệp, chàng trai lắng nghe khi Podgers nói về số phận của mình.

\*

\* \*

Mười phút sau Huân tước rời ngôi nhà của Phu nhân Windermere. Chàng không nói lời cáo từ, đang ở trạng thái lo âu, buồn và sợ.

Chàng quý tộc trẻ rời xa ngôi nhà lớn, đi khỏi những đường phố phồn hoa. Mọi ngôi nhà nơi đây đều của những người giàu có.

Arthur đi qua phố Oxford, chàng theo những đường phố nhỏ tới Soho. Đó là khu nghèo khổ của London. Một người ăn mày xin tiền khi chàng đi qua, hai ả đàn bà mặt bự phẩn cười hi hí khi thấy chàng. Arthur thấy một đám đánh lộn trong con phố tối tăm, nghe thấy tiếng hét vọng ra từ một ngôi nhà tối và bẩn thỉu. Sau đó có viên cảnh sát giữ chàng lại.

- Một quý ngài mà đi lang thang theo những con đường phố này vào ban đêm là không an toàn đâu - Người cảnh sát thông báo.

Arthur cảm ơn ông ta rồi tiếp tục đi. Huân tước thấy một người ăn mày khác, chàng đặt một đồng xu vào tay ông già. Người ăn mày rất nghèo. Huân tước Arthur rất giàu. Có phải vận số của chàng là giàu? Phải chăng vận số đã được viết sẵn trên bàn tay của con người khốn khổ kia? Liệu Podgers có thể đọc rõ ràng điều đó.

Tay Podgers đã đọc ra tương lai của chàng qua lòng bàn tay. Liệu mình có thể chạy trốn khỏi vận số? Không, chàng Huân tước trẻ không tin rằng mình sẽ thay đổi được điều sẽ xảy ra. Nhưng liệu chàng có thể khiến nó xảy ra theo một cách nào khác đi không?

Lúc này Arthur đã đi tới Marylebone. Chàng không quen phần này của London và quay ngược về phố Oxford. Đường phố sáng rực dưới những ngọn đèn đốt bằng hơi gas và sương mù đang từ dòng sông bốc lên.

Tại góc phố Rich, Huân tước nhìn thấy hai người đàn ông. Họ đang đọc một bản cáo thị của cảnh sát dán trên tường. Huân tước đi lại gần và thấy chữ KẸ GIẾT NGƯỜI in bằng mực đen to đậm nét. Có một vụ giết người ở Soho, thông báo nói về mức tiền thưởng cho người báo tin. Có hình kẻ giết người vẽ trên cáo thị.

Có lẽ thông báo của cảnh sát sẽ vẽ hình của mình vào một ngày nào đó, Arthur nghĩ. Số mệnh của chàng đã bắt chàng là kẻ giết người, Podgers đã nói rằng chàng sẽ giết chết một ai đó, ngay tới đây thôi.

\*



\* \*

Huân tước Arthur đi về ngôi nhà của mình ở quảng trường Belgrave.

Chàng vào giường nằm ngay và ngủ cho đến mười hai giờ trưa ngày hôm sau.

Chàng nghĩ đến người vợ chưa cưới của mình, nàng Sybil. Ảnh của nàng đặt ở đầu giường, họ sẽ cưới nhau trong vòng một tháng nữa và Arthur rất yêu nàng.

Huân tước lại nghĩ đến những gì Podgers nói về chàng. "Ngài sẽ giết một ai đó"- Y đã nói thế

- Nhưng ta sẽ giết ai? - Arthur hỏi nhưng người xem tướng tay không trả lời.

Tại sao chàng lại tin tay xem tướng số? Điều đó thật lạ lùng. Chàng đã sợ hãi khi y nói điều đó. Huân tước tin rằng y nói ra sự thật. "Mình sẽ giết một người"- chàng thốt ra. Điều đó thật đơn giản. Nhưng là ai? Ở đâu? Khi nào? Các câu hỏi cứ chạy lòng vòng trong đầu.

Arthur quyết định hai điều. Việc thứ nhất là chàng không thể cưới Sybil - Chưa cưới được lúc này. Thứ hai là "Mình sẽ tạo ra tương lai của mình, mình sẽ giết một ai đó", chàng trai lâm bầm. Có lẽ các quyết định đều lạ lùng nhưng Huân tước Arthur đã quyết định điều gì mình phải làm.

Tay Podgers còn nói thêm vài điều :

"Một trong những họ hàng của ngài sắp chết... một người họ hàng xa, có lẽ là anh em họ..." Arthur không có nhiều họ hàng. Chỉ có người chị họ là cháu của bác chàng - Phu nhân Clementina Beauchamp. Đó là một phu nhân tuổi tác, sống ở phố Curzon. Huân tước Arthur quyết định sẽ giết bà ta. "Chị ấy đã già yếu và chẳng còn sống được bao lâu" - Chàng nhủ thầm - "Mình sẽ giết chị ấy. Sau đó sẽ cưới Sybil".

Arthur tới một thư viện lớn, tìm xem các cuốn sách thuốc. Một cuốn có tên "Độc dược" đã giúp cho ý định của Huân tước trẻ tuổi. Có một loại độc tố mạnh tên là "phụ tử" tác động nhanh và không gây đau đớn, Arthur ghi tên độc thảo đó rồi đi tới hiệu thuốc.

Huân tước xin gặp dược sĩ. "Tôi có một con chó lớn - Arthur nói với ông ta - Nó đã cắn mấy người rồi. Tôi cần phải giết nó nhưng không muốn dùng súng bắn. Ông có thể giúp tôi được không? Tôi nghĩ là mình cần một loại

độc tố mạnh, nhưng không gây đau đớn. Bác sĩ của tôi mách rằng có một loại độc dược có tên là "phụ tử".

- Vâng, có một loại độc dược tên như vậy - dược sĩ nói. Nhưng không thể bán cho ngài được. Ngài cần phải có đơn, có chữ kí của bác sĩ. Tôi cần chứng chỉ đó trước khi có thể bán thuốc cho ngài.

- Bác sĩ của tôi tên là Matthew Reid và tôi là Huân tước Arthur Savile. Liệu tôi có phải đi lấy chứng chỉ không? Tôi đang sắp ra nước ngoài và tôi rất vội.

Viên dược sĩ đã nghe tên bác sĩ Matthew Reid, đó là một bác sĩ có tên tuổi." Thôi được, thưa Huân tước, nếu ngài hứa rằng độc dược chỉ để giết con chó gộc đó.."

- Vâng, tất nhiên là vậy - Arthur nói - tôi xin hứa.

- Được rồi ạ. Tôi sẽ làm viên thuốc đó cho con chó của ngài - Người dược sĩ đáp lời.

Ông ta chế viên thuốc. Trông nó giống với viên kẹo tròn, nho nhỏ. Nửa giờ sau Huân tước mua một hộp kẹo nhỏ ở cửa hiệu. Chàng quảng đi các viên kẹo, đặt viên độc dược thay vào trong hộp, sau đó tới thăm Phu nhân Clementina Beauchamp.

- Arthur! Chị rất mừng được gặp cậu - Phu nhân nói - Sybil ra sao? Mọi việc cho đám cưới xong rồi phải không?

- Cám ơn chị, Sybil rất khỏe - Arthur nói - cô ấy tới thăm Phu nhân Windermere hôm nay. Lát nữa em sẽ tới thăm cô ấy.

- Cậu thật quý hóa đã đến thăm chị - Clementina nói - chị già cả ốm yếu lắm. Chị vẫn nghĩ rằng các cô cậu trẻ tuổi sẽ buồn chán khi đến thăm chị. Khách của chị chỉ có mỗi ông bác sĩ.

- Em biết chị không được khỏe - Arthur nói - Em mua cho chị ít thuốc đây.

Chàng huân tước trẻ tuổi đưa hộp kẹo cho Phu nhân Clementina Beauchamp. Bà chị già nhìn vào trong hộp, lấy viên thuốc ra ngắm nghía.

- Trông nó giống như viên kẹo - Phu nhân nói - Cậu có biết chắc nó đúng là thuốc hay không? Có thể uống ngay được không?

- Nó là thuốc, vâng, nó là thuốc chị ạ... nhưng đừng uống ngay bây giờ. Đây là thuốc của Mỹ, loại thuốc rất công hiệu. Chị dùng trước khi đi ngủ.

Nó sẽ giúp chị ngủ ngon.

- Cậu thật tốt bụng - Phu nhân Clementina nói - Chị sẽ nhớ để uống nó. Chị già rồi và hay quên lắm, nhưng chị sẽ không quên việc đến dự đám cưới của cô cậu đâu.

Huân tước Arthur chào Phu nhân Clementina, sau đó chàng đến thăm Sybil ở nhà cha nàng cạnh công viên Lane. Chàng muốn thay đổi ngày kết hôn, muốn hoãn lại đám cưới nhưng không muốn làm Sybil đau lòng.

Arthur đề nghị Sybil chờ đợi:

- Chúng ta sẽ cưới nhau... nhưng chưa phải theo ngày hẹn cũ. Xin em chờ anh thêm ít lâu. Mọi chuyện đều ổn cả, em hãy tin vào anh.

Sybil rất đau khổ. Nàng không hiểu tại sao Arthur muốn hoãn đám cưới. Arthur ngồi và trò chuyện cùng nàng đến khuya, sau đó lên chuyến tàu nửa đêm tới Venice, Italia.

Ở Venice Huân tước Arthur gặp em mình, huân tước Surbiton. Họ ở với nhau trong khoảng hai tuần, nhưng Arthur không hào hứng gì với cuộc thăm chơi Venice, chàng lo lắng và không yên ổn. Ngày nào cũng đọc báo từ Anh gửi tới, tìm xem tin tức về Phu nhân Clementina.

Một buổi sáng có tin nhắn từ London. Phu nhân Clementina Beauchamp đã từ trần. Bà di chúc rằng muốn để ngôi nhà lại cho Huân tước Arthur, nên từ nay chàng trở thành chủ nhân của ngôi nhà ấy.

Arthur cùng Sybil xem xét quanh ngôi nhà của Phu nhân Clementina. Hai người mở các ngăn tủ, ngăn kéo và thấy hộp kẹo nhỏ trong chiếc hộp gỗ lớn hơn.

Huân tước Arthur nhìn chiếc hộp. Mặt chàng nhợt ra. Đó chính là chiếc hộp chàng đưa cho Phu nhân Clementina. Viên thuốc độc vẫn còn nằm trong đó.

- Anh sẽ quẳng nó đi - Arthur nói, chàng lấy viên thuốc ném vào lò lửa.

- Nhưng đừng đốt chiếc hộp - Sybil vội nói - Xin anh đừng vất nó đi. Arthur, sao trông anh rất nhợt nhạt. Có gì xảy ra thế anh?

Huân tước biết rằng mình đã không giết Phu nhân Clementina Beauchamp. Số phận nói rằng chàng phải giết một ai đó trước khi kết hôn. Giờ thì chàng bắt buộc phải hoãn ngày cưới một lần nữa.

\*

\* \*

Huân tước Arthur Savile hoãn kết hôn lần thứ hai. Sybil vô cùng đau khổ. Cha nàng nổi giận và Arthur rơi vào tình trạng hết sức khốn khổ.

Chàng phải tìm một ai đó để giết. Chàng không còn một họ hàng xa nào nữa nên quyết định phải giết ông chú họ, Trưởng Tu viện Chichester. Chú của Arthur là một nhân vật quan trọng của Giáo hội.

Vị Linh mục rất thích đồng hồ, ngài có một bộ sưu tập lớn các loại nên Arthur quyết định nên gửi cho linh mục một quả bom đặt trong chiếc đồng hồ. Nhưng kiếm đâu ra bom bây giờ?

Arthur nhớ lại buổi tiếp tân của Phu nhân Windermere. Chàng đã gặp một người Nga trẻ tuổi tên là Cocent Rouvaloff. Hôm đó anh ta nói chuyện về những người Vô chính phủ và các loại bom. Thường hay có tin về đám Vô chính phủ trong các báo, họ giết một số nhân vật quan trọng bằng bom. Arthur được biết tay Cocent sống ở gần Bảo tàng British nên liền đến thăm anh ta.

- Anh cần một quả bom à? - Cocent hỏi - Tôi không biết rằng anh cũng quan tâm tới chính trị.

- Tôi có một số việc riêng. Tôi không quan tâm đến chính trị đâu - Huân tước Arthur đáp.

Anh chàng Vô chính phủ ngạc nhiên nhìn Arthur. Anh ta vẫn nghĩ rằng chỉ có đám Vô chính phủ mới hay dùng bom, nhưng thấy Arthur yêu cầu một cách nghiêm túc nên tin rằng quả thực chàng quý tộc trẻ này cần một quả bom. Thế nên anh ta ghi cho một địa chỉ vào mảnh giấy con.

- Đây là một địa điểm bí mật - Cocent nói - Anh không được kể với ai khác. Hãy đọc địa chỉ này rồi đốt nó đi.

- Tôi sẽ đốt nó mà, anh đừng lo - Arthur đáp.

Chàng bắt tay anh bạn Nga vô chính phủ rồi từ biệt. Tờ giấy cho một địa chỉ ở Soho. Đó là một khu nghèo khổ của London, nhưng của lạ gì cũng có và có nhiều người nước ngoài sinh sống. Arthur đi tới phố Greek, gõ cửa một ngôi nhà cũ.

Người đàn ông ra mở cửa nói tiếng Đức. Arthur đưa cho ông ta tờ giấy của Cocent Rouvaloff.

- Vào đi - Người ấy nói.

Ngôi nhà là một cửa hàng trống không. Arthur chờ một vài phút, sau đó có một người khác bước vào phòng.

- Tôi tên là Herr Wenckelkopf. Tôi có thể giúp gì cho ngài? - Người đàn ông nói.

- Tôi là Smith -Arthur đáp - Concent cử tôi tới đây. Tôi cần một quả bom - Huân tước nói ngắn gọn.

- Loại bom gì? - Người đối thoại nói cũng gọn như vậy.

- Bom đặt trong đồng hồ.

- A, tôi đã gửi một quả bom đồng hồ đến Thống đốc Odessa - Herr nói - Anh định cho thằng cha nào nổ tung lên?

- Tôi muốn cho Tu viện trưởng Chichester văng lên trời.

- Ai chà, một lão cha xứ. Nghĩa là anh lưu tâm đến tôn giáo?

- Không, đây là chuyện cá nhân.

- Tôi có một chiếc đồng hồ cực đẹp - Herr nói. Anh ta đưa nó cho Arthur xem. Có hai hình thù bằng gỗ trong đồng hồ, một người đàn bà và một con rồng. "Người đàn bà là tự do, con rồng là nền độc tài" - Herr tiếp tục nói: "Tự do phải mạnh hơn độc tài".

- Hiểu rồi - Arthur đáp - Tuy rằng tôi không thích chính trị. Ông có thể đặt bom ngay cho tôi được không?

- Tôi đang có một vài việc quan trọng làm cho bạn bè tôi ở Mascova. Nhưng vẫn có thể chế tạo quả bom cho ngài trong vài ba ngày. Khi nào ngài muốn cho nó nổ?

- Vào thứ sáu, lúc giữa trưa.

Arthur ghi địa chỉ tu viện vào một mảnh giấy: "Xin ông gửi nó tới tu viện trưởng Chichester. Địa chỉ đây"

- Thứ sáu, giữa trưa - Herr nhắc lại - Tu viện trưởng Chichester.

- Tôi phải thanh toán bao nhiêu tiền? - Arthur hỏi.

- Tôi không làm việc vì tiền - Herr đáp - Tôi là một người Vô chính phủ. Tôi phục vụ cho Tự Do. Xin ngài trả cho tôi năm pao.

Huân tước trẻ tuổi trả cho ông ta năm pao rồi rời ngôi nhà ở phố Greek. Chàng ngồi ở nhà cho đến ngày cuối tuần chờ đợi tin tức.

Ngày cuối tuần đã tới. Chẳng có gì xảy ra. Arthur lại chờ thêm tuần nữa, vẫn không có chuyện gì. Sau đó chàng nhận được thư của Tu viện trưởng:

"Arthur thân yêu.

Chú viết cho anh để hỏi thăm xã hội thượng lưu London. Tuần trước chú có nhận được một chiếc đồng hồ nhưng không biết của ai gửi cho. Thật là một đồ chơi tuyệt diệu, nó có cụm chuông báo thức bên trong giống như cái búa con. Khi đồng hồ điểm mười hai tiếng thì thấy khói bốc ra, thật là tinh xảo. Liệu còn ai ở Londom có chiếc đồng hồ nào giống như thế không?

Chú của anh"

Như vậy là huân tước Arthur chưa giết chú mình. Quả bom đã không hoạt động. Arthur hết sức băn khoăn "Mình sẽ phải làm sao đây?" Chàng tự hỏi mình. "Sẽ rời bỏ tổ quốc chẳng? Hay mình nói với Sybil rằng sẽ không kết hôn với nàng nữa?"

Hôm đó chàng đi ăn tối với em trai, Huân tước Surbiton. Nhóm bạn của Surbiton đều trẻ trung và dớ dẩn. Chúng gây ồn ào ở cửa hàng ăn. Arthur thấy chán cuộc chuyện trò ở đó, chàng rời hiệu ăn vào lúc mười một giờ đêm và đi bộ dọc theo dòng sông.

Sương mù đang từ sông bốc lên. Những ngọn đèn đường mang về của các vàng trắng màu bạc. Có rất ít người trên phố. Chàng đi từ Blacfria tới Wesminster, nghe tiếng chuông đồng hồ Big Ben- chiếc đồng hồ khổng lồ ở tháp Wesminster điểm mười hai tiếng. Chàng Huân tước trẻ đứng tựa tường lan can nhìn xuống dòng sông, sương mù dày đặc khiến người ta không nhìn rõ mặt nước. Ánh sáng đèn đường khiến dòng sông mang màu đen và long lanh như bạc. Nước đang chảy xiết, dòng sông đen làm cho Arthur nghĩ tới những chuyện tối tăm, kinh khủng.

Huân tước Arthur cảm ghét thẳng cha xem tướng tay. Chàng đang là người hạnh phúc, vui vẻ trước khi biết số phận của mình. "Ta sẽ phải giết một ai đó"-Chàng lầm bầm "Đó là số mệnh của mình. Nhưng hẳn nói với ta để làm gì? Ta đang hạnh phúc. Ta không cần biết tương lai sẽ ra sao"

Arthur rời mắt khỏi dòng sông chảy xiết và thấy một người đang đi ở phía trước. Huân tước tiếp tục đi. Có điều gì đó lạ lùng ở trước mặt chàng: một người đàn ông đang cúi người qua tường chắn thành cầu, anh ta sắp sửa nhảy xuống sông chẳng?

Arthur bước nhanh về phía trước. Sau đó chàng dừng lại. Vì có một ngọn đèn đường rơi vào mặt người đàn ông kia. Nhưng đó lại chính là Podgers,

thằng cha xem tướng tay! Arthur chột nãy ra một ý định khôn ngoan.

Chàng nhón chân chạy nhanh về phía trước, túm lấy ống quyển Podgers và đẩy hẳn lộn qua tường chắn. Có một tiếng kêu và tiếng nước vỗ mạnh, sau đó hoàn toàn yên tĩnh.

Huân tước Arthur đứng sát tường chắn, cúi nhìn xuống dòng sông. Chàng không thể nhìn thấy Podgers ở đâu nữa.

- Ngài đánh rơi vật gì chẳng? - Một giọng nói bất thần vang lên ở phía sau.

Arthur quay lại và thấy một người cảnh sát tay xách chiếc đèn hơi.

- Không có gì đáng giá đâu, trung sĩ ạ - Arthur đáp và cố mỉm cười.

Chàng bỗng dừng cảm thấy vô cùng may mắn. Giờ thì chẳng còn điều gì làm chàng lo lắng.

Ngay hôm sau nữa chàng Huân tước trẻ tuổi đọc thấy tin trên tờ Times:

#### VỤ TỰ TỬ CỦA NGƯỜI XEM TƯỚNG TAY

Thi thể của Sptimus R. Podgers được tìm thấy vào ngày hôm qua trên sông Thames. Ông Podgers là nhà xem tướng tay nổi tiếng.

Cảnh sát đã thẩm vấn bạn bè của R. Podgers. Họ nói rằng Podgers làm việc rất cặm cụi trong thời gian qua, ông ta đang viết một cuốn sách về thuật xem tướng tay. Bạn ông ta nói Podgers đã bị ốm vì làm việc quá căng thẳng.

Cảnh sát tin rằng ông Podgers đã tự vẫn bằng cách nhảy qua thành cầu xuống sông Thames.

Huân tước Arthur chạy ra khỏi nhà mình tới nhà tiểu thư Sybil ở cạnh công viên Lane. Nàng đang nhìn qua cửa sổ. Khi thấy chàng ở ngoài phố, nàng chạy xuống cầu thang để đón.

- Sybil, mai chúng mình cưới nhau đi! - Arthur kêu lên- Không, không cần đến mai...Chúng mình cưới nhau hôm nay đi!

- Ôi, thật là anh chàng ngốc! - Sybil vừa cười vừa khóc.

Cả nàng và Arthur đều vô cùng vui sướng.

Sau đám cưới Arthur cùng Sybil đến thăm Phu nhân Windermere.

- Các bạn có hạnh phúc không? - Phu nhân hỏi.

-Cả hai cùng hạnh phúc, thưa Phu nhân. Và hy vọng rằng Phu nhân cũng vui vì chúng tôi - Arthur đáp.

- Tôi không có thời gian để mà vui vẻ nữa - Phu nhân than thở - Tôi luôn luôn phải tìm các nhân vật mới để mời đến dự trong các buổi tiếp tân.

- Tôi đọc báo thấy tin ông Podgers, nhà xem tướng tay của Phu nhân, chết mất rồi - Arthur nói.

-Ồ, tay Podgers à...- Phu nhân đáp lời - Nhưng giờ có một mới rồi. Gọi là "Nhà ngoại cảm". Tôi đã có một nhà ngoại cảm, có thể đọc được suy nghĩ của mọi người. Người ta đã chán tay Podgers. Thằng cha ấy chả đọc được tương lai, hăn chưa bao giờ nói cho tôi được điều gì ích lợi. Tôi không tin hăn ta.

- Tôi tin hăn - Arthur đáp - Mọi điều hăn nói về tôi đều đúng. Hăn làm cho tôi hạnh phúc!

- Hăn làm thế nào để anh hạnh phúc? - Phu nhân Windermere ngạc nhiên.

Arthur nhìn thẳng vào mắt vợ mình rồi nói:

- Hăn giúp tôi kết hôn với Sybil.

- Vợ vẩn! - Phu nhân kêu lên - Tôi chưa bao giờ nghe thấy ai nói vợ vẩn như vậy!

***Ngọc Châu dịch***



*Michael Hartmann*

Phi đội đặc biệt gồm 2 chiếc trực thăng Huey và Chinook bay về hướng Tây Bắc Saigon, tia mặt trời ban mai chưa đánh tan được làn sương dày đặc bao phủ dãy Trường sơn, Đại úy Don Straton ngồi cùng với toán lính biệt kích mũ xanh trong chiếc Huey dẫn đầu, theo sau là chiếc Chinook với những thùng vũ khí. Don tức giận, 2 chân run lên như đang sợ hãi, nên đặt 2 tay ghìm đầu gối để khỏi bị nhận thấy. Sáng nay khi đến làm việc tại bộ chỉ huy MACV, Don được lệnh trình diện tướng chỉ huy trưởng để nhận công tác đột xuất chở món vũ khí đặc biệt đến giao cho bộ lạc Mèo trên dãy Trường sơn nằm trong lãnh thổ Lào. Don rất đỗi ngạc nhiên vì công tác quá đột ngột. Khi ra ngoài gặp Gerry Manheim, người bạn trong phòng tình báo, Don bày tỏ nỗi ngạc nhiên thì người bạn nói, "Đây là một công tác quan trọng và mật mà chỉ mày mới được lựa chọn, không ai thay thế được. Công tác không có gì nguy hiểm. Thôi chúc mày thành công và bình yên." Khi về phòng để chuẩn bị quân trang, Don nhận được lá thư của vợ. Claudia, vợ chàng khóc lóc kể nỗi cô đơn và hối hận đã yếu đuối trước sự gạ gẫm làm tình của Gerry Manheim khi y ghé thăm nàng trong chuyến công tác về Hoa Kỳ tháng trước. Ngồi trong máy bay chẳng nghe lời đùa giỡn chung quanh, Don đang thấy một điềm gì không hay.

Don Straton và Gerry Manheim là đôi bạn thân gặp nhau ở Đại Học Harvard. Don con một nhà kinh doanh tư bản, ngược lại Gerry con một người Pháp di dân gốc Đức làm thợ hồ. Lúc nhỏ Gerry phải đi kiếm tiền bằng rửa chén và lau sàn các khách sạn, nhưng thông minh nên được đầu tư vào Harvard. Gerry học luật, Don học kinh tế. Đôi bạn thường gặp nhau trên sân football hay trong các buổi đua thuyền. Khi ra trường Don làm ngân hàng và cưới Claudia, con gái một giám đốc ngân hàng; còn Gerry làm cố vấn cho một vị dân biểu, Gerry thường mơ ước danh vọng và giàu sang. Gerry thường đến ăn cơm với vợ chồng Don vào cuối tuần, nhưng Gerry bị mê hoặc vì sắc đẹp của Claudia và của hồi môn của nàng

mà không ai biết. Khi chiến tranh VN leo thang, cả hai cùng tình nguyện nhập ngũ để khỏi ra binh nhì, và được đồng hóa cấp Trung úy. Sau một thời gian cả 2 được thăng cấp Đại úy và được gởi sang VN làm việc tại bộ chỉ huy MACV Saigon, Đơn thuộc phòng lực lượng Đặc Biệt; Gerry thuộc phòng tình báo.

Chiếc đèn chớp sáng báo hiệu máy bay sắp đến mục tiêu, máy bay bay lượn trên một bãi đất trống mà theo lời thuyết trình trước khi đi công tác sẽ có người Thượng đứng chờ. Hai chiếc trực thăng từ từ đáp xuống, khi gần chạm đất, thì bỗng nhiên những tràng súng máy và B40 bắn xối xả. Bị phục kích bất thần, 2 chiếc trực thăng không kịp phản ứng, các người lính ngã gục ngay từ phút đầu. Nhờ ngồi bên trong, Đơn thoát khỏi. Trong khi anh xạ thủ đại liên cố gắng bắn trả, nhưng rồi bị trúng đạn. Đơn bò tới vác anh ta và nhảy ra khỏi trực thăng. Vừa đi được vài bước thì một quả B.40 rơi xuống cách mấy thước, Đơn thấy sức ép mãnh liệt và hơi nóng kinh khủng đốt cháy da mặt khiến chàng buông thả người bạn và té xuống. Nhờ người bạn hứng hết các mảnh bom, chàng thoát chết. Chàng vội bò lết vào bụi cây trước mặt. Khi tiếng súng im, trong ra chàng thấy chiếc Huey gãy đuôi, còn chiếc Chinook gãy làm đôi, rồi một bọn Thượng khoảng 1 tiểu đội từ các chỗ ẩn úp xuất hiện, tay cầm súng M.16 tiến lại chiếc Chinook dưới sự chỉ huy của tên cầm đầu, đó là tên Tac Miên. Tên này giơ súng Colt lên cao và hô hoán toán quân trèo lên chiếc Chinook mang chiến lợi phẩm xuống. Tac Miên ra lệnh cạy một thùng ra, nó thò tay vào vốc ra không phải là vũ khí mà là những thoi vàng, nó đưa lên cao cười hả dạ đắc ý, rồi ra lệnh chất các thùng vàng lên lưng đoàn lừa và vội vàng đi vào rừng sâu. Nằm ép trong bụi cây, Đơn chứng kiến được tất cả, và thấy một âm mưu sâu độc và một sự phản bội không thể nói được. Cảm thấy nhức nhối, Đơn nằm chờ và hy vọng trực thăng sẽ đến cứu, nhưng suốt cả ngày chẳng thấy gì cả, Đơn thấy không thể ngồi chờ mãi, phải tìm cách thoát thân. Đây là dãy Trường sơn thuộc Lào, muốn thoát chết, chàng không thể trở về Saigon vì quá xa, Thái Lan gần hơn. Chàng vội bò ra bụi cây và tiến lại xác 2 chiếc trực thăng, không ai sống sót, chàng cố gắng tìm kiếm thực phẩm và nhặt được một số còn sót lại, rồi lên đường nhắm hướng Tây.

Sáng hôm sau, Gerry Manheim cùng trung úy Brunswick và một toán binh sĩ bay trực thăng đi tiếp cứu. Khi đến nơi, toán quân tìm thấy xác chết của toán quân trên 2 chiếc trực thăng ngộ nạn, trừ Don. Sau một hồi tìm kiếm, Gerry Manheim ra lệnh toán quân nghỉ ngơi còn tự mình và Brunswick đi tìm kiếm. Gerry đã hội ý với Tac Miên về nơi dấu phần vàng chia đôi, nhưng khi đến nơi chỉ thấy những thùng gỗ trống trơn. Gerry tức giận thấy bị lừa gạt.

Bị những vết thương làm mù nhức nhối, Don cố gắng đi khó khăn, sức lực yếu dần, và đôi khi không còn muốn đi nữa, nhưng nghĩ đến âm mưu thâm độc của thằng bạn phản bội, Don thấy cần phải sống để trả thù. Nhìn đồng hồ đeo tay có ngày tháng, Don thấy mình đã bị bỏ rơi được hai tuần và cảm thấy kiệt sức. Một buổi sáng, thấy một ngọn suối trong vắt, chàng liền lội xuống để tắm rửa, lạ thay khi vục nước để rửa mặt, chàng thấy một khuôn mặt kinh dị khác lạ, một má phía mặt cháy đen, mù tuờm ra và con mắt không còn nữa mà là một lỗ đen ngòm, Don tưởng là cơn sóng rợn phản xạ các hòn sỏi đen dưới khe suối, nhưng soi mặt chỗ khác Don vẫn thấy khuôn mặt dễ sợ đó. Thất vọng không muốn sống nữa, Don rút cây súng lục ở thắt lưng đưa vào màng tang định tự sát thì bỗng nghe tiếng nói đằng sau, "Anh có phải phi công Mỹ bị bắn rơi không?" Quay lại Don ngạc nhiên thấy một ông già mặc quân phục bạc màu đứng giữa 2 người sắc tộc cầm súng cười thân mật, chàng sững sờ, thì ông già nói tiếp, "Chúng tôi là bạn chớ không phải là cộng sản đâu". Don từ từ lội lên bờ cảm thấy choáng váng, và khi đến gần ông già thì té xuống mê man và không còn biết gì cả.

Chiều hôm sau khi mở mắt, Don thấy đang nằm trên chiếc nệm rơm trong căn nhà sàn cạnh chiếc lò sưởi ấm áp, chàng cảm thấy bớt nhức nhối, và các vết thương đã được băng bó lại. Ông già Á Đông ngồi bên cạnh thấy chàng thức dậy thì an tâm và bắt chuyện, "Chúng tôi chùi rửa những vết thương, cắt bỏ những chỗ thịt thối và thay bộ đồ lính dơ bẩn mà anh chẳng hay biết gì. Tôi là Wu Peng, tướng Quốc Dân Đảng, khi Cộng sản chiếm Trung Hoa, chúng tôi chạy về Vân Nam tổ chức lại lực lượng để chống cự, nhưng thế cô, chúng tôi phải chạy vào ẩn núp ở vùng Tam Giác Vàng. Nhờ có vũ khí, chúng tôi dẹp yên các bộ lạc chống đôi và làm chủ vùng này, và chúng tôi sống được nhờ nguồn lợi á phiện." Don kể lại tai nạn và muốn rời

gấp để đến căn cứ Hoa Kỳ ở Thái Lan. Tướng tàu cười nói, "Anh thương tích như vậy làm sao mà rời sớm được, và quân đội đâu còn dùng anh, anh nên ở lại đây một thời gian cho vết thương lành lặn, rồi hãy tính chuyện về với gia đình. Anh nên suy nghĩ kỹ, sáng mai anh hãy cho tôi biết ý kiến. "Don thấy nếu mình trở về đơn vị và gia đình, thì mọi người sẽ vui mừng trong giây lát, rồi chỉ thương hại, nên chi bằng để mọi người thương tiếc coi như mình mất tích và tìm cách trả thù thằng bạn phản bội. tướng Tàu vui mừng nghe chàng ở lại và hỏi chuyện, "Hôm qua thay áo quần anh, tôi mới hay anh là sĩ quan bộ binh chứ không phải là không quân. Anh là sĩ quan chuyên nghiệp hay sao?". "Trước khi vào quân đội, tôi là một nhà ngân hàng", Don trả lời không e dè. "Anh may mắn gặp tôi mà tôi cũng may mắn gặp anh, tôi cần người giúp tôi ráp và sử dụng một số vũ khí tối tân và huấn luyện các bộ lạc. Và nghề kinh tế của anh sẽ giúp chúng tôi điều hành kỹ nghệ á phiện". Ông già nói tiếng Anh khá thành thạo.

Vết thương ở mặt đã lành, Don mang chiếc mặt nạ một mắt và được tướng Tàu đặt tên Đèo Ngươn Long là tên của một vị anh hùng của bộ lạc Mèo. Từ ngày được Don làm cố vấn, quân đội 3 nước Miến, Thái Lan và Lào không dám dặt chân vào vùng Tam giác vàng. Khi tướng Wu Peng mất vì bệnh ung thư, Don trở thành lãnh chúa. Don lập trường học, bệnh viện, và trả lương người trồng á phiện với giá phải chăng, thiết lập nhà máy tinh luyện tại chỗ, tổ chức những đường dây tiêu thụ trực tiếp khỏi qua trung gian. Phụ tá của Don là Lao Su, một người Miến thuộc sắc tộc Khan gan dạ cầm đầu, có mạng lưới tình báo trên khắp các quốc gia tiêu thụ.

Tac Miên và đoàn lừa đi sâu vào rừng, khi đến một khe núi, Tac Miên kiếm một hang đá hiểm hóc để chôn cất số vàng. Vì ít học và sợ không tìm ra nơi chôn dấu sau này, y cho mời một vị sư ở ngôi chùa sát ranh giới Thái Lan đi theo để vẽ họa đồ kho tàng. Sau khi chôn số vàng xong, Tac Miên cất bản đồ cùng những tài liệu quan trọng trong một hộp thiết, còn nhà sư được cúng một số tiền và trở về chùa. Khi xuống chân núi, nhà sư bỗng nghe những tiếng nổ long trời và mặt đất rung chuyển, và nhìn lên trời nhà sư thấy những chiếc B.52 đang bay về căn cứ Udon. Quay nhìn lại rặng núi, nhà sư giật mình thấy ung khói và bụi mờ mịt. Hiếu kỳ nhà sư quay trở lại chỗ cũ thì thấy khe núi không còn nữa, rừng cây sụp đổ, và không ai sống

sót, bất chợt nhà sư thấy chiếc hộp thiết chứa bản đồ mắc trên một cành cây. Nhà sư vội nhặt lấy, và khi về chùa nhà sư cất dấu trong góc chánh điện và dặn các chú tiểu không ai được đụng chạm đến hộp thiết chứa nhiều điều bí mật. Khi vị sư trụ trì sắp tịch dặn các chú tiểu chỉ giao hộp thiết cho những nhà khảo cổ có tiếng. Và tin tức chiếc hộp thiết bí mật bắt đầu được tiết lộ từ đó.

Sau khi đi VN về, Gerry Manheim giải ngũ, ra hoạt động chính trị và đắc cử thượng viện tiểu bang California. Y cưới góa phụ Don Straton, và hy vọng với tài sản của vợ sẽ tiến xa hơn trên chính trường. Thời gian trôi qua đã 10 năm, y đã làm thượng nghị sĩ gần 2 nhiệm kỳ, và đang tính ra tranh cử tổng thống, nên cần có nhiều tiền. Y nghĩ tới kho vàng của Tac Miên. Y nghe lời đồn tấm bản đồ đang cất giấu trong một ngôi chùa ở Thái Lan, nên mượn giáo sư Adirek, gốc Thái thuộc viện nghiên cứu Văn hóa Đông phương sang tìm kiếm với lý do sưu tầm tài liệu. Không khó khăn vị giáo sư tìm ra ngôi chùa và được các vị sư giao bản đồ cùng nhiều giấy tờ khác.

Khi nghe vị giáo sư đã lấy được bản đồ, Don Straton tức Đèo Ngươn Long ra lệnh cho Lao Su phải đánh cắp lại. Lao Su giao cho Anwar Fazal thực hiện. Anwar Fazal là một nhà ngân hàng lớn ở Mã Lai, và cũng nằm trong đường dây á phiện được Đèo Ngươn Long tin dùng. Anwar Fazal mượn bọn Triad ở Hong kong đánh cướp bản đồ lại.

Giáo sư Adirek sau khi kiếm được chiếc bản đồ đáp máy bay về Hoa Kỳ, và trên đường ghé Đại học Hong Kong để nói chuyện. Khi xuống phi trường Kai Tak, giáo sư Adirek cầm chiếc xách tay đang đứng chờ đợi người đến đón, thì bị 3 tên cướp Triad do Ah Fai cầm đầu đâm chết và cướp chiếc xách tay, một tên cướp bị cảnh sát bắn quy được đồng bọn dìu đi.

Bà Bernie Milton là y tá phụ trách thuyền nhân tỵ nạn Hong kong đang xuống xe đón người bạn thấy giáo sư Adirek té xuống máu me định la lớn lên thì bọn cướp dí dao lên cô và đồng bọn lên chiếc xe hơi của cô và bảo lái về hướng bến tàu. Một chiếc ghe máy chờ sẵn đưa bọn cướp và cô ra chiếc tàu lớn. Tên Ah Fai thấy Bernie sẵn sóc tận tình em mình bị thương nặng nên không nỡ giết. Tên cướp bị thương nặng trút hơi thở cuối cùng và được hải táng, rồi 2 tên còn lại là Ah Fai và Sor Chai mang bà Bernie lên một thương thuyền lớn. Ba ngày sau tàu cập bến Singapore, Bernie bị giam

trong một căn nhà, còn Ah Fai mang bản đồ giao cho Anwar Fazal. Anwar Fazal đang phá sản và mắc nợ hàng trăm triệu bị các chủ nợ mang ra tòa án, nên y trốn chui. Khi nhận được chiếc bản đồ, y không muốn giao lại cho Đèo Ngươn Long mà thủ lấy để đánh đổi một mối lợi khác. Y bay sang Thụy Sĩ ẩn núp với một ý đồ không ai biết.

Lao Su được báo cáo Anwar phản bội đã rời Singapore, chặn bắt Ah Fai và Sor Chai, và tìm đến khách sạn Anwar ngụ chỉ gặp người tình nhân là Sheri. Lao Su tức giận tổng 2 tên Triad lên máy bay về Quảng Châu và không quên gài 2 kí á phiện vào 2 chiếc hành lý. Khi đến sân bay Quảng Châu hành lý bị khám xét, Ah Fai và Sor Chai bị bắt và kết án tử hình vì nhập cảng á phiện lậu.

Luật sư Steve Milton là chồng của bà Bernie, sau khi bà Bernie bị bắt cóc đang tìm kiếm tin tức thì 3 hôm sau cảnh sát duyên hải báo cho biết vớt được một cái xác, và sau khi lấy dấu ngón và điều tra thì biết là một tên cướp trong án mạng ở sân bay, và truy ra biết tên cầm đầu là Ah Fai mà hiện đang bị bắt và kết án tử hình ở Quảng Châu. Steve vội bay sang Quảng Châu, lấy tư cách là luật sư Hong kong xin gặp tên tử tù, Steve được Ah Fai kể hết vụ đánh cắp bản đồ, bắt cóc bà Bernie, giao bản đồ cho Anwar, và nói bà Bernie còn sống và có lẽ đang bị giữ trong Tam giác vàng, và nói có lẽ tình nhân của Anwar là Sheri còn ở Singapore biết được Anwar ở đâu. Steve trở về Hong kong, rồi bay thẳng qua Singapore đến thẳng địa chỉ của Sheri, nàng từ chối tiếp Steve và lái xe đi vội vàng. Steve lên lái xe đi sau, thì hay Sheri ghé công ty du lịch lấy vé đi Thụy Sĩ, Steve cũng lấy một vé cùng chuyến bay.

Khi trốn qua Thụy Sĩ, Anwar vừa lo sợ cảnh sát Interpol, vừa lo sợ gián điệp của Đèo Ngươn Long theo đuổi, nên y nóng lòng muốn qua Mỹ. Y biết nghị sĩ Gerry Manhein, người đã mượn GS. Adirek tìm kiếm bản đồ không phải để nghiên cứu mà vì một lý do quan trọng hơn, là một nghị sĩ uy tín có thể giúp y qua Mỹ, nên liên lạc và ra điều kiện đổi bản đồ để lấy chiếc Visa nhập cảnh Hoa Kỳ. trong hồ sơ của CIA, Anwar là một nhà ngân hàng đại bịp, nợ hàng trăm triệu đô đang bị các quốc gia Hong kong, Singapore và Mã Lai nhờ Interpol truy nã, Anwar còn bắt tay với các tên Triad để buôn á phiện, mà trong đó có lãnh chúa Đèo Ngươn Long. Gerry hứa sẽ giúp đỡ,

nhưng Anwar năn nỉ phải làm gấp, bởi vì y đang bị Interpol và CIA săn đuổi, và nhất là Đèo Ngươn Long đang hăm dọa tính mạng. Gerry hỏi y Đèo Ngươn Long có phải là người Mỹ không, thì y nói không biết rõ, nhưng là một người da trắng mà y đã được tiếp xúc một lần ở biên giới Thái Lan, còn dân chúng Thái Lan đồn miệng Đèo Ngươn Long là một phi công Mỹ bị bắn rơi mang thương tích nặng muốn lánh đời, hay một tên cướp ở Mỹ trốn pháp luật chạy sang ẩn náu. Gerry Manheim cảm thấy lạnh người và không còn nghi ngờ gì nữa DNL chính là Don Straton.

Steve bám theo Sheri đến Chalet của Anwar ở ngoại ô Genève, Steve lén vào Chalet, cầm dao hăm dọa Anwar phải cho biết vợ ở đâu, không may lúc đó người gác đàn mang củi vào trong thấy, phang một cây củi vào đầu, Steve té ngất. Sợ liên lụy, Anwar cùng Sheri lên xe và lôi Steve theo đặt trong ghế sau, và định vất xác Steve giữa rừng. Giám điệp của Đèo Ngươn Long ở Âu châu đuổi xe theo kịp, Anwar lạc tay lái đâm xe xuống hố, Steve bị thương nhẹ bò ra khỏi xe thấy Sheri chết, còn Anwar bị thương nặng. Anwar năn nỉ Steve giúp y chạy trốn vì phe Đèo Ngươn Long đang đuổi theo. Steve hỏi tấm bản đồ ở đâu, thì chỉ trong chiếc xách tay. Steve nhặt lấy vừa lúc thấy 2 bóng người đang tiến lại, Steve vội vàng leo lên bờ đường và được cảnh sát cứu và chở về nhà thương cấp cứu.

Gerry Manheim đang sửng sốt khi nghe tin GS Adirek bị đâm chết, chiếc bản đồ bị đánh cắp, thì vài hôm sau Anwar liên lạc muốn gặp gấp. Gerry phái Brunswick, người tay chân bay sang Thụy Sĩ để nói chuyện. Khi Brunswick vừa đến Thụy sĩ thì cảnh sát cho biết Anwar và tình nhân đã tử nạn xe hơi, người còn sống sót là Steve hiện đang nằm nhà thương. Brunswick tìm đến nơi thì hay Steve vừa mới rời tức thì. Nhờ thấy hình trên báo, Brunswick nhận ra ngay và thấy Steve đi đến bưu điện. trước khi trở về Singapore, Steve gửi chiếc bản đồ cho người bạn ở Nam Phi cất dùm, và chỉ giữ lại những tài liệu. Brunswick đi theo và chen đứng sau Steve, y thấy Steve gửi một phong bì lớn qua Nam Phi, y vói người qua xem và nhớ địa chỉ và số hộp thư trên phong bì mà Steve chẳng hay, y giả vờ mua tem và hỏi nhân viên bưu điện thời gian thư đi Nam Phi bao lâu, thì y biết là cần 3 ngày. Thế là y đi thẳng đến công ty du lịch lấy vé đi Nam Phi 2 hôm sau. Y

đến hộp thư của bạn Steve cạy hộp thư và lấy được phong bì chứa tấm bản đồ và bay về London.

Sau khi Ah Fai và Sor Chai bị tống về về Quảng Châu, Lao Su nhận được lệnh của ĐNL bảo vệ bà Bernie và mang bà vào Tam giác vàng. Chiếc Cessna chở Lao Su và bà Bernie bay về hướng bắc Thái lướt qua những khu rừng dày đặc, khi đến một bãi trống, máy bay hạ xuống, một chiếc xe hàng cũ kỹ đã chờ sẵn, Lao Su cùng Bernie leo lên, xe chạy theo đường mòn trong khu rừng âm u, lát sau xe chạy ra khỏi rừng và men theo những ngọn đồi trọc mọc đầy một thứ hoa gì đã tàn, khi nhìn kỹ thấy trên ngọn cây nặng trĩu những trái cây giống như như quả sung. Một số người sắc tộc mặc áo quần như mọi da đỏ, cổ mang vòng bạc đang cầm chiếc dao con xẻ trái cây để mũ cháy ra. "Đó là ruộng á phiến đang mùa thu hoạch", Lao Su nói.

Bà Bernie được dẫn tới một căn nhà sàn có cô gái thượng hầu hạ. Sau khi tắm rửa khoan khoái, cô gái nói, ông Khun sẽ đến thăm bà. Bernie ngạc nhiên thì cô gái nói đó là lãnh chúa Đèo Ngươn Long. Một lát sau một người da trắng khoảng 40 tuổi, mặc bộ đồ khaki bạc màu, mặt đầy vết sẹo và mang chiếc mặt nạ một mắt xuất hiện tự xưng là Đèo Ngươn Long. Bernie mạnh dạn hỏi, "Ông là người Hoa Kỳ phải không, và tên thật của ông là gì?"

"Vâng, tôi là người Hoa Kỳ, hãy gọi tôi là Don." Tuy mặt mày mang vết thương nặng trong dễ sợ, nhưng giọng nói êm dịu mang âm hưởng của sinh viên Đại học Harvard.

"Tôi mời bà dùng cơm chiều", Don nói lễ độ. Thấy Don lữ con nít chạy theo nói líu lo, còn các người thượng tỏ vẻ kính sợ. Don dẫn Bernie vào một cái hầm, chung quanh có hệ thống phòng thủ, có ụ súng máy. Giữa phòng chiếc bàn ăn thấp đèn cầy và một chai rượu Chardonnay, và trong góc kê một giá sách và một máy HiFi.

"Đây là phòng làm việc của tôi, tôi không ở một chỗ cố định nào cả, nên thiếu tiện nghi để tiếp bà. Tôi thấy hình bà trên các báo, nhưng tất cả không bằng người thật của bà," Don khen ngợi. "Tôi bị bắt cóc không lý do, tại sao không để tôi về?" Bernie hỏi gắt gỏng. "Bà sẽ được về với gia đình, nhưng cần một thời gian," Don ôn tồn trả lời. "Phải chăng ông muốn tiền chuộc," Bernie hỏi tức bực. "Không có vấn đề đó," Don trả lời chân thật. "Vậy thì



khi nào ông thả tôi?" "Chừng nào còn cần thiết," Don trả lời không nóng nảy. "Có gì cản trở hay hăm dọa ông?" Don kể lại âm mưu Gerry Manheim cấu kết với Tac Miên để chia số vàng và nhấn tâm tàn sát hết toán biệt kích, chỉ một mình chàng may mắn sống sót. "Cho nên tôi ráng sống để trả thù và mang kẻ phản bội ra pháp luật."

"Chuyện đó đã xảy ra trên 10 năm, và biết đâu là một tai nạn. Nếu như không có bằng chứng thì anh nên trở về với gia đình, chớ ích gì chôn vùi cuộc đời trong chốn rừng sâu. Tôi thấy trẻ con ở đây thương mến anh, tôi cũng là một người mến anh, thì chắc chắn sẽ có một người đàn bà khác thương anh." Bernie thấy Don là một người dễ mến. "Tôi tật nguyên thế này khiến mọi người lánh xa," Don nói buồn bã chua cay vừa kéo chiếc mặt nạ để lộ hố mắt sâu hóm và những vết sẹo chằng chịt như vôi con bạch tuột. "Ở đây không có TV, nhưng một khi dân chúng ở đây được xem TV thấy những khuôn mặt đẹp thì họ sẽ đâm ra sợ tôi. Nhưng điều này không phải là một quan tâm lớn, tôi muốn công lý, và nhất là muốn ngăn cản một kẻ phản bội đang có mưu đồ lãnh đạo thế giới tự do. Nếu bà về sớm, những lời khai của bà sẽ giúp cảnh sát hay CIA ngưng lại được âm mưu, và kẻ gian ác sẽ tìm cách thủ tiêu những tang chứng. Dù bà bị bắt vô cớ, nhưng vô tình bà vướng trong cái móng vuốt của những con rồng "A Web Of Dragons.""

Từ hôm gặp Bernie, Don thấy tâm hồn mình như sống lại. Không cảm lòng được, Don ghé lại túp lều Bernie, Don kể lại cuộc đời thơ mộng thời xưa, những ngày hạnh phúc, những ước mơ tan vỡ và sự cô đơn trong chốn rừng sâu khiến Bernie không khỏi cảm động, và khi đứng dậy ra về, Don không kìm chế được ôm Bernie chặt và hôn hít như điên dại. Bernie đẩy Don ra và nói: "Rất tiếc tôi là người đàn bà có chồng". Don biết mình đi quá trớn, xin lỗi.

Sau vụ săn đuổi Anwar từ Singapore sang Thụy Sĩ, Steve được báo chí Âu Châu tường thuật cuộc mạo hiểm phi thường, hình ảnh Steve được đăng tải trên các nhật báo, Don không khỏi phục Steve là một gián điệp tài tử bậc thầy. Khi máy bay hạ cánh ở Singapore, Steve liên lạc với cảnh sát Hồng Kong yêu cầu giới thiệu cho một đường dây bạch phiến ở Singapore, Steve tiếp xúc Lao Su ngỏ ý muốn vào Tam giác vàng có chuyện quan trọng. Đèo

Ngươn Long ra lệnh Lao Su phải giúp đỡ Steve mọi cách để bay vào khu Tam giác Vàng khẩn cấp.

Steve bay vào khu Tam giác vàng đúng một hôm trước ngày khai mạc Hội nghị quốc tế chống ma túy ở Bangkok. Khi chiếc Cessna của Steve hạ xuống một bãi đất trống thì đã có người chờ sẵn, chiếc máy bay được che dấu. Một chiếc xe hàng chở Steve chạy quanh co một hồi lâu, rồi xe ngừng lại một khu nhà sàn, Steve xuống xe thấy một người cao lớn độc nhãn đến chào, "Anh là Đèo Ngươn Long phải không? Tôi có thể gặp vợ tôi ngay không?" Steve nóng nảy hỏi, "Lẽ tất nhiên, nhưng bản đồ đâu?" Don kiên nhẫn hỏi lại, "Tôi không dám mang theo, bạn thân tôi sẽ gửi tới sau," Steve nóng nảy nói, "Tôi cần bản đồ gấp không thể chậm trễ được, vậy khi nào tôi nhận được?" Don tỏ vẻ tức bực. "Khoảng 3 ngày." Don tỏ vẻ thất vọng và chua chát nói, "Anh chơi gác tôi sao?" "Tuy không mang theo bản đồ, tôi có mang theo đây tập tài liệu này để chứng minh cam kết của tôi," Steve đáp lại và lấy trong mình ra một phong bì lớn. Phong bì chứa một quyển nhật ký đã vàng ố. Lướt qua một vài trang, Don tỏ vẻ sung sướng, và bỗng đưa 2 tay lên cao hét lớn, "Ta đã có bằng chứng hiển nhiên tên phản bội sau bao năm chờ đợi," rồi vội nói với Steve, "Bây giờ tôi chẳng cần tấm bản đồ nữa, anh muốn tặng ai hay xé bỏ tùy ý." Đồng thời quay nói với Lao Su đứng bên cạnh, "Hãy đưa ông Steve Milton đến gặp bà Bernie liền, và chuẩn bị ngày mai để 2 ông bà bay về Bangkok."

Don về lều chong đèn suốt đêm để đọc quyển nhật ký của Tac Miên. Tac Miên ghi những công tác khi bằng tiếng Anh, khi tiếng Lào mà Don có thể đọc dễ dàng, nhưng đến phần những cuộc điện đàm với Gerry, Tac Miên dùng mật mã, và nhờ có bản mật mã đính theo, Don mất nhiều thì giờ để dịch ra tiếng Anh. Vừa dịch, Don toát mồ hôi và rợn người vì âm mưu gian ác của tên phản bội. Tac Miên ghi lại: Gerry lãnh nhiệm vụ tiếp xúc với y nhiều lần, khi đích thân, khi điện đàm, Tac Miên yêu cầu viện trợ vũ khí, sĩ quan cố vấn và vàng vì người Mèo không biết xài đô la. Tac Miên không thích Gerry lắm vì hách dịch. Lần sau cùng Gerry đưa ra một đề nghị lạ lùng là khuyên Tac Miên nhận vàng và đừng có đánh địch, vì đánh địch thế nào cũng có lúc bị giết, cho nên hãy trốn ra vùng biên giới Thái Lan. Tac Miên trả lời nhận vàng của Hoa Kỳ mà không đánh địch sẽ bị giết. Gerry

nói sẽ che chở và ngăn cản những vụ lòng bắt. Số vàng sẽ chia đôi, phần của Gerry được cất dấu trong cái hang gần chỗ trực thăng đổ. Kế hoạch của MACV là đưa toán cố vấn đến trước, và số vàng sẽ được chở tiếp theo sau. Nhưng 2 ngày trước công tác, Tac Miên nhận được điện thoại là 2 máy bay sẽ đến một lần. Tac Miên liên lạc với Gerry, thì Gerry trả lời vồn vện: Tango Dance. Don bóp trán suy nghĩ vẫn không hiểu được, Don đọc đi đọc lại từ đầu đến cuối nhiều lần, khi gần sáng, Don chợt thấy ở trang cuối hàng chú thích Tango Dance nghĩa là tàn sát tất cả. Đó là lý do vì sao toán biệt kích của chàng bị bắn chết.

Gerry Manheim hiện nay là nghị sĩ thượng viện chủ tịch Ủy Ban bài trừ ma túy. Những cuộc điều tra của Ủy Ban đã phát giác được những đường dây bạch phiến quốc tế quan trọng được báo chí khen ngợi. Cuộc thăm dò của viện Gallup tiên đoán Gerry hy vọng được Đảng Dân chủ đề ra tranh cử Tổng thống. Gerry đang sửa soạn chương trình tranh cử, nhưng mối lo âu của Gerry là cần có một ngân quỹ lớn ngoài số tiền do ủy ban tranh cử lạc quyên, nên Gerry nghĩ đến chiếc bản đồ kho vàng của Tac Miên. Nên Gerry nhờ GS Direk sang Thái Lan tìm kiếm thác lý do cần tài liệu nghiên cứu. Một mặt khác, để có thành tích lớn, Gerry vận động chính phủ Thái tổ chức một hội nghị chống ma túy gồm 3 nước Thái, Miến và Lào họp tại Bangkok với sự tham dự của Hoa Kỳ và một số nước Âu châu, và đồng thời một cuộc hành binh phối hợp của 3 nước với sự yểm trợ không lực của Hoa kỳ vào vùng Tam giác Vàng. Gerry đại diện Hoa Kỳ sẽ tham dự.

Gerry cùng vợ Claudia bay sang Thailan để dự hội nghị và ngụ trong một khách sạn sang trọng giữa thủ đô Bangkok thì nhận được điện thoại của Brunswick báo tin mừng đã đánh cắp lại được tấm bản đồ của Anwar, Gerry mừng trong bụng, ván cờ sắp đến tay, hội nghị bài trừ ma túy không những mang lại danh vọng mà cuộc hành binh vùng Tam giác vàng sẽ giết được Don Straton và hủy hoại được tất cả tang chứng.

Đoàn xe chờ sẵn để đưa Steve và Bernie trở lại chiếc Cessna, Đèo Ngươn Long và Lao Su đã có mặt. Bỗng một người Thượng ở chòi canh hốt hải chạy đến báo nghe thấy tiếng máy bay, Đèo Ngươn Long hơi giật mình, một lát sau những chiếc phản lực xuất hiện rõ ràng, DNL ra lệnh tất cả ần

núp, đồng thời ra lệnh cho Lao Su điện thoại ban ám sát ở Bangkok thi hành kế hoạch đặt bom khẩn cấp.

Gerry cùng Claudia rời khách sạn trên chiếc Mercedes có quân cảnh hộ tống để đến dự Hội nghị lúc 8 giờ sáng, khi sắp đến nơi thì được cơ quan an ninh loan báo Hội nghị đình hoãn lại 2 tiếng vì có tin phòng hội nghị bị đặt bom, đoàn xe quay trở về. Claudia có vẻ lo sợ, thì Gerry cười nói, "Chính khách quan trọng khi nào cũng có nhiều kẻ thù, cứng hãy an tâm." Khi Gerry vừa mở cửa phòng khách sạn thì một tiếng nổ long trời, Gerry và Claudia chết tức khắc nằm ôm lấy nhau.

Don và mọi người vừa chạy xuống chỗ ẩn núp thì 3 chiếc phản lực mang dấu hiệu không lực Hoa Kỳ thả bom và bắn hỏa tiễn xuống phá tan tất cả các căn chòi, Don hướng dẫn mọi người chạy theo những đường mòn, trong khi đó các phi đội khác lần lượt bay đến dội bom không nương tay, đồng thời những trực thăng đổ quân đốt phá tất cả các cánh đồng á phiện. Tam giác vàng trở thành một biển lửa. Don điều khiển mọi người một cách bình tĩnh và gan dạ. Khi đã ra khỏi vùng bom đạn, Don nói với Steve và Bernie, "người sắc tộc tẩu tán dễ dàng qua biên giới Trung Hoa, còn 2 ông bà phải rời chỗ nguy hiểm này tức khắc". Khi đến một cái hang chứa 2 chiếc xe Jeep, Don và toán lính hộ vệ đưa vợ chồng Steve đến bãi trống, nơi chiếc máy bay chở Steve đã hạ cánh hôm qua, chiếc Cessna được kéo ra. Trước khi từ giả 2 người, Don rút phong bì dấu trong ngực ra đưa cho Bernie và nói, "Xin ông bà vui lòng giao tận tay một nhà báo lớn khi đến Bangkok và chúc ông bà bình an." Steve và Bernie hạ cánh xuống phi trường Bangkok được báo chí xúm lại phỏng vấn, 2 người kể lại mọi chi tiết những ngày trong khu Tam giác vàng và cuộc đời lãnh chúa Đèo Ngươn Long, nhưng nhất thiết không tiết lộ tên thật Don Straton. Sau đó Steve và Bernie liên lạc gặp một ký giả nổi tiếng của tờ Le Monde đang có mặt ở Bangkok và trao tất cả tập tài liệu của Don Straton.

Sau vụ đặt bom giết chết vợ chồng thượng nghị sĩ Gerry Manheim, tất cả báo chí ở Bangkok và các nước trên thế giới ca ngợi không hết lời và tỏ lòng thương tiếc. Quan tài Gerry Manheim và Claudia phủ lá cờ Hoa Kỳ được chở về nước và quàng ở toà Quốc Hội để chờ làm lễ quốc táng, thì hôm sau nhật báo Washington Post đăng lại nhật ký Tac Miên trên tờ Le

Monde và cuộc phỏng vấn Steve và Bernie. Đám tang của vợ chồng Gerry Manheim được chôn âm thầm chẳng còn ai nhắc đến.

Nhật báo Washington Post sau khi bình luận kết thúc, "Nhờ thượng đế phù hộ, không tở nữa chúng ta đã chọn lầm một kẻ phản bội lãnh đạo quốc gia." Brunswick ở London nghe tin vợ chồng Gerry Manheim bị khủng bố đặt bom giết chết chẳng chút xúc động, trái lại mừng thầm sẽ chiếm được kho vàng. Khi y xuống sân bay ở Washington thì bị FBI tổng giam và thú hết tội lỗi. Hoa Kỳ liên lạc với chính phủ Lào cầu hỏi lại được số vàng. Dân chúng Thái Lan không còn nghe tới Đèo Ngươn Long nữa, Lao su trở thành lãnh chúa vùng Tam giác vàng.

Steve va Bernie trở về Hong kong mở văn phòng luật sư và sinh được một đứa con trai. Nhưng hàng năm vào mùa Giáng Sinh, hai vợ chồng đều nhận được một món quà gửi từ Bahamas với tấm thiệp ghi: Cám ơn và chúc mừng hạnh phúc. Ký tên: Don Straton.

***Nguyên tác: A Web Of Dragons***

***Dịch giả: Trần Xuân Hiến***

*Boris Ekimov*

Cuối tháng 11, Vacia Kolun xuất hiện ở trong làng. Anh ta bao giờ cũng về nhà vào dịp lễ: Lễ giáng sinh, lễ tổng tiễn mùa đông, lễ phục sinh, lễ ba ngôi, khi mà thượng đế cho phép tất cả mọi người được vui chơi thoải thích. Mấy năm này, Vacia làm việc ở thành phố: Lái xe, buôn bán cái gì đó (tất nhiên không phải thứ mình làm ra), sửa chữa xe cộ. Nói tóm lại là thử đủ mọi nghề. Mà Vacia Kolun mới có 30 tuổi. Bỏ vợ. Tự làm chủ mình. Sống nay đây mai đó; thỉnh thoảng anh ta có ghé về quê thăm mẹ dăm bữa nửa tháng rồi lại đi mất. Thỉnh thoảng kiếm được anh ta rất hào phóng. Nhưng thường thì phải lục ví tiền của mẹ để trả cho những bữa nhậu nhà quê.

Lần này Vacia xuất hiện vào dịp cuối năm, giáp Tết, mặc bảnh chọe: áo da cừu thuộc xanh rêu, đội mũ có tai bịt cũng bằng da cừu thuộc, chân đi đôi boots da cao cổ. Còn cái mặt thì giống như mặt mèo, tròn xoe, rõ ra người no đủ. Xe buýt chở Vacia từ trung tâm huyện đỗ sát ngay bên xưởng cơ khí của đội sản xuất và gara ô tô. ở chỗ đó bao giờ cũng đông người.

- Ở đâu về đấy, Vasek (Vacia gọi thân mật)? - Mọi người hỏi anh ta - Trông mặt mũi đầy đặn thế kia chắc ăn nhiều, hay là ở nhà nghỉ về?

- Từ nhà tù ra.

Lập tức những câu đùa ào theo.

- Cho tớ địa chỉ nhà tù với. Chúng tớ cũng sẽ tới đấy. Tù cả đám cho vui.

- Tù cả đám không được đâu, người ta chia ra từng nhóm đấy. - Vacia cảnh cáo, nhưng vẫn cho địa chỉ: -Svarsenpumpe.

- Đấy là đâu vậy hả? - Cả bọn ngạc nhiên.

- Cộng hoà Liên bang Đức.

Đám đông im bật. Gã mugic có vẻ như nói đùa. Nhưng nét mặt thì chẳng có vẻ gì là đùa cợt cả. Lấy từ trong túi ra cái chai nửa lít đựng rượu, hân chiêu đãi mọi người, gọi là chào mừng ngày trở về quê hương, theo lệ.

Mọi người chia đều rượu, đồng loạt uống cạn. Thế rồi người ta cũng hiểu được đôi chút sự việc. Hoá ra có một bọn người Chechen hay người Gruzin làm thuê cho Vacia chuyển xe ô tô từ Đức sang Nga. Họ sang bên đó bằng máy bay. ở đấy người ta giao xe cho họ. Cứ thế mà lái về. Đến Bạch Nga sẽ có người tiếp nhận những chiếc xe đó. Vacia đã chuyển được ba chiếc. Đến cái thứ tư thì bị người Đức giữ lại ở biên giới. Trong máy vi tính có tên của hắn. Hãy bỏ tiền ra mà nộp phạt, 300 mác. Cũng chẳng hiểu vì sao lại bị phạt. Mà tiền thì không có. Thế là người ta bắt hắn ngồi tù hai tháng. Hắn mãn hạn ở cái nhà tù có tên Svarsenpumpe ấy. Đại thể, mọi người đều tin hắn. Tin cả việc hắn đã ở Đức, cả việc hắn bị tù.

Nhưng khi hắn nói đến đoạn tiếp theo thì người ta buộc phải dừng hắn lại.

- Trong mỗi phòng giam đều có tivi màu mười một chương trình nhé. Có thể xem suốt ngày đêm. Mỗi phòng giam có từ hai đến ba người. Mỗi phòng đều có buồng tắm nóng lạnh, buồng vệ sinh.

- Thôi được rồi - người ta nói với hắn, Vacia, cậu đã bươn chải rồi. Xéo về với mẹ mà nghỉ ngơi đi.

Bọn khoác lác trong vùng không thiếu. Nhưng chẳng có ai như hắn. Nhất là hắn lại ca ngợi nhà tù nữa chứ. Gì thì gì chứ người ta cũng nghe chán về nhà tù rồi. Gã Kostia chẳng đã ở tù ba năm vì bà nhạc, còn Ivan Burkov, như người ta đồn, ở tù vì say mê những vật dụng gia đình kỹ thuật phức tạp. Hắn thường có đến ba cái tủ lạnh ở cửa hàng trên huyện. Nikolai Mazaev ngồi tù những tám năm. Vì công việc, -gã giải thích ngắn gọn. Vì thế cho nên nói đến nhà tù, trại cải tạo, kỷ luật trong tù là họ cũng hiểu biết ít nhiều, đừng có tưởng dễ mà bị đưng kỹ

- Tivi màu... hai người một phòng giam... tắm nóng lạnh... buồng vệ sinh... Dân gian có câu một tắc đến trời, nhưng cũng phải có mức độ chứ. Nhà quê thật đấy nhưng đây không phải chỉ rặt bọn óc bả đậu đâu nhé. Đây cũng có đôi chút hiểu biết đấy. Nói tóm lại, họ đuổi Vacia về nhà

Đuổi người ta về thì họ cũng đã đuổi rồi, hắn cũng đã đi rồi. Với lại thằng cha này đi đứng vẫn còn đàng hoàng lắm, rõ ra người chưa say. ấ vậy mà sau khi hắn đi rồi tự dưng lại có vài người đâm ra nghi hoặc:

- Dù sao thì cũng là ở ngoại quốc... chủ nghĩa tư bản... phát rồ hết cả rồi... cứ xem tivi thì biết...

- Tivi thì nói làm gì, ở đây muốn cái gì người ta chiếu cái đó. Tuyên truyền mà lại! Thì bây giờ ở đây người ta cũng tuyên truyền về chúng ta cho mà xem.

- Cậu Khachinsev người thôn Vikhliaevski đi thăm gia đình nhà vợ ở bên Đức cũng có kể...

Đến đây bỗng dừng Nikolai Mazaev chen ngang:

- Tất cả những thứ đó đều là bịa tất! - hấn la lên. - Bốc phét tổ trời! Chỉ khoẻ dọa! Vải trải giường ư! Tivi ư! Mồ đây đã từng nếm trải cả rồi nhá, nhà tù, trại cải tạo đủ kiểu rồi! Vậy thế mà nó cứ khơi khơi làm như nhà tù là nhà văn hoá, giải trí không bằng. Thường thì gã mugic này ít lời. Thế mà bây giờ cứ nhảy chồm chồm lên, rõ ràng gã bị chạm nọc mạnh. Cứ để cho nó hót, thẳng chọi con. Thề có các cụ chứng giám, tớ phải bóc mẽ nó mới được.

Thế là từ hôm ấy mọi chuyện đã bắt đầu. Trong thôn chỗ nào cũng chỉ thấy người ta nói tới cái nhà tù ở Đức ấy. Cả tuần người ta kéo Vacia đi hết nhà này đến nhà khác. Tất cả mọi người đều thích nghe câu chuyện của hấn, cho dù cũng chẳng tin, là vì nó cứ như truyện cổ tích vậy.

- Phòng giam có loại cho một người, có loại cho bốn người, còn phòng của tớ có hai người. Chỗ vệ sinh, lavabô, nhà tắm, nước nóng suốt ngày đêm...

- Gớm quá nhỉ! Còn chỗ chúng ta thì họ lại đóng cửa nhà tắm công cộng.

- Trong mỗi phòng giam đều có tivi màu. Chiếu cả mười một chương trình.

- Bao nhiêu? - Mười một. - Sướng nhỉ... - Có ai đó thờ dài - Nhà tù gì mà sướng thế.

- Nếu thích xem hoạt hình, có riêng một chương trình. Muốn xem đá bóng có đá bóng, muốn khúc côn cầu có khúc côn cầu. Còn phim hình sự thì thôi rồi, cứ gọi là thoải mái suốt ngày đêm. Mỗi phòng lại còn có cả tủ lạnh nữa chứ.

- Thế có cái gì ở trong ấy?



- Những thứ mua ở cửa hàng chứ còn cái gì. Cửa hàng làm việc hàng ngày mà cái gì cũng có chứ chẳng như cửa hàng ở thôn ta đâu. Nếu không có cái gì thì cứ việc đặt, người ta khắc mang tới vào ngày ngày hôm sau.

Những buổi nói chuyện như vậy thường diễn ra trong bếp, nơi người ta uống hết chai này tới chai khác, nhắm rượu với dưa chuột muối, bắp cải muối, mỡ muối hay đồ nguội. Còn hút thuốc thì phải ra ngoài không thì khói thuốc khéo mà làm tắc cả mái nhà mắt.

- Ban ngày nhà giam khoá cửa. Nếu muốn đi dạo thì đi dạo ở các tầng. Muốn chơi thể thao hả, cứ việc đến phòng tập luyện, ở đấy có đủ mọi loại dụng cụ. Có cả máy chạy, chạy hoai ở trên đó mà cứ như đứng nguyên tại chỗ. Có cả xe đạp, bàn bóng bàn. Nếu không thích chơi thể thao thì vào thư viện. ở đấy đầy sách đủ các thứ tiếng. Có cả tiếng Nga. Tớ cũng đã mượn.

Vacia ngồi ở chỗ trang trọng nhất, thông thả nhắm rượu với đồ nguội.

- Nhưng đồ nguội ở đó lại cóc có, cái gì đã không có là không có. Các thứ còn lại thì cứ việc ních căng bụng. Buổi sáng dứt khoát phải có yogurt.

- Cái gì, cái gì?...

- Yogurt. Một dạng sữa chua, nhưng ngọt và có thêm mùi trái cây. Cứ việc ăn thả sức, căng bụng. Bữa trưa, hôm thì người ta cho ăn thứ súp đặc nấu với khoai tây nghiền, hôm thì súp đậu, hôm súp rau, giống như súp củ cải đỏ nhà mình ấy.

- Thế có sampan không đấy? - Mazaev không nhìn được.

- Người ta tổ chức khiêu vũ một vài lần, có nhạc sống kèm theo. Đàn ông đàn bà đều được thả cả ra để nhảy với nhau. Khi đó thì có cả rượu và bia.

- Mà không bốc phét đấy chứ? - Trong nhà tù còn có cả khiêu vũ nữa...

- Mazaev không còn giữ được bình tĩnh. - Nikolai! Người ta cảnh cáo hăn - đi hút thuốc đi. Mazaev ngoan ngoãn bước ra ngoài. Gặp ai ở hành lang hăn cũng giận dữ chứng minh:

- Rõ ràng là nó nói dối! Chính bản thân tớ đi hết nhà tù nọ đến nhà tù kia... Cả trong các trại cải tạo kiểu mẫu cũng đã từng, có những nơi giam giữ những người ngoại quốc, mà kể cả đấy cũng không phải nhà nghỉ, cũng không phải nhà trẻ! Đấy là nhà tù có chấn song sắt! Hăn nói dối! Gầy gò, rúm ró, Nikolai bỏ nhào hết người nọ sang người kia, hai mắt đỏ kè.

- Nếu như không làm việc người ta vẫn cho năm mươi mác một tháng để tiêu vật. Cũng đủ... Còn nếu như làm việc thì được ba trăm mác - đó là lương tối thiểu ở nước người ta, ít hơn không có. Đó là lương cho người quét dọn, làm vườn, trồng cây trong nhà kính, chăn thả, giặt giũ. Cũng có thể nhận được tới năm trăm, thậm chí bảy trăm mác.

- Nếu tính ra tiền ta thì chỗ đó là bao nhiêu?

- Thì cứ tính đi... Một mác ăn mười hay mười hai rúp. Năm trăm mác - vị chi là hơn năm trăm nghìn, khoảng sáu bảy trăm nghìn gì đó.

Những tiếng kêu, tiếng tranh cãi nổ ra âm âm. Là bởi vì người ta chẳng bao giờ được nhìn thấy số tiền lớn đến như vậy. Lương hai ba trăm rúp nhận được còn là khướt. Thôi thì đủ các loại giấy tờ, rồi ký nhận, cuối cùng thì cả năm cũng còn không nhận được.

- Đồ dối trá khốn nạn! - Nikolai mất giọng, khào khào nói. - Tao gặt lúa có đến cả tháng rưỡi trời... không rời khỏi máy gặt... làm cả ngày lẫn đêm mà cũng chỉ được có nghìn rưỡi... mà số tiền đó cũng đã nhận được đâu... Nói dối! - Và không chịu được, hấn vùng bỏ ra ngoài phố để băng tuyết làm dịu bớt cái đầu.

Vacia bình thần nhìn cảnh om sòm. Hấn thông thả làm một tợp rượu nhắm với đồ nguội chấm tương ớt. Hấn khen:

- Chỗ ấy thế mà không có đồ nguội. Cái gì đã không có là không có. khi đám đông trật tự trở lại, hấn lại tiếp tục hót:

- Xà phòng, nước gội đầu, kem đánh răng, bàn chải, dao cạo và các thứ khác người ta cho không. Mặc thì quần áo của họ. Khăn trải giường, khăn tắm, khăn mặt, đồ lót thay hàng ngày. Người ta vừa đẩy chiếc xe đựng đồ dọc theo ban công vừa kêu: Có ai cần giặt không!. Chỉ việc vất quần áo bẩn vào đó, rồi nhận lấy quần áo: Cu:

- Thế mới là sống chứ... - Có ai đó ghen tức. - Hết như đi nghỉ biển vậy. Giá mà được đến đấy nhỉ...

- Thì cứ việc, - Vacia thông báo. - Cứ đi đến Berlin, ở đó có ga SO ngay trong thành phố. Đi một vòng quanh ga sẽ tìm thấy một văn phòng. ở đó người ta sẽ phát cho cái vé ngủ không mất tiền, rồi hướng dẫn tiếp đến chỗ đó như thế nào.

- Còn gì nữa, phải mau mau mà tới đó thôi!

Cứ như vậy các buổi chiều trôi nhanh: Hết chai rượu nọ đến chai rượu kia được đặt lên bàn. Các thứ đồ muối, đồ mặn, mỡ muối nhà làm. Vacia Kolun ngồi ở chỗ trang trọng: Trong phòng giam nào là tủ lạnh, tivi màu, tủ đựng quần áo, tủ nhỏ để đầu giường, bàn... Ngày hôm nay hẳn ca bài ca này ở một nhà, ngày mai nhà khác lại gọi hẳn tới.

ở nhà Vacia bị mẹ mắng: - Đừng có mà lê la các nhà như vậy. Mà không biết xấu hổ hả con? Cả thôn cứ âm ỉ cả lên... Xóm giềng người ta chê cười cho... mà còn trẻ, còn phải sống chứ con. Trong họ nhà mình từ trước tới nay chưa có ai bị tù đày bao giờ.

- A - a... - Vacia phẩy tay.

Mẹ chẳng hiểu gì cả, có giải thích cho bà ấy cũng bằng thừa.

Như mọi lần, Vacia sống ở nhà độ hai tuần, chờ cho tới khi bà mẹ lĩnh được lương hưu mới đi khỏi. Người ta nhìn thấy hẳn lên xe buýt. Trên người diện áo da cừu thuộc màu xanh, đội mũ cũng bằng da cừu thuộc có tai bịt, chân mang đôi boots da cao cổ - tất cả đều còn mới toanh.

Hẳn đi khỏi, dần dần người ta cũng quên hẳn, quên cái nhà tù ở Đức. Cuộc sống hiện tại đâu có đơn giản: ở nông trang mọi thứ đều nát bét, không có lương, máy cày máy kéo không có phụ tùng thay thế. Mà máy kéo thì cần phải sửa chữa gấp, mùa xuân tới nơi rồi. Cần phải gieo hạt, lại còn cả đồng ruộng chưa kịp cày vỡ từ hồi mùa thu.

Từ sáng sớm đội trưởng đi tới văn phòng, từ đấy ra anh ta dữ như quỷ, cứ hét toáng lên:

- Còn chờ cái gì nữa đây?! Phải làm bằng sức của mình ấy!!!

- Làm thế nào?! Ông không nhìn thấy chắc?!...

Cuộc cãi cọ chửi bới bắt đầu. Sau đó đội trưởng thở dài nói:

- Hoặc là chúng ta bỏ tất cả rồi mang vợ con cuốn xéo khỏi đây, đi đến cái... nhà tù nơi mà Kolun ngồi trên cái bệ xí ấm ấy. Ai có địa chỉ cái nhà tù ấy không? Hẳn ta đã cho rồi cơ mà. Có ai ghi lại không?

Hoá ra chẳng có ai ghi lại cả.

- Thế thì tiến lên phía trước và hát lên. Chẳng ai khổ hộ cho mình đâu. Và cũng chẳng ai nuôi chúng ta cả. Không nên chờ đợi nữa. Thời gian chẳng có chờ ai đâu.

Thời gian, quả vậy đang trôi nhanh đến mùa xuân. Tính mà xem, đã là cuối tháng giêng mất rồi. Tháng hai đang ở ngay trước mặt. Cần phải chuẩn bị gấp. Tiếp theo là việc nọ nối tiếp việc kia: Nào bừa đất, gieo hạt, cày... cứ thế, cứ thế cho đến tận mùa thu.

Đang là cuối giêng. Băng giá. Tuyết rơi chắt đống. Nhưng ban ngày mặt trời sưởi ấm - đầu đó băng bắt đầu tan chảy từ nóc nhà, làm thành những que nhũ rử xuống: Káp - káp... káp - káp... Nghe rõ mồn một. Những con chim khuyên thử giọng: Dzen - dzen! Lũ trẻ từ trong trường ùa ra, cả thôn ngập trong tiếng cười lạnh lạnh của con trẻ. Đó là dấu hiệu. Công việc của mùa xuân đã bắt đầu.

***Đào Tuấn dịch***

*Kate Douglas Wiggin*

Vào buổi sáng sớm Giáng Sinh, trong sự im lặng của một ngày vừa lên, những bụi tuyết rơi nhẹ nhàng trên những mái nhà, một đứa bé tí hon vừa chào đời trong một gia đình chim. Cả nhà chim đã có ý định từ trước là đặt tên cho bé là Lucy, nếu em bé là con gái, nhưng họ không nghĩ rằng bé gái lại được sinh ra đúng vào buổi sáng ngày lễ Giáng Sinh, và một đứa bé của ngày Giáng Sinh không thể nào lại có một cái tên quá nhẹ như vậy được - tất cả mọi người trong nhà đều đồng ý về điều này.

Thế là một cuộc tham khảo ý kiến đã diễn ra ngay trong khu vườn.

Ông Cầm, cha của bé mới vừa chào đời, đã nói rằng chính ông ta là người đã đặt tên cho 3 đứa con trai nên ông ấy để dành phần danh dự này cho bà Cầm; Cậu bé Đô thì lại muốn đứa bé tên là "Thy", vì nó xinh xắn với những sợi tóc con gái xoắn tít sẽ ngồi bên cạnh cậu bé trong lớp học; Cậu Bôn thì chọn cái tên là "Liên" vì Liên là một nữ y tá đã từng theo học lớp âm thanh với cậu lúc cậu còn nhỏ cho đến lúc cậu biết mặc quần dài và đó là cái tên gợi đến tất cả những gì thoải mái, an toàn nhất theo cậu.

Chú Dắc thì nói rằng tên của một đứa bé gái thứ nhất trong nhà phải là tên của chính mẹ nó bất kể cái tên đó đẹp hay xấu.

Phần bà nội thì bảo là bà không muốn tham dự vào chuyện bàn cãi này. Việc này làm cho tất cả mọi người đều sức nhớ lại rằng bà Cầm đã chọn tên Lucy, một tên đầy may mắn trong cuộc sống, tên của chính mẹ bà, bà nội, và chính bởi thế nên nếu bà can dự vào việc chọn tên thì có vẻ thiếu tế nhị nếu bà đề nghị với người khác cái tên mà bà ao ước một cách rất tự nhiên: Lucy.

Huy, bé nhất nhà cho đến lúc mà bé gái chưa ra đời, đang ngồi thu mình trong một góc, không nói năng gì, nhưng cũng thầm nghĩ rằng bây giờ lại có một đứa bé mới trong nhà nhất lại là con gái, rất có thể nó sẽ không còn được quý mến chiều chuộng như trước nữa. Huy cảm thấy trong lòng cậu là một sự ghen tỵ. Nhưng đây là một vấn đề quan trọng cần phải được giải

quyết, giải quyết ngay tại chỗ, nhất là mẹ đã yêu cầu, và mọi người nhận thấy rằng đó là một sự khó khăn để cùng đưa đến một quyết định một cách hoàn toàn khôn ngoan, đúng đắn và hoàn hảo.

Lý do mà vấn đề được mọi người bắt buộc phải thảo luận ngay trong buổi sáng nay vì bà Cầm đã tuyên bố chắc nịch rằng bà không thể tự cho phép bé gái vừa ra đời của bà không có tên vào buổi tối hôm đó. Mọi người trong nhà ai cũng biết rằng bà Cầm là một người đàn bà đầy cá tính nhất là mỗi khi phải quyết định một việc gì, bà bảo rằng nếu để em bé không có tên thì việc này sẽ làm cho bà phải phiền não từng giờ từng phút. Bà còn nói thêm là nếu mọi người không thể làm cho đầu óc mình sáng tỏ trong vòng 24 tiếng đồng hồ thì đó là điềm ứng trước rằng... - (ở đây tôi không dám nói rõ thêm vì sợ rằng bạn sẽ nghĩ xấu về bà mẹ đáng yêu nhất thế giới này).

Cũng chính vì để suy nghĩ nên Đô đã lôi chiếc xe đẩy bằng chân có ba bánh mới toanh và ra khỏi nhà chạy lên chạy xuống trên vỉa hè đá làm vướng chân người qua đường trong lúc đó thì trên một bậc thềm cao vì vừa nghĩ lại vừa hát mà Bôn đang mệt lử cả người.

Nhưng Huy thì vẫn không rời khỏi cảnh tượng đầy huyền ảo này. Cậu ta đang ngồi trên cao của chiếc cầu thang tại hành lang, thỉnh thoảng đập đầu vào thành tay vịn, như một cách để giải tỏa sự bức bối của cậu rồi sau đó cậu cố nén lại trong lúc chờ đợi "tuyên chiến" nếu "đứa bé gái đầu tiên này "đẩy" cả gia đình vào sự tranh cãi vì một chuyện chẳng có gì gọi là quan trọng.

Trong khi đó thì bà Cầm ở trong phòng, tuy có vẻ hơi yếu nhưng rất sung sướng với bé gái sơ sinh bên cạnh và cái chức năng làm mẹ rộng mở trước mặt bà.

Người nữ y tá đang nấu cháo trong bếp, cả gian phòng tối nhưng thật yên tĩnh. Lửa trong chiếc lò sưởi đang như reo vui. Nếu những cánh cửa cái đóng kín thì những chiếc cửa sổ ở mé bên, nghiêng về mé nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế, ở gần đó, đều mở hé.

Bỗng dưng, một thanh âm vang đi trong bầu không trung sáng rực và cuốn vào trong căn phòng. Một đội nam đồng ca thiếu niên đang hát thánh ca Giáng Sinh. Càng lúc càng rực lên một màu hồng trong suốt, giọng thật êm, đầy hy vọng và niềm vui, như giọng của những đứa trẻ bao giờ cũng

có. Càng lúc càng phong phú nở bùng giai điệu du dương như một sự sung sướng đang căng thẳng vụt rơi trên nhau trong niềm hoan hỉ thật hài hoà:

*"Cùng hát mừng, các anh em, cùng hát mừng,  
Hát mừng niềm vui tràn trề,  
Hát mừng những tin vui,  
Hát mừng niềm vui!,  
Và nguyện cầu một Giáng Sinh bình an hạnh phúc,  
Cho tất cả nhân loại.  
Cùng hát mừng, các anh em, cùng hát mừng,  
Cho ngày Giáng sinh trở lại."*

*Một tiết khác tiếp theo vẫn với điệp khúc đầy niềm vui:*

*"Và nguyện cầu một Giáng Sinh bình an hạnh phúc,  
Cho tất cả nhân loại.  
Cùng hát mừng, các anh em, cùng hát mừng,  
Cho ngày Giáng sinh trở lại."*

Bà Cầm có cảm tưởng rằng âm nhạc đang lững lờ trôi trong giấc ngủ nhẹ nhàng của bà. Bà và bé vừa chào đời đã cùng dạt trôi vào thiên đàng và các thiên thần đã đón mừng họ.

Bà mở mắt và kéo em bé lại gần bà hơn. Trông nó giống như một bông hồng thấm trong sữa, bà ngắm nghĩ, màu hồng này và bông hoa trắng của con gái, hay giống như màu hồng của bé gái ngây thơ, với hào quang của mái tóc vàng nhạt, mịm màng còn hơn những sợi tơ tầm nữa.

*"Cùng hát mừng, các anh em, cùng hát mừng,  
Hát mừng niềm vui tràn trề,  
Hát mừng những tin vui,  
Hát mừng niềm vui!"*

Giọng hát ngập tràn niềm vui.

- Tại sao lại như vậy được nhỉ! con gái bé của mẹ! - bà Cầm thì thầm với một giọng êm dịu đến ngạc nhiên - Tại sao mà mẹ lại có thể quên mất hôm nay là ngày gì nhỉ? Con là một hài nhi Giáng Sinh, như thế từ nay trở đi chúng ta sẽ gọi con là Carol - Mẹ là mẹ của bé Christmas Carol!

- Cái gì chứ?. Ông Cầm, từ ngoài bước vào thật nhẹ và khép cửa lại sau lưng ông, hỏi.

- Tại sao? anh Cầm, anh cứ nghĩ xem, "Carol" là cái tên thật êm dịu cho một em bé sinh vào ngày Giáng sinh có phải đúng không anh?

- Tên này đến với em vào lúc nghe tiếng hát trong khi em đang nửa thức nửa ngủ. Bà Cầm nói tiếp.

- Anh cũng thấy đó là một cái tên thực dễ thương em ạ, hình như cũng giống như em và anh nghĩ rằng cô bé tí hon của chúng ta sẽ có cái may mắn trở nên đẹp đẽ như mẹ nó về sau này...

Thế là Carol trở thành tên của cô bé.

Lẽ tất nhiên, cái tên này cũng làm cho một vài người trong nhà cho là quá giản dị, còn cho chú Dắc thì vừa cười vừa tuyên bố rằng một số người trong gia đình nhà Cầm có thể không thoả mãn lắm chỉ vì tên Carol quá ngắn nhưng về phần bà nội, một người rất yêu quý trẻ em, thì lại nghĩ rằng cái tên không hay bằng tên Lucy nhưng bà cũng hoan hỉ vì mọi người sẽ cho rằng đó là tên gọi tắt của tên Caroline.

Rất có thể vì được sinh ra vào thời gian nghỉ lễ nên Carol là một em bé hoàn toàn hạnh phúc.

Lẽ dĩ nhiên, em còn quá nhỏ để hiểu được sự vui sướng của thời kỳ Giáng Sinh song theo như lời mọi người vẫn thường nói thì tất cả đều tùy thuộc vào sự khởi đầu may mắn và Carol mặc dù đang hít thở một cách vô ý thức mùi hương ngát của những món đồ trang hoàng xanh tươi và mùi bữa ăn thịnh soạn của ngày lễ trong khi đó những hồi nhạc ngựa kéo xe trượt tuyết chạy ngang qua nhà cùng tiếng cười sung sướng của trẻ em có thể lọt vào đôi tai nhỏ tí của em bé để làm em tỉnh thức với niềm ngạc nhiên thích thú cùng cái thế giới vui tươi mà em vừa đến sống.

Đôi gò má và đôi môi cô bé đỏ ửng như trái cây nhựa ruồi (houx), màu tóc bé là cả một thế giới màu lửa bùng của ngọn nến Giáng sinh; đôi mắt bé ngời sáng như sao, tiếng cười của bé là tiếng chuông reo của chuông Giáng Sinh và hai bàn tay nhỏ tí của bé luôn rộng mở như để tặng biếu.

Đúng đây là một sinh vật nhỏ bé nhưng lại thật rộng lượng như chưa bao giờ người ta được trông thấy! Một muống súp bánh mì tròn sữa đều được bé chia xẻ với mẹ hay cô y tá lúc hai người này nếm thử trước khi cho bé ăn. Một chút bánh ngọt hay một mẫu kẹo mút trong những ngón tay nhỏ xíu của bé cũng đã được bẻ ra làm hai, làm ba để chia cho ông Cầm, Bôn hoặc



Huy và lúc mà cha, chú hay anh của bé giả bộ nhấm nháp mẩu bánh được chia với một vẻ thoả mãn thì bé vỗ vỗ hai bàn tay hay bi bô bằng một giọng đầy vẻ hài lòng vui thích.

- Sao em bé lại làm được thế nhỉ?. Ông Cầm lên tiếng rồi nói tiếp - Không một ai trong bọn đàn ông chúng ta làm như vậy được.

- Em cũng không biết nữa!. Bà Cầm đáp lại rồi như muốn lôi cuốn tâm trạng của người chồng yêu quý của bà, bà nói tiếp:

- "Chỉ có một điểm đặc biệt: bé là một em bé của Giáng Sinh, và bé là một phần nhỏ tí của ngày sinh nhật thiêng liêng mà thế giới này chưa từng được biết!".

*Anatoly Kim*

*K*há hài lòng với kỳ thi học kỳ, Insu đáp máy bay từ Leningrat về quần đảo Xakhalin xa xôi; và chẳng bao lâu sau, chàng đã đứng trước cửa nhà mình. Từ ngoài sân, chàng thấy đứa em trai đang ôm con mèo xù to như một con báo, đôi mắt nó láu liêng liếc nhìn con cá khô treo chỗ cây ngư bàng ngoài hiên nhà. Đứa em trai buông con mèo, mừng rỡ đón anh mình.

Con mèo chớp thời cơ lao vút về phía cây ngư bàng rồi nhẹ nhàng rơi xuống không gây ra một tiếng động.

- Khisu ơi, mau mau báo cho tụi bạn anh hay tin... Anh có đem về mấy chai whisky Scotland. Kêu tụi nó tới cho tụi nó thử rượu ngoại... Lấy xe đạp đi cho nhanh, em!

Đứa em lập tức biến mất. Còn lại một mình, chàng sinh viên thành Leningrat mỉm nụ cười buồn nhưng hạnh phúc. Cha mẹ đang đi làm. Chàng cởi veston, cả sơ mi và cà vạt liệng vào góc phòng rồi trải tấm chăn bông xuống sàn nhà, lăn ra ngủ. Chuyến bay dài xuyên qua một đất nước rộng lớn làm chàng thấm mệt.

Chiều, nhóm bạn họp lại ngồi bên mấy chai whisky. Dù trước kia khá thân thiết, nhưng giờ đây dường như giữa họ có một khoảng cách vô hình nên không khí ít cởi mở. Insu mặc sơ mi vẫn thắt hờ chiếc cà vạt theo kiểu người thành thị. Chàng đang kể cho bạn nghe về Leningrat với bao danh lam thắng cảnh, ở đó hiện giờ đang là những đêm trắng, cùng những sinh hoạt văn minh, thơ mộng, như đọc sách trong Vườn Mùa hè, câu cá trên sông Nhêva... Rồi quay sang người bạn có tên là Bônggi, chàng nói:

- Vậy mà chỉ còn mỗi mình mình ăn cá. Đôi lúc nghĩ, thấy buồn...

Đó là một câu bóng gió, bởi trước kia Insu và Bônggi cùng đến Leningrat, cả hai thi vào trường Bách khoa và cùng học được một năm. Rồi Bônggi quyết định chia tay thành phố thơ mộng nằm bên sông Nhêva, quay về Xakhalin cưới vợ, gác lại cả thế giới đang rộng mở và những kiến thức

lớn lao đang chờ đợi anh. Vợ Bônggi là một cô gái nhỏ thó, ông ẹo, tục danh Lixixa (1). Sở dĩ người ta gọi cô như vậy bởi từ nhỏ cô là đứa bé không bình thường. Cô hay thơ thẩn ngoài đồng hoặc loanh quanh dọc bờ biển, đôi khi lại trốn trong nhà kho của một người láng giềng... Nhưng khi lớn lên, cô trở nên dễ coi lạ. Lúc ấy nhiều chàng trai tới lui đặt vấn đề, Lixixa từ chối và lẩn tránh tất cả những kẻ để ý mình, trong số đó có anh chàng Bônggi nói lắp và nhút nhát.

Bônggi nhỏ người, vai hẹp, nhìn cuộc đời với đôi mắt đen ngơ ngác như sợ sệt. Anh cũng không hy vọng lọt được vào mắt xanh của Lixixa, bởi anh biết mình chẳng thể so cựa nổi với ai. Vì vậy khi đến Leningrat, Bônggi có viết cho Lixixa lá thư từ biệt. Ngay sau đó Bônggi nhận được hồi âm của cô với nét chữ to, rõ ràng bằng mực học trò, đầu khoảng mười dòng; đại ý cô rất cảm động với lá thư từ phương trời xa, rằng nó đến với cô như tia phản chiếu của ánh mặt trời trên đỉnh núi; và rằng Bônggi đừng hiểu lầm cô mà cho tình yêu của mình là tuyệt vọng...

Bônggi không còn biết trời đâu đất đâu. Anh hạnh phúc đến độ định... nhảy từ cầu Anhicốp xuống sông Nhêva để kết liễu đời mình, nhưng may mà Insu kịp ngăn anh. Nhân đó Insu còn vạch cho Bônggi thấy sự đồng đánh và gian trá của Lixixa, cho đó là những lời lừa phỉnh. Insu không nằm trong số người ái mộ Lixixa, chàng luôn có ác cảm với cô, cho rằng cô chỉ đáng là loại phụ nữ chỉ biết đẻ con và nô lệ chồng. Chàng khuyên Bônggi đừng nghĩ tới Lixixa nữa, coi chừng sập bẫy cô ta!

Song mọi chuyện diễn ra không như ý muốn của Insu. Học xong năm thứ nhất, Bônggi về quê nghỉ hè rồi cưới Lixixa, không bao giờ trở lại Leningrat nữa. Anh mở một tiệm điện nguội ở gần mỏ, và năm sau Lixixa sinh con trai.

Đám bạn cũ tiếp tục hàn huyên. Insu nói luôn miệng. Chàng kể về những cây cầu mới, về những buổi hừng đông trên sông Nhêva, và khoảng không bao la của đất nước mà xuyên qua khoảng không ấy chiếc máy bay của chàng chỉ nhỏ bé và chậm chạp như một con chuồn chuồn. Bạn bè chăm chú nghe chuyện chàng. Insu nhìn họ thông cảm, bởi ngoài Bônggi, chưa ai ra khỏi vùng đất Nam Xakhalin này. Ba năm chàng vắng mặt, họ đã kịp

cưới vợ, đẻ con, mà Bônggi là người có con sớm nhất; anh còn kịp nhận thêm tục danh: Bônggi "cha".

- Cuộc sống của mình bây giờ là vậy, - Insu kết thúc - còn các bạn, có gì mới không?

Khách đưa mắt nhìn nhau im lặng. Sau đó một người lên tiếng: Tối ngày làm việc bù đầu dưới mỏ thì mới mẹ gì!

- Có chớ. Tụi tao đã sắm xe gắn máy - Một người khác bổ sung - Thậm chí thằng Hoan còn kịp bán đi...

- Sao bán vậy, Hoan? - Insu hỏi.

- Cũng... hổng có gì! - Hoan lâu bầu rồi ngậm tằm.

- Chuyện có hơi ly kỳ và rùng rợn... - Ai đó bắt đầu kể - Thằng Hoan mua lại của ông Jadaba chiếc Uran loại có thùng. Chắc mày chưa biết, Jadaba bị chết trôi hồi năm ngoái. Đêm nọ thằng Hoan chạy xe ngang qua cầu thì thấy có người đứng vẫy tay xin đi nhờ. Hoan dừng xe, người ấy ngồi lên phía sau rồi bất thần bóp cò nó... Lúc ấy trăng vừa lên và thằng Hoan nhận ra người đó là Jadaba! Nó sồn đái, cầm đầu cầm cò chạy. Sáng hôm sau tụi tao tới thì thấy chiếc Uran dựng dưới dạ cầu...

Nghe xong, chàng sinh viên nghi ngờ lắc đầu:

- Mới uống chút xú mà say rồi sao? Bộ quý vị tưởng mình điên à. Toàn chuyện tào lao!

- Không tin mày hỏi thằng Hoan coi. Ồi, whisky ngoại nhẹ hều thì thấm tháp gì với dân mỏ tụi tao. Bao nhiêu đây chỉ đủ nhỏ lỗ mũi. Còn chiếc Uran thì tụi tao phải xúm nhau mới khiêng nổi lên cầu...

- Quý vị ơi, bây giờ là thế kỷ hai mươi rồi, thế kỷ của ánh sáng. Liệu có thể tin những chuyện như vậy...

- Ai không tin chớ tui tin. Sẵn kể luôn chuyện này cũng xảy ra ở Xakhalin mình: Một đêm khuya, bác tài taxi về muộn. Một cô gái dừng trong góc tối vẫy xe lại nói địa chỉ rồi ngồi lên phía sau. Bác tài dòm vô kính chiếu hậu định chiêm ngưỡng dung nhan cô gái mà số phận đã trao cho bác vào đêm khuya buồn. Lạ, không thấy cô gái trong kính. Bác quay đầu lại. Cô gái vẫn ngồi đằng sau. Bác dụi mắt nhìn vô kính lần nữa. Tất cả hiện lên chỉ trừ cô gái. Vì bác tài còn khá trẻ nên không nghĩ đến chuyện ma, chứ nếu già, bác sẽ đoán ngay số phận đã trao ai cho bác. Mặc kệ, bác cứ

chờ cô gái tới địa chỉ cần thiết. Xe dừng lại bên ngôi nhà gỗ tồi tàn kiểu Nhật. Cô gái biểu bác tài chờ để cô vô nhà lấy tiền. Chờ khá lâu, bác tài tức tối bước vào nhà. Chỉ thấy ở đó hai ông bà già lợm khòm. Bác tài hỏi cô gái đâu? "Cô gái nào? Ở đây chẳng có cô gái nào cả". Bác tài mới thuật lại đầu đuôi... Đến lúc ấy hai ông bà già quỳ xuống sàn nhà mà khóc. Hóa ra đó là đứa con gái của họ, cô chết đã ba năm trước; và hôm ấy là ngày giỗ của cô nhưng họ lại quên...

- Stop! Đủ rồi! - Chàng sinh viên như bị xúc phạm - Nói thiệt các bạn đừng giận, chớ ba cái chuyện mê tín dị đoan đó xưa rồi. Không phải mấy năm nay được học hành đàng hoàng rồi mình đâm ra tự cao tự đại đâu. Sự thật là tụi mình đang sống trong thời đại khác, thời đại của tư duy chính xác và của toán học. Quý vị đã biết thế nào là tia la de chưa? Và cái gì bỗng chốc từ mặt đất vọt tuốt lên cung trăng?

Insu nói như rít rồi dấm mạnh nắm dấm xuống bàn. Chàng mệt mỏi tháo rộng chiếc cà vạt dưới găm bàn, con mèo xù đang thiu thiu ngủ, chốc chốc lại mở đôi mắt xanh nhìn chăm chăm vào cái cà vạt màu bạc đang đung đưa của chủ, giống như một con cá. Khi nắm dấm nện xuống, con mèo bỗng hoảng loạn. Trong trạng thái mơ màng nó chọt gào lên, rồi như một viên đạn, nó bay thẳng vào Insu, đưa những móng vuốt tóm lấy cái cà vạt, toàn thân va mạnh vào vai chàng rồi theo đà bay ra cửa. Chàng sinh viên cũng sợ hãi gào lên, tiếng gào còn lớn hơn tiếng của con mèo. Chàng ngã ngửa ra sau làm mấy vỏ chai lăn ngổn ngang trên sàn nhà.

Đám bạn thợ mỏ cười ầm. Khi tiếng chai lọ thoi va chạm và tiếng cười cũng ngừng, ai đó đỡ chàng sinh viên dậy, chỉ vào mảng rách chỗ cổ áo sơ mi của chàng, vừa cười vừa giải thích trong khi mặt chàng hãy còn xanh lét:

- Đó là hình phạt về cái tội mà coi thường tụi tao, không tin những gì tụi tao kể. Nên nhớ rằng, ở đây là Xakhalin chớ không phải Leningrat của mày đâu nghen, Insu. Tất nhiên tụi tao chẳng cần biết cái gì bỗng chốc từ mặt đất vọt tuốt lên cung trăng, nhưng về cái vụ tia la de thì thằng Hoan đây là chuyên gia thứ thiệt! Nó còn học được cả cách đánh bắt cá bằng tia la de...

- Tia la de thì liên quan gì đến cá? - Chàng sinh viên hỏi với nụ cười mỉa mai.

- Liên quan chớ. Thăng Hoan kiếm ở đâu được ba ký lô tia la de, nó giăng từ đảo Côba đến mũi Traikinô, con cá xấu số nào đâm đầu vô cái tia đó kể như được sẩy khô ngay tức khắc, chỉ việc gỡ đem về làm mồi... nhậu! Ha ha...

Đám bạn thợ mỏ đùa giỡn đến gần nửa đêm. Họ vui vẻ và hài lòng từ già chủ nhà. Chàng sinh viên bước ra tiễn họ. Hai người lúc đến bằng mô tô thùng đề nghị đưa những người còn lại ai về nhà nấy. Insu và Bônggi thì đang to nhỏ tâm tình. Rồi không hiểu sao Insu lại leo lên thùng xe ngồi cùng với Bônggi “cha”. Trong đêm hè ấm áp, trên đường đi họ hát vang, át cả tiếng máy xe.

Bônggi cùng Insu xuống xe cạnh nhà anh.

- Bônggi nè, mình hỏi thiệt, bỏ học cậu có tiếc không? - Insu hỏi.

- Lẽ ra thì không nên bỏ... phải không? - Chàng cựu sinh viên lấp bắp.

- Ôi, cậu thật là... - Insu thốt lên rồi vỗ vai bạn - Cậu còn nhớ lần tụi mình học bài thi trong khu Vườn Mùa Hè không? Sau này mỗi lần tới đó là mình nhớ đến cậu...

- Dường như trời sinh ra tao không phải để học. Bônggi “cha” nói - Mà y hãy ráng học đi, học cho mà y và cho cả tao nữa.

- Thôi im đi! - Đã ngà ngà say, Insu giận dữ la lớn, chút nữa thì chàng để rơi nước mắt vì buồn thương cho bạn.

Bônggi “cha” đề nghị ghé vào nhà anh chơi, và nếu muốn thì họ có thể ngồi lai rai tới sáng cũng được vì Lixixa, vợ anh, đã về nhà cha mẹ ruột ở Nheben; ngày mai anh lại là ca chiều...

- Không đời nào, - Insu nói - không đời nào tôi vào nhà Lixixa, kẻ đã tước mất bạn của tôi. Có thể một lúc nào đó nghĩ lại, tôi sẽ ghé. Còn bây giờ thì... Thôi, tạm biệt cậu, Bônggi “cha”!

Insu đột ngột từ già bạn. Và chàng đi, miệng khẽ huýt sáo giai điệu mà lúc nãy họ cùng hát khi ngồi trên mô tô: “...Trong tán cây xanh của đời, chúng tôi, những đứa trẻ rong chơi...”.

Những gì xảy ra sau đó chúng tôi được biết qua lời kể của Khisu, đứa em trai mười tuổi của chàng. Trong giây phút hoang mang cực độ, chàng đã thuật lại hết cho đứa em trai của mình nghe, ngoài ra không hề hé môi với một ai.

Sau đây là những gì Khisu kể lại: Sau khi từ giã Bônggi "cha", Insu băng qua khu bãi nhị tì cũ của người Nhật để về nhà. Trăng chiếu sáng. Đêm hè ở Xakhalin yên lặng. Nghe rõ cả tiếng của những sợi dây tời khua ngoài cảng xa. Đến giữa bãi nhị tì thì bất ngờ xuất hiện con vật nhỏ, qua ánh trăng chàng nhận ra đó là con cáo. Con cáo chạy ra từ một ngôi mả đá phía bên trái. Chàng sinh viên đứng lại, bình thần nhìn con cáo rồi đi tiếp, đầu nghĩ ngợi mông lung. Khi thoát ra khỏi sự suy nghĩ, chàng nhận ra mình đang đi về hướng ngược lại, ngôi mả đá giờ đã nằm bên phải. Chàng tự rủa thầm rồi quay lại. Lập tức một ý nghĩ khác lại bám lấy chàng. Chàng cứ đi, rồi một lần nữa ngôi mả đá lại nằm phía bên phải. Cứ như vậy cho đến khi Insu không còn xác định ra phương hướng. Cuối cùng, lấy hết can đảm, chàng chạy càn ngang bãi nhị tì với hy vọng sẽ tìm thấy con đường quen, nhưng cứ càng chạy thì càng lạc sâu vào mê cung của bãi nhị tì. Tại đây, cách chàng không xa, con cáo đang thập thò trong bóng tối của ngôi mả đá, nhếch môi nhìn chàng như cười. Insu giận dữ lượm viên đá ném con cáo. Viên đá chạm vào ngôi mả đá tóe lửa. Con cáo biến mất.

Trái tim chàng sinh viên gần như nhảy ra ngoài. Chàng chạy lòng vòng trong bãi nhị tì, lúc lúc lại nhìn thấy con cáo, khi thì ung dung băng qua trước mặt, khi ngồi bên ngôi mả đá nhe hàm răng trắng nhớn ra cười với chàng. Cuộc chơi trốn tìm ấy diễn ra suốt phần còn lại của đêm, cho đến khi bình minh lên, chàng mới hoàn hồn và xác định được phương hướng.

Khi Insu về đến nhà thì nắng đã chiếu khắp nơi. Chàng bước vô phòng đánh thức đứa em, kể hết cho nó nghe, sau đó chẳng kịp cởi quần áo dài, chàng lăn ra ngủ như chết.

Lát sau Hoan ghé vào chỗ hai anh em nhà Insu, định cho họ hai con cá bơn nhám vừa câu được dưới biển. Khisu nhìn người anh còn đang ngủ và kể hết lại cho Hoan nghe. Nghe xong, Hoan trề môi, cau mày rồi ra về, quên để lại cho bạn hai con cá.

Trên đường về, Hoan đánh một vòng qua nhà Bônggi "cha". Từ xa anh đã nhìn thấy Lixixa đang phơi quần áo. Hoan hỏi chị về hồi nào, chị trả lời mới về bằng chuyến xe buýt đầu tiên. Đứa con chị bị bệnh, cả đêm không ngủ, định đem nó đi thầy thuốc nhưng anh chồng còn ngáy, không tài nào dựng dậy được. "Dường như các anh lại uống, phải không?" - chị hỏi.

Hoan kể cho chị nghe, Insu về nghỉ hè, có mang về mấy chai rượu ngoại nên họ đã uống chút đỉnh...

Nghe vậy Lixixa vỗ tay:

- A, té ra chàng công tử thành Leningrat đã về! Được rồi, thế nào cũng phải bắt anh chàng khoác lác nghe chơi!

Nói xong, Lixixa quay vào nhà. Hoan đi tiếp, mắt chăm chú nhìn phía trước. Mãi nghĩ ngợi, anh không hay đuôi hai con cá bơn nhám đang kéo lê dưới lớp bụi đường...

*(1) Lixixa: tiếng Nga có nghĩa là con cáo (chồn).*



*Nelson Algren*

Chính cô Donahue ở Trường công lập số 24 đã thúc Rocco, lúc đó 15 tuổi, học hết lớp 8, bước vào cuộc đời. Cô đã thấy anh ta đánh trong những giờ ra chơi từ năm lớp 6. Cô đã đích thân chăm sóc anh suốt bốn học kỳ và viết vào lưu bút của anh vào buổi chiều ngày tốt nghiệp, “Tin rằng Rocco sẽ thành công.”

Sau cùng, Rocco đã làm được như thế, theo kiểu của anh. Anh đi thẳng từ trường học vào võ đài nằm phía sau quán rượu Happy Hour để đấu một trận, kẻ thắng được 8 đôla. Rocco đã thắng trận đó.

Bác Mike Adler, ông bầu địa phương, gọi anh là Rocco Trẻ sau trận đấu đó và nó trở thành biệt danh cho anh luôn. Anh leo lên hạng trung, rồi bán nặng và tiền thưởng của anh cũng lên tới 60 đôla kèm các chi phí khác. Năm 19 tuổi, anh không lên kí nữa, tiền thưởng cũng ngừng tăng, và anh cưới Lili.

Sau đó không phải trận nào anh cũng thắng, và năm 22 tuổi, số trận thắng cũng bằng số trận thua. Anh cứ đấu. Đó là tất cả những gì anh có thể làm. Anh chẳng bao giờ bán độ thua, anh chẳng bao giờ dàn xếp hay nhượng bộ, không uống rượu và cờ bạc, đi ngủ sớm trước mỗi trận đấu và anh rất yêu vợ. Anh đấu ở mọi võ đài trong thành phố theo chỉ đạo của năm sáu ông bầu, đấu với bất kỳ ai vào bất cứ lúc nào. Anh có thể thay thế một võ sĩ khác, thường là sáng giá hơn, mà chỉ cần báo trước hai tiếng. Anh chưa từng bỏ cuộc hay để bị đếm tới mười dù anh từng lãnh đòn của những tay giỏi nhất trong nghề.

Trong một trận đấu vào đêm nọ, anh bị đánh tới tả chưa từng có nhưng vẫn đứng vững, kết quả là xương hàm vỡ ba chỗ. Sau vụ này, anh nằm nhà thương ba tháng và Lili phải đi làm. Cô không được mạnh khoẻ lắm và anh không thích để cô phải đi làm. Và anh đã lên đài trở lại trước khi xương hàm lành hẳn, và đã thua.

Tuy vậy, công chúng vẫn thích anh. Họ huýt sáo khi anh được giới thiệu với tên Rocco Trẻ, vì trông anh như 34 khi chưa đầy 26 tuổi. Tóc rụng sớm và những vết sẹo khiến anh càng già hơn. Bạn bè cũng như tiền bạc, cứ đến rồi đi. Mọi sự đều thay đổi trừ trọng lượng của anh, 85 ký, và cô vợ, Lili. Thành tích của anh là chưa từng bị đo ván, và điều đó gắn liền với anh như cái tên Rocco Trẻ vậy.

Sau cùng, khi anh 29 tuổi, anh cũng chỉ còn lại thành tích ấy và cô vợ. Một trong hai người phải đi làm thôi. Anh lang thang suốt 6 tuần mà không kiếm ra một xu trước khi nhận ra thực tế ấy. Khi anh thấy cô vợ phải đi chiếc giày thể thao cũ của anh trong nhà để khỏi phải dùng tới đôi giày duy nhất còn coi được của cô, anh đã đi đến một quyết định.

Anh đến văn phòng của Bác Mike để xin đấu. Ông ta hỏi anh muốn trận đấu kiểu gì. Ông ta đang nuôi một con gà tơ tên Solly Classki, biệt danh Kid Class, có triển vọng nhưng chưa thành tích. Nếu chịu bán độ thì anh sẽ được đấu trận này. Mike không ép Rocco và có hai tay khác trong phòng tập sẵn sàng nhảy vào bán độ thua cho Solly. Bác Mike chỉ cần Rocco nói OK, và anh đã nói. Anh ra về với khoản thù lao lớn nhất trong đời, anh chưa từng được ứng trước kiểu này: bốn tờ hai mươi và hai tờ mười.

Anh đưa hết cho Lili và hiểu mình đang làm điều tốt cho vợ. Anh có tên tuổi đủ để bán và anh đã bán. Võ đài nợ anh hơn con số 100 đôla này nhiều, anh thầm nghĩ, và nói cho vợ an tâm “Anh sẽ chặn cổ thẳng nhóc đó lại.”

Cả hai đều sung sướng tối hôm đó. Kể từ ngày tốt nghiệp, Rocco chưa từng được sung sướng hơn.

o o o

Tối hôm đó, anh thấy hơi nhức đầu khi bước lên đài, ánh đèn trông có vẻ như chao đảo. Anh chạm gắng với Kid Class mà không nhìn cậu ta trong khi Ryan, trọng tài, nhắc lại vài qui định của môn quyền Anh. Anh trở về góc của mình, cảm thấy ai đó gỡ áo khoác trên lưng ra, cảm thấy mệt mỏi chưa từng thấy, rồi nghe tiếng chuông báo vào hiệp. Anh lom khom tiến ra, có tiếng người la “Hạ nó đi, Solly.”

Anh lui để cậu trai tấn công nhưng cũng sẵn tới đủ nhanh để tung hai cú thăm dò vào răng cậu ta rồi lùi ra. Khán giả ò lên, bắt đầu kích động. Anh

sẽ cho họ thưởng thức đáng đồng tiền bát gạo trong vài hiệp. Làm tệ quá coi không nên.

Giữa hiệp hai anh thấy cậu trai nhấp vai trái để tung cú đấm phải nên bước tới để chặn lại. Cú đấm trái của cậu tới quá nhanh và anh biết mình trúng đòn khi nghe khán giả ò lên. Anh quên mất lúc này mình có thể gục xuống thua luôn. Anh chỉ thấy cậu tung cú phải và vai trái hơi hạ xuống, nhưng nó không hạ xuống hẳn, thế là không phải cú tay phải. Cái găng trái của cậu đập vào giữa hai mắt anh như một tảng đá và anh ôm đái lấy tay cậu ta, tì cằm vào vai cậu và bực bội khi thấy mình bị đau nhanh như vậy. Anh xô cậu ta ra, tung hai đòn vào mặt cậu và khiến cậu lui vào dây đài. Và tiếng chuông vang lên.

Rocco vào hiệp ba, đấu tận tình, theo dõi đôi găng của Solly chập chờn trong ánh đèn rồi tông vào ngực anh khiến anh nhớ mình đã lãnh tiền trận này rồi. Anh điều hoà hơi thở trong khi nhìn đôi găng địch thủ mà vẫn nghĩ tới bàn chân Lili trong đôi giày quá khổ. Lại một cú đấm nữa và anh bật rên lên. Cậu trai chỉ cao tới cằm anh nhưng lạ lùng hơn cái dáng lù đù của cậu. Cơ nhưc đầu bây giờ thay bằng cảm giác giật giật giữa hai mắt.

Lòng kiêu hãnh chính là sức mạnh to lớn của một võ sĩ và cũng là sức mạnh của Rocco trong những hiệp kế đó. Kid Class không đo ván anh được. Anh té một lần ở hiệp bốn, hai lần ở hiệp năm, rồi lần nữa ở hiệp bảy. Trong hiệp đó anh chỉ dựa vào dây đài và dùng tay trái cố ngăn không cho cậu bé sáp lại gần cho đến hết hiệp.

Trong giờ nghỉ, Bác Mike leo lên đài đứng bên cạnh Rocco, ông chẳng nói gì mà chỉ đứng nhìn, ông nghĩ chắc anh đã quên và bỏ lỡ tới bốn cơ hội bị đo ván. Rocco nhìn lên “Tôi còn tỉnh lắm,” anh nói. Anh không hề quên gì cả. Bác Mike về chỗ ngồi. Ông hiểu Rocco sẽ không chịu gục cho đến khi thực sự đứng không nổi. Ông thở dài và thấy mến Rocco hơn, ông không còn thấy tội nghiệp Rocco như khi gặp nhau ở phòng tập.

Khán giả thì khác. Họ từng thấy Rocco hạ gục người khác cả hai chục lần trước đây tuy những người đó cũng cố gắng đừng gục như anh hiện nay. Giờ họ thấy sắp tới lượt anh và họ đứng cả lên để nhìn cho rõ. Rồi tiếng chuông vang lên.

Nhưng Solly không tấn công mạnh nữa, Rocco ôm địch thủ và cố tranh thủ tung đòn trước khi ôm lại. Hiệp tám trôi qua như thế. Anh thấy vui vì giữ được hào hứng cho khán giả. Cả đời anh chẳng hề được trả thù lao đúng công sức nhưng tối nay anh đã kiếm được 100 đôla, đã xin được việc làm ở một gara và rồi sẽ quên đi tất cả khán giả.

Mãi đến hiệp mười và hiệp cuối anh mới thấy muốn hạ đo ván cậu trai vì anh thấy mình có thể làm được điều đó. Tại sao không làm cho ra trò nhỉ? Anh thấy sung sức trở lại. Đây là trận của anh, anh sẽ kết thúc như anh đã bắt đầu, như một võ sĩ đích thực. Anh phòng thủ tinh táo và thừa cơ cho Solly một hai đòn. Nhưng rồi Solly bình tĩnh lại, tung một cú móc trái hất cằm anh bật lên trên. Rồi thêm một cú tay phải.

Rocco quay nửa vòng và nhìn đờ đẫn vào những hàng ghế. Anh trượt theo dây đài và thấy những phóng viên ngồi bên dưới. Solly nhìn trọng tài, ông này gật đầu về phía Rocco. Kid Class bước tới móc thêm một cú tay trái vào cằm anh. Rocco ngã sấp vào dây đài, cằm anh vướng vào sợi dây thứ hai, bên dưới, và máng ở đó, như một người bị chặt đầu.

o o o

Anh vào phòng thay đồ bên dưới khán đài. Bác Mike ở đâu gần đó, khen anh đã làm rất ngon. Sau cùng chỉ còn lại mình anh. Mọi người đều đã ra về. Anh nặng nề đứng dậy và mặc quần áo, cảm thấy nhẹ nhõm là mình đã tới chỗ kết thúc. Anh đã phải gian khổ nhiều, nhưng cũng đã làm xong. Cứ để mọi người đi.

Anh rên rang thắt cà vạt và nghe vợ gõ cửa. Anh kêu cô vào. Cô chưa bao giờ xem anh đấu nhưng anh biết hẳn cô đã nghe tường thuật trực tiếp trên radio, nếu không thì cô đã chẳng tới đây.

Cô xem xét miếng băng dán trên mắt phải của anh, rụt rè sợ làm anh đau.

“Anh ổn thôi,” anh thoải mái trấn an cô. “Tụi mình sẽ ăn mừng chút đỉnh rồi quên nghề này đi.”

Cho đến khi anh hôn cô thì mới thấy cô tránh nhìn vào mắt anh và cố nén tiếng khóc. Anh vỗ vai cô.

“Đâu có gì đâu, Lil. Nghỉ vài ngày là anh khoẻ lại liền.”

Rồi anh thấy vấn đề không phải chuyện đó.

“Anh nói là anh sẽ thắng,” cô nói.”Em đã lấy hết tiền anh đưa để bắt cá tằm ăn một. Em muốn làm anh ngạc nhiên, bây giờ thì mình chẳng còn một xu dính túi.”

Anh không hề nổi cáu lên, chỉ thấy hơi mệt mỏi. Mệt mỏi đến chưa từng thấy trong đời. Anh bước tới ngồi xuống bên cái bàn đấm bóp, nhìn xuống sàn. Cô vợ hiểu đừng nên quấy rầy anh cho đến khi anh hiểu rõ mọi chuyện ra sao. Rồi anh ngẩng lên, nhìn cô từ chân lên đầu. Đôi mắt anh không dừng ở khuôn mặt cô, mà nhìn xuống đôi chân. Nhìn vào đầu mũi đã sờn của đôi giày duy nhất còn coi được của cô, một bóng tối phủ lên hồn anh.

“Em đánh cá đúng đấy,” anh trầm ngâm nói với cô. “Em làm đúng đấy. Cả đêm nay mình đã làm bọn bắt cá với em lo sốt vó.” rồi anh nhìn lên nhìn răng cười, một nụ cười hết cỡ.

Cô chỉ mong sau cùng mọi chuyện sẽ ổn như thế. Cô bước tới bên anh để nghe anh nói rằng mọi chuyện đều thực sự ổn cả.

Đúng là kiểu của Rocco, từ ngày tốt nghiệp. Anh luôn gặp đủ thứ gian nan, nhưng rồi cũng làm được.

Cô Donahue hẳn sẽ rất tự hào.

***Phạm Viêm Phương dịch***

*Ryunosuke Akutagawa*

Trời mới sang Thu, nắng chiều đã muốn tắt nhưng còn vương vấn, từ mặt tiền của lữ quán Izuya nhìn ra bến đò lớn vẫn còn thấy được những tia nắng vàng làm sáng ửng cả một khúc sông.

Trên gác của lữ quán, có hai người đàn ông ngồi đối ẩm thấy rất tương đắc. Cả hai đều có vẻ là dân quen mùi cờ bạc, ham trò lui tới chỗ mua vui. Một người thì da ngăm ngăm, dáng chắc thịt nhưng hơi đầy một chút, mình mang chiếc kimono mỏng, bên trên khoác thêm một chiếc áo dày kiểu cổ, làm cho anh ta trông càng thêm vẻ lao khổ của một người từng trải phong sương. Người kia thì trắng trẻo, hơi nhỏ con, mình xăm đầy hình chàm, nhiều đến độ thấy lộ ra tới tận cổ tay. Đã thế mà còn mặc tấm kimono cũ đến nỗi bạc phếch, cái dây thắt lưng có in hình những hạt tròn tròn thì lại quấn đến mấy vòng lộn xộn, làm cho anh ta thấy không hùng dũng mà còn đầy vẻ lỗ lã của một tay anh chị cỡ cò con quen sống bê tha. Anh ta luôn luôn kính cần kêu người kia là “đại ca”. Hai người trông khoảng trạc tuổi nhau, cho nên đối với nhau có vẻ như chỗ bạn bè hơn là người dưới kẻ trên, cách thù tạc mời mọc nhau thấy rất vui vẻ.

Bên ngoài, trời tuy đã vào Thu nhưng vẫn còn ấm như những ngày cuối Hạ. Sau dãy tường thấp ở bờ bên kia, bóng mặt trời còn đỏ ối, ánh nắng chiếu sang còn nồng nã trên mấy nhánh liễu thướt tha trải dọc ven sông. Bên trong căn gác của lữ quán cũng có vẻ gì như chút luyến lưu những ngày về trước, mọi vật vẫn như còn mang hơi hướm của một thời cũ chưa dứt bước đi qua. Tuy cách trang trí của những cánh cửa đã đổi thay với lớp giấy dán màu trắng mỏng, nhiều thứ khác hẳn như vẫn còn giữ được vẻ ngày xưa: bên này có bức màn treo kiểu iyo, bên kia còn bức tranh thủy mặc vẽ hình con rồng cuộn. Trong chiếc khay để giữa hai người đàn ông, mấy món đồ nhậu cũng toàn là những thứ vốn từ lâu quen thuộc. Thỉnh thoảng vài làn gió từ khe nước xa xa thổi xuống, tuy mang theo ít nhiều hơi ấm nhưng không đủ lạnh để cho người ta có được cảm giác thực sự của mùa Thu. Cho

nên anh chàng da hơi trắng trẻo để áo hở toạc ra hết nửa lồng ngực, phô ra cả sợi dây chuyền bằng bạc lòng thòng dưới cổ. Anh ta đang nói gì nhỏ nhỏ với anh kia, mắt vẫn liếc chừng để nắm chắc là cô gái hầu bàn không nghe được. Một lát sau, có vẻ như bàn luận đã xong xuôi, người đàn ông da ngăm ngăm khoan thai đưa chén rượu sang mời bạn mình, rồi cúi xuống rút hộp thuốc lá trong người ra và nói:

- Chuyện vừa bàn thì cứ thế đã nghe! Ờ, vậy mà đã ba năm, nay mới về Edo này lại!

- Bây giờ đại ca mới về là trễ đó chứ. Có anh, đám tụi em vui đã đành, hết thầy dân Edo ai cũng mừng rơn!

- Nói mừng thì chỉ có mỗi mình chú thôi chứ ai!

Chàng nhỏ con nhìn đăm đăm vào mắt người kia, cười hô hố: “Anh cứ nói vậy! Thử hỏi bà chị ấy đó, xem có đúng không?”

Đôi môi đang ngậm chiếc tẩu thuốc lá bạc của người đàn ông nở ra một nụ cười héo hắt “Chú mày thì cứ toàn chuyện đầu đầu!” Nói xong, anh ta đổi sang giọng nghiêm trang:

- Nhưng mà trong ba năm mỗ đây đi vắng, có vẻ Edo đổi thay cũng dữ!

- Phải, đổi nhiều, mà cũng chả đổi gì. Khu chị em ta bây giờ ế khách, vắng teo!

- Nói nghe như mấy ông bà già, hễ cái gì thưở xưa thì nhất!

- Chỉ có thằng em này là không đổi gì hết, lúc nào cũng nghèo!

Vừa dứt câu, anh ta vói tay ra nhận thêm chén rượu, rồi đưa lên ực một cái, làm tràn ra cả mép. Gã lấy ngón tay vuốt vuốt, rồi nhướn mày lên nói như phân bua:

- So với bây giờ thì ba năm trước cứ như thiên đàng không bằng. Nay đại ca, hồi đó, khoảng lúc anh rời Edo lần rồi, trong dân hành nghề mà thuộc hạng chiến có tay Nezumi Kozo, tuy không đến cỡ siêu như Nishikawa Goeimon ngày xưa nhưng cũng là dân ngon thứ thiệt, anh có biết không?

- Không ngờ lại có đứa dám gom thằng này vô cùng bọn với tụi lưu manh trộm cắp! Chú mày coi bộ bốc dữ rồi há?

Người mặc áo khoác mới nói xong bỗng sặc hơi thuốc phải ho khan một tiếng, nhưng trên môi vẫn giữ nụ cười buồn. Anh kia thì đang hăng hái, nốc thêm một chén nữa rồi nói:

- Người như ông đó chắc không còn đâu. Dân trộm vặt thì đầy ra, lấy chổi quét cũng không hết, nhưng tay ngon cỡ bự như thế thì chẳng còn nghe gì nữa.

- Mấy thứ đó, không nghe đến thì càng tốt chứ sao? Nhà chẳng chuột dơi, nước không đạo tặc; trộm cỡ bự, chả có lại càng hay.

- Phải, phải đó đại ca. Không có trộm thì còn gì bằng!

Người nhỏ con lại rót thêm một chén rượu, đưa lên mời người kia làm hai cốc tay lộ ra đầy vết chạm trở màu chàm. Anh ta tiếp lời:

- Em cũng lạ đời, nghĩ tới cái thuở đó... thấy sao cứ khoái một vài người ăn trộm. Hồi nãy mới nói cái tên Nezumi Kozo đó, phải là dân thứ dữ mà bụng dạ hào hiệp, đúng không đại ca?

- Đúng chứ, đi mê bọn ăn trộm thì chỉ có mấy đũa cờ bạc!

- Trời đất, nói vậy nghe kệt anh em quá đại ca!

Nói xong, anh chàng nhỏ người như cụt hứng, ngồi xuội lơ, nhưng rồi lại lên tiếng:

- Có ai bênh vực hay ngưỡng mộ chi mấy cha ăn trộm! Nhưng nghe đâu tay này dám ăn hàng đến tận trong dinh mấy ông tướng, bê hết tiền bạc trong tủ đem ra ngoài cho bà con nghèo mới đáng nói chứ. Xấu hay tốt là chuyện khác nhưng đã đi ăn trộm rồi thì nên làm như thế, để âm đức lại mà chuộc bớt lỗi mình.

- Ủa, nghe cũng có lý! Cái gã Nezumi Kozo đó thế mà may, không hiểu sao lại được thế lực của họ Hadakamatsu ở vùng Kaidai che chở. Đồ ăn trộm mà số cũng hên!

Anh chàng da hơi ngăm ngăm vừa nói xong bèn rót thêm rượu định mời anh kia, nhưng hình như nhớ ra được điều gì nên tươi nét mặt ra, cười rồi nói tiếp:

- Mà này! Có chuyện hay hay cũng liên quan tới gã Nezumi Kozo nhưng kỳ cục lắm, bây giờ nghĩ lại còn thấy buồn cười.

Dứt câu xong, anh ta đưa cái điếu lên môi rít một hơi, rồi vừa thả nhẹ cho khói thuốc bay ra vừa bắt đầu kể.

Việc này thì cũng đã ba năm rồi, hồi đó tao bỏ Edo ra đi, cũng chỉ vì mấy chuyện rắc rối ở sòng bạc. Đi ra bằng ngõ Koshu, có gặp ghềnh đôi chút nhưng kín đáo hơn mấy con đường lớn. Bữa đó là ngày 11 tháng Chạp. Tao



khởi hành từ vùng Yotsuya, chỉ mang đồ nhẹ để đi xa, áo mưa, giày cỏ, hành lý thì chỉ có hai cái túi nhỏ, cũng chả có ai tiễn đưa gì. Đi mà cứ nghĩ chắc là sẽ không còn dịp nào gặp lại mẹ cha nên thấy buồn hết biết, chân bước mà lòng cứ ngẩn ngẩn ngơ ngơ.

Bữa đó sao mà trời xấu quá cỡ thợ mộc. Tuyết thì đọng sần dày đặc đầy đồng, còn mây ở đâu mà kéo tới đen trời mịt đất. Thấy giữa chỗ trống không có một cây dâu trĩu cả lá, có một con sáo đứng bám trên cành cứ kêu khàn khàn không ra hơi, coi bộ lạnh quá nên bị đông cứng luôn cả cổ rồi hay sao không biết. Gió cũng ác, thứ gió núi đó mà! Lâu lâu nó thổi cho một cái lạnh buốt da, tung cả tờ cả nón ra. Tao thì xưa nay có phải đi xa lặn lội kiểu như vậy đâu, ở thành phố quen rồi cho nên lúng túng thấy rõ. Chỉ biết một tay thì giữ chặt cái nón, tay kia lo túm kỹ cái áo mưa, ráng đi mà bụng không đành, lâu lâu cứ ngảnh cổ nhìn lại phía Edo không biết là bao nhiêu lượt.

Mấy người đi đường thấy bộ dạng của tao chùng chùng cũng lo giùm. Khi qua khỏi trạm Fuchu thì tự nhiên có một người trẻ - ờ, trẻ hơn tao mà coi bộ cũng hiền lành - bước tới sau lưng hỏi chuyện làm quen. Anh này ăn mặc cũng như những người khác nhưng cái tay nải vác sau lưng thấy đã phai hết màu, giải thắt lưng thì bạc thếp, tóc phía bên phải sới mất một lỗ, phần mặt chỗ ngang cằm thì tóp lại, coi ra thiếu thốn tiêu tụy, chắc bụi đời lặn độn cũng đã lâu. Nhưng bề ngoài tuy thế mà anh ta tốt, đi qua nơi này chỗ nọ, cái gì biết thì chỉ dẫn cho tao rõ ràng cặn kẽ lắm. Tao cũng đang buồn cho nên thấy mừng là may mà gặp được người đi chung như thế này.

Đi chùng một lát, tao quay qua:

- Xin hỏi ông anh đi đâu?

- Dạ Kofu. Còn ông anh thì...?

- Dạ, đi ... đi Minobê.

- Chắc ông anh là người Edo. Ông anh ở đâu trên Edo?

- Dạ ở khu Kayaba-cho, tiệm của tôi tên Ueki.

- Vậy à? Tôi thì ở Fukagawa. Tên tôi là Jukichi, bán tạp hóa.

Đại khái cứ câu qua rồi câu lại như thế, cũng là người Edo với nhau cả nên nói lung tung đủ thứ về Edo thật là vui, mà cũng quên được đường xa . Đi gần tới trạm Hino thì tuyết bắt đầu rơi. Cứ tưởng tượng nếu lúc đó mà đi

một mình thì chả biết sẽ phải làm sao: Trời thì đã khá về chiều, tuyết thì rơi, bên kia sông chim hót buồn hiu, nghe nào cả ruột. Nếu ráng đi thêm thì chắc cũng được, nhưng lạnh quéo cả xương, chỉ biết tính chuyện nghỉ lại thôi. Rất may mà bên cạnh có tay Jukichi. Anh ta bàn:

- Tuyết rơi kiểu này là ngày mai chẳng đi đâu được cả. Chi bằng ráng lên một chút, đi nhanh thì tối nay đến được Hachioji.

Thế là cả hai ráng lội tuyết mà đi, đến đó thì trời tối lắm rồi. Dọc hai bên đường, mái nhà nào cũng trắng xóa vì tuyết, con đường nhỏ ở giữa thì lấm tấm dấu chân người in đều đặn trên mặt tuyết cũng trắng phau. Dưới mỗi hàng hiên thì nơi nọ chỗ kia có treo lủng lẳng dăm ba lồng đèn màu đỏ, lại có chiếc xe ngựa nào đó về trễ, tiếng lục lạc kêu leng keng nho nhỏ, nhìn quang cảnh mà cứ tưởng như đang đứng trước một bức tranh thật to, sống động, đẹp tuyệt!

Hai đứa đi thêm một khúc nữa. Anh chàng Jukichi đang đạp tuyết đi trước tự nhiên quay đầu lại nói:

- Đêm nay có nghỉ lại thì xin được chia phòng với ông anh.

Thấy không có gì bất tiện, mà anh ta nói đến hai lần, nên tao ừ liền:

- Vâng, xin theo ông anh. Nhưng tôi mới đến đây lần đầu, không rõ quanh đây có chỗ nào cho mình ở không?

- Ồi, lo gì! Gần đây có quán Yamajin, thỉnh thoảng tôi cũng ghé đó khá thường.

Tao theo Jukichi đến gần, mới biết đây là một trong những nơi có treo lồng đèn đỏ nhìn thấy lúc nãy. Quán còn mới, cái khách sảnh rất rộng, nối liền với một phòng ngang, có lẽ là dẫn thẳng ra nhà bếp ở phía sau. Thấy lão quản lý đang ngồi sau cái quầy, bên cạnh lò sưởi. Hắn chẳng niêm nở gì cả, chỉ gật đầu bảo “hai ông đi thẳng ra phía sau”. Lúc đó vừa đói vừa lạnh mà nghe bốc lên mùi cơm canh quyện với mùi lửa từ sau bếp và lò sưởi, rồi mùi hơi nước nóng, cả hai lật đật cởi giày đi vào liền. Cô gái trong quán cầm lồng đèn dẫn lên trên lầu, hai thằng tắm nước nóng đã đời rồi ra ngồi làm lai rai vài cốc. Mời nhau qua lại đâu chừng được năm bảy lần thì tay Jukichi bắt đầu nói liên tu bất tận:

- Loại rượu này cũng khá phải không ông anh? Suốt cả một vùng này mà kiếm cho được loại cỡ này thì chỉ có ở đây thôi đó nghe! À, có bài hát này

hơi cũ, chẳng rõ ông anh có biết không:

Đừng nhắc là em đã có chồng

Rượu ngon lòng ấm, uống không nữa hoài

Mới ngang đây thì chưa sao, nhưng thêm được vài bình nữa là hai khoé mắt anh ta đã sụp xuống, mũi thì trở thành bóng lưỡng lên, cứ lắc lư cái đầu mà lè nhè:

Chữ ra..ăng ... xuân bất tái lai

Ra... áng lên, cạn chén kéo hoài xuân đi

Tương phùng, mà ... dễ được mấy khi

Đèn khuya quán nhỏ ... tiếc gì nữa đâu

Lỡ ra, quá chén ... cũng vì nhau

Tửu phùng tri kỷ... biển sâu ... cũng với!

I...i ... i...

Thấy giọng hát hết ra nổi, tao không cho uống tiếp, sợ ngày mai còn phải đi sớm. Y thì cứ đòi uống tới, nhưng bị ép đi ngủ nên nằm mà còn ca lải nhải, một lát mới chịu im, rồi bắt đầu ngáy khò khò, chả còn biết trời biết trăng gì. Chỉ riêng tao mới kệt. Một phần vì đó là đêm đầu tiên từ khi rời khỏi Edo, phần khác là trong khi bốn bề yên lặng mà lại nghe ngáy rầm rĩ bên tai nên không dễ gì ngủ. Bên ngoài hình như tuyết còn rơi, lâu lâu bị gió thổi tạt vào cánh cửa nghe kêu nhè nhẹ. Anh chàng bụi đời kia thì ngủ say thẳng cẳng, có thể còn đang muốn hát tiếp trong giấc mơ không chừng, nhưng tao thì cứ thao thức, nghĩ đêm nay mình không còn ở Edo nữa, những người thân hẳn cũng đang trăn trở ngủ chẳng yên. Tự nhủ mình chả phải là lúc để lòng ủy mị, nhưng cứ miên man nghĩ quanh nghĩ quẩn thì hai con mắt lại ráo hoảnh ra, rớt cục nằm mà chỉ mong sao cho trời sáng quách cho rồi.

Lúc đó giờ điểm vào đúng canh ba, thao thức mãi đến canh tư vẫn còn nghe tiếng điểm nhưng sau đó chợp mắt đi lúc nào không biết. Được bao lâu chả rõ, chợt mở mắt ra thì thấy cây đèn dầu trên đầu nằm đã tắt ngúm, chắc là do chuột phá. Còn anh chàng bên cạnh thì từ đầu hôm trở đi vẫn cứ ngáy vang nhà, lúc đó sao lại im ru như xác chết, ngay cả hơi thở cũng chả nghe. Tao cảm ngay được có cái gì không bình thường. Đang nằm ngẫm nghĩ thì bỗng từ đâu có một bàn tay thò vô trong mền rờ rẫm, rồi từ từ tìm

tới chỗ túi tiền cột quanh bụng. Thôi đúng rồi, tên này là dân ăn trộm, đoán người mà chỉ nhìn bề ngoài thì hồng lét! Nhưng trộm kiểu này thì xoàng quá, tao thấy nực cười mà cũng hơi tức một điều là nó như thế mà mình không biết, còn ngồi chung uống rượu, chén chú chén anh!

Nhưng để kể tiếp: Tao thủ sẵn, chờ bàn tay của y mới đụng vô định gỡ túi tiền là chụp một cái rồi bẻ quặt lại thật mạnh. Y hoảng lên, giựt tay định bỏ chạy nhưng bị tao lấy cái mền trùm luôn lên đầu rồi ngồi đè lên như cỡi ngựa. Y lúng túng vùng vẫy để thò cái mặt ra. Tao tưởng sao, không ngờ y rống lên “bớ người ta, nó giết tui, cứu, cứu!”

Đã ăn cướp còn la làng! Tuy từ đầu đã biết là dân không đảng hoàng nhưng đâu ngờ y lại tồi quá mức như thế? Tao nổi doạ, sẵn tay vác cái gỏi gõ tổng cho mấy cái nên thân vô mặt. Đang nửa đêm thanh vắng mà tự nhiên nghe âm ỉ, thôi thì nào chủ quán nào dám làm công, rồi khách ở những phòng khác, kẻ đèn người đuốc lật đật chạy túa lên. Thấy y đang bị tao ngồi đè đầu dí bẹp xuống dưới sàn, chỉ có cái mặt là ló ra khỏi mền đang ráng ngáp ngáp mà thở, ai nấy đều bò lăn ra mà cười.

- Ông chủ ơi, tôi bị con rệp này cắn lỗ gây náo động, xin lỗi tất cả bà con!

Tao chỉ nói có chừng đó, khỏi cần phải cắt nghĩa gì dài giòng. Lập tức mấy người làm công lấy giây trói chặt y lại năm vòng bảy lượt rồi vác thẳng xuống dưới lầu, xóm xởi như bắt được một con dã nhân hay thủy quái gì đó không bằng.

Đám này mới đi xong thì ông chủ quán bước tới xoa tay lễ mễ:

- Dạ, chuyện cũng không ngờ, làm phiền đến quý nhân. May mà tiền bạc với đồ đạc không có gì mất mát, cũng thật đáng mừng. Cái tên kia thì sáng mai chúng tôi sẽ đem lên nạp ngay cho nhà chức trách. Ngoài ra còn có chỗ nào sơ sót, cũng xin hoan hỉ mà bỏ qua cho!

- Không có chi, mọi sự cũng tại tôi lựa người đi chung mà không cẩn thận, đâu phải tại quán mà ông xin lỗi! Thôi đây có một chút gọi là lấy thảo, ông mua giùm tôi cho mấy anh trẻ trẻ lúc nãy một tô mì tô cháo gì đó ăn cho ấm bụng.

Lão ta đi xong, tao thở phào vì được yên tĩnh trở lại. Nhưng khoanh tay nằm mãi vẫn không ngủ được, mà chả lẽ cứ nằm hoài chờ đản như mấy bọm

thất tình? Cho nên lại nhóm dậy, tuy trời chưa sáng nhưng mình đi sớm thì tốt hơn. Nghĩ là làm liền, tao thay quần áo, đi ra nhè nhẹ sợ làm mấy người khách khác mất giấc. Đến ngay cầu thang, định xuống quầy để trả tiền phòng thì nghe bên dưới đang nói gì lao xao. Lắng nghe thử thì có ai đó nói gì tới cái tên Nezumi Kozo mà chú mày khen lúc nãy. Tao đâm hiếu kỳ, để bao hành lý dưới chân rồi ngồi nhìn xuống xem sao. Thì ra ở dưới đó anh chàng Jukichi nhà ta đang bị trói ngồi xếp chân dưới đất, có sợi dây dài buộc anh ta vào một gốc cột lớn, giống như người ta thường buộc trâu bò vô dưới gốc cây. Dưới ánh đuốc sáng thấy có ba người đứng vây quanh y, ai nấy đều tay áo xắn lên, bộ dạng hầm hầm. Lão quản lý đứng gần y nhất, tay lăm lăm một cây thước to bản, cái đầu hói thì bưng bưng như muốn bốc hơi. Lão ta hậm hực:

- Thiệt đó nghe. Cái thằng trời đánh này, ăn trộm quen thói, rồi có ngày còn quá tay hơn cả tên bọm Nezumi Kozo nữa. Thiệt đó nghe. Nó mà cứ kiểu này hoài thì mấy cái quán tụi mình suốt cả vùng này mang tiếng chết! Bữa nay có đập nó chết tươi cũng là làm phước cho cả làng chứ phải chơi đâu!

Anh chàng đánh xe râu ria ghé mắt dòm sát vào mặt tên Jukichi rồi nói xen vô:

- Nhưng mà, phải nhìn mặt cho kỹ mới biết là dân thứ gì. Cái thằng chết tiệt này, sao mà nó là Nezumi Kozo được? Anh Quản chỉ nói vậy thôi!

- Đúng rồi, - một người trẻ hơn đang cầm cái ống tre thổi lửa tiếp lời. - Thằng này thì cỡ ruồi muỗi để mèn thôi!”

- Thiệt đó nghe. Cái thằng khỉ mồm này mà được cái gì? Chưa móc được ví của ai thì đã bị người ta lột hết tuốt luốt, trần truồng như nhộng!

- Phải, đồ cái thứ mày mà cũng dám bò ra đường cái làm ăn! Chẳng thà biết thân, xin đi theo mấy đứa con nít, cột cục nhựa ở đầu cần câu thò vô ăn trộm tiền trong mấy cái hộp công quả trước chùa coi bộ còn hợp hơn!

- Chắc cũng không làm nổi chuyện đó đâu! Tài nghệ của thứ này thì chỉ mặc đồ rách ra đứng ngoài ruộng làm bù nhìn để hù mấy con chim là giỏi lắm rồi!

Gã Jukichi tuy tức vì bị xỉ vả diễu cợt nhưng chỉ ngồi yên, đôi mắt cứ chớp chớp. Tuy nhiên khi anh chàng trẻ lùn cái ống thổi lửa tre dưới cằm

để nâng mặt y lên, gã bỗng nổi giận, la lớn:

- Ê, lũ khốn kiếp này, tụi bây biết tao là ai không mà cứ miệng lẩn lười mỗi ăn nói xỏ xiên? Tuy rằng trộm nhưng cũng có thứ! Nói cho lũ mày biết, anh của tụi bây đây nhé, một mình dọc ngang bờ cõi, không oai vang tột đỉnh nhưng cũng không phải là thứ thường. Tụi bây một bọn nông dân bần cốt, sao dám to gan lớn mật, lải nhải nói điều bậy bạ khi dễ người ta?

Cả đám nghe vậy đâm ra chưng hửng. Thật ra lúc đó tao cũng đã xuống đến nửa cầu thang rồi, nhưng thấy y nói hùng dũng như thế nên đứng nán lại xem thử ra sao. Lão quản lý thế mà có vẻ là người tốt bụng, nghe nói vậy thì ngừng lại nhìn hẩn chăm chăm, sững sờ tới độ quên mất là mình đang nắm thanh thước gỗ trong tay. Nhưng gã đánh xe có vẻ cứng cựa hơn, gã vuốt vuốt bộ râu rồi hất hàm hỏi:

- Ăn trộm thì vinh quang cái con mẹ gì? Nói cho mày biết, trong một buổi mưa lớn ba năm về trước, tao đây đã từng tay không mà bắt được mãnh thú nhà trời. Cái biệt danh “ông Kanta ở Yokohama” mà thiên hạ vẫn hay đồn chính thị là mỗ gia đây! Thứ tép riu như mày thì nói thiệt, ông chỉ cho một đạp là ngủm cù đeo ngay, đừng tưởng bở!

- Cóc xì! Nói toàn chuyện trên trời dưới đất, bộ tưởng anh đây là thằng dễ dọa già dọa non hay sao hả? Tụi bây mà biết anh đây là ai thì chắc chắn phải giật mình choáng váng. Để anh nói sơ qua cho mà rõ, cả bây lo ngoáy tai cho kỹ mà nghe!

Nói xong, y bắt đầu sửa giọng cho ra vẻ trịnh trọng. Lúc đó trời lạnh nên nước mũi của y chảy đọng trên chót mũi, một nửa mặt từ mang tai xuống tận cằm thì sưng vếu lên vì bị tao giáng cho mấy cú thật mạnh hồi nãy, trông rất khó coi. Nhưng ba đứa quê mùa đó nghe nói thế đâm ra rụt rè, trong khi y thì dáng bộ ra vẻ oai phong. Y vốn quen chuyện mồm năm mép mười từ thuở nào đâu nên ăn nói nghe thật lanh lợi trơn tru, làm cho gã râu ria “tay không bắt thú” kia cũng đâm ra hết còn sừng sỏ. Thấy cả đám có vẻ chùn hẩn lại, y bắt đầu lắc lư cái đầu, liếc xéo một cái rồi đồng dục:

- Mấy thằng đế nhũi này, tụi bây hồi hộp muốn nghe lắm chứ gì? Chuyện thế này nhé! Đứa nào lờ nghĩ anh đây là dân trộm vặt thì quá lắm to! Chính ở vùng này chứ đâu, cuối mùa Thu năm ngoái có người lén vào dinh quan

huyện trong một đêm mưa gió, lấy hết tiền bạc trong tủ không chứa một xu nhỏ, tụi bây chắc có nghe, nhưng biết ai không? Anh đây chứ ai!

- Mà? Vào dinh quan lớn?

Chỉ một mình lão quản lý hỏi như vậy nhưng cả đám ai cũng giật mình. Anh chàng trẻ người coi bộ sợ muốn vỡ mật, kêu lên một tiếng rồi lật đật lùi tới hai ba bước.

- Chứ ai vào đây nữa? Nhưng chừng đó thì thắm gì! Mới mấy tuần trước đây, có hai người bảo tiêu mang tiền qua tới đèo thì bị giết, tụi bây chả nghe là ai ra tay à?

Gã Jukichi nói xong, hít mũi mấy cái rồi đặc chí kể thêm một lèo, nào là lên vào nhà kho lớn ở Fuchu, nào là đốt trạm Hino, nào là hiếp dâm một cô đi hành hương trên núi, toàn là những chuyện bạo gan táo tợn. Nhưng vậy mà cả đám kia đâm ra sợ, bắt đầu tỏ ra khép nép hẳn xuống. Đặc biệt là anh chàng đánh xe lực lưỡng. Anh ta nhìn tên trộm chăm chăm nhưng bây giờ hai cánh tay to đã khoanh lại trước ngực, giọng nói nghe ỉu xìu:

- Ông đúng là hạng dữ dội ác liệt chứ phải thường đâu!

Hắn làm tao muốn bật cười, nhưng cũng ráng mà cầm lại. Lúc đó trời lạnh thêm nên gã Jukichi run lập cập, nhưng miệng y vẫn cứ thao thao:

- Sao, giờ thấy được rồi há? Nhưng anh đây còn độc địa động trời hơn nữa, tụi bây không tưởng nổi đâu! Biết tại sao anh đây phải đi khỏi Edo không? Coi bàn tay đây nè, tại muốn lấy tiền nên đã siết cổ mẹ ruột của anh đây chết tươi, chuyện lòi ra nên phải chuồn đi đó thôi!

Y cứ như một kịch sĩ có tài, nói nghe ngon lành, thản nhiên, làm cả ba người như muốn dội lại vì nể, khuôn mặt của y sưng húp mà người nào cũng nhìn với vẻ thật kính cẩn. Tao thấy chuyện khôi hài, không nhịn được nữa định bước ngay xuống nhưng lại nghe lão quản lý vỗ tay đánh đét một cái rồi nói với hắn:

- A, hiểu ra rồi! Thiên hạ biết ông qua cái tên Nezumi Kozo phải không?

Y lờm một cái rồi ngạo nghễ:

- Đã đoán trúng thì thôi cũng chả giấu giếm gì nữa. Nezumi Kozo, con người nức tiếng ở Edo, xa gần bàn tán, chả phải ai đâu xa lạ, thực sự chính là anh đây!

Y vừa nói vừa cười đầy vẻ khinh bạc. Còn đang định nói thêm gì đó thì bỗng rùng mình rồi hắt hơi mấy cái liên tiếp làm cái oai phong mới có được bị giảm bớt đi. Tuy vậy đám người kia thì vẫn kính nể lắm, đứng nhìn y mà thán phục như nhìn một lực sĩ đang chiến thắng trên vũ đài. Anh chàng đánh xe dè dặt hỏi:

- Tôi cũng nghĩ chắc là ông chứ chẳng ai. Tôi đây cũng không phải tay thường, ba năm trước đây đã từng tay không bắt được mãnh thú nhà trời, cho nên nghe tiếng tăm của Kanta ở Yokohama ai cũng ngán, con nít đang khóc mà nghe dọa cũng im re. Vậy mà trước mặt tôi, thấy ông thật cừ, cứ ung dung không nao núng chút xíu nào cả.

- Đây đúng là tay cừ, hèn chi con mắt sắc bén, có thần!

- Thiệt đó nghe! Từ đầu đã biết ngay là dân thứ sộp, ngon lành hơn các tay nhà nghề tới mấy chục lần. Ở đời vẫn có may có rủi, tài đến bậc thầy còn có khi trượt bót, người giỏi đi mấy mà hai tay bùm nước cũng có lúc nó trào ra! Bữa nay không hiểu sao đó chứ như bình thường thì khỏi nói, chắc tất cả khách trên lầu hai kể như bị lột sạch bách, không ai còn sót được một đồng.

Tuy chưa đến nỗi mở dây thả trôi nhưng bây giờ bộ dạng cung cách của ba người đối với y ta đã khác hẳn. Gã Jukichi được thể càng đâm ra lớn lối:

- Nè, ông quản lý, Nezumi Kozo này bữa nay đến đây là quán ông hên lắm đó. Giờ thì cỗ họng đã khô queo, cũng tại ba cái chuyện lằng nhằng vì cái quán này. Thôi có rượu đâu mang ra cho anh đây một ít. Lấy chén gì cũng được, không cần chi cái bề ngoài!

Đứa đòi đã ngang như cua mà đứa nghe thực cũng ngu, cứ làm theo riu riu. Tao nhìn lão quản lý đang lễ mễ cho y uống rượu mà thấy ngứa mắt, không cười chi riêng ba tên trong quán mà ngán ngấm cho cái kỳ cục của người đời. Nghĩ cho đúng thì đốt nhà cướp của dĩ nhiên tội phải nặng hơn trộm vặt với móc túi. Nhưng cứ nhìn vào đám đứng dưới kia thì biết, gặp trộm thứ dữ thì cúi đầu cung kính, nghe đến tên Nezumi Kozo thì mời uống rượu, còn đụng kẻ trộm tép riu thì đập đánh xỉ vả. Cho nên giá mà tao có đi ăn trộm, chắc chắn là không dại gì đi làm thứ trộm cò con!

Nhưng không lẽ cứ đứng hoài một chỗ mà nghĩ quanh nghĩ quẩn, tao thấy có lò mặt ra cũng phải lúc nên bước mạnh chân cho mọi người nghe



tiếng đi xuống. Đến gần đám đó, tao đặt túi hành lý xuống đất rồi nói với lão quản lý:

- Tôi muốn đi sớm, ông làm ơn tính tiền giùm.

- Dạ, ngài định đi sớm thế sao? Chúng tôi có chỗ sơ suất, không giữ ngài được lâu, mong ngài đừng chấp. Mà hết thầy anh em chúng tôi xin cảm ơn ngài đã cho quà lúc nãy. Thật may quá, bây giờ tuyết cũng đã hết rơi.

- Lúc mới bước xuống tôi cũng nghe được nhưng không rõ lắm, thằng này bảo nó là tên trộm nổi danh Nezumi Kozo, không biết phải không?

- Dạ, hình như vậy thì phải. Ôi, tụi bây đâu mau lên, lấy giày lại đây! Còn áo mưa của khách, đưa nào để đâu? Thiệt đó, coi bộ đúng là dân siêu, loại dữ dội! Dạ, để tôi lo tính toán lẹ lẹ để ngài đi.

Lão ta hơi ngượng khi thấy tao, nên nói xong là lật đật chạy vô bên trong, tính toán lách cách gì đó. Tao ngồi xuống xỏ giày vô, rồi rút cái điều ra rít vài hơi và nhìn tên trộm. Bây giờ y thấm rượu lắm rồi, mặt đỏ gay đến cả hai bên màng tang. Không biết y mắc cỡ hay sao mà liếc tao rồi quay đi chỗ khác. Tao thấy cũng hơi tội nghiệp, lựa lời nói từ từ:

- Này ông bạn Jukichi! Chuyện gì không đáng thì mình đừng nói. Ông xưng là Nezumi Kozo, mấy người chất phác nghe thì tin liền, nhưng như thế cũng không tốt lành gì cho ông đâu!

- Cái gì? Định bảo tao không phải là Nezumi Kozo hả? Biết quái gì mà nói! Vậy mà có kẻ cứ mở miệng là kêu “ngài, ngài”!

- Thế này nha! Cứ gáy hoài một bài như vậy thì mấy người này tin thật chứ chả phải là không. Nhưng mà ca mãi nghe riết rồi cũng chán chứ? Trước hết, nếu ông thực sự là tay Nezumi Kozo nghiêng trời lệch đất thì không ai lại sướng miệng đem hết tội lỗi mình đã làm mà cung khai ra. Tiếp theo, nếu quả tình ông cứ một hai bảo mình là Nezumi Kozo thì chắc là từ quan quyền cho tới thứ dân ai cũng đâm ra tin như thế, mà đã vậy rồi thì sắp thấy rõ, có nhẹ ra cũng tù tội một gông, mà nặng thì đến chặt đầu treo cổ. Như vậy đó, ông còn ưa làm Nezumi Kozo nữa không?

Y ta nghe có vẻ thấm nên mặt mày hoảng hốt, lật đật trả lời:

- Tôi xin lỗi vậy, thật ra có phải Nezumi Kozo gì đâu, chỉ là thứ trộm thường thường thôi.

- Thế mới có lý chứ, nhưng đốt nhà cướp của cũng là tội ác tày trời, bị xử tử là cái chắc!

Tao vừa dọa vừa nghiêm nghị nhìn thẳng vào mặt y. Lúc đó y đã tỉnh ra, mếu máo nói như muốn khóc:

- Dạ đâu đến thế, đó toàn là những chuyện tôi phịa ra thôi. Như đã có nói với ông, tôi quả thực là Jukichi, buôn bán tạp hóa, năm nào cũng qua lại vùng này mấy lần nên chuyện gì thiên hạ kháo nhau tôi đều biết hết. Thành ra mới nhận vợ vào mà nói đại ra vậy thôi.

- Ủa! Mới rồi thì tự nhận là ăn trộm, bây giờ lại nói là buôn bán tạp hóa. Ăn trộm mà đi buôn tạp hóa, xưa nay có ai từng thấy thế bao giờ?

- Chắc là ông hiểu được cho tôi, bữa nay là lần đầu tôi dám mó tay đến tiền bạc của người khác. Mới mùa Thu này vợ tôi bỏ nhà ra đi, rồi từ đó làm ăn thất bại mãi, đâm ra mỗi ngày mỗi tệ dần. Cũng vì cái khó nó bó cái khôn, nên đâm ra có phút nhẹ dạ, lỡ phạm đến ông!

Có ai ngu đến nỗi không biết là y lẹo lưỡi, vẽ vờ ra để che giấu nghề ăn trộm đâu! Nhưng tao cũng chán, không muốn nói chi, chỉ ngồi yên mà nhồi thêm thuốc vô điếu. Tuy nhiên anh chàng trẻ người và anh đánh xe kia thì khác, nghe y nói chưa dứt là đã ùng ùng nổi giận. Cả hai xông tới đập cho y nhào lặn ra, tao có muốn can cũng không kịp.

- Cái thằng tráo trở, tưởng đặt ra lắm điều là qua mặt được bọn tao hả?

- Cho mày lãnh đủ nghe thằng kia!

Thế là ống thổi lửa bay vô, sào tre giáng xuống, thôi khỏi nói. Tội nghiệp cho gã Jukichi, mặt mày lại thêm sừng húp, đầu thì nổi lên đến mấy cục u!

- Đại khái thì chuyện đầu đuôi nó như thế!

Anh chàng có nước da ngăm đen nói xong, vói tay ra cầm chén rượu đưa lên môi nhấp nhấp. Nhìn qua bờ bên kia, ánh hoàng hôn đã thôi le lói trên bức tường thấp, mấy nhánh liễu rủ dọc theo ven sông cũng đã ngả màu đen sẫm không biết tự lúc nào. Khắp chân mây mặt đất, mọi vật đều trở nên yên lặng; tiếng chuông chùa điểm thu không cũng bắt đầu vọng xuống từ phía núi San-en, ngân dài trên sông nước. Phải ở vào những lúc như thế này mới cảm được là mùa Thu đã thực sự đến: một hơi gió nhẹ đến lay động bức màn treo gần chỗ ngồi, vài tiếng quạ lẻ loi từ khu rừng thưa bên cạnh, màu

sáng lạnh của ánh nước từ chiếc đĩa to để trước mặt hai người. Bên trong căn gác tối xuống dần dần. Cô hầu bàn đã thắp sẵn một cây nến lớn, lấy tay che ngọn lửa hồng đang lung linh nhảy múa, từ dưới cầu thang chầm chậm bước lên.

Gã nhỏ người thấy anh kia nâng chén lên môi cũng cầm nguyên cả bình rượu con lên tu cạn một hơi rồi nói:

- Cái thằng lưu manh đó, đúng là mặt dày mày dạn! Nó nghĩ sao mới được chứ? Chẳng lẽ không biết Nezumi Kozo là núi Thái Sơn của dân trộm nhà nghề trong cả nước, có biết bao nhiêu người nể phục như bọn em đây. Không biết đại ca lúc đó nghĩ sao, chứ em mà ở đó thì chẳng để yên, thế nào nó cũng mềm xương là cái chắc!

- Chuyện chỉ mới thế thì đã sao đâu mà dữ vậy? Thứ tép riu mà khi nguy cũng biết lấy tên của Nezumi Kozo để làm bùa, nội chừng đó thôi cũng làm cho ông ta khoái chí chứ?

- Nhưng đại ca, thứ đó mà dám cả gan đi xưng là Nezumi Kozo, mình bảo là ông ta khoái chí được sao?

Thấy anh ta cứ hậm hà hậm hực, anh chàng da ngăm đen xịch lại gần hơn một chút, cười cười mà bảo:

- Nghe đây, tao đã bảo là ông ta khoái chí thì chắc chắn không sai vào đâu được. Mấy lâu nay chưa nói ra với chú mày, chứ cái tay Nezumi Kozo lừng danh ở Edo ba năm về trước thì tao biết rõ.

Nói đến đó, anh ta đưa đôi mắt sáng quắc liếc chừng khắp hết chung quanh, tay vẫn còn nâng chén rượu ngang môi:

- Chẳng ai nào khác, chính là Jirokichi này vậy!

***Văn Lang Tôn Thất Phương dịch từ nguyên tác tiếng Nhật.***

***Canberra, 07/2004***

*Alberto Banasco*

Những cơn sóng biển hung dữ ào ạt xô vào bờ và cuốn phăng đi tất cả những gì chúng gặp trên đường, rửa sạch phần bờ nó xô đến rồi quay lui về biển.

Giữa những cây cọ cụt đầu, tro tàn và băng đá, số ít những người sống sót đã tìm được chỗ trú ẩn cho mình. Mặt trời chỉ hơi ló dạng sau những đám mây và mưa lại trút xuống. Giữa những vùi rỗng được tạo nên do bụi và khói, cuộc sống bị làm cho tan tác, mất trí vẫn bám chặt lấy sự tồn tại của mình.

Người đi một ủng (đã bị mất một chiếc) bò ra ngoài cửa hang và sợ sệt ngó nhìn. Hai người khác; một hói, một chột, đi tới đi lui ở bên ngoài. Có ai đó đã nhóm lên một đống lửa. Người đi một ủng nhìn thấy con rết ở bên cạnh và giẫm bẹp nó. Sau đó anh vươn cổ và lại nhìn ra ngoài.

- Giờ thì anh ra được rồi - người hói đầu nói - không có gì đe dọa anh nữa cả. Ra sưởi ấm đi.

Anh bò ra khỏi hang, đứng dậy và co một chân nhảy lò cò về phía đống lửa. Đến bên đống lửa, anh ngồi xồm xuống, ngái ngủ lắc lư người và cứ ngồi trong tư thế đó. Một lúc sau người chột mắt cũng đến và ngồi xuống cạnh đống lửa.

- Thế là chúng ta tập trung lại đây - người hói đầu nói.

Trong truyện ngắn viễn tưởng như một câu chuyện ngụ ngôn hiện đại này, sau thảm họa khủng khiếp đã hủy diệt nhân loại, những người còn may mắn sống sót đã tập hợp lại bên nhau và bắt đầu làm lại cuộc sống trên Trái đất bằng chính những kiến thức - cái nền tảng đã xây dựng nên thế giới và cũng có thể tiêu diệt thế giới...

Hai người kia lâu bầu một câu gì đấy để bày tỏ sự đồng ý của mình. Rồi họ im lặng. Im lặng hơn một tiếng. Trong lúc đó các con họ đã từ trong hang chui ra. Thân hình một đứa trông như con thỏ nhỏ, nó phình ra ở bên dưới, và khi đứa trẻ chuyển động nó xệ sát xuống mặt đất. Đứa kia trông

giống một cái cây, và hai cánh tay như những cành cây gãy khúc. Đứa thứ ba trông giống một phôi thai lớn.

- Cần phải làm một cái gì đó - người hói đầu nói.

- Nhưng làm gì? - người chột mắt hỏi.

- Tôi không biết. Phải cứu lấy một cái gì đó - người hói đầu trả lời.

- Chẳng còn gì để cứu - người đi một ủng nói.

Họ lại im lặng, và một giờ trôi qua trong im lặng; âm thanh nghe thấy chỉ là tiếng gào thét, kêu khóc của lũ trẻ con đang giận dữ cào xé nhau và đẩy nhau đến sát bờ dốc.

- Không thể cứ tiếp tục thế này được, chúng ta phải chấm dứt việc theo dõi nhau như kẻ thù - cuối cùng người hói đầu nói – Vì chúng ta chỉ còn lại ba người, ai cũng có con, và nhất định phải làm một cái gì đấy.

- Thế chúng ta có thể làm gì? – người đi một ủng hỏi.

- Tôi xin giải thích - người hói đầu nói – mỗi người trong chúng ta đều có những kiến thức nhất định. Chúng ta có thể ghi chép lại tất cả những cái đó để có thể để lại cho con cháu chúng ta dù chỉ một chút gì đấy. Vì chúng sẽ phải bắt đầu lại từ đầu, những gì chúng ta ghi chép được sẽ ít nhiều giúp ích cho chúng. Thí dụ như - anh ta quay sang hỏi người chột mắt - anh tên là gì? Anh làm nghề gì? Tôi tên là Antonio Morales. Tôi làm việc ở cảng, chịu trách nhiệm bốc dỡ hàng.

- Tên tôi là Silba - người chột mắt nói – tôi là nhân viên văn phòng.

Cả hai quay sang nhìn người đi một ủng.

- Tôi là Anderson. Quản lý ở một cơ quan... Lửa sẽ tắt mất.

- Đừng lo, sẽ không tắt đâu. Anh hãy quăng thêm thanh củi vào. Cảm ơn. Các anh biết đấy, tôi đã quen... có thể nói thế này... nói chung là một người tổ chức – vì tôi chính là một người tổ chức ở trên cảng. Còn anh, Silba, anh làm việc trong văn phòng nên có lẽ biết nhiều hơn chúng tôi.

- Vâng. Tôi có đọc chút ít, nhưng tất cả chỉ sơ sơ thôi. Tiếc là chúng ta không có giấy... Có thể viết lên những tấm thủy tinh bẩn này, tôi đã gom chúng lại được nhiều. Nào, chúng ta bắt đầu...

Silba đắm chiêu suy nghĩ và nhìn thẳng vào ngọn lửa. Lạnh và hình như cả một tuần nay anh cảm thấy lạnh, có lẽ là do anh đã không ăn uống gì cả. Anh biết gì? Anh biết rằng một sản phẩm khủng khiếp của sự tiến bộ mà chỉ

số ít người đạt được đã đem lại tai họa, và giờ đây họ chỉ còn lại ba người cùng với những đứa con, bộ dạng chúng khiến phải kinh hoàng, và ba người bọn họ đang hi vọng có thể cứu vãn được chút gì đó. “Nero (1)!” – anh chợt nhớ. Trước đây anh đã xem một bộ phim về vị hoàng đế La Mã này.

- Tôi biết câu chuyện về Nero - anh nói thành tiếng – chúng ta có thể bắt đầu từ ông ta.

- Tốt đấy! – Morales, rõ ràng là đã tỉnh táo lại, thốt lên – Nero, mà tiếp theo là Christ (2). Một khởi đầu tốt đẹp. Nero sống năm bao nhiêu nhỉ?

- Tôi không nhớ. Tôi chỉ nhớ là cùng thời với Julius Caesar. Theo tôi, khoảng năm thứ 300 trước Công nguyên.

- Thế Christ sống vào thời nào?

- Cũng vào thời đó, tôi đoán vậy.

- Tuyệt rồi - Và Morales bắt đầu ghi chép. Thế anh còn biết gì nữa không? Thí dụ về Julius Caesar.

- Nero đã đốt cháy thành La Mã. Julius Caesar đã lập nên đế chế.

- Thế ông ta không xây dựng thành La Mã lại à?

- Theo tôi thì không.

- Thôi được - người hỏi đầu nói - điều này không có ý nghĩa. Thế anh biết gì về những người Hi Lạp?

- Người Hi Lạp sống trước đó.

- Chính xác là khi nào?

- Hơn 1.000 năm trước Công nguyên. Họ đã đánh nhau với người Sparta (3).

- Và ai thắng?

- Theo tôi không ai cả. Từ đó mà có thành ngữ “chiến thắng của Pirr”.

- Pirr (4) là tướng của quân Sparta?

- Phải, anh cứ ghi thế.

- Xong rồi. Nhưng theo tôi, chúng ta làm chưa đúng. Cần phải bắt đầu từ khoa học tự nhiên - Morales nói - còn anh, Anderson, anh chịu trách nhiệm về cả một cơ quan hành chính; có lẽ anh biết điều gì đó về điện.

- Không, tôi chẳng biết để làm gì cả. Thay cái bóng đèn bị cháy thì tôi có thể. Tôi còn biết về dòng điện, có dòng điện dương và dòng điện âm.

- Thế điện là gì? – Morales hỏi – Nó được làm ra như thế nào?

- Như thế nào à?... Nó được sản xuất trong nhà máy. Còn chính xác như thế nào thì tôi không thể nói được. Ở trong các nhà máy có các đường dẫn, dây cáp. Còn có cả các máy phát điện. Mà máy phát điện là cái gì? Con cái chúng ta hẳn cũng nên biết về nó.

- Thế còn anh, Silba, anh là nhân viên văn phòng - Morales tiếp tục – Anh hãy cho chúng tôi biết máy phát điện là gì?

- Đó là các vòng dây, chúng quay và sinh ra điện.

- Chúng còn sinh ra gì nữa?

- Phải chăng điện là còn ít?

- Anh ghi vào đi - Anderson nói.

- Xong rồi - Morales trả lời.

- Còn anh biết gì? – Anderson hỏi Morales.

- Tôi biết cách bốc xếp hàng trên boong tàu, hoặc là xếp vào trong phòng lạnh - Morales trả lời – nhưng ở đây không có tàu có phòng làm lạnh, cả việc khâu vá chúng cũng không.

- Anh không biết gì hơn về những con tàu à? – Anderson hỏi.

- Tất nhiên là biết. Tôi có thể vẽ nó và gọi tên từng bộ phận của con tàu.

- Chẳng hạn, tại sao tàu không bị chìm?

- Tại sao nó không chìm à? Tại vì nó rỗng. Ở chừng mực tôi biết thì ở đây theo một qui luật vật lý.

- Định luật Newton - cựu nhân viên văn phòng giải thích.

- Chính xác, Newton. Anh biết gì về Newton?

- Các anh đợi chút:... Định luật Newton nói về lực vạn vật hấp dẫn. Qui luật này áp dụng cho toàn vũ trụ.

- Chính vì thế tàu không bị chìm?

- Không hẳn. Nó không bị chìm là do một nguyên nhân hoàn toàn khác. Nước không để cho nó chìm.

- Thế còn gì làm nó không chìm nữa?

- Tôi đã nói với các anh rồi. Định luật Newton.

- Thế là chúng ta đã tiếp cận với khoa học thật sự - Morales nói và ghi nhanh lên tấm kính bẩn – Thuyết tương đối là gì?

- Ồ, thuyết tương đối! Điều này liên quan đến Einstein(5) - Silba giải thích - Ông ấy đã khám phá ra nó, tạo nên một bước ngoặt trong vật lý học.

Ông ấy nói rằng tất cả chỉ là tương đối.

- Được rồi - Morales nói rồi bỏ tấm kính đã ghi kín sang một bên và cầm lấy tấm khác – Tất cả đều tương đối. Anh có nhớ một công thức nào đó của nó không?

- Không. Đợi đã... tôi nhớ ra rồi. Nó nói rằng vận tốc ánh sáng là 300.000km/phút.

- Anh chắc là trong một phút chứ? Nó có quá nhanh không đấy?

- Không đâu. Tôi nhớ chính xác mà.

- Tuyệt vời. Thế anh biết gì về hình học?

- Định lý của Pythagore - Silba trả lời, con mắt duy nhất của anh bắn ra niềm vui.

- Nó nói về điều gì vậy?

- Đó là phương pháp đo các cạnh của một tam giác. Các anh đợi chút... Pythagore cho rằng... Có lẽ chưa nên ghi vội... bình phương của cạnh huyền bằng bình phương của một cạnh góc vuông.

- Anh có thể giải thích điều này cho tôi không?

- Vâng, các anh nhìn xem. – Silba lấy một con dao, việc này khiến hai người kia lo lắng; nhưng anh ta dùng nó để kẻ trên nền đất cháy bỏng một tam giác vuông. – Các anh thấy chưa? Ở đây có phải là bình phương của cái này - và anh vẽ một hình vuông trên cạnh huyền - thì bằng bình phương cạnh này. Anh lại kẻ thêm hình vuông khác có một cạnh là cạnh góc vuông nhỏ.

- Nhưng chúng không bằng nhau.

- Đây chỉ là cảm thấy thế khi các anh nhìn, còn theo toán học thì chúng bằng nhau. Vì vậy Pythagore đã phải chứng minh điều này.

Họ cứ tiếp tục cho đến tận cuối ngày, cho đến khi người hói đầu chưa quyết định rằng hôm nay như thế là đủ; sáng hôm sau họ gọi các con của họ lại và dưới cơn mưa không ngớt, trong thế giới đã bị hủy hoại bởi những con người hiểu biết rộng, họ lại bắt đầu truyền đạt những mẫu kiến thức đã được lưu lại trong trí nhớ của riêng họ cho những đứa con dị dạng của mình; chúng nhìn họ bằng những đôi mắt vô hồn và im lặng lắng nghe họ.

- Hai bình phương bằng bốn. Tương tự, tám bình phương bằng mười sáu, còn mười hai bình phương bằng hai tư. Để có được bình phương của một



số, hãy nhân số đó với hai...

### **Đông Tây Kiệu Diệp dịch**

(1) *Claudius Caesar Nero*: hoàng đế La Mã từ năm 54-68 sau Công nguyên

(2) *Chúa Jesus*

(3) *Sparta*: một thành phố - quốc gia Hi Lạp cổ, nằm ở phía nam bán đảo Peloponnec. Sau cuộc chiến xảy ra vào thế kỷ 8-6 trước CN Sparta trở thành một quốc gia hùng mạnh

(4) *Pirr* (319-273 trước CN): sa hoàng của Epir, một nước cổ đại thuộc Bắc Hi Lạp, đã chỉ huy quân của thành Tarenta

*Eduar Dverkin*

Lusin Kororev chẳng bao giờ ngờ sẽ xảy ra chuyện này. Anh vốn là người chồng tốt. Maria, vợ anh, thường đi công tác vắng nhà luôn. Chị hoàn toàn tin ở chồng. Hơn nữa, Lusin lại vốn thờ ơ với phụ nữ. Về người anh cũng bình thường, hơi thấp, đeo kính cận, ăn vận xuềnh xoàng.

Thế mà, chẳng hiểu sao cô nàng Tamara lại để ý đến anh. Đó là câu hỏi mà mãi cho đến tận bây giờ, anh vẫn thấy khó trả lời. Nhưng dù sao thì đó cũng là sự thực một trăm phần trăm. Một hôm, sau lúc tan tầm, lúc Lusin đang đứng ở bến xe buýt, thì bỗng Tamara xuất hiện. Cô mặc chiếc áo măngtô bằng lông thú, chân đi đôi ủng đế cao, mắt nhìn anh chằm chằm và nói thoảng như tiếng gió: "Tối nay, chẳng biết mình sẽ ngủ ở đâu đây!". Lusin chớp chớp mắt và thế là, cô đã sát lại bên, nắm lấy khuỷu tay anh và nói rõ hơn: "Tối nay, em muốn lại thăm anh!".

Lusin hơi choáng người. Nhưng lúc anh vừa trấn tĩnh lại thì cũng là lúc Tamara đã cởi bỏ áo măngtô và đang đứng soi gương trong căn hộ một phòng của anh. "Chà, vợ đi vắng kể cũng khó xử thật!" - Lusin nghĩ bụng. Nhưng cái ý nghĩ giả dối ấy đã vụt tan biến ngay. Tamara đã quay lại và anh chợt nhận ra là cô nàng trẻ, đẹp cứ như là người anh gặp trong mơ vậy.

Tamara chẳng chút e dè. Trong bữa ăn chiều, cô cứ nói cười luôn miệng làm Lusin cũng thấy mạnh dạn lên. Tim anh đập mỗi lúc một rộn ràng cho đến lúc kết thúc bữa ăn. Ăn xong, họ ngồi xem tivi. Xem xong, Tamara vào buồng tắm, còn Lusin thì sửa soạn chỗ ngủ cho mình ở ngoài hành lang. Ở buồng tắm bước ra, cô nàng vấp ngay phải chiếc giường gấp. Cô mỉm cười, lắc đầu và bất ngờ hôn mạnh vào môi anh...

Sáng hôm sau, trong lúc uống cà phê, Lusin cứ càu nhàu mãi về chuyện chẳng biết sẽ thanh minh với vợ thế nào, vì vợ anh cũng sắp đi công tác về. Tamara vừa vội vã tô môi vừa nói gạt đi: "Anh chỉ lo vợ vẫn! Thịnh thoảng, em vẫn làm thế này mà". Rồi cô chạy biến đi mất.

Lusin đăm ồm. Hôm đó, anh nghỉ ở nhà. Ngồi nhà, anh cứ thờ dài, tự hỏi: Chẳng biết Tamara đã hại anh hay là anh đã sống một cách quá hiền lành, tẻ nhạt...

Đó là nội dung "câu chuyện" được được đăng trên một tờ báo phát hành vào buổi sáng. Có một tờ đã nhàu nát đang nằm gọn trong chiếc cặp của Lusin Kororev. Lusin đang cố đoán xem tí nữa, gặp anh, các bạn đồng nghiệp sẽ bàn tán ra sao.

Anh bước vào phòng làm việc, chào hỏi mọi người rồi ngồi vào bàn và làm như đang mãi nghĩ chuyện gì. Có người chạm vào vai anh. Thì ra là kỹ sư trưởng - một người chúa là hay châm chọc - tay cầm tờ báo. "Sắp bắt đầu rồi đây" - Lusin nghĩ bụng và chuẩn bị đối phó. "Cần quái gì! - Kỹ sư trưởng đột nhiên nói. - Bọn mình có phải là ngốc cả đâu. Rồi mọi người sẽ hiểu rằng đó chỉ là chuyện bịa đặt, chẳng liên quan gì tới cậu. Đó chỉ là sự trùng tên thôi". "Phải đấy, phải đấy! - Mọi người phụ họa theo. - Thôi đừng bận tâm đến chuyện ấy nữa. Và cần phải viết lên báo để mọi người rút kinh nghiệm mà cẩn thận hơn trong việc đặt tên".

Mấy phút sau, mọi người đã trở về với những đề tài quen thuộc: thể thao, một quần áo, con cái, các món ăn... "Các bạn mình đều tốt cả - Lusin phấn khởi nghĩ như vậy. Nhưng còn Maria thì sao? Cô ấy có hiểu cho mình không?".

Maria đón chồng ở phòng ngoài và thế là, mọi chuyện lập tức, được rõ ràng: "Em đọc rồi! Thật là một sự trùng tên tệ hại!" - Nàng nói.

Sau khi hôn đến chụt một cái vào má chồng, nàng đặt lên bàn bát xúp mà anh thích. "Vợ mình tuyệt thật" - Lusin vừa nghĩ bụng vừa ngủ thiếp đi. Sáng mai, nhất định, anh phải gọi điện cho Tamara, xạc cho cô ta một trận để cô ta biết giữ mồm giữ miệng, đừng có bạ chuyện gì cũng ton hót với mấy tay văn sĩ quen biết ấy nữa.

***Đỗ Thanh dịch***

## *Alexander Vampilov*

Lần này, tôi phải đóng vai tên vô lại. Theo kịch bản, tôi phải từ mẹ, mua sắm quần áo đắt tiền, vu khống, sống hai mặt, cạy 2 chiếc két sắt và lừa phỉnh mấy cô gái. Ở cuối vở kịch, cùng một lúc, có tới ba anh công an ập tới tìm tôi. Trước đây, chỉ được phân cho đóng những vai xoàng xĩnh nên lần này, tôi đã sốt sắng nhận vai ngay.

Là nghệ sĩ kịch, ai mà chẳng muốn được nổi tiếng? Vì nếu không thì anh ta sẽ còi cọc, sẽ trở thành kẻ ganh ghét, thủ đoạn. Tóm lại là, sự thành công cần cho người nghệ sĩ như không khí vậy.

Hai ngày trước buổi diễn đầu tiên, tôi cứ đi đi lại lại trong phòng để nhẩm vai kịch. Vào lúc 12 giờ trưa, Masa - cô gái làm nghề trang trí - tới. Cô đứng ở ngoài cửa nghe trộm rồi vừa vỗ tay vừa chạy vào phòng, bảo:

- Tuyệt! Anh giỏi lắm! Nhưng có điều hơi quá. Trong đời sống, làm gì có ai như vậy? Anh thì chỉ toàn nhận những vai vớ vẩn.

Cứ nhìn Masa, nhìn cặp mắt sáng, mái tóc sáng, nghe giọng nói líu lo của nàng, là tôi quên hết mọi sự lo lắng và chỉ nghĩ tới hạnh phúc. Chả là, nàng là vợ chưa cưới của tôi mà!

- Này anh ơi! Mẹ em đến đấy. Anh nên gặp mẹ. Mẹ cũng muốn làm quen với anh. Thế, có tuyệt không? - Nàng phấn khởi, nói

Tôi không phản đối điều đó. Hôm nay, trời đẹp nên tôi cũng muốn đi dạo phố. Tôi thắt cà vạt, mang theo mũ, áo khoác rồi hai chúng tôi chạy ra phố: Đêm qua, tuyết rơi, nhưng đến trưa nay, tuyết đã sấm lại rồi tan đi. Trời ấm, dù đang là tháng mười một. Tôi nhẹ nhàng nắm khuỷa tay Masa, lòng tràn đầy hạnh phúc. Tôi muốn làm trò gì đấy có tính chất vui nhộn và nông nổi.

- Anh phải lịch sự, lễ phép! - Nàng bảo tôi - Phải cố làm ra vẻ đứng đắn. Việc đó dễ thôi, vì anh là nghệ sĩ. Anh có thể bốc một tý cũng được.

- Sao, lại phải sắm vai mới à! Masa, em hãy thương lấy anh! Anh không hợp với vai kịch của em đâu.

Tôi hình dung rất rõ mọi việc sẽ diễn ra và trong đầu tôi đã nảy ra một sáng kiến: "Mình sẽ đóng vai tên vô lại trước mặt mẹ của Masa. Rồi sau đó, mình sẽ giải thích. Sẽ rất vui và nhân thể, diễn tập luôn. Để xem sự thể sẽ ra sao trước mặt một người mới".

Nghĩ vậy, tôi cảm thấy trước là sẽ rất ngộ. Với tâm trạng đó, tôi trình diện với mẹ của Masa.

Và thế là, bà Varvara - mẹ nàng - và tôi đã ngồi đối diện với nhau trong căn phòng nhỏ, sáng sủa, tường treo đầy những bức phác họa.

- Anh cẩn thận đấy - Masa nói thềm với tôi. - Em muốn mẹ thích anh. Nói xong, nàng chạy ù luôn xuống bếp.

Mẹ của Masa là một phụ nữ còn trẻ, đẹp, trông giống như con ngỗng cái: cổ dài, vai hẹp, áo cánh trắng, nét mặt hơi kiêu kỳ. Hai chúng tôi im lặng mấy phút. Tôi cảm thấy ngượng, nhưng đó không phải là vai kịch của tôi.

- Tôi rất vui vì cuối cùng, chúng ta đã quen nhau - Mẹ của Masa lên tiếng.

- Đúng! - Tôi đáp. - Việc đó cũng không thừa.

Lại yên lặng. Chỉ nghe rõ tiếng va chạm xoong nồi của Masa ở dưới bếp. Tôi nghĩ bụng: "Bắt đầu thôi! Mình phải tấn công trước".

Tôi ngả lưng lên vai ghế, vất chéo chân, bảo:

- Bác Varvara ạ! Là những người thông minh, chúng ta nên nói thẳng. Cháu sẽ lấy con gái bác. Bác đừng sợ, đừng khóc, nhưng cũng đừng quá vui. Bác cũng không cần phải tra hỏi. Cháu sẽ tự nói rõ tất cả. Chắc, bác muốn biết cháu là ai, và tất nhiên, bác đã nghe nói mọi người đã coi cháu là người thế nào. Họ bảo cháu là kẻ không đứng đắn. Đó là điều vớ vẩn. Họ ghen với cháu đấy mà!

- Nghệ sĩ thường bị ghen ghét! - Đột nhiên, mẹ của Masa nói.

Tôi thấy lạ vì bà đã không hề tỏ ra bối rối. Trên nét mặt bà, chỉ thoáng có vẻ tò mò.

- Đúng! Cháu là nghệ sĩ! - Tôi nói tiếp - Tội gì không làm nghệ sĩ nếu được trả công cao? Nhưng cháu cũng có thể là kế toán viên, người hầu bàn, chủ nhà tắm, nếu những việc đó được trả nhiều tiền hơn. Thế còn, tại sao cháu sẽ lấy con gái bác? Tất nhiên là, cháu thích Masa, nhưng vấn đề không nằm ở đó.

Tôi liếc nhìn mẹ của Masa. Bà vẫn ngồi yên, không định ngắt đi và thậm chí, cũng không ngắt lời tôi. Tôi có cảm giác bà còn chăm chú nghe tôi nói. Đôi mắt bà dường như là đôi mắt của cô giáo hiền hậu đang nhìn cậu học sinh có khả năng.

Tôi nói tiếp:

- Tất nhiên, vấn đề không phải ở chỗ cháu không thể sống thiếu con gái bác. Chúng cháu mới chỉ quen nhau được hai tuần, nhưng thời gian cũng đủ để hiểu nhau. Masa sẽ được sống hạnh phúc, hợp mốt. Mặt khác, cháu cũng muốn có quan hệ với những người có văn hoá. Hiện nay, cháu đang là diễn viên, nhưng sau lúc cưới Masa là lập tức, cháu sẽ bỏ nhà hát để chuyển sang làm ở nơi khác. Chẳng hạn, ở cửa hàng bán đồ cũ.

- Cháu tin bác là một phụ nữ thông minh và bác yêu con gái của mình. Còn việc bác có thích cháu hay không, thì điều đó không quan trọng. Masa sẽ không bao giờ xa rời cháu. Cháu muốn bác hiểu là con gái bác hiện đang ở trong đôi cánh tay khoẻ mạnh.

Tôi im lặng một lát, đi đi lại lại trong phòng rồi cười khẩy, nói tiếp:

- Vả lại, mọi chuyện giữa hai chúng cháu đã đi quá xa. Bác hiểu cháu chứ?

Mẹ của Masa không tái mặt, không lông lên, không giậm chân, mà lạ sao, bà lại mỉm cười. Tôi liền tức giận, nói tiếp:

- Cháu đang cần tiền vì có việc. Nếu bác từ chối không đưa tiền, thì cháu có thể sẽ không lấy con gái bác. Cháu có thể làm tất cả.

Nói xong những lời đó, tôi có thể chờ đợi mọi điều. Thế nhưng, tôi đã không tin vào tai mình: mẹ của Masa đã hỏi tôi:

- Anh cần bao nhiêu?

- Một nghìn rúp.

- Tôi sẽ đưa cho anh. - Bà mỉm cười, vừa nói vừa chạy sang phòng khác. Vừa lúc đó, Masa bước vào phòng, nói:

- Bữa cơm trưa đã làm xong. Anh đã nói gì với mẹ thế? Anh đã làm bà rất thích. Bà bảo em: "Đó chính là cái mà con cần. Với người chồng như vậy, con có thể chung sống tới 100 năm. Nó thật là tuyệt! Nhưng, con hãy bảo với nó để nó thận trọng hơn. Nó còn trẻ, hăng hái". Anh đã chinh phục mẹ bằng cách nào vậy?

Tôi hết sức mơ màng, ngồi phịch xuống chiếc ghế. "Đúng, đó là sự thành công". Tôi vừa nghĩ vừa chăm chú nhìn vào đôi mắt hồn nhiên của Masa.

***Đỗ Thanh dịch***

*Mary Maredante*

Hai lần Giáng Sinh trước, bố vẫn gọi điện để hỏi tôi muốn quà gì cho ngày lễ. Tôi nói tên của một cuốn sách nhưng ngừng ngay lại và nói: “Không phải, con muốn bố ghi âm cho con cuốn ĐÊM TRƯỚC NOEL”. Bố im lặng một lúc lâu rồi mới nói bằng giọng chắc nịch của mình: “Ồ lạ Chúa, Mary, sao con lại muốn thế chứ? Con đã bốn mươi tuổi rồi!

Tôi ngừng lại, cảm thấy bối rối nhưng cương quyết: “Bố à, con nhớ lúc được bố âm hết mấy anh chị em trên ghế trường kị và đọc cho chúng con nghe cuốn ĐÊM TRƯỚC NOEL thật là vui. Con vẫn nhớ giọng nói khoẻ khoắn của bố, cảm giác bình yên bên cạnh bố và cái cách bố giả giọng nhân vật. Con thật sự muốn bố làm điều đó, vì hiện nay con đang sống cách nhà gần hai ngàn năm trăm dặm và không thể về, vì vậy được có bố ở bên cạnh, con sẽ hạnh phúc lắm!

Bố trả lời với giọng dịu dàng hơn, nhưng vẫn ngạc nhiên: “Ý con là muốn bố kể chuyện giống hệt ngày xưa, với những tiếng chuông, tiếng huýt sáo và những thứ khác nữa?

- Vâng vâng, đúng đấy bố ạ.

Ông lại im lặng một lúc, rồi nói: “Bố sẽ đọc cho con nghe cuốn sách đó”

Tôi nghe rõ ràng có sự quả quyết và chút nhượng bộ trong giọng nói của ông, “Được rồi, bố sẽ gọi lại cho con vào Giáng Sinh”. Chúng tôi nói thương yêu nhau rồi gác máy. Tôi cảm thấy man mác buồn và cố gắng nghĩ xem tại sao. Có thể là tôi đòi hỏi một người đã bảy mươi sáu tuổi làm một việc nhiều chất tình cảm quá, và có thể bố đang nghĩ về một người lớn như tôi mà đòi hỏi chuyện đó thì hơi điên rồ. nhưng cũng có thể không phải vậy. Tôi chỉ biết rằng cứ mỗi lần nói chuyện với bố, tôi cảm thấy giọng bố dần mệt mỏi hơn. Và tôi bắt đầu biết chấp nhận, nhưng không biết vào lúc nào, rồi sẽ đến cái ngày chúng tôi chẳng bao giờ được nghe giọng nói ấy nữa...

Trước đêm Giáng Sinh, một gói quà nhỏ gói giấy nâu được buộc kĩ lưỡng với rất nhiều băng dán và con dấu được gửi tới. Tên và địa chỉ của tôi



được viết bởi nét chữ hoa mỹ của bố với những dấu nhấn hơi là lạ. Bên trong là một cuộn băng có tựa đề viết tay: “ĐÓ LÀ ĐÊM TRƯỚC NOEL.

Tôi bỏ cuộn băng vào máy và lắng nghe giọng nói bố vang lên thật to: “Đó là vào một đêmmmmm... trước Giáng Sinh khi tất cả những ngòiiiiiii... nhà... “giống y như hồi chúng tôi con nhỏ! Đến đoạn cuối cùng ông nói tiếp, “Và bây giờ bố sẽ đọc cho con nghe truyện CÁI MÁY NHỎ DIỆU KÌ”. Tôi hiểu ý bố khi ông quyết định gửi kèm cho tôi một trong những mẫu chuyện được yêu thích nhất của chúng tôi ngày xưa. Đó cũng là câu chuyện mà chúng tôi đã đọc cho mẹ nghe lúc bà mất vì một căn bệnh ung thư ba năm trước.

Cuộn băng còn tiếp tục với tiếng hát của ca đoàn Mormon Tabernacle trong bài hát “Silent Night”, bài hát yêu thích mà gia đình chúng tôi cũng đã từng hát với nhau trong đêm Giáng Sinh trước khi đi ngủ. Rồi bài “ Oh Come All Ya Faithful”... hết bài này tới bài khác cho đến cuối cuộn băng. Tôi đi ngủ thật ngon trong đêm Giáng Sinh và thầm cảm ơn Thượng đế đã mang lại một phép màu nữa cho bố.

Tháng Năm sau đó bố mất thật bất ngờ. Không còn những cú điện thoại vào những ngày Chủ nhật, cũng không còn ai gọi điện hỏi tôi: “Gia đình Gospel thế nào rồi, Mary?” và cũng không còn ai nói “Bố yêu con” nữa. Nhưng giọng nói của ông thì vẫn còn và luôn nhắc nhở tôi rằng, tôi có thể thực hiện được những điều tôi đã quyết, và tôi cũng có thể dùng tình cảm của mình để bao bọc, chở che người khác, ngay cả khi có khó khăn. Đó là sức mạnh của tình yêu.

Giáng Sinh năm nay tôi sang lại cuộn băng của bố và gửi cho các anh chị em của tôi, điều đó làm họ rất bất ngờ. Em gái út của tôi gọi điện đến và nheo ngàò nói: “Mary, em mới nhận được cuộn băng. Chị có để ý là bố bảo đó là ngày mười chín tháng Mười hai trong cuốn băng không? Hôm nay đây. Lúc em mới bỏ cuộn băng vào máy ở phòng khách, thì Holden, đứa con trai hai tuổi rưỡi của em từ nhà bếp chạy ra kêu thật lớn: “Ông ngoại đến, ông ngoại đến!” Có lẽ chị có thể thấy được bố đấy! Mary, nhìn xung quanh xem. Bố đang ở đây đấy!

Tôi nhớ mãi lời nói đó của em tôi.

## *Huangau Zhengshu (Nhật Bản)*

Ông B là một trong các nhà tiểu thuyết nổi danh đương thời. Một bài viết của ông tên là “Thần bảo hộ của tôi” không ngờ lại dẫn đến một vụ án khủng khiếp.

Bây giờ, trước hết xin giới thiệu một chút về nội dung bài viết đó.

Đó là đêm lạnh lẽo của mấy năm trước, ông B có chút việc phải lên phố. Nhìn thấy có người xem tướng tay, ông ta bước tới.

Theo lời chỉ dẫn của người xem tướng, ông rút bao tay và xoè bàn tay trái ra. Người xem tướng tay ngạc nhiên nhìn bàn tay ông ta hồi lâu, sau đó nói một thôi một hồi, thao thao bất tuyệt. Cuối cùng, ông B rút ra một Yên. Người xem tướng đưa trả lại đồng bạc 5 hào mà mắt cứ lơ lảo đảo quanh, ý tứ như muốn bảo ông B hãy rời xa nơi đó cho nhanh thì hơn!

Khi đó ông B đeo khẩu trang, cổ áo khoác dựng đứng lên, người xem tướng chắc chắn không nhìn rõ mặt của ông. Chắc là vì thế mà đưa nhầm đồng bạc đó cho ông. nguyên nhân dẫn tới sự lầm lẫn này là bàn tay trái của ông B có thiếu ngón tay út. Người xem tướng, vào buổi tối hôm đó, có thể đang chờ để trao đổi đồng bạc 5 hào đó cho người nào đó cũng bị thiếu ngón tay út ở bàn tay trái chẳng?

Ông B cảm thấy sự tình có chút gì uẩn khúc, khi về tới nhà bèn xem kỹ đồng bạc 5 hào cảm thấy nó nhẹ một chút và tiếng kêu cũng không được bình thường. Ông ta ném đồng tiền xuống đất thì thấy đồng tiền bật nảy ra. Ở phần lõm của đồng tiền có găm mảnh giấy nhỏ, có viết những hàng chữ số latin.

Ông B xem ngang, xem dọc, đoán rằng, những chữ số đó là mật mã. Ông chắc rằng sẽ có một ngày nào đó cần dùng tới đồng tiền này nên cẩn thận cất đi. Người Nhật Bản có tập tục mê tín là kẻ trộm mà lấy đồ vật ai đó bỏ quên thì tức là họ gặp được vận may. Thế là ông B, xem đồng bạc như “thần bảo hộ” vậy, giấu đi. Ở Nhật Bản thần bảo hộ là thần may mắn, hạnh phúc. Chính vì thế, ông B đã đem cuộc gặp kì lạ của mình viết tất cả ra,

dưới đề bài là “Thần bảo hộ của tôi” (chỉ có lược đi những con số cụ thể ghi trên tờ giấy để chỉ mật mã), đăng trên tờ tạp chí “Bắc cực quang”.

Tạp chí xuất bản được một tuần thì có một người khách lạ tới thăm ông B, tự xưng là S, biên tập viên tiêu thuyết của tạp chí nọ, tới mời viết bài cho tạp chí. Ông B có quan hệ thân thiết với tờ tạp chí mà S nói, biết ngay S là kẻ giả danh, nhưng lờ đi như không biết chỉ từ chối nói khéo là đang quá bận, chưa thể có bài ngay.

- Thôi cũng được, - S nói nghe rất hợp tình, hợp lí - gần đây ngài viết bài đăng trên tạp chí “Bắc cực quang”, tôi đọc cảm thấy tuyệt quá, cho nên tới đặt vài ngài viết cho tạp chí chúng tôi, Giờ ngài đang bận thì về sau ngài nhất viết cho chúng tôi. Ha haha... Trong bài viết có nói tới đồng bạc. Đó là thật, hay là hư cấu?

- Đương nhiên là thật- Ông B nói rồi, lấy đồng bạc 5 hào từ trong ngăn kéo ra: - Tôi viết là về đồng bạc này!

- Đồng bạc này quả nhiên là không giống như các đồng bạc khác. Có thể cho tôi xem một chút được không?

- Được!

Ông B đưa đồng bạc cho anh ta, nói tiếp:

- Ngửa mặt đồng bạc lên, cật sang bên phải là có thể mở nắp ra.

- Ừa! Đồng bạc này tuy là đồ giả mà chế tạo tinh xảo quá, vượt rất xa giá trị của bản thân nó! - S mở đồng bạc ra, nói - Tờ giấy ở bên trong có viết mật mã hay không? Tôi có học qua chút kiến thức về mật mã, có cần giúp ngài dịch ra không? Chưa chừng tôi có thể phát hiện ra thứ gì có giá trị đấy!

- Không! - Ông B thu đồng bạc lại, thuận tay cất luôn vào ngăn kéo bàn sách:

- Đó là mật mã, chẳng ai nhìn thấy. Có thể phiên dịch ra cũng tốt, nhưng chỉ sợ sau đó gây phiền phức cho người khác, tệ hơn là tạo nên chuyện gì không hay!

- Đúng! Đúng! Ngài nói rất đúng! - S luôn mồm xin lỗi - Tôi vô duyên quá, xin lỗi Ngài!

- Không có gì! Không sao!

Hai người sau đó còn trò chuyện lan man một lúc rồi S chào cáo từ, ra đi.

Lúc đó, bé A vẫn ngồi yên theo dõi cuộc nói chuyện, mới hỏi:

- Thưa chú, xét cho cùng thì người này tới đây làm gì? Phải chăng là tới xem đồng bạc chứ đặt bài chỉ là mượn cớ thôi!

Ông B mỉm cười nói:

- Chúc cũng nghĩ thế. Cháu có chú ý không đấy? Anh ta đi bao tay suốt. Điều đó có ý nghĩa gì nào, cháu có nghĩ ra không?

- Đó là... - Bé A ôm lấy đầu, suy nghĩ rất lung, rồi bỗng vui mừng như Christop Columb tìm ra lục địa mới, nói - Lẽ nào anh ta cũng khuyết ngón tay út bàn tay trái?

- Đúng! Đúng thế! Chủ nhân của đồng bạc này phải là chính anh ta!

- Thế thì chú cháu ta nên làm gì? Có cần báo cho cảnh sát? - Bé A lộ rõ vẻ căng thẳng.

- Không cần! - Ông B nói rất khễ khàng - Chú là nhà viết tiểu thuyết trinh thám, lẽ nào không được như những cảnh sát còn ít kinh nghiệm sao? Chú viết bài viết là cốt “dẫn rắn bò ra khỏi hang”, Chú cháu ta chuẩn bị một chút đi. Trong vòng một ngày, vào ban đêm, tên S hoặc ai đó nhất định sẽ tới ăn trộm đồng bạc ở nhà chúng ta!

Ông B đã đoán như thần. Ngay trong đêm đó, tên S không nán đợi được, đã hành động ngay. Đương nhiên chú cháu nhà đó chẳng hề làm gì để tên trộm kinh sợ. Họ chỉ nấp trong bóng tối mà quan sát. Tên S. dò dẫm tới gần kéo bàn viết, mò mò tìm đồng bạc, hẩn kiểm tra lại một lượt rồi bỏ đồng bạc vào túi, sau đó theo đường đã vào mà rút lui.

Khi hẩn từ nóc nhà nhảy xuống, đứng chưa vững, thì một bóng đen xông ra từ phòng bên trái nhằm hẩn xìa luôn một nhát dao.

- A! Một tiếng rú hãi hùng rú lên. Đầu tên S bị cắt phăng, như không xương! Bóng đen, nhanh như con khi, soát xét lấy gì trên người tên S., rồi chạy biến đi mất, như làn khói!

Ông B nhìn thấy có án mạng, lúc đó mới gọi điện thoại báo cảnh sát.

Cảnh sát trưởng Đ. tới. Ông B đem chuyện xảy ra giới thiệu khái quát những điều chính:

- Những điều đó tất thấy do tôi mà dẫn đến. Do đó tôi có nghĩa vụ, không thể chối từ là giúp các ông phá án. Có điều, hiên giờ chưa thể để âm ỉ lên, nếu không, kế hoạch của tôi trở thành công cốc mất!

Phá án là việc của cảnh sát mà một nhà viết tiểu thuyết lại thò gậy vào, lại nhận kẻ đứng ra làm chủ sự việc, Điều này làm cho cảnh sát trưởng Đ không vui vẻ gì. Song, trước sự việc xảy ra, cảnh sát trưởng cũng bằng lòng theo yêu cầu của ông B.

Thế là, mọi việc tiến hành theo cách sắp xếp của ông B. Ngày hôm sau, các báo ở địa phương đều đăng mẩu tin thế này: “Tối hôm qua, một người đàn ông lạ mặt bị sát hại ở gần nhà của nhà viết tiểu thuyết B. Vụ án chưa rõ manh mối, khiến cảnh sát đau đầu!”.

Mẩu tin đó là để mê hoặc hung thủ, nếu không hẳn ta sẽ dừng ngay hoạt động. Tiếp đó lại cần biết rõ về thân phận kẻ bị giết. Hẳn ta chẳng phải là S, mà là T, em trai của tên chuyên cướp đá quý, tên là H. Tên H đã bị bắt, rồi ốm chết trong tù. Trước khi bị bắt, hẳn đã thuê nhà của người xem tướng tay.

- Đúng! - Ông B phân tích - Trước khi tên H bị bắt, hẳn nôn nóng muốn nói với đứa em việc gì nên viết mật mã, giấu vào đồng bạc được chế tạo đặc biệt, nhờ người xem tướng tay chuyển cho em hẳn.

- Thế tên H muốn bảo tên T điều gì? - Bé A hỏi

- Nó nói cho em hẳn biết đá quý để ở đâu! - Ông B nói.

- Chú ơi, bây giờ chúng ta làm gì? - Bé A hỏi.

- Chúng ta cần tới Sở cảnh sát điều tra xem trong những năm gần đây có nhà ai bị cướp mất châu ngọc quý giá mà tới nay chưa phá được án- Ông B nói.

Vừa lúc đó có một cô gái, tên là L, đi tới nhà họ. Cô L năm nay mới 18 tuổi, gia đình vốn phong lưu, sung túc, song những năm gần đây lại trở nên nghèo túng. Nhà cô ở gần đấy, và cô là người đọc nhiệt tình các tiểu thuyết của ông B, vẫn thường tới thăm ông.

Có điều hôm nay nhìn thần sắc cô có vẻ không bình thường.

- Làm sao vậy, cô L? - Ông B hỏi - Hôm nay cô không được khoẻ sao?

- Không ạ. Cháu chỉ muốn được bác giúp cho một lời khuyên.

- Có chuyện gì xảy ra vậy? Cô đừng vội, cứ từ từ kể nhé!

Cô L dần dần bình tĩnh, kể:

- Là thế này ạ. Hôm qua có một ông già tới hỏi nhà cháu có bán chiếc tủ lớn đựng quần áo hay không. Nếu có bán thì ông ta xin mua. Cháu thấy ông

ta là lạ thế nào, không để ý tới ông ta. Ông ta nấn ná mãi hàng giờ, trước lúc ra đi còn nói ngày mai lại tới. Thật đáng sợ quá!

- Người đó hình dạng thế nào? - Ông B hỏi.

- Ông ta quăng 60 tuổi, cháu có lẽ đã nhìn thấy ở đâu rồi mà chưa nghĩ ra. Cô L nói.

Ông B trầm tư suy nghĩ một lúc, nói:

- Là ông lão xem tướng tay chẳng?

- Có lẽ thế - Cô L trả lời

- Hừm! Đúng rồi! - Bỗng ông B hỏi to - Cô L, nhà cô đã bao giờ bị mất đồ vật thuộc loại đá quý chưa?

- Có mất rồi ạ - Cô L tỏ vẻ ngạc nhiên, hỏi - Thưa bác, làm sao bác biết? Đó là việc xảy ra 8 năm trước đây. Buổi tối một ngày, cha cháu chiêu đãi rất đông khách, tổ chức cả vũ hội. Trong vũ hội, chiếc ghim kim cương, đeo trước ngực mẹ cháu không cánh mà bay mất. Mọi người đều ái ngại, song cho tới lúc tan hội, vẫn chẳng tìm thấy chiếc ghim quý đó. Mẹ cháu thường nói là nếu có nó, sinh hoạt của gia đình cháu nhất định sẽ sung túc rất nhiều.

Nghe cô L kể, ông B mừng lắm, nói:

- Ha ha...! Xem ra cá đã cắn câu!

Rồi ông dặn dò cô L phải làm những gì, những gì.

- Cám ơn bác! - Cô L vui mừng ra về.

Sau đó, ông B gọi điện thoại cho cảnh sát trường Đ yêu cầu chuẩn bị tốt để bắt hung thủ.

Ngày hôm sau, ông già hỏi mua tủ đựng quần áo lại tới nhà cô L, quần lấy cô ta. Do đã được ông B dặn dò từ trước cách ứng xử, cô L hết sức chối từ, nói rằng dù có nghèo đến mấy cũng không bán tủ.

Ông già vừa đi khỏi, cô L vội vàng tìm ông B.

Vừa rồi, ông B nấp ở nơi gần nhà cô L, đã nhận ra ông già đích thực là người xem tướng tay đã đưa nhầm cho ông đồng bạc 5 hào đó. Cho nên ông B nói với cô L:

- Cô L, nói không chừng đêm nay ông già đó sẽ tới nhà cô ăn trộm đấy!

- Thật sao? Thế thì phải làm thế nào ạ? - Cô L rất hoang mang.

- Chẳng phải việc làm cô lo lắng. Tôi đã sắp đặt xong cả rồi. Chỉ cần gia đình cô tắt đèn sớm một chút, bình tĩnh đi ngủ là được. Nhưng gia đình

đừng ngủ, chẳng hề gì, chớ có làm cho kẻ trộm sợ mà chạy mất. Hiểu chưa nào?

- Vâng! - Cô L gật đầu.

Sự việc xảy ra đúng như dự đoán của ông B mà tiến triển. Vào lúc khuya khoắt hôm đó, có một bóng đen mò vào nhà cô L.

Bóng đen trấn tĩnh một lát, quan sát xung quanh, sau đó bật đèn pin tiến tới bên chiếc tủ to đựng quần áo.

Bóng đen kéo ngăn kéo tủ ra thì cảnh sát trưởng Đ từ chỗ tối phía sau nhẩy ra, đánh ngã ngửa bóng đen ra, nhanh chóng còng tay hắn.

Khi đó, cô L lập tức bật công tắc đèn điện, làm căn phòng sáng trưng lên.

- Hắn ta là ai? Hắn lại ăn trộm cái gì? - Cảnh sát trưởng Đ chưa hiểu chân tướng sự thật ra sao, cảm thấy kì lạ hỏi.

- Hắn là người xem tướng tay- Ông B giải thích - Hắn ta tới để lấy chiếc ghim gắn kim cương!

Rồi ông B cười, bảo người xem tướng tay:

- Thưa ngài, lâu lắm không gặp, ngài quên tôi rồi sao? Có phải ông đã nhầm xem tôi là tên T, nên giao cho tôi đồng bạc 5 hào, phải không nào?

Người xem tướng tay đó “a” lên một tiếng, cảm hờn nhìn ông B, nghiêng răng kèn kẹt, không nói năng gì.

- Ôi! Mi chính là người cho tên H. thuê nhà à? - Cảnh sát trưởng Đ cũng đã nhận ra hết sức ngạc nhiên.

- Thế là người giết tên T, em của tên H cũng chính là hắn ta! Soát túi áo của hắn có thể lấy đồng bạc 5 hào ấy! - Ông B nói.

Cảnh sát trưởng Đ, quả nhiên soát thấy trong túi áo tên đó có đồng bạc 5 hào đặc biệt.

Lúc này người xem tướng tay chỉ còn cách cung khai thật. Hắn vốn chỉ là người đưa truyền tin cho anh em tên T và tên H. Về sâu long tham lam của hắn không tìm lại được bèn giết chết tên T, mong một mình nuốt lấy chiếc ghim kim cương quý giá.

- Cô L sao còn đứng như thế? Mau đi lấy chiếc ghim kim cương đi thôi nào. Ông B nói to - Kim bị kẻ trộm ăn trộm 8 năm trước đây vẫn còn trong nhà này. Nó đã giấu ở trong chân bên phải của chiếc đàn dương cầm!

- Thật sao? - Cô L quì xuống chỗ chân bên phải chiếc đàn dương cầm, sờ sờ đoá hoa khắc trên chân đàn, bỗng thấy cánh hoa rung rung, dùng tay khẽ đỡ ra thì thấy một miếng gỗ rời ra. Cô ta lấy được một vật nhỏ từ trong hốc ấy. Đó chính là một chiếc ghim nạm kim cương, toả sáng long lanh, thật thích mắt.

Vốn là khi tên H ăn trộm được rồi, sợ lụy thân lúc bị lục soát, nên giấu ở đó, đợi sau này tìm dịp tới cướp mang đi. Không ngờ chưa kịp hành động thì tên H bị bắt.

Cô L vui mừng đưa chiếc ghim kim cương cho mọi người xem, nước mắt vui mừng rơi lã chã.

Người xem tướng tay thấy lạ lùng lắm, nói bô bô:

- Lẽ nào tôi phiên dịch mật mã sai?

- Đâu có sai! - Ông B trả lời, cười hà hà - Thưa ngài xem tướng, ngài chỉ mắc lừa tôi một tí thôi! ha ha...! Để tôi nói thật cho ngài biết nhé! Cái đêm hôm tên T tới ăn trộm thì đúng là đồng bạc 5 hào ở đó thật, nhưng tờ mật mã thì tôi đã tráo thay từ sớm rồi. Kỳ thực là tôi đã giải mật mã đó từ năm xưa rồi. Thế nhưng chỉ biết chiếc kim cương giấu ở chân đàn thì có tác dụng gì, còn phải biết là đàn của nhà ai nữa chứ! Tôi nghĩ rằng chỉ có chủ nhân của chiếc đồng bạc là biết điều đó nên mới nghĩ ra cách viết ra bài viết này, và nhấn mạnh rằng câu chuyện không hề hư cấu, để dẫn dụ tên cướp tới nhà mình mà bắt, từ đó tìm ra chiếc đàn đó. Thật cảm ơn ngài đã chỉ đường vẽ lối cho tôi và làm cho gia đình cô L trở lại sống sung túc. Về điểm này mà nói thì ngài là kẻ có công lao thật to tát đó...

- Chú ơi, thế mật mã giả thì chú viết thế nào ạ! - Bé A hỏi chen vào.

- Viết thế này: “Kim cương để ở khe ngăn kéo bên phải của chiếc tủ to đựng quần áo” - Ông B nói về đặc ý - Tôi nghĩ, nhà nào có đàn dương cầm thì nhất định có tủ quần áo nên viết liều câu đó. Đâu ngờ ngài xem tướng lại cho là thật! Ha ha!

Sau đó ông B lại nói với cô L:

- Cô gái! Cô chẳng mất công không khi đọc nhiệt tâm các tiểu thuyết của tôi, phải không nào? Bác xin đền đáp cháu bằng chiếc ghim kim cương đó nhé! ha ha...! Nhân gian là bao la, nhưng mà cũng lại là rất nhỏ hẹp! 8 năm rồi tôi tìm chiếc dương cầm, đâu ngờ lại ở chính nhà của cháu!



- Bác ơi, cháu làm sao tạ ơn bác được đây!

Nói xong cô L chạy tới ôm lấy ông B cảm ơn rồi rít. Khi cảnh sát trưởng Đ dẫn người xem tướng đi, ông B bỗng nhớ ra điều gì, vội nói:

- Vị cảnh sát trưởng, còn đồng bạc 5 hào, xin đưa lại cho tôi.

- Còn dùng nó để làm gì vậy? - Cảnh sát trưởng ngạc nhiên, nói.

- Nó có thể làm “thần bảo hộ” cho tôi mà! - Ông B vui tươi, nói -Tôi muốn mãi giữ nó!

*(Theo nguyên tác cùng tên của Huangau Zhengshu- Nhật Bản)*

*Diane Rayner*

Niềm tin là tin những gì không thấy và rồi niềm tin sẽ cho thấy những gì đã tin

Thánh Augustinô

Tôi lớn lên với một niềm tin rằng những chuyện kỳ diệu và tuyệt vời thường xảy ra trong ngày lễ Giáng Sinh, khi những nhà thông thái từ phương Đông đến, khi gia súc thì thăm với nhau trong chuồng vào lúc nửa đêm, và khi ánh sáng từ ngôi sao lạ trên bầu trời cao báo hiệu Con Thiên Chúa đã sinh xuống trần. Giáng Sinh trong tôi lúc nào cũng là một dịp reo mừng, vui hưởng hạnh phúc, và chưa bao giờ tôi hạnh phúc cho bằng lễ Giáng Sinh năm đó, năm mà đứa con trai của tôi, Mẫn, vừa tròn tám tuổi.

Đó cũng là năm mà mẹ con tôi dọn vào căn nhà xe (trailer) ở vùng đồi núi ngoại ô Redmond, tiểu bang Washington. Vào những ngày gần lễ Giáng Sinh, chúng tôi không mấy háo hức lắm; mặc dù không phải vì cơn mưa giông kéo dài mấy ngày gây sình lầy đường sá và làm sàn nhà chúng tôi ướt đẫm bùn. Từ đầu tháng 12, Mẫn trông vui tươi hẳn ra, và có vẻ bận rộn nhất nhà. Nó là con út của tôi, một thằng bé vui tính, mẫn tiệp và thân thiện với mái tóc vàng hoe. Mẫn có tật khi nghe ai nói cứ nghiêng nghiêng cái đầu về một bên trông như con chó nhỏ. Đúng ra là vì Mẫn bị điếc bên tai trái nên phải nghiêng đầu để nghe cho rõ nhưng chẳng bao giờ thấy nó mở miệng than phiền về khiếm khuyết bẩm sinh đó cả.

Tôi để ý đến nó cả mấy tuần nay. Tôi biết chắc là Mẫn đang giấu tôi một điều gì đó. Tôi nhận thấy nó siêng năng dọn giường chiếu, đổ rác, hăng hái phụ dọn bàn ăn với các anh chị. Nó âm thầm để dành tiền ăn quà, cất giữ cẩn thận. Tôi không hiểu nó đang toan tính chuyện gì nhưng tôi biết rõ một điều là chuyện nó đang toan tính chắc chắn phải liên quan đến Kha.

Kha là bạn của Mẫn và chúng nó rất thân nhau từ đầu mùa xuân. Chúng thân nhau đến nỗi nếu gọi tên một đứa, cả hai đều lên tiếng. Thế giới của chúng nằm gọn trong cánh đồng cỏ có con suối nhỏ róc rách chảy ngang,

nơi mà chúng mãi mê bắt ếch nhái, nơi mà chúng cứ tưởng tượng là một ngày nào đó sẽ tìm thấy một mẫu tên đã rỉ sét hoặc đào được một kho tàng của bọn cướp đã chôn dấu lâu năm. Cũng là nơi chúng thường rong chơi suốt buổi trưa, ngồi tựa gốc cây vung tay ném những hạt đậu cho bầy sóc nâu nhỏ.

Cuộc sống của mẹ con tôi trong thời gian đó vất vả, và chúng tôi cố gắng bước đi từng ngày. Lương lãnh ra từ hãng gói thịt chỉ đủ tạm cho mẹ con chúng tôi có những bữa cơm thanh đạm. Nhưng so ra vẫn tương đối sung túc hơn gia đình của Kha. Gia đình Kha rất nghèo, và bà mẹ thật chặt vật mới nuôi đủ từng ấy miệng ăn, chưa kể quần áo, sách vở cho con cái. Bù lại gia đình vẫn giữ được nề nếp cổ truyền. Riêng mẹ Kha rất tự hào về nếp sống thanh bạch, đôi khi pha chút tự ái qua những luật lệ bà đặt ra cho con cái.

Tôi cố kiếm cho được một cây thông nhỏ dựng ở góc nhà, trang hoàng đèn đóm khiến căn nhà trông ấm cúng hẳn ra. Mẫn và Kha đôi khi phụ giúp tôi làm món bánh ngọt hoặc đan những rối nhỏ để treo lên cây thông. Nhưng chỉ thoáng một chốc là chúng lại chạy bay ra khỏi nhà, chui qua dây hàng rào truyền điện, ngăn chia căn nhà tồi tàn của chúng tôi và nhà của Kha, và băng mình vào cánh đồng cỏ non xanh rì.

Vài đêm trước lễ Giáng Sinh, tôi đang bận rộn với những món bánh ngọt pha quế, Mẫn nói với tôi bằng một giọng vui tươi pha chút hãnh diện:

- Mẹ xem này, con mới mua cho Kha món quà Giáng Sinh. Mẹ muốn biết là cái gì không?

Ồ! Hoá ra nó để dành tiền là để mua quà cho Kha, tôi nghĩ thầm. Mẫn tiếp tục:

- Đây là món quà mà Kha mong ước từ lâu rồi.

Chùi vội tay vào cái khăn, Mẫn trịnh trọng lôi trong túi ra một hộp nhỏ. Tôi mở hé nắp hộp và thấy một cái la bàn bỏ túi, cái la bàn mà Mẫn đã nhịn ăn vất trong nhiều tuần, để dành tiền mới đủ mua cho Kha. Chúng nó rất cần một cái la bàn như vậy để định phương hướng khi đi sâu vào khu rừng nhỏ phía sau nhà.

- Món quà thật dễ thương, con ạ!

Vừa nói xong, tôi cảm thấy một cái gì không ổn vì tôi biết mẹ Kha rất nghĩ ngợi về sự nghèo túng của gia đình họ. Trong nhà đã không dám nói đến vấn đề quà cáp cho con cái vào dịp lễ thì làm sao Kha có thể trao đổi quà với Mẫn khi nó nhận được cái la bàn. Tôi tin chắc rằng mẹ Kha sẽ không cho phép nó nhận món quà Giáng Sinh từ Mẫn, vì Kha sẽ không có gì để đổi lại. Tôi nhẹ nhàng giải thích cho Mẫn về vấn đề đó và thằng bé tỏ ra rất hiểu biết.

- Con biết, mẹ ạ! Nhưng con đã có cách. Nếu Kha không biết ai tặng quà thì mẹ nó sẽ cho nó giữ cái la bàn.

Tôi không biết phải trả lời sao với con tôi. Tôi thật sự không biết phải nói thế nào với nó.

Một ngày trước lễ Giáng Sinh, bầu trời âm u, lạnh lẽo và mưa tầm tã. Trong căn nhà nhỏ hẹp, mẹ con tôi ngồi chống cằm buồn buồn nhìn bầu trời u ám ngoài kia và không tránh được tiếng thở dài ảo não. Nhưng bốn mẹ con tôi cũng sửa soạn lại phòng khách, dựng lại cây thông có bóng đèn điện nhấp nháy cho ngay ngắn, và chuẩn bị bữa cơm chiều để chờ đón thân nhân hoặc bè bạn có thể ghé thăm.

Đêm xuống. Mưa vẫn rơi. Đứng ở bồn rửa bát, qua lớp cửa kiếng mờ hơi sương, tôi nhìn mông vào bóng đêm và lòng cảm thấy buồn bã lạ thường. Sao lại có thể mưa vào đêm áp lễ Giáng Sinh được? Máy nhà thông thái phương Đông có thể rong ruổi trên lưng ngựa đến viếng Chúa Hải Đồng vào đêm mưa gió như thế này không? Tôi nghĩ là không! Theo tôi, những chuyện kỳ diệu và tuyệt vời chỉ xảy ra vào những đêm quang đãng, những đêm trong sáng để có thể thấy ngôi sao lạ trên bầu trời.

Khi xoay người lại nhìn nồi thịt heo hầm và khay bánh nướng trong lò, tôi thấy Mẫn mở cửa biến mình vào màn đêm. Thằng bé chỉ khoác vội chiếc áo mưa, bên trong phong phanh một bộ đồ ngủ và nó nắm chặt hộp quà trong tay. Mẫn băng qua cánh đồng cỏ sũng nước, trườn mình qua dây hàng rào điện và tiến dần về phía nhà Kha. Căn nhà Kha kia rồi, Mẫn nhủ thầm. Nó nhón chân đi thật nhẹ đến trước cửa, nín thở mở cánh cửa lưới, đặt nhẹ hộp quà ngay ngưỡng cửa, rồi nhấn mạnh chuông.

Và nhanh như một con sóc, Mẫn quay người, chạy phăng xuống những bậc thềm, cúi đầu, cắm cổ chạy biến vào màn đêm để không ai thấy nó.

Bằng bất cứ giá nào Mẫn phải chạy khỏi khu đồng cỏ nhà Kha để không một ai biết nó lảng vảng trước nhà thằng bạn. Trong đầu óc của nó chỉ còn tiếng thúc dục chạy, chạy nhanh lên... Mẫn mãi miết chạy băng qua cánh đồng và thỉnh thoảng nó đâm người vào dây hàng rào điện.

Cường độ dòng điện đủ mạnh đẩy Mẫn bật ngược về phía sau, ghim cắm thân hình nó xuống mặt đất. Mẫn nằm chết cứng trên thảm cỏ ướt. Cả người Mẫn run lấy bầy và nó đang ôm lấy ngực, cong người để cố hít lấy chút dưỡng khí. Nằm chết rũ một lúc khá lâu, Mẫn mới gắng gượng ngồi dậy, khuôn mặt nó vẫn còn tái mét vì sợ hãi, cố chống tay đứng lên và chậm chạp lê bước chân yếu ớt đi về nhà.

- Mẫn! - chúng tôi la lên và đâm bổ về phía cửa. “Sao vậy con?” Mối thằng bé run tái vì lạnh, đôi mắt thất thần nhìn chúng tôi mãi lúc sau mới thốt lên lời:

- Con quên mất hàng rào điện. Nó giật con mạnh quá!

Tôi ôm vội lấy thằng út người đầy những bunn. Tội nghiệp con tôi! Người nó vẫn còn run rẩy và tôi thấy rõ một vết đỏ cháy phỏng chạy từ miệng ra đến tận mang tai. Tôi lấy ngay thuốc mỡ xoa lên vết thương rồi pha cho Mẫn một ly ca-cao nóng. Uống xong ly sữa ca-cao, Mẫn lấy lại vẻ vui tươi thường ngày. Khi ủ Mẫn vào giường ngủ, thằng bé nhìn tôi và nói:

- Mẹ ơi! Kha không thấy con đâu! Con tin chắc là nó chẳng thấy con!

Buổi tối hôm áp lễ Giáng Sinh đó, tôi buồn phiền đi vào giấc ngủ và chán nản tự hỏi tại sao một tai nạn quái ác như thế lại có thể xảy ra cho một thằng bé hết lòng vì bạn, tìm cách san sẻ niềm vui Giáng Sinh đến cho người khác kém may mắn hơn nó, làm theo đúng như lời Chúa đã dạy - làm phúc không cho tay trái biết. Cả đêm tôi nằm trằn trọc với nhiều ý nghĩ. Trong tôi đã nhuộm lên một chút tuyệt vọng về ý nghĩa truyền thống của ngày lễ Giáng Sinh: lễ an hoà, lễ tình thương. Những ý nghĩa tươi đẹp đó đang chết trong hồn tôi và tôi cũng mất hẳn niềm tin về một ngày lễ kỳ diệu, tuyệt vời nhất của đời người.

Nhưng tôi đã lầm.

Buổi sáng hôm sau, mưa tạnh hẳn và ánh nắng chiếu rọi chan hoà trên muôn vật. Vết cháy phỏng trên khuôn mặt Mẫn vẫn còn rõ nét nhưng tôi biết chắc là không còn nguy hiểm nữa. Chúng tôi mở quà và không ngờ

Kha đang đứng trước cửa nhà, gõ cửa. Nó nhanh nhẩu khoe với Mẫn cái la bàn và kể lại câu chuyện bí ẩn tối hôm qua khi nó nghe tiếng ai bấm chuông và chạy ra mở cửa. Rõ ràng là Kha không thể nào ngờ Mẫn là người tặng quà vào tối hôm trước và trong khi Kha liến thoắng kể chuyện, Mẫn chỉ mỉm cười.

Và tôi để ý thấy khi hai thằng bé khoe quà với nhau - gật đầu, ra hiệu, chuyện trò, Mẫn không còn nghiêng đầu về một bên nữa. Lúc Kha nói chuyện, hình như Mẫn đang nghe bằng tai trái, bên tai bị điếc. Vài tuần sau, cô y tá ở trường báo cho tôi một chuyện mà tôi đã biết trước là Mẫn đã nghe rõ bằng cả hai tai.

Làm thế nào mà Mẫn nghe được bên tai trái vẫn là điều bí ẩn. Các bác sĩ cho rằng, khi Mẫn bị điện giật, cường độ của dòng điện đã khai thông hệ thống thính giác bị tắc nghẽn. Có thể lắm chứ! Nhưng cho dù giải thích thế nào đi nữa, tôi chỉ biết cảm tạ Thiên Chúa đã trao đổi quà và tặng cho con tôi một món quà Giáng Sinh vô giá vào đêm hôm đó.

Các bạn thấy không, những chuyện kỳ diệu và tuyệt vời vẫn tiếp tục xảy ra vào đêm Con Thiên Chúa xuống thế làm người. Và người ta cũng không cần một đêm trong sáng để bước theo ngôi sao lạ trên bầu trời.

“An Exchange of Gifts”

*Hải Ngữ chuyên dịch*

## *Khuyết danh*

**D**ùng một cái Kukhara cưới vợ vào cái tuổi chẳng gì chàng cũng đã ba mươi sáu.

Kukhara không phải là một con người độc thân kiên định, và khi đã tính chuyện nhân duyên theo tục lệ, anh đã cử mối lái đến thưa chuyện bố mẹ vị hôn thê, còn phía nhà gái chẳng ai ngạc nhiên về việc dạm vợ của anh. Riêng các bạn và những người quen biết anh quá đã ngã ngửa người trước sự kiện này. Sắc đẹp lạ thường của người vợ chưa cưới chẳng phải nguyên nhân cuối cùng của mối bất ngờ.

Nhìn thấy nàng, một vài người bạn của Kukhara tiếc rẻ nghĩ rằng, người ta quá vội vợ ngay lấy những sợi dây tơ hồng buộc vào mình. Đúng là một chàng trai lạnh lợi, họ nói với vẻ ghen tị, và mường tượng như một điều thay đổi, theo chiều hướng tốt, ý kiến của mình về Kukhara. Lan truyền tin đồn: Kukhara sắp khai trương công việc làm ăn nhờ vào cửa hồi môn của vị hôn thê. Một số người cho rằng, hình như anh chuẩn bị xây bệnh viện tư, những kẻ khác lại bảo không phải thế và khẳng định là chàng có ý định theo đuổi hoạt động sư phạm. Dù thế này hay thế khác, do việc anh cưới vợ, Kukhara bỗng nhiên biến thành một nhân vật quan trọng đến lạ lùng.

Sau khi tốt nghiệp nha khoa trường trung cấp y, Kukhara nhận chức trợ tá ở trường đại học. Tuy thế anh tính toán sẽ khẳng định tên tuổi mình trong giới y học và hoàn thiện các kỹ năng thực hành nghề nghiệp, để rồi sau này dĩ nhiên đoạt lấy một học vị khoa học.

Những ngày sau khi bảo vệ thành công luận án, chàng vẫn ở lại công tác tại phòng thí nghiệm, từ bỏ công việc thực hành và thôi luôn cả ý định khai trương nghề mới và đột ngột quyết định hiến thân cho việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực bệnh lý học.

Nếu thêm thắt những chuyện đó vào cuộc đời độc thân của anh, có thể hiểu tại sao mọi người xung quanh lại coi anh là một người gàn dở. Dần dà những bạn đồng học xưa kia ở trường trung cấp y bắt đầu xa lánh anh, họ

nói là khó giao du với anh, chừng nào anh vẫn lên mặt thái quá về sự có mặt của mình trong giới khoa học.

Và giờ đây Kukhara không hết ngạc nhiên chẳng hiểu tại sao mình xây dựng gia đình lại làm cho cá nhân anh nổi tiếng. Ngay cả những người bạn cũ lúc này cũng có thái độ khác với anh. Khi chàng cùng đi dạo chơi với vợ là nàng Kharucô những người qua lại đều nhìn họ và Kukhara đọc thấy ánh mắt họ sự kính nể nào đó, như thế chàng vừa trở thành một nhân vật quan trọng.

Chàng chưa biết, trong tương lai cuộc hôn nhân còn đem đến cho chàng những ưu thế hiển nhiên - và có thể, không chỉ hiển nhiên mà thôi, nhưng chàng đoán là, bên cạnh sắc đẹp của nàng, Kharucô chắc còn có tài ban phúc bảm sinh, và chàng rút ra kết luận là phải tránh mọi hành vi vô đạo đức gây hại đến phẩm hạnh do trời phú cho nàng.

Bạn bè của Kukhara đoán mãi không ra, tại sao một trang tuyệt thế giai nhân như Kharucô cho đến giờ vẫn ở vậy. Nhìn bề ngoài có thể đoán nàng mới hai ba - hai bốn gì đó, nhưng thật ra nàng đã hai mươi bảy tuổi tròn.

- Cho đến nay, trên đời này thường ẩn giấu những viên ngọc kỳ dị. Tìm được ắt là có ích cho chúng ta đấy...

Các bạn nói với Kukhara với vẻ ghen tị pha chút mỉa mai. Còn anh chỉ mỉm cười và bỏ ngoài tai mọi lời lẽ của họ. Nét mặt của chàng gợi nhớ đến khuôn mặt những con người thường bình tĩnh chờ đợi cái lúc số phận sẽ cười mỉm với họ. Và anh không hé cho một ai rõ lý do, vì sao Kharucô lại muộn màng đường nhân duyên như vậy...

Lúc đó, thỉnh thoảng anh lại nhớ đến câu chuyện hơi lạ giữa anh và người mối.

- Nhiều lần các chàng trai đã đem lễ đến dạm hỏi, mà chính nàng cũng không ngờ vực gì, - người mối kể - Và lại chưa có trường hợp nào sự khước từ ở phía vị hôn phu cả. Một thiếu nữ tuyệt vời đến thế kia mà!

Cuối cùng, khi bố mẹ hiểu ra rằng, quyết định không đi lấy chồng của Kharucô là không thể lay chuyển và ngay cả những lễ dạm ngõ được bí mật bố trí khéo léo đến đâu cũng không thể thay đổi ý đã quyết của cô, ông bà đều từ chối mọi rắc rối sau này tìm chồng cho con gái bà ba bốn năm gần đây tránh cả việc nói đến chuyện đó trước mặt nàng.



- Nhưng với ông, ngài Khukhara ạ, mọi việc lại trôi chảy khác hẳn trước đây - Người mới kết luận.

Họ gần như bất ngờ gặp nhau ở rạp hát, và Kukhara được giới thiệu, với cô con gái, là bác sĩ đã chăm sóc chữa chạy cho mẹ cô, trong thời gian bà nằm ở bệnh viện thực hành thuộc trường đại học. Nói tóm lại, lễ đám ngõ đã được tiến hành, giống như không ít lần đã xảy ra trước đây. Nhưng lần này Kharucô xử sự không đến nỗi cương quyết như mấy năm về trước. Không khước từ việc đám hỏi.

Bố mẹ cảm thấy hạnh phúc, hình như sau một đêm trường bất tận, ánh bình minh đang ló dần.

Kharucô nhờ bà mới hẳn là cô muốn kể cho Kukhara câu chuyện gì đó.

Chuyện về một chàng trai đã chết vì yêu nàng mà không được đền đáp lại.

- Đại khái là chuyện tự vẫn hoàn toàn con nít, vì một tình yêu không được chia sẻ đầy mà... Bà cố giới thiệu vụ việc xảy ra dưới dạng hơi có vẻ hài hước.

Kukhara lấy làm sửng sốt. Vì tai hoạ ấy một thiếu nữ hoàn mỹ về mọi mặt như Kharucô đã phải hy sinh cả thời thiếu nữ của mình một cách vô tích sự.

Có lẽ, để đáp lời, chàng đã nói lên tấm lòng khâm phục của mình trước những tình cảm trong trắng của cô, rằng toàn bộ câu chuyện đã củng cố hơn nữa ý định cưới cô làm vợ. Tuy nhiên, ngay cả những chàng thanh niên khác hỏi Kharucô trước chàng, cũng đã phát biểu những lời tương tự.

- Nếu ông ngờ ý muốn hỏi mọi điều như thế... Người mới cúi gập mình chào - Câu chuyện chẳng gì cũng thuộc về quá khứ

Trước khi cưới bố mẹ đã cho phép nàng, tự do được gặp Kukhara. Hơn thế nữa ông bà lấy làm vui sướng, khi cô con gái đã hai mươi bảy tuổi đồng ý gặp mặt và tiếp chuyện chồng chưa cưới, và nói chung ông bà tỏ ra hết sức dễ dãi, e rằng chẳng may việc mối lái của Kharucô sẽ mãi là cô gái quá thì mất thôi.

Về phần Kukhara, ngay từ phút gặp gỡ đầu tiên, chàng đã bị chinh phục bởi tư chất thuần khiết và sắc sảo của nàng và không dám ép Kharucô kể cho chàng những chuyện đau lòng đó.

Có lần chàng mào đầu: Bà mỗi đã thuật lại đại khái cho anh nghe đầu đuôi vì sao em trì hoãn chuyện đi ở riêng lâu như vậy.

Kharucô gật đầu tỏ vẻ ra nghiêm chỉnh hẳn lên như thể đã chuẩn bị sẵn từ lâu cuộc trao đổi này. Đôi má nàng khẽ ửng hồng.

Thấy rõ mặt nàng đáng yêu nhường ấy, chàng cảm thấy bối rối và kết thúc câu nói hoàn toàn ngoài ý muốn của mình.

- Em có thể cho biết, trong trường hợp đôi ta, điều gì khiến em thay đổi ý định và bằng lòng gặp anh? Câu hỏi vang lên thật chẳng lịch sự chút nào.

- Chính em cũng không rõ nữa. Có lẽ... vì anh là bác sĩ.

- Vì... là bác sĩ ư?

Câu trả lời ngây ngô như trẻ thơ của Kharucô làm Kukhara đâm ra luống cuống. “Hay cô ta muốn gạt mình chơi đây” - Anh nghĩ thế và đáp:

- Chắc là, lấy bác sĩ cuộc sống em dễ chịu với con mắt người thầy thuốc, anh có thể nói rằng, điều em sợ lấy chồng bắt nguồn từ trạng thái bệnh lý tinh thần riêng của mình. Nhưng nhẹ nhàng và chúng mình hoàn toàn trị được khỏi bệnh.

Kharucô hình như không nhận ra khía cạnh hài hước trong câu nói của chàng và theo đuổi ý nghĩ riêng mình.

Kukhara lo lắng: Bỗng tự dưng nàng mắc bệnh cuồng si đơn độc, hoặc cả đến chứng suy nhược trí tuệ?

Rõ ràng là nhiều lần từ chối đi ở riêng, mà nguyên nhân là vụ tự sát của chàng trai nọ, không thể không in đậm trong trái tim Kharucô vết thương khó lành sẹo, Kukhara giả thiết.

Phải viện cố để nàng kể một cách cởi mở tất cả về người anh họ, khi đó chàng mới có thể an ủi nàng nhất mực chân thành và nút buộc bệnh hoạn tự nó sẽ bung ra.

- Đôi ba lần Kukhara nhắc lại rằng, anh tuyệt đối không nghi ngờ gì về quá khứ của Kharucô, song anh muốn bắt đầu cuộc sống chung của đôi vợ chồng, sao cho quá khứ đó, trong trường hợp nào, cũng không ám ảnh hai người.

- Em hãy trút bớt gánh nặng của em sang anh, cái điều vẫn làm em bận tâm ấy mà, lúc ấy em sẽ nhẹ đi hai lần, và hai ta sẽ cùng nhau diệt tận gốc căn bệnh của em - Chàng nói:

- Xin vâng, Kharucô gật đầu đồng ý... - Chính em đã có ý định thổ lộ hết với anh không giấu giếm gì. Thế anh có quyết...

- Không. Không, anh nhất quyết... anh chỉ mong muốn sao cho tâm hồn em được thanh thoát.

- Em hiểu, nhưng... Kharucô lại theo đuổi ý riêng của mình, rồi nàng nhìn xoáy vào Kukhara bất giác mặt đỏ ửng lên và cúi gằm mặt xuống nói:

- Đừng coi em có tính đỏng đảnh, nhưng em xin anh hãy nói về quá khứ của anh trước đã.

- Anh ấy à? Nói trước ư? -Kukhara ngăn người ra Kharucô gật đầu. Đôi tay nàng khẽ run lên.

- Nói trắng ra, anh phải kể gì nào?

- Phải chăng hoàn toàn không có gì để kể thật ư? Kharucô ngạc nhiên- Tất nhiên, em hiểu là chính em phải nói cho anh biết quá khứ của em để được anh tha lỗi. Và dù sao cũng đáng tiếc, nếu anh vẫn lặng thinh, và chỉ một mình em phải nói.

- Nhưng anh quả thật chẳng có gì để nói với em - Kukhara phản đối và hiểu ngay rằng, Kharucô không tin anh.

Hơn nữa, không có gì lạ lùng hơn là, chính điều khẳng định tương tự đối với anh lại tỏ ra kém thuyết phục đến làm vậy.

- Anh quả quyết với em là chẳng có chuyện chi cả, anh nhắc lại và cảm thấy lúng túng thêm.

- Ông Kukhara kính mến, nếu ngài không muốn nói thì tôi cũng không thể kể điều gì về mình cả. Ngài thật sự đã đặt tôi vào một tình thế khó xử. Cảm giác này chẳng khác nào ngài bắt tôi sống đau khổ trong sự cô độc. - Kukhara cảm nhận hết như cánh cửa nào đó vào tâm hồn Kharucô bất thành linh đóng sập lại.

Ngày hôm đó hai người chia tay nhau như vậy đó, không nói cho nhau biết một điều gì hết.

Có lẽ Kharucô đã nói đúng. Thật khó mà hình dung một người đàn ông chưa vợ sống độc thân đến 36 tuổi lại chẳng có một khuyết điểm gì đáng kể, lại không vướng mối tình nào với một hai người trong trường hợp nào. Chỉ có lương tri đã hướng dẫn cô, còn trí tưởng tượng giúp cô bay bổng xa hơn đôi chút và nhanh hơn cả. Quả có một thanh niên đã tự vẫn kết liễu đời

mình vì nàng! Chắc là ngay trong tâm hồn Kukhara, người đã bấy nhiêu năm lẩn tránh việc hôn nhân, vẫn còn lại dấu vết chưa lành lặn nào đó? Một khi hai người kết hôn, họ lỡ giấu giếm nhau để làm gì cơ chứ? Kharucô lên án như vậy. Và có lẽ nàng quyết định lấy ai đó làm chồng chỉ vì để an ủi và thứ lỗi cho nhau, sau khi gán bó hai số phận giống nhau.

Trong bất cứ trường hợp nào anh đều có lỗi chờ cho Kharucô thú nhận với anh tất cả, còn anh không kể với nàng chuyện gì hết. Chính vì lẽ đó yêu cầu của cô gái lại đâm ra quá bất ngờ đối với anh.

Vị tất cả có thể xếp Kharucô vào số phận những thanh niên trai tân. Trong trắng, nhưng giá như chuyện nhân duyên coi như đã xong, chàng có thể nói một cách tin tưởng rằng trong đời chàng chưa hề có một phụ nữ nào mà sự xa cách người đó lại đem đến cho anh nỗi buồn hay niềm luyến tiếc.

Và hoàn toàn không phải vì Kukhara bầm sinh vốn làn người ghét đàn bà hoặc kiêng dè phụ nữ. Nói đúng hơn anh chưa có cái may mắn gặp trong đời mình người ý hợp tâm đầu với anh.

Còn là vì trong giai đoạn đã định mà anh chưa lấy vợ, không loại trừ trường hợp, theo thời gian, trong tính cách của anh đã xuất hiện những nét, khiến ngay cả phụ nữ cũng xa lánh anh. Có lẽ chính vì vậy anh ngày càng thu mình lại và quyết định hiến thân hoàn toàn cho công tác khoa học.

Chắc hẳn cũng vì lý do đó, hôn lễ của Kukhara là cả một sự bất ngờ lớn đối với những bạn biết rõ đặc điểm tính nết của anh.

Bản thân Kukhara chưa hẳn đã đau khổ vì cuộc sống cô độc của mình, nhưng nếu trước đây anh không gặp may với nữ giới, thì giờ đây khi được tiếp kiến Kharucô, cuối cùng chàng đã rút trúng chiếc vé hạnh phúc. Song yêu cầu của Kharucô đặt ra bất chợt đối với anh, và lúc này anh quyết định phải nhìn lại quãng đời đã qua của mình.

Với niềm tự hào và lòng thoả mãn anh chợt nghĩ, thật ra anh không có gì phải thú nhận với Kharucô cả. Thế mà tại sao trong trường hợp này anh không dám nói thẳng thắn với nàng về điều đó nhỉ? Có nghĩa là mình thiếu chân thành, anh tự trách mình.

Phải chăng anh đã thực hiện một nếp sống không đúng? Trong trường hợp này anh không dám thẳng thắn với nàng về điều đó nhỉ? Có nghĩa là mình thiếu chân thành, anh tự trách mình.

Phải chăng anh đã thực hiện một nếp sống không đúng? Trong trường hợp này, có lẽ, đương nhiên là Kharucô không tin anh, anh giải đáp và mỉm cười trước ý nghĩa ấy của mình.

Thôi được! Một khi Kharucô đã ra điều kiện là anh trước tiên phải thú nhận những lầm lỡ đã qua của mình. Kukhara quyết định, với khả năng có thể được, bịa ra cho nàng một chuyện tình giống như thật cho mà xem

Nhớ lại hình ảnh tất cả những người đàn bà đã quen biết chàng- từ những bạn gái thuở thiếu thời đến các cô y tá và nữ bệnh nhân nằm điều trị ở bệnh viện thực hành, chàng chắt chối trong đầu những chuyện bịa đặt mùi mẽ đủ loại với mọi tình tiết nhằm thêu dệt lên câu chuyện tình để nói với Kharucô.

Song chỉ là trò tiêu khiển ngu xuẩn và vô nghĩa. Khi anh xếp đặt những phụ nữ đó bên cạnh cô vợ chưa cưới Kharucô của mình thì những hình ảnh của họ đối với anh tỏ ra thiếu hẳn màu sắc và sức sống.

Rốt cuộc Kukhara chẳng nghĩ ra được điều gì có thể khiến Kharucô dốc bầu tâm sự của mình. Còn câu chuyện của nàng - Nàng vẫn kể cho Kukhara biết- về chàng trai đã tự vẫn kết thúc cuộc đời, hoá ra thường tình quá đỗi, mà còn vô vị nữa.

Chàng trai đó là anh em họ của Kharucô, hơn cô hai tuổi. Họ sống ở cạnh nhà nhau và cùng lớn lên rồi sau người ta cắt cử bố anh về tỉnh lỵ không ở Tôkiô nữa, họ bắt đầu thư từ cho nhau, trong thời gian nghỉ hè và nghỉ đông chàng trai và Kharucô cùng nhau đi tắm biển và chơi trượt tuyết ở vùng núi. Họ cảm thấy hạnh phúc được ở cùng nhau. Khi chàng lên lớp trên trường trung học, những thư của chàng ngày càng mang rõ tính chất những thông điệp của tình yêu. Sau chàng được vào học trường trung cấp, chuyển về Tôkiô và dọn đến ở nhà của bố mẹ Kharucô. Chẳng ngày nào anh và Kharucô hai người không gặp nhau. ít lâu sau chàng thú nhận tình yêu với nàng và mong được cùng nàng kết tóc xe tơ. Kharucô lập tức khước từ anh, viện cớ là anh em thuộc cùng một dòng họ. Mùa đông ấy chàng một mình lên núi trượt tuyết và trong lúc bão tuyết đã ngã xuống vực. Người ta đã cứu được anh, nhưng lồng ngực của anh bị thương tổn và anh được đưa vào nhà thương. ít ngày sau anh tự vẫn kết liễu đời mình, để lại cho Kharucô một bức thư tuyệt mệnh khá dài. Những đoạn trích từ bức thư ấy

được công bố trên báo hồi đó. Nếu như anh ở bệnh viện, cái chết ấy có lẽ chẳng gây ra phức tạp thêm, nhưng anh lại lao mình trên mỏm đá xuống biển, cái chết ấy có lẽ chẳng gây ra phức tạp thêm, nhưng anh lại lao mình trên mỏm đá xuống biển, và lãnh đạo bệnh viện mong trút được phần nào trách nhiệm của mình đã giới thiệu với phóng viên tờ báo bức thư tuyệt mệnh do anh để lại. Do đó giả thuyết người trai trẻ ấy tự vẫn vì mối tình đơn phương coi như được khẳng định.

- Kharucô, thế lúc đó em bao nhiêu tuổi nhỉ?

- Khó tìm được những lời thích hợp, Kukhara hỏi sau khi nghe câu chuyện của nàng.

Nhớ lại hình ảnh tất cả những người đàn bà đã quen biết chàng- từ những bạn gái thuở thiếu thời đến các cô y tá và nữ bệnh nhân nằm điều trị ở bệnh viện thực hành, chàng chất đống trong đầu những chuyện bịa đặt mùi mẽ đủ loại với mọi tình tiết nhằm thêu dệt lên câu chuyện tình để nói với Kharucô.

Song chỉ là trò tiêu khiển ngu xuẩn và vô nghĩa. Khi anh xếp đặt những phụ nữ đó bên cạnh cô vợ chưa cưới Kharucô của mình thì những hình ảnh của họ đối với anh tỏ ra thiếu hẳn màu sắc và sức sống.

Rốt cuộc Kukhara chẳng nghĩ ra được điều gì có thể khiến Kharucô dốc bầu tâm sự của mình. Còn câu chuyện của nàng - Nàng vẫn kể cho Kukhara biết- về chàng trai đã tự vẫn kết thúc cuộc đời, hoá ra thường tình quá đỗi, mà còn vô vị nữa.

Chàng trai đó là anh em họ của Kharucô, hơn cô hai tuổi. Họ sống ở cạnh nhà nhau và cùng lớn lên rồi sau người ta cắt cử bố anh về tỉnh lỵ không ở Tôkiô nữa, họ bắt đầu thư từ cho nhau, trong thời gian nghỉ hè và nghỉ đông chàng trai và Kharucô cùng nhau đi tắm biển và chơi trượt tuyết ở vùng núi. Họ cảm thấy hạnh phúc được ở cùng nhau. Khi chàng lên lớp trên trường trung học, những thư của chàng ngày càng mang rõ tính chất những thông điệp của tình yêu. Sau chàng được vào học trường trung cấp, chuyển về Tôkiô và dọn đến ở nhà của bố mẹ Kharucô. Chẳng ngày nào anh và Kharucô hai người không gặp nhau. Ít lâu sau chàng thú nhận tình yêu với nàng và mong được cùng nàng kết tóc xe tơ. Kharucô lập tức khước từ anh, viện cớ là anh em thuộc cùng một dòng họ. Mùa đông ấy chàng một

mình lên núi trượt tuyết và trong lúc bão tuyết đã ngã xuống vực. Người ta đã cứu được anh, nhưng lồng ngực của anh bị thương tổn và anh được đưa vào nhà thương. Ít ngày sau anh tự vẫn kết liễu đời mình, để lại cho Kharucô một bức thư tuyệt mệnh khá dài. Những đoạn trích từ bức thư ấy được công bố trên báo hồi đó. Nếu như anh ở bệnh viện, cái chết ấy có lẽ chẳng gây ra phức tạp thêm, nhưng anh lại lao mình trên mỏm đá xuống biển, cái chết ấy có lẽ chẳng gây ra phức tạp thêm, nhưng anh lại lao mình trên mỏm đá xuống biển, và lãnh đạo bệnh viện mong trút được phần nào trách nhiệm của mình đã giới thiệu với phóng viên tờ báo bức thư tuyệt mệnh do anh để lại. Do đó giả thuyết người trai trẻ ấy tự vẫn vì mối tình đơn phương coi như được khẳng định.

- Kharucô, thế lúc đó em bao nhiêu tuổi nhỉ?

- Khó tìm được những lời thích hợp, Kukhara hỏi sau khi nghe câu chuyện của nàng.

Câu chuyện thông thường đến mức thoát đầu anh cũng không tin. Anh đã được đọc trên báo không ít trường hợp tương tự.

Nhưng bất kỳ chuyện tình nào cũng có thể trở nên tẻ nhạt ít nhiều khi từ miệng những người khác kể lại.

Hắn là chính trị tưởng tượng bị kích thích của Kukhara đã hình dung là chỉ những hoàn cảnh khác thường, bị lụy mới khiến Kharucô tin vào lý do khẳng khái cự tuyệt việc nhân duyên.

Phải thêm một số dòng nữa mới thấy rõ nỗi lòng tan nát của cô gái.

Khác với tình yêu bùng cháy và thiêu sạch trong phút chốc quan hệ giữa Kharucô và người anh họ đã in đậm và tâm khảm cô trong đám những ký ức kỳ diệu - và nó duy trì nhiều năm.

- Kharucô, em có yêu con người ấy không?

Kukhara hỏi.

Kharucô gật đầu khẳng định:

- Hiện giờ có lẽ em cho là có yêu... Nhưng lúc bấy giờ chúng em chỉ là những đứa trẻ một trăm phần trăm.

- Chắc là quan hệ giữa anh họ và bố mẹ em cũng nói lên điều bất hạnh đã xảy ra với anh ấy đấy nhỉ?

- Bố mẹ em không phải là những người thường hay buộc tội em về lầm lỡ nào đó.

- Do vậy ở con người em ý thức nghĩa vụ càng lên tiếng càng mạnh mẽ hơn chứ gì?

- Nghĩa vụ ư?... Có thể là như vậy...

Nhưng điều này còn xa mới là tất cả những gì mà Kharucô có thể công nhận.

Kharucô vừa đúng mười chín tuổi tròn, khi anh họ của cô tự kết liễu cuộc đời, và hai năm sau có người đến xin dạm hỏi, Kharucô đồng ý, nhưng khi mọi việc đã được quyết định thì bố mẹ chàng rể mới hay vụ tự tử và thế nào dám cưới không thành.

Đối với Kharucô đây là đòn còn đau hơn nhiều cái chết của người anh họ. Nàng chắc chắn đã yêu chân thành vị hôn phu Katakiri của mình.

Chính vào lúc này Kharucô quyết định là nàng không được phép có gia đình.

Đúng là Katakiri, chứ không phải người anh họ là mối tình đầu của nàng, và chính tình yêu đối với Katakiri về sau sẽ hoà nhập làm một với hình ảnh người anh đã chết trong ký ức của nàng.

Kharucô bắt đầu lo lắng, lễ ăn hỏi sau này cũng sẽ kết thúc không kèn không trống vậy thôi. Sự thật là có một thời gian cô vẫn không mất đi sự hy vọng vào việc kết hôn với Katakiri: ít ngày sau, khi phía nhà trai chính thức từ hôn, hai người đã bí mật gặp nhau - chỉ có một lần một lần duy nhất ấy mà thôi - và Katakiri hứa sẽ tranh thủ được sự ưng thuận của bố mẹ.

Kharucô không có ý định giấu Kukhara câu chuyện với Katakiri, và chỉ cần anh nói bóng gió là anh còn muốn biết điều gì đó nữa về quá khứ của nàng - chắc chắn nàng sẽ thú nhận với anh. Nhưng quan sát nét mặt của Kukhara thấy câu chuyện về người anh họ đã thoả mãn trí tò mò của chàng, và chàng cũng chẳng bận tâm gì đến những chuyện còn lại, nên cô tính không kể về Katakiri nữa là hơn.

Quả là cô có thể thấy khó khăn hơn và đau khổ hơn phải nói về Katakiri: Còn lúc này, khi Kukhara hỏi cô làm vợ, thì anh kia đã có gia đình từ lâu, và Kharucô có biết chuyện đó và cô cảm thấy mình bị xúc phạm.



Kukhara và Kharucô lấy nhau. Đêm thứ hai của chuyến du lịch tuần trăng mật, khi họ nghỉ lại khách sạn. Kharucô nằm mê thấy người anh họ.

Không rõ đó là căn nhà gỗ của anh hay căn nhà của bố mẹ mình - Kharucô nhận lời mờ. Cô bước vào phòng thấy anh đang ngồi ở bàn quay lưng lại phía cô. Đột nhiên anh quay lại. Cô đứng chết cứng một chỗ. Và đúng vào tích tắc ấy cô để ý ra mình gần như loã lồ... Cô kêu lên và tỉnh giấc.

Mặt cô đỏ bừng, vì nỗi xấu hổ không biểu lộ ra. Choáng váng do lạnh toát cả người, Kharucô vội túm lấy cánh tay áo ngủ của Kukhara.

Ý nghĩ về việc cô gặp người anh họ đã khuấy trong giấc mơ làm cô phát hoảng.

- Thứ lỗi cho em... - Cô thì thầm và toàn thân run rẩy ép sát vào chồng.

Đêm ấy cô cho rằng, đi lấy chồng, dù sao cô cũng phản bội người anh họ. Và đối với cô, giấc mơ khôn có gì là đúng đắn cả.

Song có lẽ những hình ảnh của người anh họ và của Katakiri, mỗi lúc hiện ra - nếu có thể miêu tả như vậy, mờ mờ ảo ảo cả giấc mơ, rồi vụt biến mất hoàn toàn khỏi trí nhớ của nàng và muộn hơn một chút, tình yêu không phung phí của Kharucô bùng lên những màu sắc tráng lệ và nàng hào phóng tặng nó cho Kukhara.

- Với những người như anh và em, kiên nhẫn đợi chờ và cuối cùng sẽ tìm thấy người bạn đời chân chính, hạnh phúc sẽ từ trên trời rơi xuống, - anh nói, và trong giây phút đó Kharucô không còn nhớ gì đến quá khứ.

Kharucô hào phóng chia sẻ cùng Kukhara cả phần đức hạnh riêng nàng có, và tất cả đều chứng tỏ hạnh phúc lao vẫn định thử thách gia đình họ.

Câu chuyện thông thường đến mức thoát đầu anh cũng không tin. Anh đã được đọc trên báo không ít trường hợp tương tự.

Nhưng bất kỳ chuyện tình nào cũng có thể trở nên tẻ nhạt ít nhiều khi từ miệng những người khác kể lại.

Hẳn là chính trị tưởng tượng bị kích thích của Kukhara đã hình dung là chỉ những hoàn cảnh khác thường, bị lụy mới khiến Kharucô tin vào lý do khăng khăng cự tuyệt việc nhân duyên.

Phải thêm một số dòng nữa mới thấy rõ nỗi lòng tan nát của cô gái.

Khác với tình yêu bùng cháy và thiêu sạch trong phút chốc quan hệ giữa Kharucô và người anh họ đã in đậm và tâm khảm cô trong đám những ký ức kỳ diệu - và nó duy trì nhiều năm.

- Kharucô, em có yêu con người ấy không?

Kukhara hỏi.

Kharucô gật đầu khẳng định:

- Hiện giờ có lẽ em cho là có yêu... Nhưng lúc bấy giờ chúng em chỉ là những đứa trẻ một trăm phần trăm.

- Chắc là quan hệ giữa anh họ và bố mẹ em cũng nói lên điều bất hạnh đã xảy ra với anh ấy đấy nhỉ?

- Bố mẹ em không phải là những người thường hay buộc tội em về lầm lỗi nào đó.

- Do vậy ở con người em ý thức nghĩa vụ càng lên tiếng càng mạnh mẽ hơn chứ gì?

- Nghĩa vụ ư?... Có thể là như vậy...

Nhưng điều này còn xa mới là tất cả những gì mà Kharucô có thể công nhận.

Kharucô vừa đúng mười chín tuổi tròn, khi anh họ của cô tự kết liễu cuộc đời, và hai năm sau có người đến xin dạm hỏi, Kharucô đồng ý, nhưng khi mọi việc đã được quyết định thì bố mẹ chàng rể mới hay vụ tự tử và thế nào đám cưới không thành.

Đối với Kharucô đây là đòn còn đau hơn nhiều cái chết của người anh họ. Nàng chắc chắn đã yêu chân thành vị hôn phu Katakiri của mình.

Chính vào lúc này Kharucô quyết định là nàng không được phép có gia đình.

Đúng là Katakiri, chứ không phải người anh họ là mối tình đầu của nàng, và chính tình yêu đối với Katakiri về sau sẽ hoà nhập làm một với hình ảnh người anh đã chết trong ký ức của nàng.

Kharucô bắt đầu lo lắng, lễ ăn hỏi sau này cũng sẽ kết thúc không kèn không trống vậy thôi. Sự thật là có một thời gian cô vẫn không mất đi sự hy vọng vào việc kết hôn với Katakiri: ít ngày sau, khi phía nhà trai chính thức từ hôn, hai người đã bí mật gặp nhau - chỉ có một lần một lần duy nhất ấy mà thôi - và Katakiri hứa sẽ tranh thủ được sự ưng thuận của bố mẹ.

Kharucô không có ý định giấu Kukhara câu chuyện với Katakiri, và chỉ cần anh nói bóng gió là anh còn muốn biết điều gì đó nữa về quá khứ của nàng - chắc chắn nàng sẽ thú nhận với anh. Nhưng quan sát nét mặt của Kukhara thấy câu chuyện về người anh họ đã thoả mãn trí tò mò của chàng, và chàng cũng chẳng bận tâm gì đến những chuyện còn lại, nên cô tính không kể về Katakiri nữa là hơn.

Quả là cô có thể thấy khó khăn hơn và đau khổ hơn phải nói về Katakiri: Còn lúc này, khi Kukhara hỏi cô làm vợ, thì anh kia đã có gia đình từ lâu, và Kharucô có biết chuyện đó và cô cảm thấy mình bị xúc phạm.

Kukhara và Kharucô lấy nhau. Đêm thứ hai của chuyến du lịch tuần trăng mật, khi họ nghỉ lại khách sạn. Kharucô nằm mê thấy người anh họ.

Không rõ đó là căn nhà gỗ của anh hay căn nhà của bố mẹ mình - Kharucô nhận lời mờ. Cô bước vào phòng thấy anh đang ngồi ở bàn quay lưng lại phía cô. Đột nhiên anh quay lại. Cô đứng chết cứng một chỗ. Và đúng vào tích tắc ấy cô để ý ra mình gần như loã lồ... Cô kêu lên và tỉnh giấc.

Mặt cô đỏ bừng, vì nỗi xấu hổ không biểu lộ ra. Choáng váng do lạnh toát cả người, Kharucô vội túm lấy cánh tay áo ngủ của Kukhara.

Ý nghĩ về việc cô gặp người anh họ đã khuất trong giấc mơ làm cô phát hoảng.

- Thứ lỗi cho em... - Cô thì thầm và toàn thân run rẩy ép sát vào chông.

Đêm ấy cô cho rằng, đi lấy chông, dù sao cô cũng phản bội người anh họ. Và đối với cô, giấc mơ khôn có gì là đúng đắn cả.

Song có lẽ những hình ảnh của người anh họ và của Katakiri, mỗi lúc hiện ra - nếu có thể miêu tả như vậy, mờ mờ ảo ảo cả giấc mơ, rồi vụt biến mất hoàn toàn khỏi trí nhớ của nàng và muộn hơn một chút, tình yêu không phung phí của Kharucô bùng lên những màu sắc tráng lệ và nàng hào phóng tặng nó cho Kukhara.

- Với những người như anh và em, kiên nhẫn đợi chờ và cuối cùng sẽ tìm thấy người bạn đời chân chính, hạnh phúc sẽ từ trên trời rơi xuống, - anh nói, và trong giây phút đó Kharucô không còn nhớ gì đến quá khứ.

Kharucô hào phóng chia sẻ cùng Kukhara cả phần đức hạnh riêng nàng có, và tất cả đều chứng tỏ hạnh phúc lao vẫn định thử thách gia đình họ.

Một hôm Kukhara hỏi không chủ tâm.

- Em có nhana ra là đôi chỗ trong bức thư tuyệt mệnh của anh họ em lộ vẻ hơi lạ lùng không?

- Hình như có lần anh nói đến điều đó rồi, - giọng nàng vang lên đến là tự nhiên.

- Đúng là có chuyện ấy! Câu chuyện là thế này, ở bệnh viện nơi anh ấy điều trị, có một người bạn của anh làm việc ở đấy, và anh có nhờ anh ta làm sáng tỏ giúp tình tiết cái chết của anh họ em, vỡ lẽ ra là anh ấy rơi vào trạng thái thần kinh suy thoái ghê ghớm với triệu chứng rối loạn tâm lý. Anh cũng có biết chẩn đoán căn bệnh này. Xem xét các mặt thì vụ tự sát của anh ấy chẳng liên quan gì đến tình yêu một phía đối với em. Đơn giản mà nói anh ấy đã mất hết hy vọng chữa khỏi bệnh - phổi anh ấy bị thương tổn kia mà - thêm vào đó còn là bệnh tâm lý nữa, và anh ấy đã không chịu đựng nổi. Tính tình anh ấy vẫn không kiên định như thế rồi. Và em chẳng có lỗi gì trong vụ tự vẫn này cả.

- Thế anh được biết rõ việc kể trên từ bao giờ vậy?

- Từ lâu lắm rồi em ạ.

- Thật là kinh tởm, tại sao anh làm thình lình vậy? - Kharucô nhìn Kukhara bằng đôi mắt trong sáng và chột nghĩ: Nếu biết chuyện này sớm, chắc rằng đám cưới của ta với Katakiri không đến nỗi bị tan vỡ.

Ý nghĩ này làm Kharucô kinh ngạc đến mức cô phải giấu vẻ bối rối sau một nụ cười buồn bã.

- Nhưng dù sao chúng ta cũng không nên quên; Chính nhờ điều kỳ cục này mà chúng ta kết hôn với nhau - Kukhara nói vẻ thoải mái.

- Quả thế!

- Kharucô, em đã đau khổ thật sự, và vì thế anh càng tôn trọng em hơn...

Từ đó Kharucô cố gắng trang điểm lại mọi ký ức về người anh họ đã khuất. Giờ đây, nàng tựa hồ như lại nhìn thấy mặt biển đang mùa hè và những ngọn núi phủ đầy tuyết ít mùa đông.

Nhưng, cái gọi là tài ban phát hạnh phúc do trời phú cho nàng, có thể cứ tàn lụi dần.

## Khuyết danh

Philip Wader ngồi trong phòng làm việc và đọc lại bức thư vừa viết xong:

*“Laura yêu thương!*

*Việc làm của anh sẽ làm em ngạc nhiên và rất có thể, sẽ làm em đau khổ. Anh biết rằng em đã yêu người khác, còn anh lại yêu em hơn cả cuộc đời mình. Chính vì vậy mà hôm nay, lần cuối cùng, anh nâng cốc rượu có thuốc độc vì em. Anh đã thật hạnh phúc trong 4 năm qua - 4 năm em là vợ của anh. Anh hành động như vậy là vì muốn giải thoát cho em khỏi sự ràng buộc, vì hạnh phúc của em.*

*Anh vẫn là của em cho tới phút cuối cùng.*

*Phillip”*

Đây không phải là một trong những tuyệt tác của mình - Ông nghĩ - Nó quá ư uỷ mị, nhưng nhất định nó sẽ làm cho nhiều độc giả phải khóc thầm, nếu được đăng lên báo. Nếu... Ông bỗng nói thành lời và thở dài não ruột. Lẽ nào các báo ngày mai sẽ đăng cáo phó ta? Ông nhắm mắt lại và hình dung ra các hàng tit lớn: Một tiểu thuyết gia nổi tiếng đã tự vẫn ở tuổi 54. Người ta sẽ viết gì về mình? Những tác phẩm nào của mình sẽ được người đời yêu thích nhỉ? Rồi thiên hạ sẽ đánh giá ra sao về tài năng của mình? Hay chẳng ai nói về những thứ ấy, mà người ta chỉ bàn tán về mối tình bất hạnh của mình với cô vợ trẻ chỉ bằng tuổi đứa con gái đầu của mình? Ông mỉm cười chua chát. Nhưng nói cho cùng thì ông đâu còn biết được tất cả những gì thiên hạ đàm tiếu hay ca ngợi ông, một khi ông không còn trên cõi đời này nữa. Tuy nhiên, cũng có thể mọi việc sẽ khác nếu ông nghĩ lại. Lần đầu, khi Doll Talbot, gã thư ký của ông xuất hiện, ông đâu có ngờ được rằng sẽ có lúc ông và gã phải chơi cái trò may rủi với cuộc đời. Điều gì đã xảy ra thế này? Họ lại vẫn hẹn hò với nhau như 6 ngày trước đây, khi lần đầu tiên ông chứng kiến sự phản bội của nàng. Ông hoàn toàn có quyền ly dị với cô vợ trẻ và đuổi cổ Talbot. Khi ấy, ông sẽ sống giàu sang nhưng

hoàn toàn cô độc, còn họ sẽ sống với nhau nhưng trong cảnh khốn cùng. Cả hai kiểu sống như vậy đều không làm cho Phillip Wander hài lòng. Vì vậy Talbot mới đề nghị phương án như hôm nay:

- Chúng ta sẽ gặp nhau - Gã nói - và đặt hai cốc rượu. Một trong hai chiếc cốc đó có bỏ thuốc độc. Tôi cùng với ngài, thưa ngài Wander, sẽ uống. Một trong hai ta sẽ chết. Người còn lại được Laura.

- Thế còn tài sản của ta? - Ông ngắt lời gã - Đây mới là vấn đề chính phải không? Nếu tôi dùng chứng cứ và tiến hành ly dị, thì Laura sẽ chẳng còn gì. Nhưng nếu tôi chết, cô ấy sẽ trở thành quả phụ giàu có.

- Vâng đúng như vậy - Gã thư ký hồ hởi - Cô ấy đã quen sống trong giàu sang phú quý cùng ngài, vì vậy tôi không muốn tước đi của cô ấy đặc ân đó. Nhưng chúng tôi đã yêu nhau, biết làm sao được. Mọi việc đều xảy ra thật không ngờ...

Ngược nhìn Talbot, ông chưa xót nhận ra rằng gã có cái mà ông chẳng bao giờ còn có được. Ông không thể hoàn toàn đổ lỗi cho Laura, nhưng ông cũng không muốn nàng phải sống trong nghèo khổ.

Một tuần sau đó, họ bắt đầu nghĩ ra các chi tiết cụ thể cho một trận quyết tử. Talbot phải kiếm một loại độc dưng mà khi cho vào rượu cognac, nó không làm rượu biến màu và thay đổi mùi vị.

Cuộc quyết đấu được ấn định vào 20 giờ ngày chủ nhật. Hai người phải viết hai chúc thư để sau đó cảnh sát không buộc tội kẻ còn sống vì tội bức tử kẻ kia.

Đã 19 giờ 30.

- Em đây mà, anh Phin - Laura lách nhẹ vào phòng và đóng chặt cửa lại - Em phát điên lên mất vì không biết tin tức gì về anh.

- Mọi việc rồi sẽ ổn cả thôi - Ông lấp bắp. Nhìn nàng, lại một lần nữa, ông cho rằng quyết định của mình là hoàn toàn chính xác. Nàng lả lướt, thanh tú, nhẹ nhàng và uyển chuyển như một con mèo con sà vào lòng ông, nhìn ông đắm đuối. Nàng hãy còn thơ ngây lắm - Ông nghĩ và nhẹ nhàng vuốt mái tóc vàng óng mượt như tơ và thơm như cánh hoa đồng nội. Lúc này, ông không còn lòng dạ nào để trách cứ nàng.

- Em sợ lắm, Phin - Laura nói - Khi anh và Doll nói chuyện với nhau, em cứ nghĩ đó chỉ là trò đùa. Nhưng đó là sự thật à?

- Thật. Anh đã viết xong thư rồi. Ở trên bàn ấy. Em có muốn đọc không?  
- Ông giơ tay với bức thư và đưa cho Laura. Nàng giở ra, đọc. Ông quan sát nàng mà chẳng hề tỏ ra có chút tự hào nào. Nàng gấp tờ giấy lại, thốt lên:

- Ôi, anh, em xúc động lắm. Anh tốt với em quá, ngay cả khi em đã làm những việc tồi tệ.

- Không phải thế đâu em. Đơn giản vì em gặp một người cùng lứa tuổi và đem lòng yêu anh ta mà thôi.

- Không. Em chỉ yêu anh mà thôi. Còn với Doll, đó không phải là tình yêu. Với anh ta em chỉ có một cảm giác thật thấp hèn. Em thật là mù quáng, không nhận ra lòng tốt và sự cao thượng của anh. Bây giờ, khi có thể mất anh, em mới nhận ra rằng em yêu anh biết chừng nào, em cần anh biết bao. Phin, anh không được chết.

- Nếu em nghĩ thế - Ông mỉm cười, lòng cảm thấy nhẹ nhõm - thì không ai phải chết cả. Chúng ta đề nghị với Talbot hãy để chúng ta yên và làm một bữa tiệc.

- Ôi, giá như mọi chuyện có thể đơn giản như vậy!

Nàng gục đầu vào ngực ông và thở thê:

- Anh không thể nào tưởng tượng được anh ta có ý nghĩa như thế nào đối với em đâu. Đó không phải là tình yêu. Vâng, hoàn toàn không phải là tình yêu. Nhưng em không thể nào dứt ra khỏi anh ta được. Một sự ham muốn về thể xác đến kỳ lạ. Chỉ cần anh ta đụng tới em hoặc nhìn em thôi là em đã thấy nóng bừng cả người lên rồi. Thật là kinh khủng khi phải nói ra điều này. Em căm thù mình vì đã làm cho anh đau khổ. Nhưng em muốn anh hiểu tất cả. Em có hứa với anh bao nhiêu lần chẳng nữa, rồi cũng sẽ bội ước, một khi Doll còn sống anh ta sẽ lại chinh phục em.

- Còn nếu như hãn chết đi thì sao?

- Thì khi ấy chúng ta lại sống với nhau hạnh phúc như xưa.

Nàng ngước đầu lên, nhìn sâu vào mắt ông:

- Anh Phin, chúng ta phải làm sao để Doll phải chết.

- Nhưng anh sợ rằng số phận đã an bài.

- Chúng ta không được bỏ lỡ cơ hội này. Suốt thời gian qua, em cứ nghĩ về điều này. Nhưng anh là người được quyền nâng cốc trước phải không?

- Cả hai đã thoả thuận như vậy.

- Vấn đề là ở chỗ, anh còn nghi ngờ em chứ Doll thì tin em lắm. Anh ta sẽ không bao giờ nghĩ rằng anh và em đã dàn xếp để chống lại anh ta.

- Có nghĩa là...? - Ông chưa hiểu hết ý nàng.

- Các anh đã quyết định dùng loại ly nào chưa?

- Loại cốc to có vẽ hình thượng đế và các nữ thần, chúng vẫn luôn là những vật hài hước đối với em ấy mà.

- Vậy thì vấn đề sẽ rất đơn giản.

Nàng đứng lên đi lại chiếc tủ lớn, lôi ra hai cái ly to và đặt xuống bàn.

- Anh có biết em sẽ làm gì không? - Khuôn mặt nàng rạng rỡ hẳn lên - Em sẽ rót cho anh vào cốc này - Nàng chỉ vào chiếc cốc có vẽ hình thần Zeus - Còn thuốc độc, em sẽ cho vào chiếc cốc kia có hình thần Apollon.

- Ừ, cũng dễ nhớ thôi.

- Anh ta sẽ không bao giờ biết được điều này - Laura thì thào - thậm chí khi uống phải thuốc độc, anh ta cũng chỉ nghĩ rằng mình không gặp may mà thôi. Và khi ấy, ôi anh thân yêu, mọi chuyện sẽ còn tốt đẹp hơn xưa.

Laura bỏ ra ngoài; Wander uể oải đứng vậy, cầm hai cái ly lên và đi lại chiếc tủ để chúnng vào chỗ cũ, sau đó mở cửa phòng. Ông chưa hết bàng hoàng vì không ngờ câu chuyện lại chuyển hướng nhanh như vậy. Nàng vẫn yêu ta - Ông nghĩ.

... Nhưng rồi vừa mở cửa phòng cho tình địch thì hình ảnh thần Zeus và Apollon lại hiện lên trong ông và ông lại nghi ngờ.

- Tôi nghĩ rằng chúng ta không nên để phí thời gian - Rõ ràng là Talbot không giữ được bình tĩnh nữa. Y rút từ túi áo khoác một gói nhỏ thuốc độc, đi tới cái tủ và đặt gói thuốc đó xuống bên cạnh mấy chiếc ly. Sau đó, y rút găng tay cho vào túi áo khoác và treo ở góc nhà.

- Cậu đã viết xong chúc thư chưa? - Wander hỏi.

- Đây thưa ngài - Talbot đưa cho Wander phong thư

- Còn của tôi trên bàn ấy - Wander nói và đọc dòng chữ trên phong bì “gửi những người liên quan đến vụ việc này”. Ông rút ra một tờ giấy gấp tư và đọc: “Người đàn bà mà tôi yêu đã không hề yêu tôi, còn tôi lại không thể nào sống thiếu cô ta được, vì vậy tôi quyết định uống thuốc độc để tự tử. Vĩnh biệt! Doll Talbot”.



Văn phong thì chưa hay lắm, nhưng cái cần nói thì đã nói được. Dù sao, Talbot cũng không nổi tiếng đến mức khiến giới báo chí bối lõng tìm vết.

- Tất cả đều rõ ràng - Talbot khẳng định sau khi đã đọc xong chúc thư của Wander - và nếu ngài không có ý kiến gì về bức thư của tôi thì coi như mọi việc đã được giải quyết. Laura, em vào đi, chúng tôi đã sẵn sàng.

Nàng lặng lẽ bước vào, cúi gằm mặt, không hề ngược mắt nhìn người tình. Nàng sợ ta phát hiện ra sự phản bội trong ánh mắt của nàng - Wander nghĩ - hay ngược lại, nàng sợ rằng ánh mắt của nàng sẽ làm lộ kế hoạch của ta?

- Tôi cũng sẽ đặt chúc thư của tôi lên bàn? - Talbot cầm lá thư từ tay Wander, cho vào phong bì - Ngài chứng nhận cho tôi là tôi đã đưa ngài xem trước khi uống thuốc độc. Và tất nhiên, khi... khi mọi việc kết thúc, kẻ nào sống sót cần phải đốt chúc thư của mình.

- Anh, anh. đã đưa... đến chưa? - Laura run rẩy hỏi và vẫn không hề ngược nhìn Talbot.

- Rồi! Cái gói anh để trên mặt tủ. Em hãy cho vào một cái ly, rót rượu bằng nhau. Còn bây giờ, bọn anh sẽ quay lưng lại phía em.

- Khi nào làm xong - Wander nói thêm 0 Em hãy đặt vào chiếc khay và đặt lên bàn anh, rồi bọn anh sẽ lựa chọn.

Cả hai nhìn theo Laura đi lại cái tủ và cùng quay đầu lại phía cửa.

- Thuốc độc sẽ có tác dụng rất nhanh - Talbot thì thầm -... và tôi hy vọng rằng sẽ không kịp đau đớn.

Wander không nói nổi một lời nào. Đầu óc ông quay cuồng. Nàng có lừa dối không? Ta có thể tin được nàng không?

Tiếng chân nàng rõ dần. Khi nàng vừa tới bàn, cả hai cùng quay phắt lại. Đôi tay người đàn bà run lên bần bật khi nàng đặt khay xuống bàn, rượu trong hai cái ly đều tràn cả ra ngoài.

- Hãy rót một ly nữa cho em đi! Theo anh thì em cũng phải uống. Nghĩa là phải rót ba ly- Nàng ngoan ngoãn quay lại chiếc tủ để rót cốc rượu thứ ba. Wander dán chặt mắt vào hai cái ly để ở trong khay bạc. Cả hai ly đều bằng nhau, màu sắc như nhau. Chúng chỉ khác nhau ở hai hình vẽ bên ngoài: một - thần Zeus; chiếc kia - thần Apollon. Zeus hay Apollon? Apollon hay Zeus? Theo lời Laura thì thuốc độc được bỏ vào cái ly có vẽ

hình thần Apollon. Như vậy thì chiếc ly có hình thần Zeus là vô hại. Nhưng nếu như Laura lừa dối ông thì sao? Ông liếc nhìn Doll Talbot, còn y lại chăm chú theo dõi Laura rót ly rượu thứ ba. Đã 6 tháng qua, nàng là tình nhân của y. So với y, ông già hơn nhiều và không có khả năng đem tới cho nàng bất kể điều gì ngoài tiền bạc. Nếu nàng bỏ thuốc độc vào chiếc ly vẽ hình thần Zeus thì nàng sẽ được cả tiền bạc lẫn tình nhân trẻ. Thôi được rồi, ta sẽ nâng ly rượu Apollon, phá tan âm mưu của chúng, vạch mặt Talbot và ta lại sống với nàng. Nhưng nếu nàng nói thật thì sao? Nàng đã từng thật âu yếm với ta đó sao? Ta tin nàng nói thật. Hơn 3 năm qua, nàng thật trung thủy với ta. Còn sự dan díu với Talbot chẳng qua chỉ là sự ham muốn nhất thời. Nàng đã chẳng nói với ta rằng nàng hiểu điểm yếu của mình và khẳng định rằng chỉ có cái chết của kẻ kia mới có thể giải thoát nàng khỏi thứ tình cảm nô lệ ấy. Tin được nàng chẳng?

Laura đi lại gần ông với chiếc ly trong tay. Nàng nhìn chòng đăm đũa đến mức làm tin ông đập rộn hân lên.

- Ngài chuẩn bị xong chưa? - Talbot phá tan bầu không khí im lặng - Xin ngài chọn đi!

- Được rồi.

Ông đi lại gần chiếc khay, giơ tay ra và ông rút tay lại, dao động: Zeus hay Apollon? Apollon hay Zeus? Ông có cảm giác rằng hai vị thần linh này đang nín thở chờ ông lựa chọn. Và... cuối cùng ông quyết định: thà vì lòng tin mà chết còn tốt hơn là sống mà biết nàng phản bội. Điều tồi tệ nhất trên đời này là chết vì thiếu lòng tin.

Ông chọn chiếc ly vẽ hình Zeus. Theo thói quen, ông giữ chặt chiếc ly trong lòng bàn tay để rượu ấm lên và đưa lên mũi. Một mùi cay nồng dễ chịu. Phải chăng đây là mùi thuốc độc? Ông hít mạnh một lần nữa. Lại chỉ vẫn là mùi rượu Cognac quen thuộc.

Talbot vội vàng nâng chiếc ly còn lại, đưa lên miệng và liếc nhìn Wander.

- Vì người đàn bà mà cả hai chúng ta cùng yêu quý.

- Vì Laura -Wander lấp bắp.

Cả hai người đàn ông cùng một lúc đưa ly lên miệng và nốc một hơi rồi lặng lẽ đứng im chờ đợi. Bỗng nhiên, Wander cảm thấy lạnh toát cả người,

hai chân gần như khuỵu hẳn xuống. Một câu hỏi kinh hoàng xuất hiện trong ông: ta trúng độc chẳng? Triệu chứng gì thế này? Bao lâu thì thuốc độc có hiệu nghiệm?

Ông rất muốn ngược nhìn Laura để có câu trả lời trên khuôn mặt nàng, nhưng không tài nào quay đầu lại nổi. Đúng lúc ấy Talbot thét lên:

- Trời ơi cổ họng tôi cháy mất rồi! Chiếc ly rời khỏi tay y rơi xuống sàn nhà. Một tay y cấu chặt lấy yết hầu, tay kia bịt miệng, quỵ xuống đất, toàn thân oạt xuống.

- Trời ơi, cứu tôi với... Talbot quần quai trên nền nhà, chân tay giật liên hồi, co quắp, trào bọt mép... và... tắt thở...

- Thế là xong, Laura nói.

- Đúng - Wander đặt ly xuống khay, liếm đôi môi khô cứng. Ông cố tránh không nhìn cái thi thể đang nằm bất động trên tấm thảm, lùi lại vài bước và thả mình xuống chiếc ghế bọc da bên bàn làm việc. Toàn thân ông ướt đầm mồ hôi.

- Bình tĩnh lại, anh - Laura đi lại bên ông - Chúng ta phải dọn dẹp hiện trường trước khi cảnh sát đến.

Ông ngược mắt nhìn nàng và cảm phục sự bình tĩnh của nàng. Nàng đã tiễn đưa nhân tình của mình về thế giới bên kia mới nhẹ nhàng và bình thản làm sao! Nhưng quả là nàng có lý: cần phải thu dọn mọi thứ trước khi nhà đương cục tới.

- Anh, anh đã chuẩn bị rồi đây - Cố gắng lắm ông mới giữ để cho hai hàm răng khỏi va vào nhau.

- Xin chúc mừng anh - Nàng đưa cho ông ly rượu của nàng - Anh cần phải thật bình tĩnh.

Ông đón ly rượu từ tay nàng, uống liền một hơi và cố nở nụ cười để nàng vui. Nhưng ngay lúc đó trong mắt nàng xuất hiện một tia chớp làm ông lạnh toát người.

- Xong rồi, Doll- Nàng nói một cách thản nhiên - Đứng dậy đi, ông ta đã uống.

Wander vô cùng kinh ngạc, cái xác chết bỗng ngóc đầu và từ từ đứng dậy. Mắt Wander bỗng tối sầm lại, cả căn phòng chao đảo, dạ dày bỗng đau

nhói lên. Họ đã thắng cuộc rồi - ông nghĩ - Mình chọn ly nào cũng chẳng có ý nghĩa gì, Laura đã bỏ thuốc độc vào cốc rượu thứ ba, cốc rượu của nàng.

Ông gục xuống ghế, úp mặt vào chiếc cốc vẫn còn giữ nguyên trên đầu gối. Hình ảnh cuối cùng mà ông nhìn thấy là hình vẽ trên chiếc ly: Diana bán khoả thân với bộ cung tên - Nữ thần săn bắn.

***(Lê Thọ Bình lược dịch)***

Là một phóng viên cảnh sát hàng ngày tôi viết bài tường thuật cho tờ nhật báo bình dân. Kể ra thì lâu rồi, từ ngày thành phố chứng kiến tội ác ly kỳ liên quan tới mệnh phụ trẻ tuổi, nhan sắc, giàu có thuộc thành phần thượng lưu, và biết bao vụ sát nhân, mất tích, tham nhũng, lừa bịp, tình tọt, dã tâm, tiền bạc, hành hung, scandal.

- Anh không thấy ở đâu có nhiều tội ác như thế, ngay cả Rome, Paris, New York - chủ bút nói - Vậy là mình đang sống trong thời kỳ tồi tệ. Tuy nhiên sớm muộn tình hình sẽ thay đổi. Tất cả đều theo vòng lẩn quẩn. Trong lúc chẳng mong đợi một cái scandal nổ bùng, thế là anh có tài liệu khai thác cả năm mới hết. Mọi chuyện đều nát rữa, đúng thế, song điều phải làm ấy là chờ đợi, anh ạ.

Trước khi scandal nổ bùng họ sa thải tôi.

\*\*\*

- Anh chỉ thấy chuyện tiểu thương giết người hùn hạp, chuyện thăng trộm vặt giết tiểu thương, chuyện cảnh sát giết thăng trộm vặt. Toàn là chuyện vớ vẩn, tin lặt vặt không à - tôi nói với Pecanha, chủ nhiệm kiêm chủ nhân tờ Phụ nữ.

- Có cả chuyện viêm não, hoại huyết, nhiễm trùng trong máu nữa chứ - ông ta phụ họa.

- Ngoài phạm vi của tôi - tôi tiếp lời.

- Anh đọc Phụ nữ chứ? - Ông ta hỏi.

- Tôi nói chưa đọc. Thích đọc sách hơn.

Ông ta với tay lấy hộp xì gà để trên bàn giấy đưa cho tôi một điếu. Chúng tôi bật lửa hút. Chẳng mấy chốc căn phòng khó thở vì ngộp khói. Xì-gà loại thường, trời đang mùa hạ, cửa sổ đóng kín, máy lạnh lại chạy cà rịch cà tang.

- Phụ nữ không in màu trang trọng như mấy tờ khác dành cho phái đẹp trường giả đang kiêng khem giữ gìn sức khoẻ và thân hình. Tờ báo dành

cho phái yếu hạng C, cơm rau đậu hàng ngày và nếu phát mập đó là may mắn khủng khiếp. Đọc thử xem!

Ông ta thấy cho tôi một tờ. Khổ nhỏ, tím màu xanh da trời, mấy hình mờ tối. Truyện hình minh họa, tử vi, phỏng vấn tài tử truyền hình, mẫu may.

- Anh lo hộ mục “Phụ nữ Tâm Sự Với Phụ nữ”, cột gợi ý, khuyên nhủ có được không? Tay trách nhiệm mục đó mới bỏ đi.

“Phụ nữ Tâm Sự Với Phụ nữ” là tên cột báo, phía dưới ghi tên tác giả là Elisa Gabriela. Elisa Gabriela thân mến... Tối nào về chồng em cũng say mềm và...

- Vâng, tôi nghĩ có thể lấp chỗ trống đó - tôi nói.

- Tuyệt. Bắt đầu hôm nay nhé. Muốn để tên gì nào?

Tôi nghĩ một lát.

- Nathanael Lessa.

- Nathanael Lessa hả? - Ông ta ngạc nhiên ra mặt và có vẻ không bằng lòng, như thể tôi vừa nói chữ tục tũn hay dùng từ xúc phạm đến thân mẫu ông ta.

- Tên đó có sai trái gì đâu? Cũng như bất kỳ tên nào chứ gì. Dùng tên đó là tôi tỏ lòng tôn kính hai lần đó.

Ông ta phà khói thuốc, có vẻ bực tức.

- Thứ nhất, tên không giống bất kỳ tên nào. Thứ hai, tên không thuộc hạng C. Ở đây bọn tôi chỉ dùng tên nghe hợp tai với hạng C, tên nghe hay hay. Thứ ba, tờ báo chỉ tỏ lòng tôn kính đối với người tôi muốn, hơn thế tôi chẳng biết Nathanael Lessa là ai. - Và sau hết, vẻ tức giận tăng dần, như thể ông ta cảm thấy thích thú sao đó - trong toà soạn không có ai, kể cả tôi, dùng bút hiệu tên đàn ông. Tên tôi là Maria de Lourdes!

Tôi nhìn lại tờ báo, cả ban biên tập. Không gì khác ngoài tên đàn bà.

- Ông không nghĩ là tên đàn ông sẽ làm cho phần giải đáp thắc mắc, trả lời tâm sự thêm trang trọng hay sao? Cha, bố, chồng, xếp... Họ không có gì trừ đàn ông sai bảo họ làm. Nathanael Lessa sẽ lôi cuốn độc giả hơn Elisa Gabriela, ông ạ.

- Thì đó đúng là điều tôi không mong muốn. Ở đây họ cảm thấy họ là xếp, họ tin tưởng bọn tôi như thể hai bên là bạn bè thân thiết. Tôi bước vào dịch vụ hai mươi lăm năm rồi. Đừng đến với tôi với mớ lý thuyết chưa

được thử nghiệm. Phụ nữ đang cách mạng hoá báo chí Brazil, tờ báo khác hẳn báo khác, không chạy tin truyền hình hâm nóng qua loa hôm qua.

Ông ta tức giận đến độ tôi không buồn hỏi Phụ nữ chủ trương thế nào. Sớm muộn ông ta sẽ nói. Tôi chỉ muốn có việc làm.

- Tôi có người anh họ tên Machado Figueredo, cũng có hai mươi lăm năm kinh nghiệm, hiện đang làm ở Ngân hàng quốc gia, anh ấy thường nói sẵn sàng đón nhận lý thuyết chưa trải nghiệm.

- Tôi biết tờ Phụ nữ mắc nợ ngân hàng. Trên bàn giấy ông ta có lá thư giới thiệu của ông ấy.

Nghe nói đến tên anh họ tôi ông ta tái mặt, ông ta cắn chặt điều xì - gà để trấn an, sau đó mím miệng như thể sắp huyết sáo, cặp môi đầy run run tựa hồ lưỡi ngậm phải ớt cay. Ông ta há miệng toang hoác, đưa móng tay cái chà hàm răng đen sì vì nicôtin trong lúc nhìn tôi với vẻ dửng dưng như chắc mẫm ý nghĩa lắm.

- Thôi để tôi thêm hai chữ “Bác sĩ” vào tên ông nhé. Bác sĩ Nathanael Lessa.

- Chà! Thế thì được, đạt quá chứ lị - Ông ta nhe răng thốt lời - Anh bắt đầu hôm nay đi.

Tôi trở thành nhân viên ban biên tập tờ Phụ nữ như thế đấy.

\*\*\*

Bàn tôi ngồi làm việc gần bàn Sandra Martin, phụ trách mục tử vi. Ra ngoài phỏng vấn anh này mang tên Marlene Katia. Mặt mũi xanh xao, hàng râu mép thừa dài, anh này còn mang tên Joaxo Duval. Vừa mới ra trường truyền thông, nhưng lúc nào cũng than vãn: “Tại sao mình không học nha nhĩ? Tại sao không mới được chứ?”

Tôi hỏi anh ta có ai mang thư độc giả đến cho tôi không. Anh ta bảo nên hỏi Jacqueline trong văn phòng xem sao. Tay này là chàng da đen to lớn, răng trắng nhỡn.

- Ở đây mà không mang tên đàn bà con gái là không ăn khách đâu, bố ời, họ nghĩ tôi là nàng tiên đấy. Thư hả? Hôm nay không có. Bố tưởng phụ nữ hạng C viết thư thật hả? Nàng Elisa Gabriela viết hết đấy.

\*\*\*

“Thân gửi bác sĩ Nathanael Lessa. Con gái tôi 10 tuổi vừa được học bổng theo học trường nghệ thuật trang điểm trong khu gia cư đảng hoàng. Bạn cùng lớp với cháu năng tới hiệu uốn tóc phụ nữ ít nhất mỗi tuần một lần. Bọn tôi thực tình không đủ khả năng cho cháu như vậy, nhà tôi lái xe buýt tuyến đường Jacare - Caju, nhưng anh nói sẽ làm thêm giờ để cho cháu Tania Sandra tới chỗ đó. Bác sĩ nghĩ cháu xứng đáng được hy sinh như thế không? Người Mẹ tận tình. Villa Kennedy.

Phúc đáp: Bà mẹ tận tình nên dùng xà bông cùi dứa gội tóc cho cháu nhỏ, sau đó lấy giấy quấn trùm lên đầu. Làm vậy chẳng khác gì thợ uốn tóc phụ nữ đâu. Tuy nhiên, cần nhớ cháu nhỏ không phải chào đời để là búp bê trưng bày ngoài tiệm. Con gái ai cũng vậy, đối với chuyện này. Nên lấy tiền phụ trội mua cái gì đó ích dụng hơn. Thực phẩm chẳng hạn.

“Bác sĩ Nathanael Lessa quý mến. Tôi lùn, mập và nhút nhát. Mỗi lần ra ngoài đi chợ, vào hiệu sắm đồ, mua rau cỏ đều bị họ lột hết chẳng còn xu nào. Họ bịp đủ thứ - cân thiếu, thối tiền không đủ, đậu ve đầy bọ, bột bắp cũ rích hôi rình... đại loại như vậy. Bực mình hết sức nhưng bây giờ tôi nghỉ việc rồi. Chúa sẽ chứng giám cho việc họ làm. Đến ngày phán xét họ sẽ đền tội. Người ở nghỉ việc. Penha.

Trả lời: Chúa không có thì giờ để mắt hết mọi người. Người ở nghỉ việc phải tự canh chừng mình. Đề nghị người ở hét to, la lớn, làm rùm beng cho họ bẽ mặt. Chẳng may người ở có thân nhân bà con làm cảnh sát không? Một tay hạng bét, cà chớn cũng được. Tiến hành đi, bầu phị.

“Bác sĩ Nathanael Lessa thân thương. Tôi năm nay 25, nghề nghiệp đánh máy và là trinh nữ tự thưở nào. Bữa nọ tôi gặp một thanh niên, anh ấy nói thực lòng yêu tôi. Anh ấy làm ở Bộ giao thông vận tải, anh ấy còn nói muốn lấy tôi làm vợ, song trước hết muốn thử một cái xem sao. Theo bác sĩ, có nên không? Trinh nữ thất kinh. Parada de Lucas.

Hồi Âm: Này, Trinh nữ thất kinh ơi, hãy hỏi chàng sẽ xử sự thế nào nếu không được trải qua kinh nghiệm. Nếu chàng nói đoạn tuyệt thì Trinh Nữ nên chiều cái chàng muốn, vì là người thành thật. Thực ra Trinh Nữ đâu phải là trái dâu hay mớ rau đem ra chợ làm hàng mẫu. Nhưng kẹt nổi quanh mình làm gì có nhiều người thành thật, vậy cũng nên thử xem sao. Hãy vững lòng tin và tăng tốc độ tiến lên.



\*\*\*

Tôi ra ngoài ăn trưa. Vừa trở về ông ta gọi vào phòng, tay đang cầm bài tôi vừa viết.

- Ở đây có mấy chỗ tôi không đồng ý - Ông ta nói.

- Chỗ nào vậy? - Tôi hỏi.

- A, đây này, ý kiến người ta nghĩ về hạng C - Ông ta vừa rít lên vừa lắc đầu dáng vẻ suy tư trong lúc đưa mắt nhìn trần nhà đồng thời tru môi - Đàn bà hạng A là hạng muốn được đối đãi bằng chửi bới và đánh đập. Xin nhớ lại lời nhà quý tộc Anh, ông ta nói ông ta thành công với đàn bà là do đối xử với mệnh phụ phu nhân như gái làng chơi và gái làng chơi như mệnh phụ phu nhân.

- Đồng ý. Vậy tôi phải làm thế nào để vận dụng độc giả?

- Xin đừng đem biện chứng pháp đến đây. Tôi không muốn anh coi họ như gái bán hoa. Vứt chuyện nhà quý tộc Anh đi. Xin anh pha chút hạnh phúc, chút hy vọng, chút an tâm, chút vững lòng vào thư hồi âm, đó là điều tôi mong muốn.

\*\*\*

“Thân gửi bác sĩ Nathanael Lessa. Nhà tôi qua đời để lại cho chút tiền trợ cấp chẳng đáng là bao, tuy nhiên, điều khiến tôi lo ấy là sẽ sống cô đơn trong khi ngũ tuần rồi. Nghèo, già, bình dân, còn phải sống nữa, tôi sợ cái đang chờ đợi mình. Cô Đơn ở Santa Cruz.

Phúc đáp: Xin Cô Đơn ở Santa Cruz nên khắc vào tim câu này: Tiền bạc, nhan sắc, tuổi tác hay địa vị không mang lại hạnh phúc. Biết bao người giàu có, xinh đẹp tự tử quyên sinh hoặc đắm mình vào thói hư tật xấu ghê tởm? Hạnh phúc ở trong ta, trong tim ta, trong lòng ta. Nếu ăn ở tốt và tử tế với mọi người, yêu lảng giềng như chính bản thân, mỉm cười với người kế toán khi đến lãnh tiền trợ cấp nhà.

\*\*\*

Hôm sau ông ta gọi tôi vào phòng hỏi chẳng hay tôi có thể viết truyện tình để minh họa không.

- Mình tự sáng tác truyện của mình, chứ không phải phiên dịch mấy tay hí họa fumetti Ý đâu. Chọn tên đi.

Tôi chọn tên Clarice Simmone, lại hai lần tỏ lòng tôn kính, dù không nói cho ông ta hay. Phóng viên nhiếp ảnh theo dõi lô truyện tình đến gặp và thảo luận với tôi.

- Tôi là Monica Tutsi - anh ta khơi mào - nhưng cứ gọi Agnaldo không sao. Anh có sẵn đầu vú rồi chứ?

Đầu vú là lô truyện tình. Tôi giải thích cho anh ta hay chủ nhiệm vừa giao cho thực hiện, nên cần ít nhất hai ngày mới viết xong.

- Ngày, ha ha - Anh ta cười hô hố, tiếng oang oang, khàn khàn nghe như tiếng chó ngoan ngoãn sủa khi thấy chủ trở về.

- Cái gì buồn cười đến thế hả? - Tôi hỏi.

- Norma Virginia chỉ mất mười lăm phút là viết xong truyện đó. Hẳn có công thức hẳn hoi.

- Tôi cũng có công thức. Tản bộ mười lăm phút trở về là truyện của anh sẽ sẵn sàng.

Không biết phó nhòm ngu xuẩn nghĩ tôi thế nào? Chỉ vì là phóng viên cảnh sát không có nghĩa là tôi đần độn. Nếu Norma Virginia, hay tên thế nào đi nữa, mười lăm phút viết xong một truyện thì tôi cũng có thể làm như thế. Tối hậu tôi còn đọc kịch Hy Lạp, kịch O Neils, kịch Beckett, kịch Chekov, kịch Shakespeare, Bốn Trăm Kịch Phẩm Hay Nhất Truyền Hình nữa kia. Điều cần làm ấy là mượn đây một ý, kia một ý thế là xong.

\*\*\*

Một thiếu niên con nhà giàu bị bọn bô-hê-miêng chuyên nghề bói toán, tướng số đánh cắp mang đi. Tìm mãi không thấy, gia đình nghĩ chắc là chết rồi. Khi khôn lớn thiếu niên nghĩ bụng mình thực là người bô-hê-miêng lang bạt kỳ hồ. Một hôm chàng gặp thiếu nữ xinh như mộng, con nhà giàu. Hai người yêu nhau. Nàng sống trong biệt thự nguy nga, đầy xe hơi, còn chàng chui rúc trong va gông xe cũ. Gia đình hai bên không chịu cho hai người lấy nhau. Mâu thuẫn bùng nổ. Đám triệu phú liền yêu cầu cảnh sát đến bắt giữ bọn bô-hê-miêng. Một bô-hê-miêng bị cảnh sát bắn chết. Một người bà con giàu có của thiếu nữ bị bọn bô-hê-miêng ám sát. Tuy thế tình yêu giữa đôi trai gái vẫn khấn khít, mãnh liệt át cả mọi chuyện đa đoan. Hai người rủ nhau đi trốn, đi thật xa, xa lánh gia đình. Trên đường đào thoát hai người gặp tu sĩ nhân từ, độ lượng, ông dẫn hai người đến nhà tu kín rồi làm

lễ kết duyên. Tu viện cổ kính, ngoạn mục, thơ mộng núp mình trong rừng đầy hoa. Cặp trai gái động phòng. Cả hai đều xinh đẹp, mảnh dẻ, tóc vàng, mắt xanh. Cả hai bắt đầu khoả thân. “Ồ”, thiếu nữ nói - chuỗi vàng nạm kim cương anh đeo ở cổ là thế nào vậy?” Nàng cũng có một chuỗi vàng như thế! Thì ra hai người là anh em! “Anh là anh em mất tích thưở nào!” Thiếu nữ nức nở. Hai người ôm chầm lấy nhau. (Lưu ý Monica Tutsi: Nghĩ sao về kết cấu mơ hồ? Để cảm giác ngây ngất phi cốt nhục tươi nở trên mặt họ chứ? Tôi có thể thay đổi kết cấu và làm cho kết cấu giống kết cấu kiểu Sophocle: Sau khi tận hưởng khoái lạc xác thịt, cả hai nhận ra là anh em, giật mình hoảng hốt, thiếu nữ bèn lao đầu nhảy qua cửa sổ nhà tu kín, vừa rơi xuống đất vừa kêu thất thanh.)

- Tôi khoái truyện của anh - Anh ta nói.

- Một chút Romeo & Juliet, một tý Quốc Vương Oedipus có gì đặc biệt đâu - tôi khiêm tốn tiếp lời.

- Nhưng vĩ nhân ơi, làm sao thân này chụp hình. Phải làm đủ thứ trong vòng hai tiếng. Kiểm đâu ra biệt thự bây giờ? Dãy xe hơi nữa? Nhà tu kín ngoạn mục? Rừng hoa nở từng bùm?

- Đó là chuyện riêng của tiên sinh.

- Tìm đâu ra mới chết chứ? - Anh ta tiếp tục như thể không nghe tiếng tôi nói - Cặp trai gái mảnh dẻ, tóc vàng, mắt xanh? Người mẫu của mình đều là mulatto không à. Kiểm đâu ra va gông xe cũ nữa nhỉ? Tính lại xem sao vĩ nhân. Mười lăm phút thân hèn sẽ trở lại. À mà này, kiểu Sophocle là thế nào hở?

\*\*\*

Roberto và Betty đã đính hôn sắp sửa lấy nhau. Roberto chịu khó đi làm, để dành tiền mua căn hộ trong cao ốc, trang bị đầy đủ - bàn ghế, tủ sập, TV màu, dàn stereo, tủ lạnh, máy giặt, máy sấy, máy đánh bóng sàn nhà, máy rửa bát, máy nướng bánh mì, bàn ủi điện, máy sấy tóc. Betty cũng đi làm. Hai người đều trong trắng. Ngày cưới đã định. Bạn Roberto tên Tiago đến hỏi:

- Vẫn còn tân cho đến khi lấy vợ cơ à? Cần người mở đường dẫn lối vào cõi huyền bí mới ổn, mà ời”. Nói rồi Tiago đưa bạn tới biệt thự Nữ Chúa Lầu Xanh Betatron. (Lưu ý Monica Tutsi: Tên nàng có vẻ tiểu thuyết khoa

học.) Tới nơi Roberto ngã ngựa khi thấy Nữ Chúa Lầu Xanh là Betty, hôn mê triu mến của mình. Trời đất ơi! Ngạc nhiên khủng khiếp! Thấy thế có người nói: “Lớn lên là đau khổ không ngờ. Biết không?” Người nói câu ấy là anh gác đàn. Truyện chấm dứt.

- Một chữ bằng ngàn tấm hình - anh ta nói - Khốn nạn thay bản chức kém cỏi, chậm chạp quá chừng. Sẽ trở lại tức thì.

\*\*\*

“Thân gửi bác sĩ Nathanael. Tôi thích làm bếp nấu ăn. Tôi cũng ưa thêu thùa, đan lát. Và nhất là khoai tối đến mặc áo gao dài rộng, đánh môi son đỏ chót, mắt thoa đậm màu. Chà! Cảm giác thích thú làm sao! Thật đáng thương cứ phải ngồi trong phòng khoá kín cửa. Không ai hay tôi ham làm thế. Như vậy có sai trái không hở bác sĩ quý mến? Pedro Redgrave. Tijuca.

Trả lời: Tại sao lại sai trái? Anh có làm hại ai đâu? Một độc giả vừa thư cho tôi hay, cũng như anh, người đó thích phục sức như đàn bà. Người đó sống cuộc đời bình thường, ích dụng và có năng suất về mặt xã hội tới mức đáng khen, nên được chọn làm công nhân gương mẫu. Cứ mặc gao, cứ đánh môi son đỏ chót, cứ thoa màu lên cuộc đời, anh ạ.

\*\*\*

- Thư từ đều phải do phụ nữ viết, anh nhớ cho - ông ta lưu ý.

- Nhưng lá này thực - tôi tiếp lời.

- Tôi không tin.

Tôi đưa cho ông ta lá thư. Ông ta nhìn với vẻ mặt cảnh sát soi mói tờ giấy bạc giả.

- Anh nghĩ là chuyện bông đùa hả - ông ta hỏi.

- Rất có thể đúng - tôi đáp - Và rất có thể không đúng.

Ông ta đổi nét mặt thành đăm chiêu, rồi thêm lời:

- Đề nghị thêm vào thư vài câu có vẻ khuyến khích, chẳng hạn như “viết nữa đi!

Tôi ngồi xuống đánh máy: “Viết nữa đi, Pedro, tôi biết đó không phải tên bạn, song không sao. Viết nữa đi, tin tôi là đủ. Nathanael Lessa.

\*\*\*

- Mẹ kiếp - Monica Tutsi nói - tôi đi thực hiện vở kịch vĩ đại bọn nó lại bảo anh ăn cắp từ cuốn phim Ý.

- Đồ khốn nạn, bọn ngu như bò, chỉ vì là phóng viên cảnh sát chúng nó bảo tôi đạo văn chớ gì.

- Kệ chúng nó, để ý làm quái gì thêm mệt xác, Virginia.

- Virginia? Ờ hay, tôi là Clarice Simmone cơ mà! - Tôi nói - Nếu nghĩ chỉ có hôn thê người Ý mới là gái làng chơi có phải là ngu không? Đây này, tôi biết có lần một cô đã đính hôn đàng hoàng, đoan trang dễ sợ, hơn thế lại là sơ từ thiện, thế mà họ khám phá ra nàng cũng là gái làng chơi mới độc chứ.

- Đồng ý, đại ca cứ yên chí lớn, hèn đệ sẽ giương máy bắn truyện đó cho mà xem. Betatron là mulatto hả? Nhưng làm gì mới được chứ?

- Cô nàng tóc đỏ, mặt đầy tàn nhang. Betatron nghĩa là máy sản xuất điện tử, có tiềm lực mạnh, tốc độ cao, phát động do tác dụng của từ trường thay đổi rất nhanh - tôi nói.

- Mẹ kiếp! Đúng là tên gái bán hoa rồi còn gì - anh ta vừa đi ra vừa nói có vẻ mê thích.

\*\*\*

“Nathanael Lessa hiểu đời ời. Tôi đã mặc chiếc áo gao dài rộng, đẹp mê hồn. Môi đỏ như máu hổ và tươi như bình minh. Định bụng mặc chiếc gao sa-tanh rồi đi xem diễn kịch ở Hí Viện Thành Phố. Bác sĩ nghĩ thế nào? Bây giờ xin kể bác sĩ hay tâm sự kỳ diệu, không lường, nhưng nhớ phải giữ tuyệt đối bí mật nhé. Thề đi! A, chẳng biết có nên nói hay không nhỉ. Suốt đời tôi đau khổ, thất vọng nã nê vì cả tin người. Cơ bản mà nói tôi là người không bao giờ đánh mất vẻ ngây thơ trong trắng của mình. Phản bội, lỗ mãng, trơ trên và ti tiện thường khiến bản thân giật mình đỏ mặt. Ôi, tôi mới thèm sống cô đơn làm sao trong thế giới lý tưởng đầy yêu thương và ân cần! Nathanael Lessa đa cảm của tôi ời, hãy để tôi nghĩ và dành cho tôi chút ít thời gian nhé. Thư tới sẽ kể nhiều, có lẽ kể hết. Pedro Redgrave.

Hồi âm: Pedro. Đang chờ thư bạn, kể cả bí mật tâm thư. Hứa sẽ giữ kín trong vòng đai bất khả xâm phạm bao che tiềm thức sâu thăm thẳm. Cứ tiếp tục thế nhá, lạnh lùng trực diện với đố kỵ tầm thường, bội tín gian trá của những kẻ nghèo túng về tinh thần. Hãy tô điểm thân hình hăng khát khao nhục cảm bằng cách vận dụng thái độ thách thức phát xuất từ tư tưởng dũng cảm của mình.

\*\*\*

Ông ta lại hỏi:

- Máy thư này cũng thực ư?

- Thư của Pedro Redgrave đấy.

- Kỳ, kỳ quá - Vừa nói ông ta vừa lấy móng tay gõ lách tách trên hàm răng - Anh làm thế nào với số thư này?

- Chẳng làm gì cả - tôi đáp.

Ông ta dường như đang suy nghĩ điều gì. Ông ta hỏi xem truyện tình minh họa đến đâu rồi, nhưng không màng câu trả lời.

- Thư của thiếu nữ mù thì sao? - Tôi hỏi.

Ông ta cầm thư của thiếu nữ mù và thư trả lời của tôi rồi đọc to: “Nathanael quý mến. Em không thể đọc những gì anh viết. Bà nội thân thương đọc cho em nghe đó. Tuy nhiên đừng tưởng em mù chữ. Em chỉ mù mắt thôi. Bà yêu quý của em viết thư này hộ em, nhưng lời trong thư là lời của em. Em muốn gửi lời an ủi tới độc giả của anh để họ, đừng đau khổ quá nhiều vì bất hạnh nhỏ nhoi, sẽ nhìn chính mình trong gương. Em khiếm thị, song sung sướng, anh ạ. Em cảm thấy thư thái trong tâm hồn, bình yên với Thiên Chúa và thân hoà với đồng bào. Mong tất cả đều sung sướng, hạnh phúc. Brazil và dân tộc Brazil muôn năm! Mù Nhưng Sung Sướng. Đường Kỳ Lân. Nova Iguacu. Tái bút. Quên cho anh hay là em bị tê liệt nữa cơ!

Ông ta bật lửa đốt điều xì-gà.

- Cảm động, nhưng Đường Kỳ Lân nghe không thực tý nào. Nên đổi thành Đường Thống Nhất hoặc đại loại như thế. Ủ, bây giờ xem anh trả lời nào.

“Mù Nhưng Sung Sướng ơi, xin có lời khen em kiên cường như thế, và xin có lời mừng em tin tưởng sắt đá vào hạnh phúc, điều thiện, dân tộc và đất nước Brazil. Tâm hồn những ai tuyệt vọng trong nghịch cảnh, tai ương sẽ tìm thấy chất sống bồi dưỡng trong gương khuyến thiện em nâng cao, đuốc sáng trong bóng tối day dứt chập chùng.

Ông ta đưa lại cho tôi bản thảo.

- Anh có tương lai trong văn học. Chúng ta có trường đào luyện vĩ đại ở đây. Học hỏi, học hỏi, dâng trọn thân mình, đừng ngã lòng, làm việc hăng say.

\*\*\*

Tôi ngồi vào bàn đánh máy: “Tesio, nhân viên ngân hàng, cư ngụ tại Boca do Mato, Lins de Vasconcelos, tỵ nạn với Frederica, có con trai tên Hipolito, đời vợ trước. Frederica đem lòng yêu Hipolito. Tesio khám phá thấy tình yêu loạn luân giữa con trai và vợ kế. Frederica treo cổ tự tử dưới cây soài trong vườn sau nhà. Hipolito xin bố tha tội rồi bỏ nhà ra đi, lang thang tuyệt vọng trong thành phố tàn bạo đến lúc bị xe cán chết trên đại lộ Brazil.

- Gia vị ở đây là gì thế hở quý nhân? - Monica Tutsi hỏi.

- Euripide, tội ác và chết. Để tôi nói anh hay: Tôi hiểu lòng dạ, tâm hồn con người, không cần kịch gia cổ điển Hy Lạp gợi ý. Đối với người thông minh và đa cảm như tôi thế là đủ để quan sát quanh mình. Hãy nhìn sát mắt tôi mà xem. Anh có thấy ai lạnh lẽ, tỉnh táo hơn không?

Anh ta nhìn sát mắt tôi rồi nói:

- Tôi thấy đại ca gàn bát sách!

Tôi tiếp tục:

- Kể tên văn nhân, thi sĩ cổ điển là tôi muốn chứng tỏ cho đời biết tầm mức hiểu biết của mình: Vì là phóng viên cảnh sát nếu không làm vậy, bọn bất thành nhân không nể mình đâu. Tôi đã đọc hàng ngàn, hàng vạn cuốn sách. Theo anh ông ta đọc bao nhiêu sách rồi hở?

- Đọc mẹ gì đâu. À, mà này có thể nào Frederica là Da Đen không hở?

- Ý kiến hay. Nhưng Tesio và Hipolito đương nhiên phải Da Trắng.

\*\*\*

“Nathanael. Tôi yêu, tình yêu ngăn ngừa, tình yêu cấm đoán, tình yêu thầm kín, tình yêu dấu giếm. Người ấy cũng yêu tôi. Nhưng chúng tôi không thể dặt tay nhau tung tăng ngoài phố như người khác, không thể trao đổi nụ hôn trong vườn cây, trong rạp hát như người khác, không thể nắm bên nhau tay trong tay trên bãi biển như người khác, đến tối không thể tới câu lạc bộ khiêu vũ như người khác. Chúng tôi không thể lấy nhau như người khác. Tôi không đủ sức kháng cự và chống trả, Nathanael ơi. Chỉ muốn chết cho xong cuộc đời. Vĩnh biệt. Đây là thư cuối cùng. Xin lễ cho tôi nhé. Pedro Redgrave.

Hồi âm: Đang lăm bằm gì thế hở Pedro? Bây giờ có bó tay đầu hàng khi tìm thấy người yêu không? Osca Wilde chịu đấng nuốt cay chẳng khác gì quỷ dữ. Bị chế diễu, truy tố, xử tội, song vẫn ngang nhiên chấp nhận. Nếu không thể lấy làm bạn đời, cứ chung chã chung gối, trả thù dân tộc tận tình. Người này viết chúc thư cho người kia. Phải bảo vệ mình. Sử dụng luật lệ và pháp thức bảo vệ quyền lợi cá nhân. Hãy vị kỷ như mọi người; cần xảo quyệt, cứ bất cộng đái thiên, không bao dung độ lượng và giả nhân giả nghĩa. Khai thác. Cường đoạt. Đó là tự vệ. Tuy nhiên, nhớ đừng làm gì tỏ ra mất trí.

Tôi đưa cả thư nhận lẫn thư đáp cho ông ta xem. Chỉ thư nào ông ta chấp thuận mới được phép in.

\*\*\*

Monica Tutsi tới cùng lúc với thiếu nữ.

- Giới thiệu đây là Monica - anh ta nói.

- Trùng nhau - tôi tiếp lời.

- Trùng nhau là thế nào? - Thiếu nữ tên Monica hỏi.

- Hai người cùng tên chứ gì nữa - tôi đáp.

- Tên anh ấy là Monica hả? - Monica vừa hỏi vừa chỉ tay về phía phóng viên nhiếp ảnh.

- Monica Tutsi. Cô cũng họ Tutsi ư?

- Không. Monica Amelia.

Monica Amelia đứng im, vừa nhấm móng tay vừa nhìn Monica Tutsi.

- Anh nói với em tên anh là Agnaldo cơ mà - nàng nói.

- Ở ngoài anh là Agnaldo. Ở đây bên trong anh là Monica Tutsi.

- Tôi là Clarice Simmone - tôi góp lời.

Monica Amelia chăm chú nhìn chúng tôi mà không hiểu gì. Nàng thấy trước mặt hai thanh niên kín đáo, thận trọng không thích bông đùa, không thèm để ý cả tên mình.

- Khi lập gia đình có con trai hay con gái tôi sẽ đặt tên là Huệ Vũ - tôi tiếp lời.

- Tên Tàu phải không? - Monica hỏi.

- Hay Huýt Huyt Huyt Ô... - tôi huýt sáo.

- Anh trở thành đại biểu phái vô thần, phủ định, hoài nghi rồi đó!



Monica Tutsi nói rồi dẫn Monica kia đi ra.

\*\*\*

“Thân gửi Nathanael. Bác sĩ có biết cái gì khiến hai người thích nhau không? Đó là trường hợp tôi và Maria. Và bác sĩ có biết cái gì khiến hai người hoà hợp hoàn toàn với nhau không? Đó là trường hợp hai đứa chúng tôi. Tôi thích ăn cơm với đậu ve, kale thái mỏng, củ mì hấp và xúc xích chiên! Thử đoán xem Maria thích ăn gì nào? Cơm với đậu ve, kale thái mỏng, củ mì hấp và xúc xích chiên! Ngọc quý tôi thích nhất hồng ngọc. Đoán đi. Maria cũng thích hồng ngọc đấy. Số hên là 7, màu là màu xanh, ngày là thứ hai, xi - nê là phim Cao Bồi Miền Tây, truyện là Le Petit Prince, bia là bia block, nệm là nệm Anatom, đội banh là đội Vasco da Gama, âm nhạc là điệu samba, giải trí là tình yêu... Cái gì giữa nàng và tôi cũng giống nhau. Tuyệt vời. Những gì bọn này làm trên giường lúc nằm bên nhau, biết không, không khoe đâu nhá, nhưng nếu là xem xiếc biểu diễn hai đứa sẽ giàu to, vé vào cửa choáng nặng. Trên giường chưa có cặp nào lại điên cuồng lộ liễu đến thế, có khả năng thực hiện khéo léo, bay bướm, độc đáo, dẻo dai, ngoạn mục và trọn vẹn như hai đứa. Và hai đứa lặp lại nhiều lần trong ngày. Nhưng không phải cái đó liên kết chúng tôi lại với nhau đâu. Nếu anh cụt chân em vẫn yêu, nàng nói. Nếu em gù lưng anh vẫn yêu như thường, tôi đáp. Nếu anh câm và điếc em vẫn yêu như ngày trước, nàng nói. Nếu em lác mắt anh vẫn yêu em như thưở nào, tôi đáp. Nếu anh bụng phệ, xấu xí em vẫn tiếp tục yêu, nàng nói. Nếu em đổ hoa đậu mùa anh vẫn yêu như ngày đó, tôi đáp. Nếu anh già và liệt dương em vẫn yêu như ngày trước, nàng nói. Hai đứa trao đổi lời thề như thế lúc ước muốn tỏ ra mình chung thuỷ dâng cao, đâm sâu vào lòng như lưỡi dao sắc nhọn. Tôi hỏi nếu chẳng may anh rụng hết răng em còn yêu anh không? Nàng đáp nếu anh móm nhãn nhụi em vẫn cứ yêu chứ sao. Đến lúc đó tôi bèn rút hàm răng giả ra rồi vút lên giường, dáng điệu nghiêm trang, cung kính và trù tượng. Hai đứa nằm im mắt đăm đăm nhìn hàm răng giả trên mặt nệm cho đến lúc nàng nhò mắt, khoác vội áo và nói: Em ra ngoài mua thuốc lá. Đến hôm nay vẫn chưa trở lại. Nathanael ơi, giải thích cho tôi hay chuyện gì xảy ra đến nông nổi như thế? Có phải tình yêu thường chấm dứt bất chợt không? Phải

chẳng vài chiếc răng, mấy miếng ngà đáng thương quan trọng đến thế hờ trời? Odontos Silva.

\*\*\*

Đúng lúc định trả lời không ngờ Jacqueline đi qua cho biết ông ta muốn gặp tôi.

Trong phòng ông ta có người đàn ông đeo kính đen, râu cằm như râu dê.

- Giới thiệu anh đây là Bác sĩ Pentecorvo, anh ấy là, à quên, anh là gì nhỉ  
- Ông ta hỏi.

- Nghiên cứu động cơ thúc đẩy tâm lý - Bác sĩ đáp. “Như tôi vừa nói, trước hết giám định đặc điểm đối tượng chúng tôi đang tìm hiểu, chẳng hạn ai là độc giả Phụ nữ? Hãy tạm ví dụ vì đó là người phụ nữ hạng C. Trong điều nghiên trước chúng tôi đã quan sát kỹ lưỡng mọi thứ liên hệ tới người phụ nữ loại C đó. Nàng mua thực phẩm ở đâu, có mấy chiếc quần yếm dính vào đùi, lúc nào làm tình, lúc nào xem tivi, theo dõi chương trình truyền hình nào... Nói tóm lại, hồ sơ đầy đủ.

- Nàng có cả thảy mấy chiếc quần yếm bó sát người hờ anh?” Ông ta hỏi.

- Ba - Bác sĩ trả lời không dẫn đo.

- Mấy giờ làm tình?

- Chín rưỡi tối, - Bác sĩ ứng lời tức thì.

- Làm thế nào anh biết mọi chi tiết? Có tới vấn an Dona Aurora ở khu cư xá bình dân không? Nàng mở cửa và anh nói, chào em, lúc nào mặc quần yếm hờ? Này bạn ơi, tôi vào nghề 25 năm rồi, chẳng cần ai chỉ biểu đồ phụ nữ hạng C thế nào. Do kinh nghiệm cá nhân tôi biết. Họ mua báo của tôi, hiểu chứ? Ba quần yếm dính sát thịt... Ha!

- Chúng tôi dùng phương pháp điều tra khoa học. Trong ban thường vụ chúng tôi có chuyên gia xã hội, tâm lý, nhân chủng, thống kê và toán học - bác sĩ nói thản nhiên.

- Tất cả để moi tiền bày tỏ ngây thơ - ông ta nói, khinh khỉnh ra mặt.

- Theo nguyên tắc, trước khi tới đây tôi đã thu thập chút ít tư liệu về tờ báo của anh, tôi nghĩ anh sẽ ưng ý - bác sĩ tiếp lời.

- Như vậy thành tiền là bao nhiêu?” Ông ta hỏi, giọng có vẻ cay cú.

- Khoản này tặng anh không tính tiền - bác sĩ khẳng định, toàn thân như cục đá lạnh. “Chúng tôi có điều nghiên nho nhỏ về độc giả tờ báo, mặc dù

bài khổ nhỏ, song tôi bảo đảm, không may may nghi ngờ, đa số độc giả, hầu như toàn thể độc giả của anh đều là đàn ông hạng B.

- Cái gì?” Ông ta hét to.

- Đúng thế, đàn ông hạng B.

Thoạt đầu ông ta tái mặt. Sau đó đỏ mặt, cuối cùng tím ngắt. Mặt ông như thể đang bị bóp cổ. Miệng há hốc, mắt trợn trừng, ông ta rời ghế đứng dậy, hai tay dang rộng, lao đảo bước tới phía bác sĩ như con đười ươi động cựa. Cảnh thật khó hiểu khiến mình nín thở, ngay cả người sắt thép như bác sĩ, ngay cả phóng viên cựa cảnh sát là tôi. Bác sĩ lùi dần, ông ta cứ tiến lại gần. Đến lúc lưng chạm tường, cố giữ bình tĩnh và điềm nhiên bác sĩ thốt lời: “Rất có thể chuyên viên của tôi sai lầm.

Đứng cách bác sĩ có mấy phân ông ta run cầm cập, nhưng trái với điều tôi nghĩ, ông ta không nhảy chồm vào người đối diện như con chó hoá dại. Vừa nắm tóc vừa giật phình phịch ông ta rít lên: “Bọn kịch sĩ, bọn bịp bợm, bọn trộm cắp, bọn bóc lột, bọn lừa đảo, bọn cặn bã trần gian.

Bác sĩ Pontecorvo lảng lạng lén ra cửa lúc ông ta đuổi theo ném mớ tóc vừa giựt khỏi đầu. “Đàn ông! Đàn ông! Hạng B!” Ông ta gầm hồng hộc như người mất hồn.

\*\*\*

Sau đó, sau khi bình tĩnh trở lại, tôi nghĩ thuyết khách đã lên ra theo cầu thang. Vào bàn ngồi như cũ, ông ta nói với tôi: “Đó là hạng người Brazil đã rơi vào tay - bọn bóp méo thống kê, bọn giả mạo tin tức, bọn lừa đảo điện toán. Tất cả cố tìm cách sáng tạo Đại Bịp. Nhưng chúng không thành công tới đâu. Tôi đã đá thẳng khốn kiếp đó xuống hố, đúng không?”

Tôi ậm ừ tỏ vẻ đồng ý. Ông ta rút ngăn kéo lấy gói El Ropos đưa cho tôi một điếu. Hai đứa cùng hút và nói chuyện về Đại Bịp. Sau đó ông ta đưa thư của Pedro Redgrave, cả thư tôi phúc đáp, ông ta đồng ý để tôi mang về phòng sắp trang lên khuôn.

Trên đường trở về phòng dàn dựng sắp trang, tôi nhận thấy thư của Pedro Redgrave không phải thư tôi đưa cho ông ta. Thư khác hẳn:

“Nathanael quý mến, thư anh là dầu thơm đối với trái tim đau khổ của em. Thư đem đến cho em sức mạnh để chống trả. Em sẽ không làm gì có vẻ loạn óc mất trí đâu. Em hứa...

Thư chấm dứt ở đó. Thư bị cắt đoạn ở giữa. Kỳ lạ. Tôi không hiểu. Chắc có gì sai trái. Tôi tới bàn viết ngồi xuống và bắt đầu viết thư trả lời Odontos Silva:

“Người móm tất nhiên sẽ không đau răng. Cũng như nhân vật trong vở kịch nổi tiếng từng nói: Trên đời từ xưa tới nay không hề có triết nhân nào đau răng mà im lặng không kêu bao giờ. Ngoài ra, răng cũng là phương tiện để trả thù như Ngũ Thư trong Cựu Ước đã ghi: Mắt đổi mắt, răng đổi răng, tay đổi tay, chân đổi chân. Lãng tụy độc tài nào cũng ghét răng. Xin nhớ lời Hitler nói với Mussolini về buổi gặp gỡ Franco: Quả nhân muốn thấy tận mắt có người nhổ liền một lúc bốn cái răng của đầu lĩnh. Lúc đó chắc chắn đầu lĩnh sẽ rơi vào trường hợp nhân vật trong kịch phẩm Mọi Chuyện Đều Êm thắm Nếu Không Ai Bị Đón Ràng. Không răng, không ăn, không gì hết. Lời khuyên: lấp răng vào rồi cắn tươi hạt sen. Nếu cắn mà vẫn chưa đạt mưu kế thì đâm và đá chí tử.

Đang đến giữa thư trả lời Odontos Silva bất thành linh tôi hiểu mọi chuyện. Thì ra ông ta là Pedro Redgrave. Thay vì gửi trả lá thư trong đó có Pedro Redgrave hỏi tôi xin lễ ở nhà thờ cho anh ta, tôi đưa cả thư này lẫn thư tôi trả lời về Oscar Wilde ông ta lại đưa thư khác, viết dở dang, tất nhiên do ngẫu nhiên, đáng lẽ theo đường bưu điện tới tay.

Tôi cầm thư của Pedro Redgrave tới phòng ông ta.

- Vào được chứ? - Tôi hỏi.

- Chuyện gì thế? Cứ tự nhiên - ông ta trả lời.

Tôi đưa cho ông lá thư của Pedro Redgrave. Ông ta đọc và nhận ra lỗi mình đã phạm, ông ta tái mặt như mấy lần trước. Ông ta luống cuống xếp tới xếp lui giấy tờ trên bàn.

- Chỉ là chuyện đùa thôi - vừa nói ông ta vừa đốt điếu xì - gà. “Anh có giận không?”

- Chuyện thực hay chuyện đùa với tôi đều như nhau - tôi tiếp lời.

- Đời tôi có thể viết thành cuốn tiểu thuyết...” Ông ta nói - Xin giữ kín chỉ hai đứa mình biết thôi nhá, chịu chứ?

Tôi không rõ ông ta muốn giữ kín cái gì giữa hai đứa mình, đời ông ta là cuốn tiểu thuyết, hay đời ông ta là Pedro Redgrave. Tuy thế tôi đáp:

- Dĩ nhiên, chỉ giữa hai đứa mình.

- Đa tạ - ông ta nói, rồi thở dài. Tiếng thở dài có thể làm nát tim bất kỳ ai nếu không phải là phóng viên báo chí cảnh sát.

*Ryunosuke Akutagawa*

1

Một ngày rực rỡ hào quang trên Thiên đình, Đức Phật bước lững thững bên bờ ao sen. Hoa sen đang nở rộ mang màu trắng ngọc ngà với hương thơm ngào ngạt lan toả từ nhụy màu vàng óng ánh nằm giữa cánh hoa. Đó là một buổi sáng trên Thiên đình.

Ngay lúc đó, Đức Phật Từ bi dừng chân ở ven bờ, bỗng nhìn qua kẽ lá sen mọc dày trên mặt ao. Chìm sâu dưới ao sen là vực thẳm của Địa ngục. Qua làn nước trong như thủy tinh, người ta có thể thấy quang cảnh của con sông Mê và ngọn núi Kim sống động như người ta đang nhìn qua một chiếc thuyền bằng kính dưới mặt nước.

Ở đó dưới vực sâu nhất của Địa ngục, có một người tên là Kandata cùng những người bạn tội lỗi của anh đang bận viết. Anh ta là một kẻ cướp nổi tiếng đã đốt nhà, giết người và phạm những tội ác tày trời khác. Nhưng anh ta còn nhớ trong đầu một nghĩa cử tốt trong cuộc đời của anh. Việc xảy ra như thế này: Một hôm trong khi băng qua một cánh rừng, anh ta thấy một con nhện bò lê bên vệ đường. Anh ta bốc đồng muốn giở chân lên và nghiền nát con vật. Tuy nhiên một ý nghĩ cao quý hơn thoáng qua trong óc anh. “Mặc dù nó chỉ là một con vật tầm thường, nhưng sự sống rất quý đối với nó. Và chẳng ta sẽ quá tàn nhẫn nếu lấy đi sự sống của nó mà không vì một mục đích hay lý do nào cả, - anh ta tự nhủ, và để con vật an toàn biến đi.

Trong khi quan sát dưới Địa ngục, Đức Phật nhớ lại có lần ngài cũng giữ mạng sống cho một con nhện và để tưởng thưởng cho hành động tốt đó, ngài nghĩ đến việc cho Kandata cơ hội thoát khỏi Địa ngục.

May thay vào lúc đó ngài thấy ngay bên cạnh ngài một con nhện của Thiên đình đang dệt mạng lưới tơ đẹp rực ánh bạc trên những lá sen màu xanh huyền. Nhẹ nhàng lấy tay vít sợi tơ nhện, ngài thả tơ qua kẽ lá của những đoá hoa sen trắng ngọc ngà, thả xuống đáy sâu nhất của Địa ngục.

Trong bể Máu dưới vực thăm của Địa ngục, Kandata thấy mình đang chập chờn lặn ngụp cùng với những tội đồ khác. Dĩ nhiên, dưới đáy sâu của Địa ngục, bất cứ chỗ nào nhìn vào cũng thấy một màu đen như đêm tối, và người ta không thấy gì hơn là ánh lập lòe rời rạc của những mũi kim nhọn chĩa lên từ ngọn núi Kim ma quái. Quang cảnh của Địa ngục hoang sơ và khủng khiếp không có lời nào tả xiết. Hơn nữa, khắp nơi kỳ lạ đó tĩnh lặng như một mộ địa, và người ta không thể nghe được gì ngoại trừ tiếng thở dài uể oải và tiếng rên siết nặng nề đôi khi thoát ra từ những đôi môi khô nẻ của những tử tội trong sự ray rứt khốn cùng, bởi vì những con người rơi xuống đáy sâu của Địa ngục đã mệt mỏi và kiệt lực qua nghìn lẻ một sự tra tấn, đến nỗi họ ngay cả không còn đủ sức để thét gào. Đó cũng là trường hợp của Kandata, một tên cướp bất trị, đang vùng vẫy và quằn quại như một con ếch dẫy chết, nghẹt thở trong bể Máu.

Một hôm, anh bỗng ngẩng đầu nhìn lên bầu trời đen tối. Thế rồi cái mà anh thấy chỉ là một sợi tơ nhện óng ánh màu bạc dần dần chui xuống phía anh kéo theo một tia sáng mỏng manh như là sợ đôi mắt của kẻ bị đày xuống hoả ngục bắt gặp.

Nhìn thấy sợi tơ yếu ớt đó, anh vỗ tay reo mừng. Nếu anh có thể bám vào sợi tơ đó và trèo lên càng cao càng cao cho đến tận điểm xuất phát của nó, thì chắc chắn là anh sẽ thoát ra khỏi Địa ngục. Phải, nếu mọi việc đều êm xuôi, nhờ cơ may, có thể anh đến được ngay cả Thiên đình. Rồi anh sẽ không còn bị ném lên ngọn núi Kim gai góc hay là bị chìm xuống bể Máu kinh khiếp.

Với ý nghĩ đó trong đầu óc, anh nắm chặt lấy sợi tơ bằng cả hai tay, và ngay lúc đó, cố rướn mình lên với tất cả sức mạnh chuyển đổi của đôi bàn tay, anh bắt đầu rút người lên càng lúc càng cao. Vì anh là một kẻ cướp khét tiếng đương thời của anh, anh phải hoàn toàn thông thạo loại việc như thế.

Tuy nhiên, Thiên đình cao hơn Địa ngục hàng triệu dặm, thế nên mặc dù anh cố gắng hết sức, anh cũng không thể lên cao như ý anh mong muốn. Anh leo lên được một lúc nào đó rồi thấm mệt khủng khiếp đến nỗi anh không còn sức để tiến lên một phân nào nữa. Từ lúc đó anh không còn biết

làm gì hơn là ngưng nghỉ một chút, bám chặt vào sợi tơ đong đưa, và nhìn xuống bên dưới.

Và rồi anh hết lời cảm ơn cái vận may đã cho anh vận dụng sự khổ nhọc và sự cần mẫn để leo lên! Bây giờ anh nhìn bên dưới thấy bể Máu, trong đó chỉ vừa mới đây anh đã bị chìm xuống, bể Máu đó ẩn mình đen tối dưới ngọn núi Kim âm u, ghé rợn lập lòe mờ nhạt dưới chân. Nếu anh tiếp tục lên cao được theo tốc độ hiện thời, có thể anh sẽ thoát ra khỏi Địa ngục dễ dàng hơn sự mong đợi lúc ban đầu. Đan cả hai tay vào sợi tơ nhện mỏng manh, anh thảng thốt kêu lên, “Ta đã làm được!” và anh cười to hơn là anh đã cười trong nhiều năm trước đây. Thế nhưng bỗng nhiên anh chú ý thấy ngay bên dưới vô số những người bạn tội lỗi của anh leo lên cùng một sợi tơ sát gót chân anh, giống như một đàn kiến vô tận. Thấy vậy anh vừa ngạc nhiên vừa chết lặng người vì sợ, mắt anh trợn trừng và miệng anh há hốc như một người điên đang lên cơn. Làm sao sợi tơ gần như là vô hình đó bất cứ lúc nào cũng có thể đứt lìa, ngay cả dưới sức nặng của một mình anh, lại có thể chịu được sức nặng của nhiều người như thế? Và rồi chính anh, người đã leo lên xa, sau tất cả những nỗ lực tuyệt vọng, có thể bị ném đầu trút xuống Địa ngục, trở lại nỗi tuyệt vọng lúc ban đầu. Mọi sự sẽ chấm dứt với anh, và ngay cả trong lúc này, với hàng nghìn, hàng nghìn những con người tội lỗi đang rõ ràng tranh đấu đi lên, cùng trên một đường dây độc nhất, dọc theo sợi tơ bạc mỏng manh, sau khi bò ngoằn ngoèo, vùng vẫy cố vượt thoát khỏi bể Máu như bao nhiêu con sâu bọ bắn thiu. Nếu không làm gì hết trước khi quá trễ, sợi tơ sẽ bị đứt lìa nửa chừng, và rồi chắc chắn là một lần nữa anh sẽ đâm bổ đầu xuống tận cùng đáy Địa ngục.

Kandata hét lớn lên: “Lũ người tội lỗi chết tiệt kia! Sợi tơ nhện này là của ta. Ai bảo chúng bay leo lên? Hãy xuống đi! Tất cả bọn chúng bay hãy xuống đi!

Đúng vào lúc đó sợi tơ nhện, trước đây khá chắc, bỗng đứt ra ngay chỗ tay anh đang nắm, với kết quả mà mọi người có thể tưởng tượng được. Trong nháy mắt, Kandata đâm bổ ngược đầu xuống vực thăm tối tăm của Địa ngục. Và đằng sau anh không còn gì nữa ngoại trừ ánh lấp lánh mờ nhạt của sợi tơ nhện treo lủng lẳng trên bầu trời đen như mực đầy trăng sao.



Đứng trên bờ ao sen, Đức Phật đã nhìn thấy tất cả những việc xảy ra bên dưới. Khi ngài thấy Kandata chìm xuống đáy bể Máu như một tảng đá nặng, ngài có vẻ buồn rầu và bước đi.

Cái tâm đen tối của Kandata, tìm cách thoát ra khỏi Địa ngục chỉ cho riêng mình bằng giá của kẻ khác, cuối cùng đưa đến sự đoạ lạc của chính anh. Đó là sự nhục nhã dưới huệ nhãn của Đức Phật Thích Ca.

Tuy nhiên, những đoá hoa sen trên Thiên đình không mảy may biết đến những gì xảy ra ở hạ giới. Trong khi đó những đoá hoa sen trắng muốt ngọc ngà vẫn phe phất đài hoa xanh lục dưới chân của Đấng Từ bi, toả ngát hương thơm ngạt ngào từ nhụy vàng óng ánh giữa hoa ra khắp không gian trong sáng. Trên Thiên đình có lẽ thời gian sắp vào đúng Ngọ.

*(Nguyễn Văn Thảo dịch)*

*William Hope Hodgson*

Đêm tối như bưng. Bầu trời không một ánh sao. Tàu buồm của tôi buông neo trong một vịnh nhỏ ở vùng tây bắc Thái Bình Dương. Thủy thủ đoàn chỉ có hai người và một cậu bé tập sự đang ngủ say. Ông bạn tôi là đại úy thuyền trưởng Will đang nằm dài trong buồng lái phía sau, còn tôi thơ thẩn trên boong, cảm thấy hơi lạnh từ lớp sương mù dày đặc, lãnh đãng chung quanh, từ trên ngọn cột buồm sà thấp xuống, lan toả trên mặt biển lạnh lẽo đen ngòm.

- Oh! hê! Tàu buồm!

Một tiếng gọi bất ngờ vang lên trong đêm tối, phía bên trái mạn tàu - giọng khàn khàn khác người. Tôi kinh ngạc đến sững sờ, cứng cả miệng, không thốt được nên lời.

- Oh hê! Tàu buồm!

Tim đập mạnh, tôi cố trấn tĩnh, run giọng hỏi:

- Ai đó?

Như nhận được sự bối rối của tôi, tiếng nói lạ lùng chậm rãi:

- Đừng sợ, ông bạn. Tôi chỉ là... Một ông già.

- Ông muốn gì? Tại sao ông có vẻ lén lút vậy? Cập thuyền lại đây xem nào.

Cái giọng khàn khàn chột lúng túng:

- Tôi... tôi... không thể, nguy hiểm lắm. Tôi... tôi...

- Ông nói gì kỳ vậy? Tại sao nguy hiểm? Ông đang ở đâu thế?

Chung quanh chột im lặng như tờ. Tôi bước nhanh vào trong lấy cây đèn bấm hướng chùm tia sáng vào khoảng mênh mông ngoài mạn tàu. Trong khoảnh khắc, tôi nghe một tiếng kêu tắt nghẹn, tiếp theo là một tiếng khua nước như có ai vừa phóng mạnh mái chèo, chỉ trong một tiếng mà thôi. Qua làn ánh sáng nhoà nhạt của ngọn đèn, tôi thoáng thấy một vật gì mờ nhạt mất hút rất nhanh, hình như là một chiếc thuyền. Will đã thức giấc, anh đến bên tôi:

- Có chuyện gì vậy?

Sau khi nghe tôi kể lại, Will im lặng một giây, rồi khum tay làm loa gọi lớn:

- Ohê! Thuyền!

Từ rất xa, chúng tôi nghe có tiếng trả lời yếu ớt vọng lại. Vài phút sau, lại có tiếng mái chèo khua nước. Tiếng nói khàn khàn rõ hơn:

- Cất đèn đi.

- Ông đến gần đây đi, không có gì phải sợ cả.

- Tôi van các ông hãy cất đèn đi!

Giấu ánh đèn sau lưng, tôi bực tức la lên:

- Quỷ tha ma bắt, tại sao ông lại sợ ánh sáng chớ?

- Bởi vì... bởi vì...

Will vừa dứt lời, tôi nghe tiếng mái chèo và tiếng nói xa dần, tràn đầy vẻ thất vọng và thống thiết:

- Xin các ông bỏ lỗi... tôi không muốn quấy rầy các ông chút nào. Ngặt vì... tôi đói quá, và... cô ấy cũng thế...

Tôi chưa biết phải xử sự ra sao thì Will đã gọi lớn:

- Ông hãy trở lại đi, chúng tôi sẽ tắt ánh sáng.

Quay sang tôi, Will nói:

- Kỳ dị thật, nhưng không sao đâu. Anh tắt đèn đi.

Bóng tối tràn lên biển. Tiếng mái chèo lại tiến đến gần. Will hỏi:

- Nào, ông muốn gì?

- Tôi... tôi đói quá... tôi cần một ít lương thực...

- Hãy đến gần đây.

- Tôi... tôi không thể, tôi không dám đến gần quá... kể cả việc trả tiền cho các ông.

- Khỏi cần, nơi đây còn rất nhiều bánh và đồ dùng, ông muốn lấy bao nhiêu cũng được.

- Các ông tốt quá. Cầu Chúa phù hộ cho các ông.

Đột nhiên Will hỏi:

- Thế còn... cô ấy là ai?

- Đó là vợ tôi, cô ấy đang ở lại đảo.

Tôi ngắt lời:

- Gần đây có đảo à? Chúng tôi có thể đến đó được không?

Giọng nói gằn lên, hoảng hốt:

- Không, trời ơi, không... - ngừng một lát - Xin lỗi các ông vì đã lớn tiếng, bởi cơn đói và nổi bất hạnh đang hành hạ làm tôi mất cả lý trí.

- Không sao, hãy chờ tôi một phút.

Trong khoảnh khắc, Will trở lại, tay ôm đầy những gói, hộp:

- Ông có thể cập thuyền lại gần đây để lấy đồ không?

Giọng nói yếu ớt pha lẫn sự thèm thường, thốn thức:

- Tôi... tôi không dám.

Lòng tôi đầy trắc ẩn khi nhận ra rằng con người tội nghiệp đang đối thoại với chúng tôi trong khoảng tối đen ngòm kia không diên, mà hình như ông ta đang là nạn nhân của một sự kinh tởm nào đấy, nên phải giấu mặt như vậy.

Chiếc thùng gỗ chứa đầy đồ tiếp tế được vớt xuống biển. Lát sau, có tiếng reo nhỏ vọng lên trong đêm tối. Rồi mái chèo khua nước bơi đi. Thật là kỳ dị. Trong cuộc đời làm ngư phủ, chưa bao giờ tôi gặp trường hợp thế này. Thời gian lặng lẽ trôi, Will vẫn đứng cạnh tôi, chuyện bất ngờ lạ lùng ấy đã làm anh hết muốn đi ngủ.

Để đến gần ba tiếng đồng hồ, chúng tôi lại nghe tiếng mái chèo vang lên giữa đại dương tĩnh mịch, Will thì thào:

- Anh ta trở lại kìa.

Tiếng mái chèo tiến lại gần, mạnh mẽ và dứt khoát. Chắc là họ đang rất cần thực phẩm. Chiếc thuyền nhỏ ấy hẳn phải ngừng cách tàu chúng tôi một quãng ngắn thôi và tiếng nói lại vang lên trong đêm:

- Ohê, tàu buồm!

- Lại ông đấy à! Thế nào?

Tiếng nói ngập ngừng:

- Tôi đã bỏ đi rất đột ngột... tôi... và cô ấy đã quên cảm ơn các ông. Các ông thật hào hiệp, cầu Chúa ban phúc lành cho các ông.

Tiếng nói lại tiếp tục:

- Tôi và cô ấy nguyện cùng nhau chia xẻ sự thử thách nghiệt ngã này và thề đến chết cũng không thổ lộ cho ai biết. Nhưng những gì xảy ra trong

đêm nay đã đánh thức thiên lương của chúng tôi. Chúng tôi phải nói cho các ông biết những điều chúng tôi phải chịu đựng từ khi... từ khi...

Will hỏi nhẹ nhàng:

- Từ khi nào?

- Từ khi tàu L Albatros bị đắm...

Tôi vô tình kêu lên:

- A, con tàu đã mất tích ngoài đại dương... lâu lắm rồi.

- Vâng, từ Newcastle, con tàu không đến được San Francisco vì đã gặp một trận bão khủng khiếp ở phía Bắc xích đạo, đánh gãy cột buồm. Đến sáng, bão lặn, nhưng tàu bị vào nước. Lúc ấy, chúng tôi đang ở trong căn phòng bên dưới nên không biết gì cả. Các thủy thủ đã dùng những thuyền nhỏ bơi đi, bỏ tôi và vị hôn thê của tôi lại trên chiếc tàu sắp đắm. Sự hoảng sợ đã làm họ mất hết nhân tính. Tuy nhiên, chúng tôi không tuyệt vọng. Chúng tôi bắt tay làm một cái bè, gom một ít nước và bánh quy, rời khỏi chiếc tàu lớn đang chìm. Bè của chúng tôi trôi theo một dòng hải lưu nên tiến rất nhanh. Chỉ trong vài giờ, cột buồm gãy của con tàu L Albatros bất hạnh đã mất hút trong sương mù. Sương vẫn rơi mãi suốt đêm hôm ấy và cả đến những ngày hôm sau. Vào một buổi chiều, chúng tôi nghe vọng từ xa, có tiếng sóng vỗ vào bờ càng lúc càng rõ. Đến nửa đêm, chiếc bè bị sóng nhồi lên cao, đẩy chúng tôi vào đến một vịnh yên tĩnh, những cơn sóng bạc đầu đã ở phía sau.

Bình minh lên, ánh mặt trời rực lửa sưởi ấm tâm hồn. Chúng tôi quỳ gối cảm tạ Thượng đế khi nhận thấy trước mắt mình hiện ra một chiếc tàu buồm lớn đang kẹt trong vịnh. Sự im lìm vắng vẻ của chiếc tàu không làm chúng tôi lo sợ, chúng tôi chống bè về phía đó và gọi lớn nhưng không có ai trả lời.

Khi bè sát cận tàu, thấy sẵn có sợi dây, tôi níu lấy trèo lên. Tôi leo rất khó khăn vì một loại rêu màu xám nhạt phủ đầy sợi dây, loại rêu này cũng dày đặc boong tàu, cột buồm, gút dây... khi tôi lên đến nơi. Lúc bấy giờ, tôi chẳng để ý đến điều đó, chỉ mong gặp một ai trên tàu nhờ giúp đỡ. Tôi réo gọi nhưng bốn bề lặng yên. Tôi đi về phía mũi tàu, mở cửa xuống tầng dưới. Cửa vừa mở, tôi đã lùi lại và đóng sập lại ngay: mùi ẩm mốc nồng nặc xông

lên muốn lộn mưa và tôi hiểu ngay là chẳng còn ai sống sót trên con tàu này.

Tôi cảm thấy cô đơn lạ lùng nên vội quay về bè. Người yêu của tôi vẫn ngồi đấy, nhìn tôi bằng đôi mắt trong xanh:

- Có ai trên tàu không anh?

- Hình như chiếc tàu này bị bỏ hoang từ lâu. Em có muốn lên xem thử không?

Nàng gật đầu và chúng tôi cùng lên tàu, lục lạo khắp các phòng phía đuôi tàu, không khí lạnh lẽo đến rợn người, chẳng có một dấu hiệu nào của sự sống. Chung quanh tràn đầy mảnh rêu, hình thù u uẩn kỳ dị. Tôi nói:

- Chúng ta có thể tạm ở đây.

Chúng tôi chọn hai phòng tốt nhất, cọ rửa sạch lớp rêu làm nơi trú ngụ. Ngoài ra, chúng tôi còn tìm thấy một số thực phẩm và chỗ đặt bơm nước. Và ngay giây phút đó, chúng tôi cảm thấy hàm ơn biết bao lòng nhân ái vô biên của Đức Chúa Trời.

Nhưng một sự việc xảy ra làm nguội bết sự lạc quan của chúng tôi, đó là sự sinh sôi nảy nở của loài rêu kỳ quái ấy, chỉ trong vòng một ngày đêm, chúng trở lại ngay tình trạng cũ, nghĩa là lại phủ đầy sàn, vách, bàn ghế... mặc dù trước đó, chúng tôi đã cọ rửa kỹ càng. Sau đó, chúng tôi tẩy chúng bằng nước Phenol tìm thấy trên tàu, nhưng vô ích, đám rêu tệ hại kia vẫn tự nhiên xuất hiện, thậm chí càng tăng nhiều hơn, như thể những hạt mầm được nhân giống khi chúng tôi chạm tay vào.

Vào một sáng sớm, khi vừa thức giấc, tôi run lên khi thấy vết xám ghê tởm quen thuộc đã xuất hiện trên mặt gối, và cả trên khăn quàng của người yêu, tôi hoảng hồn quăng tất cả xuống biển. Tôi không dám hé môi cho nàng biết, vội vã gom một số vật dụng đưa nàng lên đất liền. Tôi mang theo cả một tấm vải buồm đủ để dựng hai cái lều nhỏ, chúng tôi sống hạnh phúc bên nhau... cho đến một hôm, trên ngón tay của nàng hiện lên một vết xám, tròn và nhỏ như một nốt ruồi. Trời ạ, tim tôi đập hoảng loạn khi nhận thấy trên ngực mình, cũng có một vết như thế, loại thực bì tàn độc ấy đã bắt đầu tấn công chúng tôi.

Một tháng, hai tháng rồi ba tháng trôi qua, những mảnh rêu khác xuất hiện tiếp tục. Dù tuyệt vọng, chúng tôi vẫn cố chống chọi với sự đe dọa tiến

đến từ từ. Thình thoảng chúng tôi mạo hiểm lên lại tàu tìm xem còn gì đáng giá không. Ở đó, vẫn loại rêu mọc dai dẳng, có cây cao đến ngang đầu. Lúc này, chúng tôi đã bỏ mọi ý định, mọi hy vọng rời khỏi đảo. Biết rằng, mình không còn được quyền sống giữa loài người với nỗi bất hạnh mang trên thân thể, nên chúng tôi phải tính đến việc tiết kiệm lương thực vì không biết cuộc sống sẽ còn kéo dài đến bao lâu nữa.

Tiếng nói người giấu mặt trở nên mệt nhọc:

- Thức ăn ngày càng cạn, chúng tôi tìm cách câu cá trong những hồ nước mặn, nhưng than ôi, một vài con cá bé ti chẳng giúp bao nhiêu cho chúng tôi chống lại cái đói đe dọa. Tôi cảm thấy dường như chính nạn đói sẽ giết chúng tôi nhanh hơn cả loài rêu độc hại kia.

Một buổi xế trưa, tôi trở về lều, thấy vợ đang ăn ngấu nghiến một cái gì.

- Em ăn gì thế?

Nàng ngượng ngùng quay đi và lén lút quăng ngay vật trên tay qua khe lều. Tôi nghi ngờ chạy lại nhặt lên, trời ạ, một mảnh rêu xám. Tôi tiến lại, mặt nàng tái nhợt như xác chết rồi lại đỏ rần, nàng sụm xuống, oà khóc nức nở.

Sau đó, suốt ngày, tôi cảm thấy một sự kích động lạ lùng bao quanh, lôi kéo tôi rời khỏi người yêu, đi dọc theo một con đường khúc khuỷu đầy cát trắng. Tôi đi mãi... đi mãi...

- Ôi... Ôi...

Một giọng khàn khàn cất lên, về phía trái, ngay sau lưng. Tôi quay phắt lại và bủn rủn cả tay chân khi nhận thấy một đám rêu xám hình dáng kỳ lạ, đụng vào khuỷu tay tôi bằng một động tác nhịp nhàng. Tôi chưa kịp phân định được dạng thể của đồng bụi nhùi ghê tởm ấy thì tim tôi chột thắt lại, tiếng kêu được lặp lại bằng một âm thanh xé lòng.

- Ôi... Ôi...

Một cánh tay khăng khiu như que củi, xuyên qua đồng rêu xám run rẩy hướng về tôi. Và, cái đầu của vật đó, một cục tròn màu xám không có hình dáng rõ rệt, nghiêng về phía tôi. Tôi đứng như trời trồng khi cái tay góm guốc ấy lướt qua mặt tôi. Tôi bật lên một tiếng kêu kinh hãi và nhận ra một mùi vị nhạt nhẽo trên môi, ngay ở chỗ vật đó vừa chạm vào. Tôi liếm môi và cảm thấy lòng tràn đầy một ước ao điên dại. Tôi quay lại và chọn một

mảnh rêu ôm vào lòng. Tôi ghé răng cắn vào, tôi nhai, tôi nuốt, tôi xâu xé một cách tham lam. Cuối cùng, cơn kích động chấm dứt, tôi liệng mảnh rêu ra xa, đau đớn nhận rõ nỗi bất hạnh của mình. Cái đồng rêu xám trước mặt tôi chính là một con người. Con người ấy đã cùng nhiều người đến đây, trên chiếc tàu buông neo trong hồ nước mặn ven biển. Loài rêu quái dị ấy đã tấn công họ, tiêu diệt họ và bây giờ là đến lượt chúng tôi.

Sau đó, bằng một ý chí mãnh liệt, chúng tôi quyết định không nếm cái thức ăn ghê tởm ấy nữa, cho dù chúng vẫn tiếp tục sinh sản trên cơ thể chúng tôi không cách gì ngăn được... cứ như thế, như thế... cuối cùng, chúng tôi không thèm để ý đến chúng nữa.

Ngày qua ngày, sự ham muốn ăn loài rêu ghê rợn ấy đè nặng lên ý chí chúng tôi. Khi miếng bánh cuối cùng vừa hết, tôi cố gắng ra khơi để câu cá và may mắn gặp được các ông. Tôi đã nói, tôi chỉ là một ông già, nếu tính theo tuổi thì tôi đã nói dối. Nhưng... nhưng đối với chúng tôi, tuổi trẻ đã rời khỏi chúng tôi kể từ ngày nỗi bất hạnh ấy chụp xuống đời.

Tiếng mái chèo lại khua nước, một lần, hai lần, rồi ba lần... Tiếng nói trong đêm như vang lên từ một cõi mơ hồ nào xa:

- Thượng đế ban phước lành cho các ông! Tạm biệt!
- Tạm biệt!

Có một bàn tay ai đang bóp nghẹt trái tim tôi. Có phải đó là bàn tay của những kẻ đã nhẫn tâm bỏ lại con người trên chiếc tàu sắp đắm để cứu lấy mạng sống riêng mình, phó mặc hai sinh linh cho cơn đói khát hành hạ họ giữa biển? Hay bàn tay của những người khốn khổ ấy, trong cơn đói điên cuồng đã xé thịt một đồng loại mà họ ngỡ là một đám rêu? Bây giờ sự hối hận như một đám rêu kinh dị đang mãi bao bọc con người họ... ? Dù sao thì một bàn tay nào đó cũng đang bóp nghẹt tim tôi sau khi tôi được nghe câu chuyện này...

Rạng đông vừa lên. Mặt trời chiếu những tia nắng trên biển, xua tan sương mù và soi một vệt sáng trên chiếc thuyền nhỏ vừa dần xa.

Ngay lúc đó, tôi nhận thấy một vật kỳ lạ nghiêng nghiêng giữa những mái chèo: Một đám bọt bể khổng lồ, lom khom và có màu xám, tất cả đều màu xám, cái thuyền, mái chèo, và cả cuộc đời con người bất hạnh ấy. Tôi không thể nào phân biệt được sự liên hệ giữa bàn tay và mái chèo. Cả cái



đầu cũng vậy, chỉ là một vật tròn ngọ nguyệt hướng về phía trước, trong khi mái chèo đưa ra sau vạch những đường dài trên mặt nước.

Rồi, chiếc thuyền mất hút trong vệt ánh sáng đong đưa... đong đưa về phía sương mù.

*Knut Hamsen*

Ở gần khu cảng của Copenhagen, có một con đường tên là Vestervold, tuy mới nhưng vắng vẻ. Ở đó chỉ có vài ngôi nhà, mấy ngọn đèn hơi đốt và hầu như không người qua lại. Ngay cả lúc này, mùa hè, cũng khó mà thấy ai đi dạo ở đó.

Vậy mà, đêm qua tôi đã gặp một chuyện ngạc nhiên trên con đường ấy.

Tôi đang đi loanh quanh thì có một phụ nữ từ phía ngược đi tới. Quanh đó không bóng người. Ngọn đèn đường có đốt, nhưng vẫn tối, tối đến tôi không nhìn rõ mặt bà ta. Tôi thầm nghĩ, hẳn cũng là loài đi ăn đêm đây, và đi qua bà ta.

Đến cuối đường tôi thả bộ vòng lại. Bấy ấy cũng quay lại và chúng tôi chạm mặt lần nữa. Tôi nghĩ bà ta đang chờ ai đó và bỗng tò mò muốn biết người đó là ai, thế là tôi lại đi qua bà ta.

Khi chạm mặt lần thứ ba, tôi khẽ bỏ mũ và nói:

- Xin chào bà! Chắc bà đang đợi ai?

Bà ta giật mình. Không - tức là, phải - bà ta đang đợi.

- Bà có phiền khi tôi cùng đi dạo với bà cho đến khi người ấy tới không?

Không - ít nhất bà ta cũng không phản đối điều đó, và còn cảm ơn tôi nữa. Thật ra, bà ta giải thích, bà chẳng đợi ai. Bà chỉ muốn hít thở khí trời, mà ở đây thì yên tĩnh.

Chúng tôi đi loanh quanh bên nhau, và bắt đầu nói về đủ thứ chuyện tầm phào. Tôi giơ tay cho bà khoác.

- Không, cảm ơn ông - bà ta nói, và lắc đầu.

Đi dạo kiểu này mãi thì chẳng có gì hứng thú. Tôi không nhìn rõ được bà trong bóng tối, tôi bèn đánh một que diêm để xem đồng hồ. Tôi giữ yên cây diêm và nhìn bà ta.

- Chín rưỡi rồi, - tôi hỏi. - Hay ta ghé vào chỗ nào đó uốn cái gì đi? ở Tivoli nhé? Hay National?

- Nhưng, ông không hiểu là tôi không thể đi đâu được sao?

Và đến bây giờ tôi mới nhận ra bà đeo một tấm mạng đen dài. Tôi vội vàng xin lỗi, và đổ thừa cho bóng tối khiến tôi không được rõ. Và cung cách bà nhận lời xin lỗi của tôi khiến tôi tin rằng bà không thuộc loại gái ăn đêm thường thấy.

- Bà không khoác tay tôi được sao? - Tôi lại đề nghị - nó sẽ làm bà ấm hơn một chút.

Và bà khoác tay tôi.

Chúng tôi lại đi lên đi xuống vài vòng nữa, bà bảo tôi xem giờ.

- Mười giờ rồi, bà ngủ ở đâu vậy?

- Ở Gamle Kongevei.

Tôi dừng bà ta lại:

- Tôi có thể đưa bà về nhà không?

- Không tiện đâu, - bà đáp - Không, tôi không thể để ông... Ông ở Bredgade phải không?

- Sao bà biết vậy? - Tôi ngạc nhiên hỏi.

- Ồ, tôi biết ông là ai mà, - bà ta trả lời.

Ngừng một lát, chúng tôi khoác tay nhau đi về phía những phố sáng đèn. Bà đi nhanh nhen, tấm mạng dài phất phơ đằng sau.

- Ta nên nhanh nhanh một chút, - bà nói.

Đến cửa nhà bà ở Gamle Kongevei, bà quay lại như để cảm ơn tôi đã đưa bà về. Tôi mở cửa cho bà và bà chậm chạp bước. Tôi nhẹ nhàng đẩy vai vào cánh cửa và bước vào theo. Đến bên trong, bà nắm lấy tay tôi. Cả hai đều không nói một lời.

Chúng tôi theo cầu thang vượt hai tầng lầu và dừng lại ở tầng ba. Tự tay bà mở khoá và xô cánh cửa ra, bà nắm lấy tay tôi và dẫn vào. Có lẽ đó là một phòng khách nhỏ, tôi nghe tiếng đồng hồ tíc tắc trên tường. Khép cửa lại, bà ta sững lại một chút rồi đột nhiên giơ tay ôm chầm lấy tôi và run rẩy, mê đắm hôn ngay vào môi tôi. Ngay vào môi tôi.

- Ông ngồi xuống đi, - bà bảo - Có cái trường kỷ đây, để tôi đi thắp đèn.

Và bà ta đốt một ngọn đèn.

Tôi nhìn quanh, bàng hoàng, nhưng lại tò mò. Tôi thấy mình ngồi trong một phòng khách rộng rãi, bài trí sang trọng với những cánh cửa khép hờ

dẫn sang các căn phòng cạnh đó. Cả đời tôi cũng không thể nhận ra mình vừa tình cờ gặp loại người nào đây.

- Phòng đẹp quá! - Tôi kêu lên - bà sống ở đây hả?

- Phải, đây là nhà tôi.

- Nhà của bà à? Bà còn sống với bố mẹ hả?

. Ồ, không, - bà ta cười. - Tôi già rồi, như anh sẽ thấy đây. - Và bà gỡ tấm màn ra.

- Đó... thấy chưa! - Bà ta nói và ôm chầm lấy tôi lần nữa, thật đột ngột, như bị thôi thúc không kìm được.

Bà ta (phải gọi là nàng mới đúng) chỉ mới khoảng hai mươi hai, hai mươi ba, có một cái nhẫn trên tay phải, và do đó hẳn đã có chồng rồi. Xinh đẹp ư? Không hẳn nàng có nhiều tàn nhang, chân mày hầu như không có. Nhưng ở nàng có vẻ gì rất sôi nổi, và đôi môi của nàng đẹp kì lạ.

Tôi muốn hỏi nàng là ai, chồng ở đâu, nếu quả nàng có chồng, và căn nhà nay là của ai, nhưng nàng lao vào ôm lấy tôi mỗi khi tôi mở miệng và ngăn không để tôi hỏi.

- Tên tôi là Ellen, - nàng giải thích - Ông có muốn uống gì không? Bây giờ tôi có rung chuông gọi thì cũng chẳng có ai phiền. Nhưng có lẽ mời ông qua đây, trong phòng ngủ, chờ cho một chút.

Tôi đi vào phòng ngủ. Ánh đèn từ phòng khách soi qua đây phần nào. Tôi thấy hai cái giường. Ellen rung chuông và gọi rượu vang, rồi tôi nghe tiếng người hầu mang rượu vào và đi ra. Một lát sau Ellen đi vào phòng ngủ, nhưng nàng sững lại ngay cửa. Tôi vội bước tới. Nàng khẽ kêu một tiếng nhỏ và bước lại tôi.

Đó là đêm hôm qua.

Rồi chuyện gì xảy ra? A, xin hãy kiên nhẫn! Nhiều chuyện lắm!

Đến mờ sáng hôm nay tôi mới thức dậy, ánh sáng tràn vào qua hai bên tấm màn. Ellen cũng thức giấc và mỉm cười với tôi. Đôi cánh tay của nàng trắng và mượt mà, bộ ngực vươn cao khác thường. Tôi thì thầm với nàng và nàng dùng môi để khép miệng tôi lại, hết sức dịu dàng. Ngày rạng dần.

Hai giờ sau tôi mới đứng dậy được. Ellen cũng đang lo mặc y phục, rồi nàng đi giày vào. Chính lúc đó tôi mới thấy một điều mà đến nay còn làm tôi bàng hoàng như một giấc mộng kinh khủng. Lúc đó tôi đang ở chỗ bồn

rửa mặt, Ellen qua phòng bên cạnh làm việc vặt gì đó, và vì nàng không khép cửa nên tôi liếc nhìn được sang phòng bên. Một luồng gió lạnh thổi vào người tôi qua ô cửa sổ, và giữa căn phòng đó tôi nhìn thấy một xác người nằm dài trên bàn. Một xác chết, trong quan tài, có bộ râu xám, xác đàn ông. Hàu đầu gối xương xẩu nhô lên dưới tấm vải phủ trông như hai nắm đấm, khuôn mặt tái mét, nhợt nhạt một cách kinh khủng. Dưới ánh sáng ban ngày tôi nhìn rõ mọi thứ và tôi quay mặt đi, không nói nên lời.

Khi Ellen trở lại, tôi đã áo quần tươm tất và sẵn sàng ra đi. Tôi chẳng còn tâm trí đâu đáp lại vòng tay ôm của nàng. Nàng khoác thêm tấm áo nữa, có vẻ như muốn đi cùng tôi xuống tới mặt đường, và tôi để nàng đi theo, vẫn chẳng nói một lời. Đến cổng dưới, nàng nép sát vào tường như sợ bị nhìn thấy.

- Thôi, tạm biệt - nàng thì thầm.

- Đến mai nhé? - Tôi hỏi, phần nào vì muốn thử nàng.

- Không, mai không được.

- Tại sao không được?

- Đừng hỏi nhiều thế. Mai tôi phải đi dự đám tang, một người họ hàng vừa chết. Ông biết rồi đó.

- Thế còn ngày kia?

- Được, ngày kia, cũng ở cửa này. Mình sẽ gặp lại. Tạm biệt.

Tôi bước đi.

Nàng là ai? Còn cái xác nữa? Với bàn tay nắm chặt và khóe miệng trĩu xuống như thế... thật trở trêu kinh khủng. Ngày kia nàng sẽ chờ tôi. Liệu tôi có nên gặp lại nàng không?

Tôi đi thẳng tới quán cà phê Bernina và hỏi mượn cuốn danh bạ điện thoại. Tôi tìm xem số nhà đó, đường Gamle Kongevei như thế, như thế... và... cái tên đây rồi. Tôi chờ một lúc tới khi người ta phát hành tờ báo buổi sáng. Tôi vội lật tới trang đăng cáo phó. Và như đã tin chắc tôi tìm thấy tên nàng ở đó, ngay dòng đầu; in chữ đậm “Chồng tôi, năm mươi ba tuổi, đã qua đời hôm nay sau một thời gian lâm bệnh”. Lời cáo phó được ghi ngày hôm trước.

Tôi ngồi một lúc lâu và ngẫm nghĩ.

Một người đàn ông lập gia đình. Bà vợ trẻ hơn ông ta ba mươi tuổi. Ông bị một căn bệnh mãn tính dai dẳng. Một ngày đẹp trời kia ông ta chết. Và người goá phụ trẻ thở ra một hơi dài nhẹ nhõm.

*Daniel de Ronlet*

*K*hi tôi cưới Marlène, cô ấy không đòi hỏi gì nhiều. Cô nói rằng cô sẽ tự kiếm sống và chúng tôi sẽ có con, với một điều kiện:

- Anh là thợ đồng hồ, anh phải lấy trộm thời gian ba phút tặng em.

Tôi cứ ngỡ rằng thoả mãn sự đồng đánh này cũng dễ thôi. Tôi đang làm việc tại một nhà máy sản xuất đồng hồ, nhưng tôi không là người định việc đo thời gian cho những chiếc đồng hồ mà đó là chất thạch anh. Tuy nhiên tôi sẵn sàng dành cho Marlène những giờ thuộc về hai chúng tôi. Nhưng tôi đã nhầm. Thời gian cô ấy yêu cầu không phải là những cuộc hẹn hò tình tứ, cũng không phải là những giây phút giành giật từ cuộc sống bận rộn hàng ngày. Cô ấy thật sự muốn tôi làm thời gian dừng lại cho cô.

Nhiều lần tôi những tưởng đã đi đến đích. Có một lần trên bãi biển vắng người ở ý, ôm hôn nhau khi mặt trời lặn, tôi băng quơ:

- Em không thấy rằng thời gian đã dừng lại rồi ư? Cứ như thể chúng ta đang đắm chìm trong cảm giác phi thời gian ấy.

- Vâng, cô trả lời, mắt nhìn vào kim giây đồng hồ đeo tay, thời gian vẫn trôi.

Một lần khác, trong một phòng trọ, sau khi đặt chiếc đồng hồ lên bàn ở đầu giường, ở trần bên nhau, tôi bảo:

- Này em, chúng ta đang ở ngoài thời gian và gần như ngoài không gian.

- Có thể, cô ấy trả lời, nhưng những người hàng xóm thì không thấy như thế.

Quả thật, chúng tôi nghe thấy ở phòng bên có tiếng chuông điện thoại cầm tay.

Tôi gợi ý:

- Dù vậy, em không muốn chúng mình có một đứa con sao? Có thể khi có con cái, chúng ta không thấy thời gian trôi.

- Không, anh phải lấy cho em vài phút của thời gian. Không có vài phút đó, sẽ không có chuyện có con.

- Em muốn bao nhiêu phút?

- Ba phút là đủ.

Tôi bắt đầu cảm thấy thất vọng. Tôi đã ao ước biết bao được làm cha. Cuối cùng thì một ý tưởng cũng đến. Tôi sẽ tặng vợ tôi một chiếc đồng hồ, nó sẽ chạy nhanh mỗi ngày nửa giây. Sau một tháng, sẽ nhanh 15 giây và sau một năm, có thể nhanh 3 phút. Và vì rằng Marlène luôn chỉnh đồng hồ theo chuông nhà thờ, tôi chỉ cần chỉnh cho đồng hồ trên gác chuông sai đi là có thể có được 3 phút một năm.

Ngày sinh nhật của Marlène, tôi tặng cô một chiếc đồng hồ, và nói rằng cô ấy có thể chỉnh đồng hồ theo giờ của đồng hồ gác chuông. Sáu tháng sau, khi nhận thấy mục điểm báo lúc 20h00 lại muộn hơn đồng hồ của mình và đồng hồ gác chuông, Marlène ngạc nhiên nhận xét:

- Em nhận thấy rằng thời gian ở nước mình chậm hơn là thời gian của chúng mình đấy.

Tất cả có vẻ tốt đẹp hơn. Marlène không tỏ ra nghi ngờ gì về mưu mẹo của tôi. Đến lần sinh nhật sau, tôi nhẹ nhàng ôm hôn Marlène rồi thông báo rằng 3 phút đang tới sẽ chỉ là của cô ấy, ba phút lấy trộm được từ thời gian. Đầu tiên, cô không tin, sau cười, và rồi tức giận. Cô ấy cho rằng tôi đã ăn gian. Vì rằng thời gian là chung cho cả thế giới, nó phải chung cho mọi người và không có chuyện thay đổi thước đo thời gian cho riêng một người.

- Lần này không tính, chúng ta vẫn sẽ không có con.

Tôi sụp xuống, van xin cô ấy đừng dùng thuốc tránh thai. Càng ngày tôi càng yêu Marlène và mong muốn có với cô một bé gái, hoặc bé trai cũng được. Cô ấy không hề lay chuyển. Chúng tôi vẫn ngủ với nhau mà không có con.

Có sao đâu, tôi tìm cách hoàn chỉnh chiến lược của mình. Với sự giúp đỡ của ông chủ tôi, ông là chủ ngân hàng hơn là nhà sản xuất đồng hồ, chúng tôi đưa ra một chiến dịch quảng cáo: “Hãy giành lấy thời gian, các bạn hãy tặng cho mình mỗi năm 3 phút”. Chúng tôi nhắm vào các cặp vợ chồng trẻ, dù đã có con hay không. Chúng tôi khuyến khích họ sống nhanh hơn một chút so với mọi người để đón chào năm mới sớm hơn người khác. Chúng tôi ký thoả thuận để đồng hồ ở những nơi chính thức chạy nhanh hơn thường lệ. Hàng trăm làng mạc trong cả nước đã đồng tình tiếp đón những



người tự tặng mình “3 phút được sống trong cảm giác phi thời gian”. Ba phút này họ chẳng nợ ai, trừ người bạn đời trung thành, người đã dành cho họ ba phút đi trước mọi người. Nhà thờ cũng đồng tình với chúng tôi - bởi, có thể nói - xưa nay - chính họ đã điều khiển thời gian. Ở thời Trung cổ, đêm rồi ngày được chia thành 2 lần 12 giờ với độ dài không ngừng thay đổi. Các giáo sĩ Babylon thường xuyên thêm vào mỗi năm một tháng trong khi các giáo sĩ khác đơn giản là chỉ quên thêm số 0 vào giữa năm thứ nhất trước công nguyên và năm đầu tiên sau công nguyên.

Kiểu đồng hồ này đem lại thành công lớn. Chỉ trong 6 tháng 3 triệu chiếc đồng hồ đã được bán ra. Người ta sôi sục lên vì hâm mộ một cái gì đó đi ngược lại với sự chính xác của giờ giấc, một cảm giác sống ngoài vòng pháp luật nhưng không thái quá. Những người là đệ tử của trào lưu này, được gọi là “những kẻ giữ lại (thời gian)”, đã gần như trở thành một giáo phái với khẩu hiệu “thưa BS Scheweizer, bây giờ là 12 giờ đêm kém 3” và dấu hiệu để nhận ra nhau là một chiếc đồng hồ hoá lỏng như một Dali dưới ánh mặt trời.

Một vài ngôi làng nghỉ mát lại chuyên tổ chức những cuộc hội hè đình đám phi thời gian trong thời gian 3 phút, những cuộc hội hè này thường được thông báo từ trước rất lâu. Các hãng du lịch thì hứa dành cho “những kẻ giữ lại” một sự bất ngờ sẽ xảy ra dưới gác chuông nhà thờ, chẳng hạn vào tối thứ bảy, vào lúc nửa đêm. Vài tên bợm lại còn bán lại cả vài phút lấy được cho những cặp vợ chồng đang thiếu cảm giác mạnh. Giới chức sắc nhà thờ đã can thiệp để cách tính giờ này không trở thành cách tính giờ bất hợp pháp. Không thể nghĩ ra hết được những trò ngớ ngẩn mà người ta có thể làm trong một khoảng thời gian ngắn ngủi như thế. Các hãng bảo hiểm cũng kiện lên toà án những người đốt ô tô, viện cứ là giờ ghi trong tờ biên bản lập tại hiện trường để phục vụ việc đền bù sau này không bao giờ có thể được xác định chính xác. Sau một cuộc nổi loạn đặc biệt dữ dội của “những kẻ giữ lại”, nhiều quyết định được ban hành để mọi người lại sống theo thời gian như trước.

Song với Marlène thì chẳng có vấn đề gì. Trên màn hình vô tuyến, kim giây đồng hồ vẫn tiếp tục quay sau lưng phát thanh viên theo nhịp thời gian từ lâu nay vẫn thế. Vậy là tôi vẫn bị mất quyền làm cha. Dù sao thì tôi cũng

không mất hy vọng làm cho cả thế giới này công nhận một cách ứng xử mới với thời gian.

Muốn ăn ngon thì phải mất nhiều thời gian, muốn có ý tưởng tốt cũng vậy. Kế hoạch đã bắt đầu tiến triển. Chẳng cần xem có nên xua đuổi “những kẻ giữ lại” ra khỏi đất nước hay không, Đảng Bảo thủ đã phát động chiến dịch với chủ đề “Đã đến lúc phải có thời gian để nói lên tiếng nói của mình”. Điều này rõ ràng là để ám chỉ đến vấn đề một vài phút chênh lệch. Ngay lập tức Đảng Tiến bộ lên tiếng: “Thời gian của chúng tôi, chính là thời gian của các bạn, thời gian để đưa ra lá phiếu bầu của mình”. Nhờ có những hoạt động bầu cử này, tôi cảm chắc rằng ngay cả chiếc đồng hồ báo giờ chính thức cũng sẽ tham dự vào trò chơi lại thời gian. Còn Đài truyền hình quốc gia thì cuối cùng cũng phải chiều theo sở thích chung.

- Cả nước hoà nhập vào thời gian của những khu trung tâm”, đó là nội dung bài diễn văn chúc mừng năm mới của Tổng thống đã thu vào băng nhưng đến thời điểm chót thì Hội Đồng bảo an Liên hiệp quốc lớn tiếng: Không được đùa với thời gian.

Tổng thống của chúng tôi cũng phải lui bước trước ý kiến của cộng đồng quốc tế cho rằng việc làm rối loạn thời gian sẽ dẫn đến những thảm hoạ hàng không, đường sắt. Tình trạng hỗn loạn có nguy cơ đè nặng lên các quan hệ quốc tế, và tốt nhất là nên tuân theo chuẩn thời gian của toàn thế giới.

Sau đó là sự thức tỉnh kinh hoàng. Đầu tiên, chính quyền tung ra chiến dịch tuyên truyền có tên: hiểu biết khoa học cho toàn dân. Đồng hồ đeo tay, đồng hồ báo chuông, đồng hồ treo tường của “những kẻ giữ lại” đều bị cấm. Đầu tiên là cấm bán, sau đó ai có phải nộp cho chính quyền. Đồng hồ nào bằng gỗ thì bị thiêu công khai, những cái khác thì bị nghiền nát bởi xe lăn đường tại các quảng trường công cộng. Hai chiếc đồng hồ gác chuông nổi tiếng cũng bị nổ tung trước ống kính vô tuyến truyền hình. Ngay cả chiếc đồng hồ hoa của thành phố, dù nó chưa làm ai khó chịu bao giờ, trong một buổi lễ lớn, cũng bị ông thị trưởng giẫm đạp lên trước mắt mọi người. Nghĩa vụ với thế giới mà.

Vợ tôi, cái cô Marlène ấy, trước khi bỏ tôi để lấy một đồng nghiệp của tôi ở ban đồng hồ cơ khí, còn nhạo tôi lần cuối:

- Em sẽ trở lại để cho anh một đứa con, khi nào anh có thể cho em chỉ ba giây thật sự.

Tôi đã phải mất nhiều năm mới bình phục sau cuộc hôn nhân thất bại. Một cuộc đời hoàn toàn dành cho việc tìm cách xoay chuyển thời gian có nguy cơ dẫn đến bệnh viện tâm thần. Nhưng tôi không còn sự lựa chọn nào khác. Khi nhìn Marlène thu xếp đồ đạc đi theo người chồng mới, tôi đã thề trả thù, dù phải trả giá bằng phần đời còn lại của mình.

Tôi điếm lại những ý tưởng khác chẳng lấy gì làm hay ho trước đây đã thoảng qua trong đầu tôi để lấy lại Marlène và có với cô ta một đứa con. Cuối cùng thì tôi cũng chọn con đường dài nhất, song chắc chắn nhất. Tôi đã trở nên một nhân viên mẫu mực trong tổ chức phát hiện những kẻ đang sưu tầm bất hợp pháp những chiếc đồng hồ chạy lệch thời gian. Dần dần thì tôi cũng lấy lại lòng tin của ông chủ. Tôi được chuyển sang bộ phận thông tin, từ bỏ những người đồng nghiệp điều chỉnh đồng hồ thủ công để chuyển sang làm việc với đồng hồ kỹ thuật số. Tôi đã bỏ ra nhiều thời gian, công sức nghiên cứu để thực hiện kế hoạch mới của tôi. Một mưu đồ nhất quyết phải thực hiện.

Hiện tại, thước đo các chuẩn mực thời gian là do 12 chiếc đồng hồ nguyên tử nằm rải rác trên toàn thế giới quyết định. Nhờ có chất Cesium 133 có tần số đặc biệt ổn định, sau khi đối chiếu thời gian ở các đồng hồ nguyên tử, người ta đã định ra một thời gian trung bình. Để thời gian của các đồng hồ đó trùng khớp nhau, những chiếc đồng hồ này trao đổi với nhau các chương trình tin học phức tạp. Sau năm năm, tôi được chuyển sang bộ phận kiểm tra thời gian, nơi chuẩn bị loại hình trao đổi này. Mọi người đó quên rằng tôi đã từng tham gia vào vụ làm đồng hồ chạy nhanh trước đó. Mất mười năm phấn đấu, tôi được cất nhắc vào vị trí phụ trách chương trình đối chiếu thời gian. Tôi được phụ trách các chuyến đi có hướng dẫn cho cả thế giới - ít ra là cho những ai là khán giả truyền hình - bằng cách nào toàn thể nhân loại vượt lên trên những ngẫu nhiên để định ra được thời gian cho riêng mình, được tiếp cận sát với chất Cesium 133, và các chuyến du ngoạn dài trên chương trình điều chỉnh và chuyển phát thời gian được chia nhỏ tới một phần triệu giây. Ở mức độ này, ngay cả chuyển động Trái Đất cũng không còn đều nữa để được coi làm điểm tham chiếu

chuẩn về mặt thời gian. Ngày nay chúng ta còn chính xác hơn cả vòng quay của hệ mặt trời trong không gian. Là nhà khoa học, tôi đã có thể trao đổi hàng giờ, hàng giờ về chiến công của khoa học thời gian, môn khoa học, trải qua bao thế kỷ, đã làm cho lý trí mang nhịp điệu của mình.

Tôi diễn giải, diễn giải, nhưng tôi không quên được Marlène, tình yêu của tôi, tôi vẫn giữ ảnh của cô nơi đầu giường. Tôi còn dành thêm nhiều năm nữa chuẩn bị tỉ mỉ cho kế hoạch của tôi. Rồi tôi cũng đã tìm ra nơi sơ hở. Tôi đã làm được cái việc làm đổi hướng thời gian do so sánh giữa các máy tính nhanh lên được một vài phần nghìn giây.

Nhờ có mẹo này, cộng thêm lòng kiên nhẫn và hàng chục năm nữa, tôi đã thúc đẩy cuộc sống của những người cùng thời với tôi nhanh hơn ít ra là 3 giây mà không ai biết. Tôi sống một mình, không con cái, thỉnh thoảng đi diễn giải triết học về đo lường vạn vật, Tôi lập luận “sự vượt quá thước đo, so với thước đo, chính là cái rốn nằm ở rốn”. Chẳng ai hiểu được công thức xuân ngốc này, ngay cả các nhà khoa học đồng nhiệm với tôi cũng chịu. Tôi dự định sẽ bỏ việc sau khi đã hoàn thành yêu sách của Marlène. Vấn đề chỉ còn là báo cho cô ấy biết.

Đã 35 năm nay tôi không có tin tức gì về Marlène, tôi đang lo lắng xoay sở kiếm tìm cho bằng được để thông báo tin tốt lành này thì một người dẫn chương trình truyền hình đã giúp tôi. Trong chương trình “Thời gian trôi đi” của mình, người dẫn chương trình mong muốn giúp cho những người lâu nay bật tin nhau có cơ hội được gặp lại nhau.

Tôi đang có mặt tại chương trình, ở đây tôi thật lòng nói cho toàn thể nhân loại biết rằng nhân loại đang sống sau thời gian thật ba giây. Đó là một tội tày trời vì rằng thế giới ngày nay cùng chung số phận. Toàn cầu lại càng thích những cái chuẩn chung vì chúng độc đoán. Tôi thậm chí đã đề nghị người dẫn chương trình sẽ tổ chức vào một ngày gần đây 3 giây nghỉ ngơi trên toàn thế giới để lấy lại thời gian đã mất, và tôi sẽ tặng chúng cho Marlène. Tôi tin chắc rằng khi kết thúc chương trình Marlène sẽ đến bên tôi, giàn giụa nước mắt và vô cùng cảm động trước các khán giả truyền hình.

- Ông đã sẵn sàng chưa? Người dẫn chương trình hỏi.

- Tôi đã sẵn sàng, nếu ông đã tìm lại được Marlène, thì đây sẽ là ngày đẹp nhất trong cuộc đời tôi. Rồi chín tháng nữa tôi sẽ làm cha.

Người dẫn chương trình, một kẻ hoài nghi công nghệ, nói vài điều do dự có tính chất thông lệ để giải thích rằng khoa học cũng không thể dừng lại được thời gian, ngay cả khi có sự nhầm lẫn về đo lường. Tôi chẳng buồn nghe anh ta nói nữa, mắt dán lên tấm màn nhung nơi Marlène lộng lẫy mà tôi cuối cùng cũng tìm thấy xuất hiện.

Có tiếng trống dồn, tiếng tù và réo, màn sân khấu được kéo sang hai bên. Một bà già lưng còng gập, khuôn mặt nhăn nheo, hiện rõ niềm tin cười nhìn tôi. Bà ta mơ hồ giống Marlène. Chúng tôi nhìn nhau. Tôi khóc trước ống kính quay phim vì hiểu rằng cái người có tên Marlène đó không còn khả năng mang thai được nữa. Tôi có 3 giây để dâng hiến cho nàng, nhưng biết bao thời gian đã đông cứng lại trên lưỡi hái thời gian đồ sộ trên lưng người đàn bà kia. Nếu bạn là tôi, bạn sẽ làm gì?

Tôi đứng lặng, buông thông hai tay.

Họ cắt chương trình, họ không muốn có thời gian chết. Tôi ngoan ngoãn để họ dìu tôi về phòng tẩy trang.

Tôi đã đánh cắp thời gian, còn thời gian thì đã đánh cắp Marlène của tôi. Chúng tôi hết nợ.

***Ngân Hà dịch***

Thầy đã xảy đến rất là đơn giản và không lồi thối tí nào cả. Vì những lý do tốt hơn chớ nên kể ra, quần chúng đã bị thiếu thịt trầm trọng. Mọi người đều lo lắng. Có kẻ đã xuyên tạc bằng những lời chua chát, có kẻ đã bàn tính chuyện nổi loạn. Nhưng rồi, theo thông lệ, sự phản đối không đi xa hơn sự hăm dọa suông, và người ta được chứng kiến cái cảnh dân chúng kiệt quệ bức lá bức cỏ bỏ vô mồm nhai nuốt.

Tuy nhiên, bác Ansaldo thì không cần làm như thiên hạ. Rất ư là tỉnh bơ, bác ấy lấy một con dao xắt thịt lớn đem ra mài, rồi lập tức quần tuột xuống tới gối, bác thèo một miếng bíp tết thật to bên mông trái. Sau khi rửa sạch và tẩm muối dấm, bác nướng sơ trên vỉ sắt rồi chiên trên cái quánh để rán trứng trong ngày chủ nhật. Xong, bác mang miếng bíp tết lớn ra bàn ngồi xơi ngon lành. Bỗng nhiên có tiếng gõ cửa, một trụ hàng xóm chạy qua tâm sự -. Bác Ansaldo trịnh trọng chỉ cho ông bạn láng giềng xem miếng thịt chiên. Người hàng xóm tò mò hỏi, Ansaldo chỉ cần chìa cái mông trái ra cho y coi. Khỏi cần phải nói. Ông hàng xóm phục lăn và á khẩu, bỏ đi rồi trở lại tức thì với ông thị trưởng. Ông này bày tỏ với bác Ansaldo cái ước nguyện được thấy đám quần chúng yêu mến của ông có thể sống tự túc như bác Ansaldo. Hay nói cách khác: có thể nuôi thân bằng chính thịt của mình. Quyết định nhanh, rồi trao đổi chóng những lời nồng nhiệt giữa dân có giáo dục, thế là bác Ansaldo bươn bả đi ra cái công trường lớn, để, theo đúng nguyên văn của bác, cống hiến “một màn biểu diễn thiết thực cho đám đông.

Vừa tới nơi, bác bảo mọi người nên cắt hai miếng bíp tết bên mông trái, giống hệt từng điểm một với miếng thịt bằng thạch cao màu đỏ toong teng trên cái móc sắt lóng lánh. Hai miếng thay vì một, bác tuyên bố như vậy: hai miếng để chẳng có ai bị thiệt thòi, mọi người đều có thịt thà đồng đều như nhau, được ngốn hai miếng bíp tết, bởi vì cắt một miếng bên mông trái bác đã làm rồi. Sau các lời chính xác ấy, mọi người bắt đầu thi hành phận sự

cắt hai miếng bíp tết bên hông trái. Một cảnh tượng vô cùng ngoạn mục, nhưng đã có yêu cầu không nên mô tả lại. Người ta bắt đầu làm bản thống kê để tính xem dân chúng sẽ được hưởng món thịt trong khoảng thời gian bao lâu. Một nhà giải phẫu học xuất chúng đã dự tính, nếu dựa trên sức nặng một trăm cân và trừ bớt bộ đồ lòng và những bộ phận không ăn được, thì mỗi người có thể xơi thịt trong khoảng một trăm bốn mươi ngày theo dung lượng nửa cân thịt mỗi ngày. Dù sao thì đó chỉ là một bài toán hảo huyền. Điều cốt yếu là ai cũng được nhai một miếng bíp tết bự.

Chẳng bao lâu đã có nhiều bà ca tụng sự khám phá của bác Ansaldo. Thí dụ, các bà đã xơi vú mình, thấy chẳng cần phải che đậy bộ ngực nữa, và áo quần của họ chỉ còn lên tới trên mức lỗ rốn tí thôi. Vài bà khác, nhưng không phải là tất cả, đã thôi chuyện trò, vì họ đã nhai nuốt lưỡi. Mà cũng xin thưa rằng, lưỡi là một món ngon đặc biệt, thuộc hàng vương giả. Ngoài phố đã diễn ra những cảnh tượng quá đỗi tuyệt vời, chẳng hạn, có hai bà nọ xa cách nhau lâu ngày, khi gặp nhau lại, thì không thể hôn nhau, vì họ đã dùng môi để lăn bột chiên, sáng tạo một món mới rất thành công. Ông giám đốc nhà lao thì không thể ký tên vào bản án tử hình của một tội nhân vì ông đã gặm sạch các đầu ngón tay, mà những tay sành ăn (ông giám đốc cũng là một người sành ăn) bảo rằng đã cho ra đời cái câu nói rất thông dụng: “Ngon như liếm ngón”

Thỉnh thoảng cũng có vài cuộc phản kháng. Nghiệp đoàn công nhân may áo nịt vú đệ trình một bản kiến nghị và được nghe chính phủ bảo rằng chẳng còn “khẩu hiệu” nào trên thế giới có thể thuyết phục được giới phụ nữ mang xú chiêng. Nhưng chúng chỉ là những cuộc nổi loạn vô hại, không thể biến đổi tình trạng dân chúng tiếp tục đớp thịt của mình.

Một trong những biến cố ngoạn mục nhất ở cái thời điểm rất dễ thương này, là việc thèo miếng thịt cuối cùng trên mình một nghệ sĩ vũ múa quốc gia. Vì tôn trọng nghề nghiệp, anh này để dành các ngón chân quý đẹp tới phút cuối cùng. Hàng xóm nhận thấy vẻ lo âu của anh trong những ngày gần đây. Anh chỉ còn vón vện cái phần nhiều thịt nhất của một ngón chân cái. Anh triệu tập bằng hữu tới nhà để chứng kiến cảnh anh ra tay. Trong sự im lặng đẫm máu, anh thèo cái phần thịt cuối cùng, và không cần đưa qua

đưa lại trên lửa, ném thẳng nó vào cái lỗ nhỏ đã từng là một chiếc miệng xinh. Một nét trang nghiêm bất thần xuất hiện trên khuôn mặt anh.

Nhưng dù sao thì mọi người vẫn tiếp tục sống và đó là điều cốt yếu. Hay là không phải vậy? - Phải chăng vì lý do trên đây mà đôi hài của một vũ công hiện được trưng bày trong một gian phòng của viện bảo tàng Kỷ Vật Danh Tiếng? Người ta chỉ được biết rằng một trong các nhân vật béo bự nhất của thành phố (ông ta cân nặng hai trăm kí) đã tiêu thụ hết cái phần thịt dự trữ khả dụng chỉ trong vòng mười lăm hôm (ông ta rất háo ăn và cơ thể ông ta cần những dung lượng thực phẩm vĩ đại). Từ dạo ấy, ông ta đã biệt tăm biệt tích luôn. Chấn chấn ông ta đã ẩn mặt. Nhưng chẳng riêng ông ta thôi, nhiều người khác cũng hành động y hệt. Vì thế mà một ngày đẹp trời, bà Orfila hỏi đứa con nhỏ - nó đang nhai rạu rạu cái vành tai trái - bà hỏi nó đã cất dấu ở đâu một món gì đó, tôi không biết, mà không có đối đáp. Van nài, đe dọa cũng đều vô hiệu quả. Được mời thỉnh tới nhà, một chuyên viên về các vụ mất tích chỉ tìm thấy một đồng cứt tại cái chỗ mà bà Orfila thề có đất trời chứng giám rằng đứa con của bà đã ở đấy khi bà chuyện trò với nó. Dù sao thì mấy cái tai nạn be bé ấy cũng không phương hại đến sự vui vẻ của thị dân. Bởi họ đâu có lý do gì để mà than phiền khi cuộc sống đã được bảo đảm? Cái vấn đề hệ trọng thuộc về trật tự công cộng do nạn thiếu thịt gây ra đã chẳng được giải quyết một cách rất ổn thoả rồi à? Nếu các người kể trên đã luân phiên biến mất thì cũng chẳng ăn nhập vì tới sự cốt lõi của vấn đề, mà chỉ là một sự xiển dương không gây trở ngại tí nào cả cho sự quyết tâm của dân chúng trong việc tự kiếm lấy cái thức ăn quý báu bằng cách đó. Phải chăng đó là cái giá mà mọi người đều phải trả để có da có thịt trên cơ thể? Thế nhưng tốt hơn nên tránh cái chuyện đê tiện là đặt ra những câu hỏi khiếm nhã như vậy, bởi đây là thực kiện: các công dân ngoan ngoãn ấy đã được nuôi nấng rất ư là tuyệt trần.

***Trong tập Nouveaux contes froids [Cuentos fríos],  
Liliane Hasson dịch, Éditions Métailié, Paris, 1999.***



*Yevgenia Kononenko*

– *Đ*óng cửa lại cho mẹ!

Mẹ chùng chình lay vai nàng, như thường lệ. Không! Bà sẽ không đánh thức ông con trai quý báu của mình.

- Con ra ngay

Nàng lờ mờ đáp. Khi mẹ chùng chình lật xệ bước ra cửa, nàng trườn qua “người quý báu”, mặc váy vào, khoá cửa và không trở lại chiếc giường ấm áp mà ngồi bệt xuống gian bếp, kéo cửa bếp khép lại sau lưng. Kim chỉ giờ chưa lê đến số bảy.

Bên ngoài chưa có dấu hiệu gì của buổi sáng. Những chiếc xe điện trống trơn uể oải bò dọc theo đường ray. Những giọt lệ đêm trên khóe mắt lặng lẽ, chậm chậm chảy xuống đôi gò má nàng. Đức ông chùng chình quý báu và đứa con trai sẽ ngủ tới mười giờ. Rồi mẹ chùng chình sẽ đi chợ về. Chỉ có một vài giờ khắc là của riêng nàng mà thôi.

Mỗi chủ nhật mẹ chùng chình nàng làm một vòng quanh khu chợ Kyiv rộng lớn. Bà sẽ đi từ Lukianivskiy tới Zhytniy, rồi tới Besarabskiy, rồi nếu vẫn còn sớm và còn tiền, bà sẽ đi đến Volodymyrskiy. Đi chợ chủ nhật đối với bà cứ như là một nghi thức tôn giáo vậy. Bà sẽ kể lể về chuyện mua bán của chủ nhật tuần trước cho tới ngày thứ tư ra sao. Rồi bà bắt đầu hình dung xem mình sẽ đi đâu vào chủ nhật tới. Bà không bao giờ mang theo chìa khoá nhà, như thế để nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại rằng bà không đăng ký sống ở đây. Nếu bà không phải là bà chủ nhà thì tại sao bà lại phải mang theo chìa khoá cơ chứ? Cứ để cho bà chủ nhà đích thực đóng cửa cho bà.

Kể từ khi cha mẹ và đứa em trai chuyển sang căn hộ mới, để lại căn hộ có hình thù như chiếc xe điện cho gia đình cô con gái, thì hầu hết thời gian bà mẹ chùng chình sống chung với họ.

- Ít ra mẹ sẽ nói tiếng Ukraine với thằng bé

Người quý báu đã nói như vậy, dù khá là căng để gọi cái thứ ngôn ngữ mà bà mẹ chùng chình nói là tiếng Ukraine. Nhưng thỉnh thoảng bà đón thằng bé

từ vườn trẻ về nhà, và cũng thường hay nấu bữa tối. Bà không thể chịu đựng được cái ý nghĩ trở lại thị trấn quê nhà nơi mà thằng con rể nông dân man rợ của mình đang là thống soái.

- Trời ơi, thiên hạ phát điên hết cả rồi! Trái đất đang quay ngược mà!

Bà già than phiền với mấy người hàng xóm hay hóng hớt trong sân, và họ gật gù ra chiều đồng cảm.

- Có ai đã thấy giống như vậy chưa? Một bà mẹ chồng sống như một người ở thuê ở mướn trong nhà con dâu! Làm sao một gia đình có thể tiếp tục sống theo kiểu này được chứ? Tôi bảo nó: sao cô gọt vỏ khoai tây dày thế? Cô có trồng nó không? Cô có đào nó lên không? Cô có chống mông lên trời mà thu hoạch nó không? Mấy người biết nó trả lời sao không? Nó nói: bây giờ mức độ phóng xạ rất cao; ngay cả trên tivi người ta cũng khuyên mọi người nên gọt vỏ khoai tây dày vào. Nó nói thế đấy. Kính trọng người lớn thế đấy!

Thật tình mà nói thì bà mẹ chồng của cô rất là mãn nguyện. Chỉ có một chi tiết vụn vặt đứng giữa bà và sự hài lòng trọn vẹn - đó là giấy phép cư trú propyska (\*) - con tem nhỏ đó có thể mang lại cho bà quyền lưu trú hợp pháp trong căn hộ và thành phố.

- Mẹ có thể kiếm được một công việc phục vụ ở học viện. Mẹ làm việc nguyên một ngày 24 tiếng đồng hồ cho bốn ngày trong tuần, rồi nghỉ ba ngày. Chắc chắn là có thêm tiền cũng đâu có chết ai, càng tốt chứ sao. Nhưng mẹ không thể xin được việc làm nếu như không có...

Nhưng cô con dâu từ chối thấu hiểu cái “không có” đó. Người có tuổi không cần thiết phải làm việc. Chúng ta đâu có thiếu ăn. Và, luôn tiện, còn căn nhà riêng của mẹ ở tỉnh thì thế nào? Chẳng phải đã đến lúc mẹ về thăm con gái mẹ và chàng rể sao?

Lý lẽ này sẽ khiến cho mẹ chồng ngậm miệng và thôi không bàn đến chủ đề đó trong một quãng thời gian dài. Có lẽ rốt cuộc bà sẽ trở lại thị trấn nhỏ của mình và sống cùng ông con rể nông dân. Điều đó có nghĩa là những ngày chủ nhật sẽ không ở những khu chợ Sinnyi hay Lukianivskiyi mà ở khu chợ làng, nơi mà bà biết rành rẽ từng gương mặt một, nhưng đồ ăn thức uống không được tốt cho lắm và không khí cũng khác.

Và chẳng có gì thay đổi. Xe điện vẫn lăn ầm ầm trên đường ray, căn hộ vẫn rung bần bật trước mỗi tiếng ồn. Tuần lại tuần kéo lê vào những ngày cuối tuần, thứ bảy chủ nhật thậm chí còn tẻ nhạt hơn cả những ngày thường u ám. Sáng chủ nhật nào mẹ chồng cũng đi đến chợ theo nghi lễ, người quý báu thì ngủ mê mết, còn nàng ngồi trong căn bếp, đơn độc, lắng nghe âm thanh ầm ào của xe điện.

Nàng kéo cửa bếp một lần nữa để chắc chắn là nó đã đóng chặt và vắn cátxét. Tiếng rè rè của băng nhạc thời nàng còn con gái vang lên trong bếp. Đó là thời kỳ của cái gọi là tiền Peter. Người quý báu tên là Peter. Nhạc xua tan dư vị buồn ngủ nơi nàng. Thêm nhiều chiếc xe điện hơn đang ngoa du ngoài kia. Nàng nghe thấy tiếng người quý báu trở mình trên giường.

Điều cuối cùng nàng chờ đợi là thấy anh nhào vào bếp quàu quạu rằng giấc ngủ của mình bị gián đoạn. Chuyện này đã xảy ra trước đây. Nàng tắt máy cátxét, liếc về phía cửa, quì xuống và mở tủ bếp. Nàng với ra sau mấy lọ mứt từ năm ngoái và lôi ra một quyển sổ; bắt đầu búng búng vào mấy trang giấy toàn nét chữ của nàng. Một số trang chỉ có hai hay ba dòng, vài trang chỉ một dòng...

Những dòng nước lũ tuôn trào cửa sổ

Trong giá lạnh mù sương thu...

- Trời đất, sao mà vô nghĩa, - nàng trợn mắt lăm bằm. Vài năm trước, khi đang mang thai đứa nhỏ, hứng khởi bởi vẻ đẹp của mưa trên đường trở về nhà, nàng đã ghi nhanh:

Ôi mưa, mưa, mưa!

Tràn lên ta say sưa!

hay

Dưới mưa, ngào ngạt hương say

Dưới mưa, không thể nào trầm mặc

Người chồng quý báu của nàng đã vò nát tờ giấy đó và nhét vào miệng nàng. Dĩ nhiên sau đó anh cầu xin nàng tha thứ và trong ba ngày liền sẽ không để nàng phải tự mang giày. Nhưng cũng thế cả thôi, sau vụ xô xát đó bất cứ khi nào những hình ảnh xoáy vù lên trong tâm trí nàng giống như những con bướm bướm vùng nhiệt đới, và những âm thanh xa vời của làn gió bắt diết rít lên trong tai nàng, thì vị bút mực lại túa trên lưỡi nàng.

Sáng nay làn gió bất diệt không rít. Nàng không hề nghi đó là tiếng khóc hay tiếng cười đâu đó ngoài kia, chỉ là linh hồn nàng không thu nhận những tín hiệu đó. Nàng nhớ lại một buổi tối những tín hiệu đó trở nên quá mãnh liệt ra sao, đến độ nàng không thể kìm được và ghi nhanh chúng xuống mẩu giấy tìm thấy trên bàn điện thoại. Người quý báu nhìn qua vai nàng: “Ồ, chà, mình có t...à...i quá hả!

Kể từ đó nàng hiểu rất rõ thời điểm duy nhất cho làn gió bất diệt là sáng chủ nhật, khi người quý báu đang ngáy, đứa nhỏ đang ngủ và bà mẹ chồng thiếu-giấy-phép đang đi lòng vòng. Khi cha mẹ nàng chuyển sang căn hộ mới, mẹ nàng đã cảnh báo:

- Cứ sống theo cách con muốn, con gái ạ, đừng có bảo trợ propyska cho mẹ chồng con. Ngay khi bà có được thì bà sẽ làm mưa làm gió ở cái nhà này đó.

Nàng nghe theo lời khuyên. Nàng nhớ như in: ngay trong tháng đầu tiên sau ngày cưới, khi cả hai vẫn sống chung với cha mẹ nàng, người quý báu đã bẻ gãy quai một cái tách trong đám đồ sứ trong bếp để đánh dấu nó là của mình. Không ai khác được sử dụng cái tách này. Một lần, không hài lòng với chiếc gối mà cha mẹ nàng đã soạn cho, anh liền tự mang từ làng về một chiếc gối đặc biệt của bà ngoại anh. Nàng nhớ cái đêm anh đã giật nó ra khỏi đầu nàng ra sao.

Nhưng cuộc sống cứ hối hả tiến về phía trước như một chiếc xe buýt tốc hành, không ngừng nghỉ. Mẹ chồng và đứa nhỏ ngủ ở trong phòng ngủ. Nàng và người quý báu ngủ trên một chiếc trường kỷ mở ra được thành giường trong cái gọi là phòng khách. Và đêm đến, bất cứ khi nào người quý báu nhớ ra rằng mình có một người vợ, thì bà mẹ chồng sẽ đi vào nhà tắm.

- Mẹ nghĩ là mẹ đang điếu qua đâu vậy hả? - ông con trai sẽ hét tướng lên và bà mẹ sẽ lầm bầm rằng trong những trường hợp như vậy thì bà và ông chồng quá cố của bà sẽ vào trong kho thóc.

- Sao mẹ có thể ăn nằm với người đã khuất cơ chứ? - cô con dâu sẽ bình luận để cho đức ông chồng tán dương. Anh không thể lơ dểnh đến độ không thấy rằng vợ anh không tôn trọng mẹ anh. Anh chỉ quan tâm đến bản thân anh mà thôi.

Những giọt lệ thu âm đậm đang tuôn xuống cửa sổ, xe điện chạy rầm rầm, bóp nghẹt tín hiệu của làn gió bất diệt.

Nhưng một ngày kia một ngôi sao băng sáng rực cắt ngang qua bầu trời âm đậm. Rybina tổ chức tiệc sinh nhật. Nàng và người quý báu luôn dự những bữa tiệc của Rybina. Người phụ nữ này sống như cách chị ta thích, không phải theo cái cách mà mọi người thường đặt ra. Chị ta bận mấy cái áo len dày cui với quần dài, nhuộm tóc đủ màu, kết hôn và li dị và lại kết hôn hoặc là chỉ chung sống với nhau. Người quý báu thích đi dự tiệc sinh nhật của Rybina để mà sau đó anh có thể chỉ trích lối sống của chị ta từ cảm quan luân lý đạo đức ưu việt của riêng anh.

Thế nhưng năm nay câu lạc bộ Những Người Lái Xe Điện đăng cai tổ chức buổi chiều bộ phim Pan Volodyiovskiy. Chỉ có mỗi một suất xem phim nên họ đồng ý với nhau rằng nàng sẽ tới chỗ Rybina một mình. Nhà Rybina đông nghẹt như thường lệ, và như thường lệ, chín mươi phần trăm khách khứa của chị ta toàn là những người mới quen biết.

- Marcello đang tới kìa - Rybina khoe khoang. Marcello xoay ra, chỉ là một anh chàng trông bình thường với quần jean xanh và áo len. Chí ít ra trông anh ta cũng không giống một ngôi sao màn bạc nổi tiếng. Cái tên bóng bẩy này chắc không phải tên thật của anh ta, có lẽ chỉ là một biến thể từ họ của anh ta chẳng? Tên thật anh ta là gì nhỉ? Nàng chưa bao giờ tìm hiểu.

Họ trò chuyện suốt cả buổi tối. Rybina gỡ mình ra khỏi cái siết chặt của một gã nha sĩ tóc đỏ và chen vào giữa họ một cách thô lỗ. Họ tiếp tục câu chuyện sau lưng chị ta hay qua bộ ngực của chị ta.

Họ cùng rảo bước về nhà. Trời đã tạnh mưa. Anh nhắc nàng băng qua đám sỏi cuội dẫm nước, nhưng anh không xoay trở được và bỏ nàng xuống ngay vũng nước sâu nhất. Bởi nhà anh ngay gần đó nên họ vào trong nhà để hong khô quần áo. Chỉ có mỗi mình họ. Đồ lót của trẻ con và phụ nữ rải rác khắp nơi trong nhà, nhưng sao phải quan trọng chuyện đó chứ? Điều quan trọng là tủ sách chất đầy những tựa nàng yêu thích. Những tựa mà cha mẹ nàng thường mua, những tựa mà nàng hằng mơ ước. Nàng mê mẩn trước một kệ thơ. Anh bước đến sau nàng và thầm thì:

- Em biết không, ngày nọ trong một thư viện, tôi đi ngang qua một bài thơ viết trên tấm thẻ thư mục màu vàng. Nó được dùng như là thẻ đánh dấu sách vậy. Chỉ có ba đoạn thơ. Tôi đem nó về nhà. Thỉnh thoảng tôi vẫn đọc. Tôi để nó đâu rồi nhỉ?

Nàng bắt đầu ngâm nga:

Tình yêu đã ra đi

Như chưa từng ở đó

Nhưng ánh trời chạng vạng đã điểm tô  
những con đường

Nhưng những con đường đã hát

Và duyên trời đã định.

Như thể bị bùa mê, anh khum hai tay vòng qua vai nàng:

Bầu trời cao và xa

Những vì sao tràn tràn mênh mang quá

Làm sao chịu bó hẹp trong khoảng trời

Giới hạn bởi những toà cao tầng nối nhau rất chặt

Anh cố hôn lên đôi môi nàng, nhưng nàng sẽ không để cho anh làm vậy, nên anh hôn lên mắt nàng, lên má, lên đôi tai bé nhỏ. Những vần thơ cho đến bây giờ chỉ sống trên tấm thẻ thư mục, ngân lên nghe sao lạ:

Nhưng những vì sao đã khép mắt trong ánh dương hạnh phúc

Qua dòng tử đinh hương

Qua mù sương tử đinh hương

Và tiếng dương cầm vang vọng

Tình yêu lỗi nhịp

Họ hôn nhau. Và mọi việc khác tiếp theo sau, bởi vì họ là những người đã trưởng thành và họ biết rất rõ phải làm gì và làm như thế nào. Đèn phòng kế bên để sáng. Một ánh đèn đường hắt qua cửa sổ.

Ảo ảnh phút giây này không bao giờ lưu lại

Phải chăng chỉ là một phần của giấc mơ kỳ quặc?

Vẻ đẹp nàng ngây ngất lòng chàng, kết vòng hào quang

- Vĩnh biệt”, ảo ảnh bay đi mất.

Những dòng thơ này đến với nàng trước đây lâu lắm rồi. Chỉ có quyển sổ nhà bếp là lưu lại những kỷ niệm của buổi tối hôm đó. Trời ơi, sao thời gian

bay đi nhanh quá. Mới đó đã ba, không, gần bốn tháng rồi. Anh ấy ra sao? Anh ấy có giống như người quý báu, vội vã về nhà để thưởng thức bữa tối đầy hương vị và rồi thả mình sảng khoái trong ghế trường kỷ? Và liệu chủ nhân của những bộ đồ lót vương vãi khắp nơi anh ở cũng lãnh đạm trườn qua người anh mỗi buổi sáng, đi xuống bếp chuẩn bị bữa sáng cho gia đình? Anh ấy có nhớ về bữa tiệc sinh nhật của Rybina? Anh ấy có nhớ đến nàng? Sao thời gian bay nhanh quá! Những chiếc xe điện đã tắt đèn pha trên mũ xe. Kim chỉ giờ đã trôi qua khắc chín. Mẹ chồng sẽ về nhà ngay thôi.

Tiếng nước chảy trong phòng tắm. Người quý báu hí hửng hít hà. Rồi anh sẽ bắt đầu nghiền cà phê. Họ không có máy xay cà phê bằng điện. Người quý báu nghiền cà phê bằng tay. Anh tự hào rằng anh có thể đóng góp sức mạnh cơ bắp của mình cho công việc nhà. Anh đoán chắc rằng sự đóng góp này là rất vĩ đại. Thăng bé thức giấc. Nàng đến bên nó. Và mẹ chồng trở về.

- Ở chợ Lukianivskiy họ đang bán thịt gà, chín rúp một miếng mà chả thấy thịt đâu cả. Mẹ đã mua thịt gà ở chợ Zhytniy, mười hai rúp một miếng. Chẳng biết cái gì đó bên trong mẹ mách bảo mẹ: “Mua ngay đi!”. Và thế là mẹ đã quyết định đúng: khi mẹ đến chợ Besarabka, họ bán cùng một loại gà như thế mà những mười lăm rúp một miếng cơ đấy. Nhưng mẹ đã mua dưa cải bắp của Đức ở đó. Peter, anh có muốn thử món dưa cải không?

- Mẹ biến đi với cái món dưa cải chết tiệt của mẹ! Mẹ không thấy tôi đang giã cà phê à?

- Mà chết đi với cà phê của mày!

***Ly Hoàng Ly dịch***

*Knut Hamsen*

Ở gần khu cảng của Copenhagen, có một con đường tên là Vestervold, tuy mới nhưng vắng vẻ. Ở đó chỉ có vài ngôi nhà, mấy ngọn đèn hơi đốt và hầu như không người qua lại. Ngay cả lúc này, mùa hè, cũng khó mà thấy ai đi dạo ở đó.

Vậy mà, đêm qua tôi đã gặp một chuyện ngạc nhiên trên con đường ấy.

Tôi đang đi loanh quanh thì có một phụ nữ từ phía ngược đi tới. Quanh đó không bóng người. Ngọn đèn đường có đốt, nhưng vẫn tối, tối đến tôi không nhìn rõ mặt bà ta. Tôi thầm nghĩ, hẳn cũng là loài đi ăn đêm đây, và đi qua bà ta.

Đến cuối đường tôi thả bộ vòng lại. Bấy ấy cũng quay lại và chúng tôi chạm mặt lần nữa. Tôi nghĩ bà ta đang chờ ai đó và bỗng tò mò muốn biết người đó là ai, thế là tôi lại đi qua bà ta.

Khi chạm mặt lần thứ ba, tôi khẽ bỏ mũ và nói:

- Xin chào bà! Chắc bà đang đợi ai?

Bà ta giật mình. Không - tức là, phải - bà ta đang đợi.

- Bà có phiền khi tôi cùng đi dạo với bà cho đến khi người ấy tới không?

Không - ít nhất bà ta cũng không phản đối điều đó, và còn cảm ơn tôi nữa. Thật ra, bà ta giải thích, bà chẳng đợi ai. Bà chỉ muốn hít thở khí trời, mà ở đây thì yên tĩnh.

Chúng tôi đi loanh quanh bên nhau, và bắt đầu nói về đủ thứ chuyện tầm phào. Tôi giơ tay cho bà khoác.

- Không, cảm ơn ông - bà ta nói, và lắc đầu.

Đi dạo kiểu này mãi thì chẳng có gì hứng thú. Tôi không nhìn rõ được bà trong bóng tối, tôi bèn đánh một que diêm để xem đồng hồ. Tôi giữ yên cây diêm và nhìn bà ta.

- Chín rưỡi rồi, - tôi hỏi. - Hay ta ghé vào chỗ nào đó uốn cái gì đi? ở Tivoli nhé? Hay National?

- Nhưng, ông không hiểu là tôi không thể đi đâu được sao?



Và đến bây giờ tôi mới nhận ra bà đeo một tấm mạng đen dài. Tôi vội vàng xin lỗi, và đổ thừa cho bóng tối khiến tôi không được rõ. Và cung cách bà nhận lời xin lỗi của tôi khiến tôi tin rằng bà không thuộc loại gái ăn đêm thường thấy.

- Bà không khoác tay tôi được sao? - Tôi lại đề nghị - nó sẽ làm bà ấm hơn một chút.

Và bà khoác tay tôi.

Chúng tôi lại đi lên đi xuống vài vòng nữa, bà bảo tôi xem giờ.

- Mười giờ rồi, bà ngủ ở đâu vậy?

- Ở Gamle Kongevei.

Tôi dừng bà ta lại:

- Tôi có thể đưa bà về nhà không?

- Không tiện đâu, - bà đáp - Không, tôi không thể để ông... Ông ở Bredgade phải không?

- Sao bà biết vậy? - Tôi ngạc nhiên hỏi.

- Ồ, tôi biết ông là ai mà, - bà ta trả lời.

Ngừng một lát, chúng tôi khoác tay nhau đi về phía những phố sáng đèn. Bà đi nhanh nhen, tấm mạng dài phất phơ đằng sau.

- Ta nên nhanh nhanh một chút, - bà nói.

Đến cửa nhà bà ở Gamle Kongevei, bà quay lại như để cảm ơn tôi đã đưa bà về. Tôi mở cửa cho bà và bà chậm chạp bước. Tôi nhẹ nhàng đẩy vai vào cánh cửa và bước vào theo. Đến bên trong, bà nắm lấy tay tôi. Cả hai đều không nói một lời.

Chúng tôi theo cầu thang vượt hai tầng lầu và dừng lại ở tầng ba. Tự tay bà mở khoá và xô cánh cửa ra, bà nắm lấy tay tôi và dẫn vào. Có lẽ đó là một phòng khách nhỏ, tôi nghe tiếng đồng hồ tíc tắc trên tường. Khép cửa lại, bà ta sững lại một chút rồi đột nhiên giơ tay ôm chầm lấy tôi và run rẩy, mê đắm hôn ngay vào môi tôi. Ngay vào môi tôi.

- Ông ngồi xuống đi, - bà bảo - Có cái trường kỷ đây, để tôi đi thắp đèn.

Và bà ta đốt một ngọn đèn.

Tôi nhìn quanh, bàng hoàng, nhưng lại tò mò. Tôi thấy mình ngồi trong một phòng khách rộng rãi, bài trí sang trọng với những cánh cửa khép hờ

dẫn sang các căn phòng cạnh đó. Cả đời tôi cũng không thể nhận ra mình vừa tình cờ gặp loại người nào đây.

- Phòng đẹp quá! - Tôi kêu lên - bà sống ở đây hả?

- Phải, đây là nhà tôi.

- Nhà của bà à? Bà còn sống với bố mẹ hả?

. Ồ, không, - bà ta cười. - Tôi già rồi, như anh sẽ thấy đây. - Và bà gỡ tấm màn ra.

- Đó... thấy chưa! - Bà ta nói và ôm chầm lấy tôi lần nữa, thật đột ngột, như bị thôi thúc không kìm được.

Bà ta (phải gọi là nàng mới đúng) chỉ mới khoảng hai mươi hai, hai mươi ba, có một cái nhẫn trên tay phải, và do đó hẳn đã có chồng rồi. Xinh đẹp ư? Không hẳn nàng có nhiều tàn nhang, chân mày hầu như không có. Nhưng ở nàng có vẻ gì rất sôi nổi, và đôi môi của nàng đẹp kì lạ.

Tôi muốn hỏi nàng là ai, chồng ở đâu, nếu quả nàng có chồng, và căn nhà nay là của ai, nhưng nàng lao vào ôm lấy tôi mỗi khi tôi mở miệng và ngăn không để tôi hỏi.

- Tên tôi là Ellen, - nàng giải thích - Ông có muốn uống gì không? Bây giờ tôi có rung chuông gọi thì cũng chẳng có ai phiền. Nhưng có lẽ mời ông qua đây, trong phòng ngủ, chờ cho một chút.

Tôi đi vào phòng ngủ. Ánh đèn từ phòng khách soi qua đây phần nào. Tôi thấy hai cái giường. Ellen rung chuông và gọi rượu vang, rồi tôi nghe tiếng người hầu mang rượu vào và đi ra. Một lát sau Ellen đi vào phòng ngủ, nhưng nàng sững lại ngay cửa. Tôi vội bước tới. Nàng khẽ kêu một tiếng nhỏ và bước lại tôi.

Đó là đêm hôm qua.

Rồi chuyện gì xảy ra? A, xin hãy kiên nhẫn! Nhiều chuyện lắm!

Đến mờ sáng hôm nay tôi mới thức dậy, ánh sáng tràn vào qua hai bên tấm màn. Ellen cũng thức giấc và mỉm cười với tôi. Đôi cánh tay của nàng trắng và mượt mà, bộ ngực vươn cao khác thường. Tôi thì thầm với nàng và nàng dùng môi để khép miệng tôi lại, hết sức dịu dàng. Ngày rạng dần.

Hai giờ sau tôi mới đứng dậy được. Ellen cũng đang lo mặc y phục, rồi nàng đi giày vào. Chính lúc đó tôi mới thấy một điều mà đến nay còn làm tôi bàng hoàng như một giấc mộng kinh khủng. Lúc đó tôi đang ở chỗ bồn

rửa mặt, Ellen qua phòng bên cạnh làm việc vặt gì đó, và vì nàng không khép cửa nên tôi liếc nhìn được sang phòng bên. Một luồng gió lạnh thổi vào người tôi qua ô cửa sổ, và giữa căn phòng đó tôi nhìn thấy một xác người nằm dài trên bàn. Một xác chết, trong quan tài, có bộ râu xám, xác đàn ông. Hàu đầu gối xương xẩu nhô lên dưới tấm vải phủ trông như hai nắm đấm, khuôn mặt tái mét, nhợt nhạt một cách kinh khủng. Dưới ánh sáng ban ngày tôi nhìn rõ mọi thứ và tôi quay mặt đi, không nói nên lời.

Khi Ellen trở lại, tôi đã áo quần tươm tất và sẵn sàng ra đi. Tôi chẳng còn tâm trí đâu đáp lại vòng tay ôm của nàng. Nàng khoác thêm tấm áo nữa, có vẻ như muốn đi cùng tôi xuống tới mặt đường, và tôi để nàng đi theo, vẫn chẳng nói một lời. Đến cổng dưới, nàng nép sát vào tường như sợ bị nhìn thấy.

- Thôi, tạm biệt - nàng thì thầm.

- Đến mai nhé? - Tôi hỏi, phần nào vì muốn thử nàng.

- Không, mai không được.

- Tại sao không được?

- Đừng hỏi nhiều thế. Mai tôi phải đi dự đám tang, một người họ hàng vừa chết. Ông biết rồi đó.

- Thế còn ngày kia?

- Được, ngày kia, cũng ở cửa này. Mình sẽ gặp lại. Tạm biệt.

Tôi bước đi.

Nàng là ai? Còn cái xác nữa? Với bàn tay nắm chặt và khóe miệng trĩu xuống như thế... thật trở trêu kinh khủng. Ngày kia nàng sẽ chờ tôi. Liệu tôi có nên gặp lại nàng không?

Tôi đi thẳng tới quán cà phê Bernina và hỏi mượn cuốn danh bạ điện thoại. Tôi tìm xem số nhà đó, đường Gamle Kongevei như thế, như thế... và... cái tên đây rồi. Tôi chờ một lúc tới khi người ta phát hành tờ báo buổi sáng. Tôi vội lật tới trang đăng cáo phó. Và như đã tin chắc tôi tìm thấy tên nàng ở đó, ngay dòng đầu; in chữ đậm “Chồng tôi, năm mươi ba tuổi, đã qua đời hôm nay sau một thời gian lâm bệnh”. Lời cáo phó được ghi ngày hôm trước.

Tôi ngồi một lúc lâu và ngẫm nghĩ.

Một người đàn ông lập gia đình. Bà vợ trẻ hơn ông ta ba mươi tuổi. Ông bị một căn bệnh mãn tính dai dẳng. Một ngày đẹp trời kia ông ta chết. Và người goá phụ trẻ thở ra một hơi dài nhẹ nhõm.